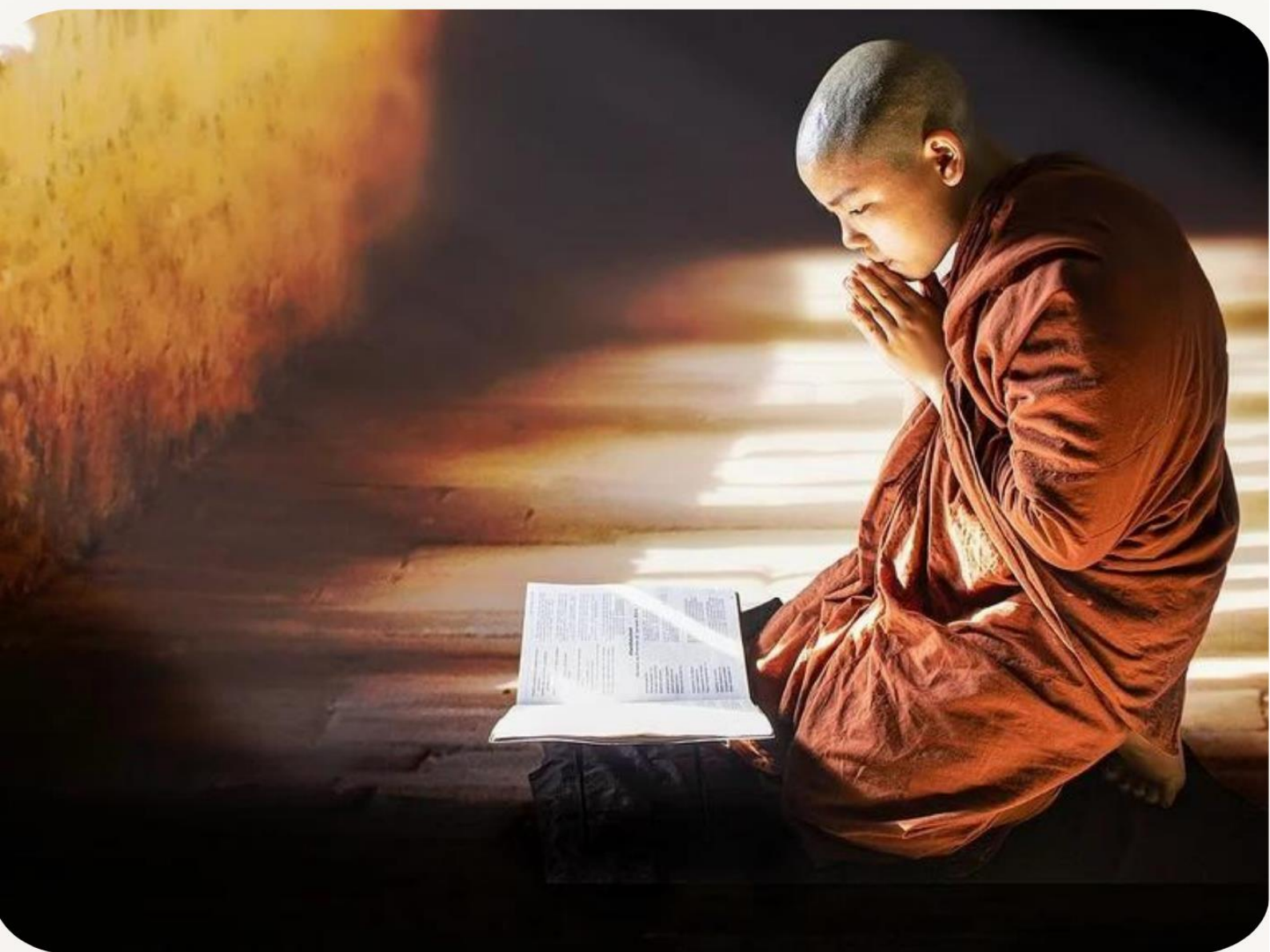


KINH TỤNG HẰNG NGÀY



TUETAM MEDITATION VIHARA
www.tuetam.info

MỤC LỤC

LỜI TỰA.....	1
ANEKAJĀTI PĀḲI - KỆ KHẢI HOÀN.....	2
KỆ KHUYẾN TU... ..	4
PHẦN 1: NGHI THỨC LỄ BÁI TAM BẢO.....	7
LỄ PHẬT.....	7
ĀRĀDHANĀ DEVATĀ - THỈNH CHƯ THIÊN.....	7
KỆ THỈNH CHƯ THIÊN (văn vần).....	8
RATANATTAYAPŪJĀ - DÂNG HƯƠNG.....	9
BUDDHARATANAPAṆĀMA - LỄ BÁI PHẬT BẢO.....	9
TÁN DƯƠNG PHẬT BẢO.....	10
LỄ TAM THỂ PHẬT.....	10
BUDDHA GUṆA - ÂN ĐỨC PHẬT BẢO.....	11
BUDDHA-ATTAPAṬIÑÑĀ - QUY Y PHẬT BẢO.....	11
BUDDHA-KHAMĀPANA - SÁM HỐI PHẬT BẢO.....	11
DHAMMARATANAPAṆĀMA - LỄ BÁI PHÁP BẢO.....	12
LỄ TAM THỂ PHÁP.....	12
DHAMMA GUṆA - ÂN ĐỨC PHÁP BẢO.....	13
DHAMMA-ATTAPAṬIÑÑĀ - QUY Y PHÁP BẢO.....	13
DHAMMAKHAMĀPANA - SÁM HỐI PHÁP BẢO.....	13
SAṄGHARATANAPAṆĀMA - LỄ BÁI TẶNG BẢO.....	14
LỄ TAM THỂ TẶNG.....	14
SAṄGHA GUṆA - ÂN ĐỨC TẶNG BẢO.....	15
SAṄGHA-ATTAPATIÑÑĀ - QUY Y TẶNG BẢO.....	15
SAṄGHAKHAMĀPANA - SÁM HỐI TẶNG BẢO.....	16
SAMBUDDE - LỄ BÁI CHƯ PHẬT.....	16
SÁM HỐI (1).....	18
KỆ TỰ SÁM HỐI (1).....	19
SÁM HỐI VỚI SƯ.....	20

KỆ GIẢI TRỪ OÁN THÙ	23
MAṄGALA CAKKAVĀḬA GĀTHĀ - KỆ ĐIỀM LÀNH VŨ TRỤ.....	24
KARAṆĪYAMETTASUTTĀRAMBHO - BỐ CÁO BÁC-ÁI KINH (KINH TỪ BI)	26
METTA CHANTING - KINH RÀI TÂM TỪ.....	28
MANGALASUTTAM - KINH HẠNH PHÚC.....	33
TÁM ĐIỀU CỦA BẬC CAO THƯỢNG.....	38
KỆ ĐỘNG TÂM	42
THẬP NGUYỆN.....	52
KINH HỒI HƯỚNG (vấn tắt)	53
TỪ BI NGUYỆN	53
KỆ TỈNH THỨC.....	54
DASAPĀRAMĪ - KINH ĐÁO BỈ NGẠN	55
CHÚC PHÚC.....	59
KỆ CỦA ĐẠI ĐỨC SARIPUTTA	60
LỜI NGUYỆN CẦU	62
NĂM PHÁP QUÁN - PAÑCA ABHIṆHAPACCAVEKKHAṆA	63
NĂM ĐIỀU QUÁN TƯỚNG - ABHIṆHAPACCAVEKKHAPĀTHO	63
KINH QUÁN NIỆM	65
KINH HỒI HƯỚNG CHƯ THIÊN	67
KINH VÔ ÚY	68
SACCAPĀNAVIDHYĀNURŪPAGĀTHĀ - KỆ TỤNG VỪA THEO LỄ PHẢI	69
DEVATODDISSADAKKHIṆĀNUMODANAGĀTHĀ - KỆ TỤNG ĐỂ HỒI HƯỚNG QUẢ BỐ THÍ ĐẾN CHƯ THIÊN	71
KINH CHÚC NGUYỆN	72
PHẦN 2: NHỮNG BÀI KINH THƯỜNG TỤNG	73
KINH HUÂN TẬP CÔNG ĐỨC	73
QUÁN TƯỚNG TỨ VẬT DỤNG	76
 QUÁN TƯỚNG YẾU TỐ CỦA TỨ VẬT DỤNG.....	76
 QUÁN TƯỚNG SỰ ĐÁNG CHÁN CỦA TỨ VẬT DỤNG.....	77
 QUÁN TƯỚNG KHI ĐANG THỌ DỤNG TỨ SỰ.....	78
 QUÁN TƯỚNG LẠI TỨ SỰ (ĐÃ DỪNG TRONG NGÀY).....	79

RATANASUTTA - KINH CHÂU BÁU	81
SATIPAṬṬHĀNASUTTA - KINH TỨ NIỆM XỨ	88
[QUÁN THÂN- NIỆM HƠI THỜ].....	88
[QUÁN THÂN- ĐẠI OAI NGHI].....	90
[QUÁN THÂN- TIỂU OAI NGHI]	90
[QUÁN THÂN - QUÁN THỂ TRƯỚC]	91
[QUÁN THÂN - QUÁN TỨ ĐẠI].....	91
[QUÁN THÂN - QUÁN TỬ THI]	92
[QUÁN THÂN - QUÁN TỬ THI BỊ HỦY THỂ]	92
[QUÁN THÂN - QUÁN HÀI CỐT]	93
[QUÁN THÂN - QUÁN HÀI CỐT MỤC RÃ].....	93
[QUÁN THỌ].....	94
[QUÁN TÂM]	95
[QUÁN PHÁP - QUÁN NĂM PHÁP NGĂN NGẠI]	97
[QUÁN PHÁP - QUÁN NĂM THỦ UẨN]	99
[QUÁN PHÁP - QUÁN SÁU XỨ]	100
[QUÁN PHÁP - QUÁN BẢY GIÁC CHI]	101
[QUÁN PHÁP - QUÁN BỐN THÁNH ĐẾ]	102
[QUẢ CHỨNG]	102
NIỆM CHẾT - Trích lục kinh điển.....	121
KỆ TỤNG BA PHÁP ẤN	134
MORA SUTTA - KINH KHỔNG TƯỚC (BẢO HỘ)	148
KHANDHA SUTTA - KINH NGŨ UẨN	149
BODHIPAKKHIYADHAMMA SUTTA - KINH BỒ ĐỀ PHẦN.....	152
JAYAPARITTA - KINH THẮNG HẠNH.....	157
DHAMMACAKKAPPAVATTANA SUTTA – KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN	158
ANATTALAKKHAṆASUTTA - KINH TỤNG VỀ TƯỚNG VÔ-NGÃ.....	166
PAṬICCASAMUPPĀDA - KINH DUYÊN SINH.....	177
KINH SUY NIỆM VỀ NGHIỆP	179
DHAMMASAṄGINĪ - KINH VẠN PHÁP TỔNG TRÌ	182
Dẫn nhập	182
Chánh kinh.....	182
KINH “GÍ-RÍ-MA-NAN-ĐÁ” TỤNG CHO BỆNH NHÂN.....	188

ANUMODANĀRAMBHAGĀTHĀ - KỆ BỐ CÁO (CHO THÍ CHỦ) HOAN HỖ..	198
SĀMAÑÑĀNUMODANAGĀTHĀ - KỆ HOAN HỖ TƯƠNG HỢP	199
BHOJANADĀNĀNUMODANAGĀTHĀ - KỆ HOAN HỖ VỀ SỰ THÍ THỰC.....	200
JĪVABHATTĀNUMODANĀGĀTHĀ - KỆ HOAN HỖ THÍ THỰC HỘ MẠNG ...	201
PUBBAPETABALIDĀNĀNUMODANAGĀTHĀ - KỆ HOAN HỖ THÍ THỰC HỒI HƯỚNG CHO BẬC TIỀN NHÂN.....	202
DEVATĀBHSAMMANTANAGĀTHĀ - KỆ CẦU THỈNH CHƯ THIÊN ĐẾN HỘ TRÌ THÍ CHỦ.....	203
TIROKUDĀKANDĀGĀTHĀ - KỆ HỒI HƯỚNG QUẢ BÁO ĐẾN NGẠ QUI, NHỨT LÀ NGẠ QUI NGỰ NGOÀI VÁCH NHÀ.....	205
YĀNADĀNĀNUMODANAGĀTHĀ - KỆ TỤNG VỀ SỰ HOAN HỖ THEO VẬT THÍ	209
KĀLADĀNAPPAKĀSANAGĀTHĀ- KỆ BỐ CÁO THỜI BỐ THÍ	210
VIHĀRADĀNASUTTAGĀTHĀ - KỆ TỤNG VỀ SỰ THÍ TỊNH XÁ.....	212
SAṄGAHAVATTHUGĀTHĀ - KỆ TỤNG VỀ PHÁP TẾ ĐỘ	213
KINH TỤNG TRONG ĐÁM CÚNG VONG NHÂN	214
PAKIṆṆAKAPARITTA - (Kinh Tụng Sau Cùng Các Kinh Cầu An) - ABHAYAPARITTAGĀTHĀ.....	220
BHĀSITOVĀDASAṆKHEPA- LỜI CHỈ GIÁO TÓM TẮT.....	222
KINH TỤNG RẢI TÂM BÁC ÁI ĐẾN TẤT CẢ CÁC HƯỚNG	229
ĀDITTAPARIYĀYASUTTA - KINH GIẢI VỀ LỬA (PHIÊN NÃO).....	231
PAṬICCASAMUPPĀDA - THẬP NHỊ DUYÊN KHỞI	241
KINH HỒI HƯỚNG VONG LINH	243
CÁCH BÁO HIẾU PHỤ MẪU CỦA BẬC THÁNH TỐI THƯỢNG THANH VĂN - NGÀI SĀRIPUTTA (XÁ LỢI PHẤT).....	246
KỆ NHIỀU PHẬT ĐẠI LỄ TẶNG Y	250
KỆ THỈNH PHÁP SƯ (1)	251
KỆ THỈNH PHÁP SƯ (2)	253
KỆ THỈNH PHÁP SƯ (3)	253
KỆ THỈNH PHÁP SƯ (4)	254
KỆ TRI ÂN PHÁP SƯ SAU KHI NGHE PHÁP (1).....	254
KỆ TRI ÂN PHÁP SƯ SAU KHI NGHE PHÁP (2).....	256
KỆ TRI ÂN PHÁP SƯ SAU KHI NGHE PHÁP (3).....	257

KÊ TỤNG TRƯỚC KHI ĂN (1)	258
THỰC HÀNH NĂM QUÁN TRƯỚC KHI ĂN	258
KÊ TỤNG TRƯỚC KHI ĂN (2)	259
HỒI HƯỚNG SAU BỮA ĂN (1)	265
KÊ HỒI HƯỚNG SAU KHI ĂN	266
PHẦN 3: NHỮNG BÀI KÊ XIN CÚNG DƯỜNG TRAI TẶNG, VẬT DỤNG	268
KÊ CÚNG DƯỜNG VẬT DỤNG	268
DÂNG CÚNG Y TẮM MƯA ĐẾN CHƯ TẶNG	268
DÂNG CÚNG THỰC PHẨM ĐẾN CHƯ TẶNG	268
DÂNG CÚNG THỰC PHẨM, ĐẾN MỘT VỊ THẦY TỖ KHƯU	269
DÂNG CÚNG GẠO ĐẾN CHƯ TẶNG	269
CÁC THỨ TRÁI CÂY ĐẾN CHƯ TẶNG	270
DÂNG CÚNG TỊNH XÁ (CHÙA)	270
DÂNG CÚNG NHÀ MÁT, TRƯỜNG HỌC ĐẠO	271
DÂNG CÚNG "TÀI SẢN ĐẾN TẶNG"	271
DÂNG CÚNG MẬT ONG	272
DÂNG CÚNG DẦU	272
DÂNG CÚNG NƯỚC MÍA	273
DÂNG CÚNG NƯỚC THỐT NỐT	273
DÂNG CÚNG THUỐC CHỮA BỆNH	274
PHÉP TRUYỀN GIỚI SA-DI	275
LỄ QUY Y TAM BẢO VÀ THỌ 5 GIỚI, 8 GIỚI,	286
9 GIỚI	286
THỌ 5 GIỚI	292
THỌ 8 GIỚI	294
THỌ 9 GIỚI - 9 PRECEPTS	298

LỜI TỰA

Để đáp ứng mục đích tu học tại đạo tràng Tuệ Tâm, chúng tôi xin được đúc kết cuốn kinh tụng này. Đa phần các bài kinh được trích từ sách kinh tụng Nam Tông Pali-Việt và Kinh Hộ Trì Pali-Việt.

Nếu có sai sót gì xin chân thành mong các quý đồng tu chỉ bảo để hoàn thiện hơn.

**Tuệ Tâm Thiên Thư Quán
Lưu hành nội bộ**

ANEKAJĀTI PĀḲI - KỆ KHẢI HOÀN

**Namo ṭassa bhagavato arahato
sammāsambuddhassa. (3)**

**Đảnh lễ Đức Thế Tôn, Bạc A La Hán, Đấng
Chánh đẳng Giác (3)**

Này kẻ đã làm nên ngôi nhà "THÂN"

Ta đã cố tìm người mà không gặp

Nên tử sanh luân hồi vô số kiếp

Mãi sanh lai trong tam giới là khổ.

Này "THAM ÁI" kẻ đã xây nhà kia!

diện mạo người Như Lai thấy rõ rồi,

cột kèo "PHIÊN NÃO" ta hủy sạch,

nóc nhà "VÔ MINH" ta phá tan,

Người không thể xây nhà thêm được nữa,

Tâm Như Lai đã chứng pháp "VÔ VI".

Diệt vong hết thảy mọi tham ái.

Do cái này có, cái kia hiện hữu.

Do cái này sanh, cái kia sanh.

Tức là - duyên vô minh, có các hành; duyên các hành, có thức; duyên thức, có danh sắc; duyên danh sắc, có sáu xứ; duyên sáu xứ, có xúc; duyên xúc, có thọ; duyên thọ, có ái; duyên ái, có thủ; duyên thủ, có hữu; duyên hữu, có sanh; duyên sanh, có già, chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là sự tập khởi của khổ uẩn này.

Thật sự, khi các pháp, Có mặt, hiện khởi lên, Đối với vị Bà-la-môn, Nhiệt tâm hành thiên định,

Khi ấy, với vị ấy, Các nghi hoặc tiêu trừ, Vì quản tri hoàn toàn, Pháp cùng với các nhân. Do cái này không có, Cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt.

Tức là - do vô minh diệt nên hành diệt; do hành diệt, nên thức diệt; do thức diệt, nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt, do xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt, nên ái diệt; do ái diệt, nên thủ diệt; do thủ diệt, nên hữu diệt; do hữu diệt, nên sanh diệt; do sanh diệt, nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não diệt. Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này.

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa. (3)

Anekajātiśamsāraṃ, sandhāvissaṃ anibbisaṃ;

gahakāraṃ gavesanto, dukkhā jāti punappunaṃ.

gahakāraka diṭṭhosi, puna gehaṃ na kāhasi;

sabbā te phāsukā bhaggā, gahakūṭaṃ visaṅkhatam;

visaṅkhāragataṃ cittaṃ, taṇhānaṃ khayamajjhagā

Iti imasmim̐ sati idaṃ hoti, imassuppādā idaṃ uppajjati,

yadidaṃ– avijjāpaccayā saṅkhārā, saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ,

viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ, nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ,

saḷāyatanaṃ phasso, phassapaccayā vedanā,

vedanāpaccayā

taṇhā, taṇhāpaccayā upādānaṃ, upādānapaccayā bhavo,

bhavapaccayā jāti, jātipaccayā jarāmaraṇaṃ

*sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti.
Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.
Yadā have pātubhavanti dhammā;
ātāpino jhāyato brāhmaṇassa;
athassa kaṅkhā vapayanti sabbā;
yato pajānāti sahetudhammaṃ.
Iti imasmim̐ asati idaṃ na hoti, imassa nirodhā idaṃ
nirujjhati, yadidaṃ– avijjānirodhā saṅkhāranirodho,
saṅkhāranirodhā viññāṇanirodho, viññāṇanirodhā
nāmarūpanirodho, nāmarūpanirodhā saḷāyatananirodho,
saḷāyatananirodhā phassanirodho,
phassanirodhā vedanānirodho, vedanānirodhā taṇhānirodho,
taṇhānirodhā upādānanirodho, upādānanirodhā
bhavanirodho, bhavanirodhā jātinirodho, jātinirodhā
jarāmarañam̐ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā
nirujjhanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho
hoti.*

KỆ KHUYẾN TU...

**Việc trần thế, khuyên ai phải ngẫm
Danh mà chi, lợi lắm mà chi
Bả công danh, bọ nước ra gì
Mùi phú quý, vàng mây tan hợp**

**Sang cho mấy cũng rồi một kiếp
Giàu đến đâu chỉ hưởng một đời
Lẽ tử sanh đeo đuổi kiếp người
Thân tứ đại lấy đâu làm chắc**

**Kìa! Sanh tử thấy liền trước mắt
Chốn mộ phần lắm kẻ thanh xuân
Tấm thân này vốn chỉ giả thân
Nay còn đó mai chưa chắc được**

**Phần nổi bệnh, nổi già thúc phược
Sống trên đời, sống được bao lâu?
Mới tóc xanh kẻ đã bạc đầu
Rồi lại đến gò hoang một nấm**

**Ôi! Hơi thở - khí nhân duyên mượn tạm
Một sớm vô thường trả lại thôi
Muôn việc đều nương mây tấc hơi
Hơi vừa dứt, việc đời cũng dứt**

**Nào sự nghiệp, nhân thân, tài vật
Nhắm mắt rồi lại nắm tay không
Sanh giả, không, hê! tử giả, không
Đất, nước, lửa - có đâu tồn tại?!**

**Rồi tử sanh, luân hồi mãi mãi
Nổi trôi theo bể khổ trầm luân
Ngẫm ngán thay định luật Vô Thường
Khuyên nhân thế tâm đường giải thoát**

**Nếu chí nguyện thanh cao mong đạt
Cần nương theo Giáo Pháp Phật Đà (Buddha)**

**Dốc một lòng tự giác, tự tha
Hành Bát Chánh hướng về Đạo Quả**

**Kíp thức tỉnh, mê đồ buông xả
Thôi đắm say huyễn hoá hồng trần
Ly não phiền, Phật cảnh cao đấng
Thành chánh quả vô sanh bất diệt.**

**(Trích trong cuốn "tuyển tập Kinh tụng Nam
Tông)**



PHẦN 1: NGHI THỨC LỄ BÁI TAM BẢO

LỄ PHẬT

Cúi đầu đánh lễ đấng từ tôn

Bậc chánh biến tri đấng cúng dường

Con nguyện thân tâm thường thanh tịnh

Làm lành lánh dữ lợi quần sanh. (3 lần)

ĀRĀDHANĀ DEVATĀ - THỈNH CHƯ THIÊN

Xin thỉnh Chư Thiên ngự trên cõi trời Dục giới cùng Sắc giới; Chư Thiên ngự trên đỉnh núi, núi không liền, hoặc nơi hư không; ngự nơi cồn bãi, đất liền; hoặc các châu quận; ngự trên cây cối rừng rậm hoặc ruộng vườn; Chư Dạ Xoa, Càn Thát Bà, cùng Long Vương dưới nước trên bờ, hoặc nơi không bằng phẳng gần đây, xin thỉnh hội họp lại đây. Lời nào là kim ngôn cao thượng của Đức Thích Ca Mâu Ni mà chúng con tụng đây, xin các bậc Hiền Triết nên nghe lời ấy.

Xin các ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo. Xin các ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo. Xin các ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo.

ĀRĀDHANĀ DEVATĀ

*Sagge kāme ca rūpe giri-sikhara-taṭe c'antalikkhe vimāne
Dīpe raṭṭhe ca gāme taru-vana-gahaṇe gehavatthumhi khette
Bhummā c'āyantu Devā jala-thala-visame YakkhaGandhabba-
Nāgā. Tiṭṭhantā santike yaṃ Muni-vara-vacanaṃ sādhave me
suṇantu.*

*Dhamma-ssavana kālo ayaṃ bhadantā. Dhamma-ssavana kālo
ayaṃ bhadantā. Dhamma-ssavana kālo ayaṃ bhadantā.*

KỆ THỈNH CHƯ THIÊN (văn vần)

**Đạo tràng thanh tịnh bồ đề
Mười phương thiên chúng hội về nghe kinh
Pháp mâu diệt tận vô minh
Pháp mâu cứu khổ sinh linh vạn loài
Từ dục giới vân đài sáu cõi
Đến thiên cung sắc giới hữu hình
Duyên xưa đã tạo nghiệp lành
Kết thành phúc quả thiện sanh đến giờ
Ngự khắp chốn bến bờ đồng ruộng
Hoặc hư không châu quận thị phường
Non xanh rừng rậm đất bằng
Hoặc nơi quán cảnh xóm làng gần xa
Xin đồng thỉnh dạ xoa chư chúng
Càn thát bà long chủng nơi nơi
Miếu đền thành quách lâu đời
Sông hồ hoang đảo biển khơi trùng trùng**

**Pháp vi diệu nghìn thân nan ngộ
Phước nhân thiên muôn thưở khó cầu
Ngày tàn tháng lụn qua mau
Đắm say trần cảnh vùi đầu tử sinh
Đây là giờ chuyển kinh vô thượng
Đây là giờ đọc tụng pháp âm
Lời vàng lý nghĩa cao thâm
Xin chớ hiền giả lãng tâm thọ trì (Lạy)**

RATANATTAYAPŪJĀ - DÂNG HƯƠNG

**Con xin dâng các lễ vật này, nhất là tâm thành
để cúng Phật, Pháp, Tăng, Tam bảo, ngưỡng cầu
cho các bậc ân nhân, nhất là cha mẹ con và con
đều được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự bình an lâu
dài. (Lạy)**

*Imehi dīpadhūpādisakkārehi Buddhamaṃ Dhammaṃ Saṅghaṃ
abhipūjayāmi mātāpitādīnaṃ guṇavantānañca mayhañca
dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya.*

BUDDHARATANAPAṆĀMA - LỄ BÁI PHẬT BẢO

**Con xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhagavā
đó. Ngài là bậc Arahamaṃ cao thượng, được chứng
quả Chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ, không thầy
chỉ dạy. (Đọc 3 lần, lạy 1 lạy)**

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

TÁN DƯƠNG PHẬT BẢO

**Đức Phật tham thiên về số tức quan, ngồi trên
bồ đoàn, dưới bóng cây Bồ đề quý báu và đắc
thắng toàn bọn Ma vương mà thành bậc Chánh
đẳng Chánh giác. Ngài là bậc tối thượng hơn cả
chúng sanh, con xin hết lòng thành kính mà làm
lễ Ngài. (Lạy)**

*Yo sannisinno varabodhimūle māraṃ sasenāṃ mahatiṃ vijeyyo
sambodhimāgacchi anantañāno lokuttamotaṃ panamāmi
buddhaṃ.*

LỄ TAM THỂ PHẬT

**Chư Phật đã thành Chánh Giác trong kiếp quá
khứ.**

**Chư Phật sẽ thành Chánh Giác trong kiếp vị lai.
Chư Phật đang thành Chánh Giác trong kiếp
hiện tại này.**

**Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ Chư
Phật trong tam thế ấy.**

Ye ca Buddhā atītā ca.

Ye ca Buddhā anāgatā

Paccuppannā ca ye Buddhā.

Ahaṃ vandāmi sabbadā.

BUDDHA GUṆA - ÂN ĐỨC PHẬT BẢO

Đây là Đức Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, PHẬT, THẾ TÔN.

Iti'pi so Bhagavā: Arahaṃ, Sammā Sambuddho, Vijjā-Caraṇa - Sampañño, Sugato, Lokavidū, Anuttaro, Purisa-dhamma-sārathi, Satthā-devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā'ti.

BUDDHA-ATTAPAṬIÑÑĀ - QUY Y PHẬT BẢO

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo. Chỉ có Đức Phật là quý báu. Nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo. Đặng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời chơn thật này.

*N'atthi me saraṇaṃ aññaṃ Buddho me saraṇaṃ varaṃ
Etena sacca-vajjena. Hotu me jaya-maṅgalaṃ.*

BUDDHA-KHAMĀPANA - SÁM HỐI PHẬT BẢO

Con đem hết lòng thành kính cúi đầu làm lễ vi trần dưới chân Đức Phật. Là Đấng Chí Tôn Chí Thánh. Các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Phật Bảo. Cúi xin Phật Bảo xá tội lỗi ấy cho con.

*Uttam'aṅgena vande'haṃ. Pāda-paṃsum var'uttamaṃ
Buddhe yo khalito doso. Buddho khamatu taṃ mamaṃ.*

DHAMMARATANAPAṄĀMA - LỄ BÁI PHÁP BẢO

Các Pháp đúng theo đạo Bát Chánh, là con đường đi của bậc Thánh Nhân, là con đường chánh, dẫn người hữu trí nhập Niết-bàn được. Pháp Bảo là Pháp trừ diệt các sự lao khổ và các điều phiền não, là Pháp chỉ dẫn chúng sanh thoát khỏi cái khổ sanh tử luân hồi, con đem hết lòng thành kính mà làm lễ Pháp ấy.

*Aṭṭh'aṅgik'āriya-patho janānaṃ
Mokkha-ppavesāya ujū ca maggo
Dhammo ayaṃ santi-karo paṇīto
Nīyāniko taṃ paṇamāmi Dhammaṃ.*

LỄ TAM THỂ PHÁP

Các Pháp của Chư Phật đã có trong kiếp quá khứ.

Các Pháp của Chư Phật sẽ có trong kiếp vị lai.

Các Pháp của Chư Phật đang giáo truyền trong kiếp hiện tại này.

Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ các Pháp trong tam thế ấy.

*Ye ca Dhammā atītā ca
Ye ca Dhammā anāgatā
Paccuppannā ca ye Dhammā
Ahaṃ vandāmi sabbadā.*

DHAMMA GUṆA - ÂN ĐỨC PHÁP BẢO

Thế Tôn khéo giảng, thiết thực hiện tiên, vượt quá thời gian, hãy đến mà nghe, hưởng thượng Niết Bàn, người có trí tuệ, tự mình liễu tri.

Svākkhāto Bhagavatā Dhammo Sandiṭṭhiko Akāliko Ehi-passiko Opanayiko Paccattam Veditabbo Viññūhī ti.

DHAMMA-ATTAPAṬIÑÑĀ - QUY Y PHÁP BẢO

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo. Chỉ có Pháp Bảo là quý báu. Nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo. Đặt cầu sự an lạc đến cho con, y như lời chơn thật này.

N’atthi me saraṇam aññaṃ. Dhammo me saraṇam varaṃ Etena sacca-vajjena. Hotu me jaya-maṅgalaṃ.

DHAMMAKHAMĀPANA - SÁM HỐI PHÁP BẢO

Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai hạng Pháp Bảo là Pháp Học và Pháp Hành. Các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Pháp Bảo. Cúi xin Pháp Bảo xá tội lỗi ấy cho con.

Uttam’āṅgena vand’ehaṃ. Dhammañca du-vidhaṃ varaṃ Dhamme yo khalito doso. Dhammo khamatu taṃ mamaṃ.

SAṄGHARATANAPAṄĀMA - LỄ BÁI TẶNG BẢO

Chư Thánh Tăng đã được trong sạch quý báu là bậc đáng cho người dâng lễ cúng dường, vì lục căn của các Ngài đã thanh tịnh, lòng tham muốn đã dứt trừ, là Tăng đã thoát ly trần tục, con xin hết lòng thành kính mà làm lễ Chư Thánh Tăng ấy.

Saṅgho visuddho vara-dakkhineyyo. Sant'indriyo sabba malappahīno

Guṇehi nekehi samiddhi-patto. Anāsavo taṃ paṇamāmi Saṅghaṃ.

LỄ TAM THỂ TẶNG

Chư Tăng đã đắc Đạo cùng Quả trong kiếp quá khứ.

**Chư Tăng sẽ đắc Đạo cùng Quả trong kiếp vị lai.
Chư Tăng đang đắc Đạo cùng Quả trong kiếp hiện tại này,**

Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ Chư Thánh Tăng trong tam thế ấy.

Ye ca Saṅghā atītā ca

Ye ca Saṅghā anāgatā

Paccuppannā ca ye Saṅghā

Ahaṃ vandāmi sabbadā.

SAṄGHA GUṄA - ÂN ĐỨC TĂNG BẢO

Chư Thanh văn đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc thiện hạnh. Chư Thanh văn đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc trực hạnh. Chư Thanh văn đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc ứng lý hạnh. Chư Thanh văn đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc hòa kính hạnh.

Nghĩa là 4 đôi: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Tức 8 chúng: Tu-đà-hoàn đạo, Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm đạo, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm đạo, A-na-hàm quả, A-la-hán đạo, A-la-hán quả. Chư Thanh văn đó là bậc đáng kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chấp tay lễ bái, bậc vô thượng phước điền của thế gian.

Su-paṭipanno Bhagavato Sāvakaṅgho. Uju-paṭipanno Bhagavato Sāvakaṅgho. Nāya-paṭipanno Bhagavato Sāvakaṅgho. Sāmīci-paṭipanno Bhagavato Sāvakaṅgho. Yad'idam cattāri purisa-yugāni. Attha purisa-puggalā. Esa Bhagavato Sāvakaṅgho: Āhuṇeyyo, Pāhuṇeyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjali-karaṇīyo, Anuttaram puñṇakkhettaṃ lokassā'ti.

SAṄGHA-ATTAPATIÑÑĀ - QUY Y TĂNG BẢO

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ có Đức Tăng là quý báu nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo, đặt câu sự an lạc đến cho con, y như lời chơn thật này.

N'atthi me saraṇaṃ aññaṃ. Saṅgho me saraṇaṃ varam Etena sacca-vajjena. Hotu me jaya-maṅgalaṃ.

SAṄGHAKHAMĀPANA - SÁM HỒI TĂNG BẢO

Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai bậc Tăng Bảo là Phạm Tăng và Thánh Tăng, các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Tăng Bảo, cúi xin Tăng Bảo xá tội lỗi ấy cho con.

Uttam'aṅgena vande'ham. Saṅghañ ca duvidh'ottamaṃ, Saṅghe yo khalito doso. Saṅgho khamatu taṃ mamaṃ.

SAMBUDDHE - LỄ BÁI CHƯ PHẬT

- 1- Con đem hết lòng thành kính, làm lễ 28 vị Chánh biến tri, 12 ngàn vị Chánh biến tri và 500 ngàn vị Chánh biến tri. Con đem hết lòng thành kính, làm lễ Pháp bảo và Tăng bảo của các vị Chánh biến tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực các bậc Chánh biến tri mà những điều rủi ro và sự tai hại thảy đều diệt tận.(Lạy)**
- 2- Con đem hết lòng thành kính làm lễ 55 vị Chánh biến tri, 24 ngàn vị Chánh biến tri và 1 triệu vị Chánh biến tri. Con đem hết lòng thành kính làm lễ Pháp bảo và Tăng bảo của các vị Chánh biến tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực các bậc Chánh biến**

tri mà những điều rủi ro và sự tai hại thảy đều diệt tận.(Lạy)

3- Con đem hết lòng thành kính làm lễ 109 vị Chánh biến tri, 48 ngàn vị Chánh biến tri và 2 triệu vị Chánh biến tri. Con đem hết lòng thành kính làm lễ Pháp bảo và Tăng bảo của các vị Chánh biến tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực của bậc Chánh biến tri mà những điều rủi ro và sự tai hại thảy đều diệt tận.(Lạy)

- 1- Sambuddhe aṭṭhavīsāṅ ca, dvādasāṅ ca saḥassake, pañcasatasahassāni, namāmi sirasā ahaṃ. Tesam dhammañca saṅghañca, ādarena namāmihaṃ, namakārānubhāvena, hantvā sabbe upaddave, anekā antarāyāpi, vinassantu asesato.*
- 2- Sambuddhe pañca paññāsaṅ ca, catuvīsa tisahassake, dasasatasahassāni, namāmi sirasā ahaṃ . Tesam dhammañca saṅghañca, ādarena namāmihaṃ, namakārānubhāvena, hantvā sabbe upaddave, anekā antarāyā pi, vinassantu asesato.*
- 3- Sambuddhe navuttarasate, aṭṭhacattālī-sasahassake, vīsatisatasahassāni, namāmi sirasā ahaṃ . Tesam dhammañca saṅghañca, ādarena namāmihaṃ, namakārānubhāvena, hantvā sabbe upaddave, anekā antarāyā pi vinassantu asesato.*

SÁM HỐI (1)

- **Con xin hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ vi trần dưới chân Đức Phật là Đấng chí Tôn chí Thánh, các tội lỗi mà con đã vô ý, phạm đến Phật bảo, cúi xin Phật bảo xá tội lỗi ấy cho con.**
- **Con xin hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai hàng Pháp bảo là Pháp học và Pháp hành, các tội lỗi mà con đã vô ý, phạm đến Pháp bảo cúi xin Pháp bảo xá tội lỗi ấy cho con.**
- **Con xin hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai bậc Tăng bảo là Phạm Tăng và Thánh Tăng, các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Tăng bảo, cúi xin Tăng bảo xá tội lỗi ấy cho con. (Lạy)**

SÁM HỐI (2)

**Con đã gây ra bao lầm lỗi
Khi nói, khi làm, khi tư duy
Đam mê, hờn giận và ngu si
Nay con cúi đầu xin sám hối
Một lòng con cầu Phật chứng tri
Bắt đầu hôm nay nguyên làm mới
Nguyên sống đêm ngày trong chánh niệm
Nguyên không lập lại lỗi lầm xưa.
Nam mô Bồ Tát Cầu Sám Hối.(ba lần)**

KỆ TỰ SÁM HỐI (1)

***Từ xưa đã tạo nhiều nghiệp ác
Đều do ba độc tham, sân si
Từ thân khẩu ý mà gây nên
Tất cả nay con đều sám hối.***

- + Vì lầm lạc và không minh mẫn nên con đã có hành động, lời nói, ý nghĩ sai lầm, làm thiệt hại và gây ra đau khổ cho người khác. Xin tất cả hãy mở rộng lòng từ bi và trí tuệ tha thứ cho con.**
- + Con xin thành thật tha thứ cho tất cả những ai đã có hành động, lời nói, và ý nghĩ sai lầm, làm thiệt hại và gây ra đau khổ cho con.**
- + Con xin thành thật tha thứ cho chính con, và nguyện từ nay làm lành, lánh dữ, giữ tâm trong sạch . (Lạy)**

KỆ TỰ SÁM HỐI (2)

- + Xin sám hối cùng tất cả các loài chúng sinh.**
 - + Vì vô minh nên còn sinh tử trong 6 cõi, dù tốt dù xấu**
 - + Vì vô tình hay hữu ý, gián hay trực tiếp, gây oan trái hay bị gây oan trái**
- Nay con cúi đầu xin thành tâm sám hối với tất cả mọi loài chúng sanh**
- + Mong các vị thân bằng quyến thuộc nhiều đời nhiều kiếp hãy tha thứ cho nhau như tha thứ cho con.**

✚ Nếu ai có phạm điều gì đến con thì con cũng xin tha thứ cho họ như thân bằng quyến thuộc của con.

✚ Mong các loài chúng sanh sớm tỏ ngộ chân lý, xả bỏ tham sân si, yêu thương nhau và được yêu thương mãi mãi. Cho đến ngày giác ngộ liễu tri vạn pháp.

Nam mô Phật! Nam mô Pháp! Nam mô Tăng!

SÁM HỐI VỚI SƯ

**Sư kính yêu, người thầy hiền,
Chúng con thẹn thùng, tâm hồi lỗi.
Vô minh che đậy, mắt chẳng thấy rõ,
Tai mê mãi nghe, lòng chẳng bình yên.**

**Thân tứ đại này, ngũ uẩn bám chặt,
Đi đứng, nằm ngồi, lòng chẳng tinh tấn.
Cảm giác mê say, lạc thú khổ đau,
Chưa thấu sâu sắc, con đường giải thoát.**

**Miệng nói lời vui, nói lời tranh cãi,
Chưa biết nhẫn nhục, chưa tròn lòng thương.
Mắt thấy đẹp đẽ, tai nghe sắc hương,
Chẳng thấy sự thật, chỉ lòng mê mờ.**

**Nhưng Sư ơi, bằng tình thương lớn,
Dẫn dắt chúng con, không hề ngơi nghỉ.**

**Chánh niệm mỗi bước, trong từng hơi thở,
Đem ánh sáng Pháp, xua tan bóng tối.**

**Từng cử chỉ nhỏ, từng lời thầy dạy,
Chúng con học hỏi, tu tâm không ngừng.
Biết yêu thương chia sẻ, không cầu đền đáp,
Tu hành tinh tấn, trí tuệ sẽ khai sáng.**

**Cảm ơn Sư, người thầy nhân từ dạy,
Dẫn dắt chúng con trên đường giải thoát.
Xin hứa tu tập, một đời tinh cần,
Từ bi trí tuệ, sớm đắc đạo chân.**

**Lạy Sư, chúng con xin sám hối,
Nguyện quay về nương tựa Pháp thân thầy.
Chúng con được vững, trên con đường giải
thoát.**

Nam mô Phật! Nam mô Pháp! Nam mô Tăng!

SÁM HỐI VỚI CHA

**Cha già vĩ đại tựa trời xanh,
Vì chúng sanh cha trái lòng lành.
Từ nơi xa quay về, nửa vòng đất,
Chỉ để dạy chúng con, tỉnh giác hành Pháp.**

**Cha bảo chúng con chớ quên rằng,
Chánh niệm trong từng việc nhỏ nhắn:
Ăn, uống, ngủ, làm việc hay tắm rửa,
Đều là cơ duyên giác ngộ dần.**

**Nhưng chúng con vô minh bao kiếp,
Trí tuệ cha như sông vạn niên,
Mà chúng con, kẻ cầm gáo nhỏ,
Chỉ nhận được từng giọt thần tiên.**

**Hình bóng cha, từng bước âm thầm,
Ngày ngày online dẫn đường chánh Pháp
Lời dạy bảo, ánh đuốc từ bi,
Dẫn con về bến giác an lành.**

**Cha ơi, tham ái thân còn bám,
Ba la mật con vẫn còn mỏng manh.
Nhưng con hứa mỗi ngày tinh tấn,
Gỡ từng nút Nghiệp chôn nhân gian.**

**Con đường Giải thoát là đích đến,
Lời cha dạy, chúng con luôn nhớ.
Tri ân cha già, lòng biết ơn sâu,
Sám hối xin, nguyện học theo ngài.**

**Cha ơi, xin tin vào chúng con,
Dẫu còn chậm, nhưng chẳng bao giờ ngừng.
Từng bước nhỏ, hướng về chân lý,
Để một ngày cùng nhau Giải Thoát
Nam mô Phật, Pháp, Tăng Tam bảo!**

KỆ GIẢI TRỪ OÁN THÙ

Những oan gia trái chủ trên thân tôi (tức nghiệp lực của một bộ phận nào trên thân thể này) xin quý vị hãy từ bi nghe rõ:

- **Từ vô số kiếp đến nay, vì tôi bị vô minh tham đắm, trôi lăn trong thế giới Ta Bà, trong nhiều kiếp luân hồi, trong lúc vô ý, đã làm tổn hại đến quý vị, khiến cho quý vị phải nhận khổ đau trong lục đạo luân hồi, tăng thêm biết bao phiền não.**
- **Tôi thường quán chiếu, thấy rõ tội chướng sâu nặng, vô cùng hồi hận. Tất cả đều do tôi vì vô minh tạo nên.**
- **Đời này nhờ nguyện lực từ bi gia hộ của Phật, tôi được kết duyên pháp với Phật, tôi không quên quý vị. Thành khẩn hi vọng quý vị cùng chúng tôi học Phật, tu hành mau sớm thành chánh quả. Mong quý vị hãy tha thứ cho tôi.**
- **Nếu quý vị nhất định muốn báo thù, tôi cũng không có cách nào lẩn tránh, vì nhân đó do tôi tạo ra, nên phải chấp nhận quả báo, nhưng đối với quý vị cũng không có lợi ích gì, chỉ khiến quý vị khoá lặc nhất thời, nhưng quý vị không giải quyết được vấn đề căn bản, không thoát ra khỏi lục đạo luân hồi.**
- **Tôi thành khẩn mong quý vị cùng tôi học Phật, tinh tấn tu hành sẽ được thành Phật. Nếu**

chúng ta hoan hỉ tu tập, phát tâm Bồ Đề, chỉ cần tu hành đúng Pháp, tất nhiên đắc đạo tu thành chánh quả.

MAṄGALA CAKKAVĀḬA GĀTHĀ - KỆ ĐIỀM LÀNH VŨ TRỤ

Do nhờ đức của chư Phật. Do nhờ đức của chư Pháp. Do nhờ đức của Chư Tăng. Do nhờ đức của Tam Bảo, Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo.

Do nhờ đức của 8 muôn 4 ngàn Pháp môn. Do nhờ đức của Tam Tạng. Do nhờ đức của chư Thinh Văn đệ tử Phật.

- **Tất cả các tật bệnh của người, tất cả sự lo sợ của người, tất cả sự tai hại của người, tất cả sự khó chịu của người, tất cả điều mộng寐 xấu xa của người, tất cả điều chẳng lành của người.**
- **Cầu xin cho được tiêu diệt. Sự sống lâu, sự tấn tài, sự thanh lợi, sự sang cả, sự mạnh khỏe, sự sắc đẹp, sự an vui, cầu xin hăng đến cho người.**
- **Tất cả sự khổ não, tật bệnh, lo sợ, hoặc điều oan kết, hoặc tất cả sự uất ức, các cảnh nghịch, hoặc sự khó chịu, hoặc nhiều sự tai hại.**
- **Cầu xin cho được tiêu diệt, do nhờ các đức, nhất là đức của Chư Phật. Sự vinh hiển, sự**

phát tài, sự phát lợi, hoặc sự thịnh lợi phong lưu, sự an vui hoặc sức mạnh, sự phước lợi, sự sống lâu, sự sắc đẹp, sự tấn tài, sự tấn hóa, sự sang cả, hoặc sự sống đến trăm tuổi, hoặc sự thành tựu trong việc nuôi mạng cho được an vui, tất cả sự ấy, cầu xin hằng đến cho người.

Sabbabuddh'ānubhāvena. Sabbadhamm'ānubhāvena.

Sabbasaṅgh'ānubhāvena. Buddharatanam, Dhammaratanam, Saṅgharatanam, Tiṇṇam ratanānam ānubhāvena.

Caturāsīti-sahassa Dhammakkhandh'ānubhāvena.

Piṭakattay'ānubhāvena. Jinasāvaka'ānubhāvena.

Sabbe te rogā, sabbe te bhayā, sabbe te antarāyā, sabbe te upaddavā, sabbe te dunnimittā, sabbe te avamaṅgalā vinassantu.

Āyu-vaḍḍhako, dhana-vaḍḍhako, siri-vaḍḍhako, yasavaḍḍhako, bala-vaḍḍhako, vaṇṇa-vaḍḍhako, sukha-vaḍḍhako, hotu sabbadā.

Dukkha-roga-bhayā-verā-sokā-sattu c'upaddavā, anekā antarāyā'pi vinassantu ca tejasā. Jayasiddhi, dhanam, lābham, sotthi, bhāgyam, sukham, balam, siri, āyu ca vaṇṇo ca, bhogam, vuddhī ca yasavā, satavassā ca āyu ca, jīvasiddhī bhavantu te.

KARAṄĪYAMETTASUTTĀRAMBHO - BỔ CÁO BÁC-ÁI KINH (KINH TỪ BI)

Do nhờ oai lực kinh PARITTA, mà các hạng Dạ-Xoa không dám hiện hình đáng sợ, lại nữa những ai ngày và đêm không lười biếng, siêng năng tụng tụng kinh PARITTA, đương khi ngủ hoặc đã ngủ cũng đều được an vui, không nằm mộng thấy sự xấu xa chút ít. Nay ta tụng kinh PARITTA có những oai đức, nhưt là như vậy:

*Yassānubhāvato yakkhā, Neva dassenti bhimsanam,
Yamhi cevānuyuñjanto, Rattindivamatandito,
Sukhaṃ supati sutto ca, Pāpaṃ kiñci na passati,
Evamādiguṇūpetam, Parittantambhaṇāma he.*

KARAṄĪYAMETTA SUTTA – BÁC ÁI KINH (KINH TỪ BI)

- **Người hăng mong thanh tịnh: Nên thể hiện pháp lành, Có khả năng, chất phác, Hiền hòa, không kiêu mạn.**
- **Sống dễ dàng, tri túc, Thanh đạm không rộn ràng, Lục căn luôn trong sáng, Trí tuệ càng hiển minh.**
- **Chuyên cần, không quyễn niệm, Không làm điều ác nhỏ, Mà bậc trí hiền chê, Nguyện thái bình an lạc. Nguyện tất cả sinh linh, Tràn đầy muôn hạnh phúc.**
- **Chúng sinh dù yếu mạnh, Lớn nhỏ hoặc trung**

bình, Thấp cao không đồng đẳng, Hết thảy chúng hữu tình, Lòng từ không phân biệt, Hữu hình hoặc vô hình. Đã sinh hoặc chưa sinh, Gần xa không kể xiết. Nguyên tất cả sinh linh, Tràn đầy muôn hạnh phúc.

- **Đừng lừa đảo lẫn nhau, Chớ bất mãn điều gì, Đừng mong ai đau khổ, Vì tâm niệm sân si, Hoặc vì nuôi oán tưởng.**
- **Hãy mở rộng tình thương, Hy sinh như từ mẫu, Suốt đời lo che chở, Đứa con một của mình, Hãy phát tâm vô lượng, Đến tất cả sinh linh.**
- **Từ Bi gieo cùng khắp, Cả thế gian khổ ải, Trên dưới và quanh mình, Không hẹp hòi oan trái, Không hờn giận căm thù.**
- **Khi đi, đứng, ngồi, nằm, Bao giờ cũng thức tỉnh, Giữ niệm từ bi này, Thân tâm thường thanh tịnh, Phạm hạnh chính là đây.**
- **Ai xả ly kiến thủ, Có giới hạnh nghiêm trì, Đạt Chánh trí viên mãn, Không ái nhiễm dục trần, Thoát ly đường sinh tử.**

*Karaṇīyamatthakusalena, Yantaṃ santaṃ padaṃ abhisamecca,
Sakko ujū ca suhujū ca, Suvaco cassa mudu anatimānī.*

Santussako ca subharo ca, Appakicco ca sallahukavutti,

Santindriyo ca nipako ca, Appagabbho kulesu ananugiddho.

*Na ca khuddaṃ samācare kiñci, Yena viññū pare
upavadeyyuṃ,*

Sukhino vā khemino hontu, Sabbe sattā bhavantu sukhitattā.

*Ye keci pāṇabhūtatthi, Tasā vā thāvarā vā anavasesā,
Dīghā vā ye mahantā vā, Majjhimā rassakā aṇukathulā.
Diṭṭhā vā yeva adiṭṭhā, Ye ca dūre vasanti avidūre,
Bhūtā vā sambhavesī vā, Sabbe sattā bhavantu sukhitattā.
Na paro paraṃ nikubbetha, Nātimaññetha katthaci naṃ kiñci,
Byārosanā paṭighasaññā, Nāññamaññassa dukkhamiccheyya.
Mātā yathā niyaṃ puttā, Āyusā ekaputtamanurakkhe,
Evampi sabbabhūtesu, Mānasā bhāvaye aparimāṇaṃ.
Mettañca sabbalokasmiṃ, Mānasā bhāvaye aparimāṇaṃ,
Uddhaṃ adho ca tiriyañca, Asambādhaṃ averaṃ asapattaṃ
Tiṭṭhañcamaṃ nisinno vā, Sayāno vā yāvatassa vigatamiddho,
Etaṃ satīṃ adhiṭṭheyya, Brahmametāṃ vihāraṃ idhamāhu.
Diṭṭhiñca anupagamma, Sīlavā dassanena sampanno,
Kāmesu vineyya gedhaṃ, Na hi jātu gabbhaseyyaṃ punaretīti.*

METTA CHANTING - KINH RÀI TÂM TỪ

- **Nguyện cho tôi thoát được mọi oan trái. Tâm không phiền não, thân không đau đớn, thân tâm được an lạc.**
- **Nguyện cầu cho cha mẹ, thầy tổ, bà con, bạn bè và đạo hữu thoát khỏi mọi oan trái, Tâm không phiền não, thân không đau đớn, giữ gìn thân tâm được an lạc.**
- **Nguyện cầu cho tất cả thiên sinh nơi đây thoát khỏi mọi oan trái,**
- **Tâm không phiền não, thân không đau đớn, giữ gìn thân tâm được an lạc.**

- **Xa đến cõi cao nhất, xuống đến cõi thấp nhất, trong toàn thể vũ trụ, tất cả chúng sanh sống trong nước, Được thoát khỏi phiền não và thù hận, Tránh được đau đớn và hiểm nguy.**
- **Nguyện cầu cho tất cả chư Tăng, Sa di, nam và nữ cư sĩ ở nơi đây, thoát khỏi mọi oan trái, Tâm không phiền não, thân không đau đớn, giữ gìn thân tâm được an lạc.**
- **Nguyện cầu cho tất cả thí chủ cúng dường bốn loại đồ dùng (cho chư Tng, Ni) thoát khỏi mọi oan trái, Tâm không phiền não, thân không đau đớn, giữ gìn thân tâm được an lạc.**
- **Nguyện cầu cho tất cả Chư Thiên hộ trì ở tu viện này, ở chỗ ở này, ở khu vực này, các Chư Thiên hộ trì, thoát khỏi mọi oan trái,**
- **Tâm không phiền não, thân không đau đớn, giữ gìn thân tâm được an lạc.**
- **Nguyện cầu cho tất cả chúng sanh, các loài có hô hấp, các loài động vật, các loài sinh vật, các loài có thân và tâm,**
- **Tất cả nữ giới, nam giới, bậc thánh, người phàm, Chư Thiên, loài người, (và) chúng sanh trong bốn cõi khổ thoát khỏi mọi oan trái,**
- **Tâm không phiền não, thân không đau đớn, giữ gìn thân tâm được an lạc, Hết khổ đau, Không bị tước đoạt hạnh phúc đã có. Mỗi**

chúng sanh là chủ nhân của nghiệp do mình tạo ra.

- **Nơi hướng Đông, Nơi hướng Tây, Nơi hướng Bắc, Nơi hướng Nam, Nơi hướng Đông Nam, Nơi hướng Tây Bắc, Nơi hướng Đông Bắc, Nơi hướng Tây Nam, Nơi hướng dưới, Nơi hướng trên.**
- **Thoát khỏi mọi oan trái, Tâm không phiền não, thân không đau đớn, giữ gìn thân tâm được an lạc, Hết khổ đau, Không bị tước đoạt hạnh phúc đã có. Mỗi chúng sanh là chủ nhân của nghiệp do mình tạo ra.**
- **Xa đến cõi cao nhất, xuống đến cõi thấp nhất, trong toàn thể vũ trụ, Tất cả chúng sanh đi trên đất, Được thoát khỏi phiền não và thù hận, Tránh được đau đớn và hiểm nguy.**
- **Xa đến cõi cao nhất, xuống đến cõi thấp nhất, trong toàn thể vũ trụ, Tất cả chúng sanh ở trong không gian, Được thoát khỏi phiền não và thù hận, Tránh được đau đớn và hiểm nguy.**
- **Bằng sự thực hành đúng Chánh Pháp,
Con xin cúng dường Đức Phật**
- **Bằng sự thực hành đúng Chánh Pháp,
Con xin cúng dường Pháp Bảo**
- **Bằng sự thực hành đúng Chánh Pháp,
Con xin cúng dường Tăng Bảo**
- **Bằng sự thực hành đúng Chánh Pháp,**

**Con xin cúng dường cha mẹ
✚ Bằng sự thực hành đúng Chánh Pháp,
Con xin cúng dường thầy tổ**

Với việc hành thiền này:

- **Nguyện cho tôi thoát khỏi sự khổ của già và chết**
- **Nguyện cho những phước lành của tôi dẫn đến sự tận diệt những lậu hoặc**
- **Nguyện cho giới đức (trong sạch) của tôi sẽ là duyên lành dẫn đến Đạo và Quả**
- **Chúng tôi xin hồi hướng phước báu đến tất cả chúng sanh**
- **Nguyện cầu tất cả chúng sanh được an vui**
- **Lành thay! Lành thay! Lành thay!**

Ahaṃ avero homi Abyāpajjo homi Anīgho homi

Sukhī attānaṃ pariharāmi

Mama mātā-pītu-ācariyā ca nātimitthā ca Sabrahmācarino ca

Averā hontu Abyāpajjā hontu Anīghā hontu

Sukhī attānaṃ pariharantu

Imasmim ārāme sabbe yogino

Averā hontu Abyāpajjā hontu Anīghā hontu

Sukhī attānaṃ pariharantu

*Imasmay ārāme sabbe bikkhu sāmanarā ca upāsaka –
upasikāyo ca*

Averā hontu Abyāpajjā hontu Anīghā hontu

Sukhī attānaṃ pariharantu

Amhākam catupaccaya – dāyakā

Averā hontu Abyāpajjā hontu Anīghā hontu

Sukhī attānaṃ pariharantu

Amhākam ārakkha – devatā, imasmim vihāre imasmim āvāse

imasmim ārāme Ārakkha devatā

Averā hontu Abyāpajjā hontu Anīghā hontu

Sukhī attānaṃ pariharantu

Sabbe sattā, sabbe pāṇā, sabbe bhūtā, sabbe puggalā, sabbe

attabhāvapariyāpannā, sabba itthiyo, sabbe purisā, sabbe ariyā,

sabbe anariyā, sabbe devā, sabbe manussā, sabbe vinipātikā

Averā hontu Abyāpajjā hontu Anīghā hontu

Ukhī attānaṃ pariharantu

Dukkhā muccantu

Yatāladḍha – sampattito mā vigacchantu

Kamassakā

Puratthimāya disāya, Pacchimāya disāya, Uttarāya disāya,

Dakkhiṇāya disāya,

Puratthimāya anudisāya, Pacchimāya anudisāya, Uttarāya

anudisāya, Dakkhiṇāya anudisāya, Heṭṭhimāya disāya,

Uparimāya disāya.

Averā hontu Abyāpajjā hontu Anīghā hontu

Sukhī attānaṃ pariharantu

Dukkhā muccacntu

Yatāladḍha – sampattito mā vigacchantu

Kamassakā

Uddham yāva bhavaggā ca Adho yāva avīcīto

Samantā cakkavālesu

Ye sattā pathavī – carā

Abyāpajjha niverā ca

Niddukkhā ca nupaddavā

Uddham yāva bhavaggā ca Adho yāva avīcīto

Samantā cakkavālesu

Ye sattā udake – carā

Abyāpajjha niverā ca

Niddukkhā ca nupaddavā

Uddham yāva bhavaggā ca Adho yāva avīcīto

Samantā cakkavālesu

Ye sattā ākāse – carā

Abyāpajjha niverā ca

Niddukkhā ca nupaddavā

Imāya Dhammā ‘nudhammapatipattiyā Buddham pūjemi

Dhammā ‘nudhammapatipattiyā Dhammam pūjemi

Imāya Dhammā ‘nudhammapatipattiyā Sangham pūjemi

Imāya Dhammā ‘nudhammapatipattiyā mātāpitaro pūjemi

Imāya Dhammā ‘nudhammapatipattiyā ācariye pūjemi

Addhā imāya patipadāya jarāmaranāmhā parimusissāmi

Idam me puññaṃ āsavakkhayāvaham hotu

Idam me silam magga – phala ñānassa paccayo hotu

Idam no puñña – bhāgam sabbasattānam dema

Sabbe sattā sukhitā hontu

Sadhu! Sadhu! Sadhu!

MANGALASUTTAM – KINH HẠNH PHÚC

Nhu’vậy tôi nghe.

**Một thời Thế Tôn, Ngự tại Kỳ Viên tịnh xá của
trưởng giả Cấp-cô-độc gần thành Xá-vệ.**

**Khi đêm gần mãn, Có một vị trời, Dung sắc thù
thắng, Hào quang chiếu diệu sáng tỏa Kỳ Viên.
Đến nơi Phật ngự, Đánh lễ Thế Tôn, Rồi đứng
một bên, Cung kính bạch Phật, bằng lời kệ rằng:
"Chư Thiên và nhân loại, Suy nghĩ điều hạnh
phúc, Hằng tâm cầu mong đợi, Một đời sống an
lành. Xin ngài vì bi mẫn, Hoan hỷ dạy chúng
con, Về phúc lành cao thượng".**

Thế Tôn tùy lời hỏi, Rồi giảng giải như vậy:

1/- "Không gần gũi kẻ ác

**Thân cận bậc trí hiền
Đánh lễ người đáng lễ
Là phúc lành cao thượng.**

2/- Ở trú xứ thích hợp

**Công đức trước đã làm
Chọn chánh hướng tự tâm
Là phúc lành cao thượng.**

3/- Đa văn, nghề nghiệp giỏi

**Khéo huấn luyện, học tập
Nói những lời chọn chất
Là phúc lành cao thượng.**

4/- Hiếu thuận bậc sanh thành

**Dưỡng dục vợ và con
Sở hành theo nghiệp chánh
Là phúc lành cao thượng.**

- 5/- Bồ thí, hành đúng Pháp
Giúp ích hàng quyến thuộc
Giữ chánh mạng trong đời
Là phúc lành cao thượng.**
- 6/- Xả ly tâm niệm ác
Chế ngự không say sưa
Trong pháp không phóng dật
Là phúc lành cao thượng.**
- 7/- Biết cung kính khiêm nhường
Tri túc và tri ân
Đúng thời nghe chánh pháp
Là phúc lành cao thượng.**
- 8/- Nhẫn nhục lời nhu hòa
Yết kiến bậc sa-môn
Tùy thời đàm luận pháp
Là phúc lành cao thượng.**
- 9/- Tự chủ, sống phạm hạnh
Thấy rõ lý Thánh Đế
Giác ngộ quả Niết-bàn
Là phúc lành cao thượng.**
- 10/- Khi xúc chạm việc đời
Tâm không động, không sầu
Tự tại và vô nhiễm
Là phúc lành cao thượng.**
- Những sở hành như vậy
Không chỗ nào thối thất**

Khắp nơi được an toàn Là phúc lành cao thượng”./.

*Evam me sutam. Ekam samayam Bhagavā Sāvattiyam viharati
Jetavane Anāthapiṇḍikassa ārāme.*

*Atha kho aññatarā devatā abhikkantāya rattiyā
abhikkantavaṇṇā kevalakappam Jetavanam obhāsetvā yena
Bhagavā tenupasaṅkami upasaṅkamitvā Bhagavantam
abhivādetvā ekamantam aṭṭhāsi. Ekamantam thitā kho sā
devatā Bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi.*

*Bahū devā manussā ca, maṅgalāni acintayum, ākaṅkhamānā
sothānam, brūhi maṅgalamuttamam.*

*1/- Asevanā ca bālānam,
Paṇḍitānañca sevanā
Pūjā ca pūjanīyānam,
Etaṃ maṅgalamuttamam.*

*2/- Patirūpadesavāso ca,
Pubbe ca katapuññatā
Atta sammā paṇīdhi ca,
Etaṃ maṅgalamuttamam.*

*3/- Bāhu saccañca sippañca,
Vinayo ca susikkhito
Subhāsītā ca yā vācā,
Etaṃ maṅgalamuttamam.*

*4/- Mātāpitu upaṭṭhānam,
Puttadārassa saṅgaho
Anākulā ca kammantā,
Etaṃ maṅgalamuttamam.*

5/- *Dānañca dhammacariyā ca,
Ñātakānañca saṅgaho
Anavajjāni kammāni,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.*

6/- *Āratīviratī pāpā,
Majjapānā ca saññamo
Appamādo ca dhammesu,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.*

7/- *Gāravo ca nivāto ca,
Santuṭṭhī ca kataññutā
Kālena dhammassavanaṃ,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.*

8/- *Khantī ca sovacassatā,
Samañānañca dassanaṃ
Kālena dhammasākacchā,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.*

9/- *Tapo ca brahmacariyā ca,
Ariyasaccāni dassanaṃ
Nibbānasacchikiriyā ca,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.*

10/- *Phuṭṭhassa lokadhammehi,
Cittaṃ yassa na kampati
Asokaṃ virajaṃ khemaṃ,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.*

*Etādisāni katvāna
Sabbatthamaparājitā*

Sabbatthasotthim gacchanti
Tam tesam mangalamuttamanti./.

TÁM ĐIỀU CỦA BẬC CAO THƯỢNG

Là đệ tử Phật, Ngày đêm luôn nhớ, Chí tâm tụng niệm, Tám điều giác ngộ, Của bậc Đại nhân.

✚ Giác ngộ thứ nhất:

Thế gian vô thường, Quốc độ nguy biến, Bốn đại khổ không, Năm ấm vô ngã. Sanh diệt biến đổi, Giả dối vô chủ. Tâm là nguồn ác, Thân là rừng tội, Quán sát như thế, Lìa xa tử sanh.

✚ Giác ngộ thứ hai:

Muốn nhiều là khổ. Sanh tử nhọc nhằn, Cũng do tham dục. Bớt lòng tham dục. Thân tâm tự tại.

✚ Giác ngộ thứ ba:

Tâm không biết đủ, Có rồi muốn thêm, Tăng trưởng tội ác, Người trí tuệ rõ, Thường nhớ biết đủ, Thanh bần giữ đạo. Chỉ lấy trí tuệ, Làm thành sự nghiệp.

✚ Giác ngộ thứ tư:

Biếng nhác đọa lạc. Thường tu tinh tấn, Dẹp trừ phiền não, Hàng phục bốn ma, Thoát ngục ấm giới.

✚ Giác ngộ thứ năm:

Do vì ngu si, Nên bị sinh tử. Người có trí tuệ, Học rộng nghe nhiều. Tăng trưởng trí tuệ, Thành tựu biện tài. Giáo hóa tất cả, Được nhiều lợi lạc.

✚ Giác ngộ thứ sáu:

Nghèo khổ hay oán, Ác duyên ràng buộc, Người trí khi cho. Oán thân bình đẳng. Không nhớ thù xưa. Không ghét người ác.

✚ Giác ngộ thứ bảy:

Năm dục chính là Nguồn gốc tội lỗi. Tuy sống ở đời, Mà lòng không nhiễm. Thường nhớ bình bát. Ba y cà sa. Chí nguyện xuất gia, Giữ lòng trong sạch. Phạm hạnh thanh bạch. Thương yêu mọi loài.

✚ Giác ngộ thứ tám:

Sinh tử thiêu đốt, Khổ não không lường, Cho nên người trí, Phát tâm đại thừa, Cứu độ tất cả. Nguyện thay chúng sinh, Chịu vô lượng khổ, Để cho chúng sinh, Cứu cánh an lạc.

Tám điều trên đây. Chư Phật bồ tát, Các bậc đại nhân, Đã được giác ngộ. Tinh tấn hành đạo. Từ bi trí tuệ, Nương thuyền pháp thân. Đến bờ Niết Bàn, Khi còn sinh tử. Cũng độ chúng sinh. Lấy tám điều này. Mở đường dẫn lối, Khiến cho chúng sinh. Thoát sinh tử khổ. Xa lìa năm dục. Tu theo thánh đạo. Nếu là Phật tử.

Với tám điều này, Thường nhớ tụng niệm, Giảm vô lượng tội, Tiến đến tuệ giác, Sớm thành chánh giác. Chấm dứt luân hồi. Thường trụ an lạc.

Bhikkhu Visuddhamma Dịch

*Lokam aniccam,
Dukkham samsarassa pariyapunnam,
Cattaro ariyasaccani,
Panca khandha anatta atthi.
Janma marana samsarantam,
Maya na atthi sacciko sambuddho.
Cittam papanissayam bhavati,
Kaya asavakkhayam vatthu.
Dutiyam Pattanam:
Bahukāmo dukkham hoti.
Janma marana dukkhani,
Sabbe tanha phusati.
Tanha samatikkamma,
Kaya ca cittam attano bhavati.
Tatiyam Pattanam:
Cittam appasamkittham,
Etam caññataram eva icchanti.
Papanissaya vaddhanti,
Panditam pajanati,
Santosa bhavanta dhovanam,
Sukhaviharam pattum vasi.
Buddhiya mattaka vattati,
Saddhavihari dhammatu tanhu.
Caturtham Pattanam:
Kilesam bahullam dukkham vaddhati.
Manasi dhamma padhanam kayena,
Cittam gantum kilesavanam sannipatena,
Catussu marasu hantum,
Indriyesu vasanan nikkhamanti.*

Pancamam Pattanam:

Avijja nivattati,

Janma maranaya bandhana atthi.

Panditam citta unnattim gacchati,

Panna va bhavaya adhigacchati,

Sampattiyo adhigacchati,

Sarvatta sabba sattva pavettiyo,

Bahuni puññani paññapeti.

Chamam Pattanam:

Kappiya vanna vira,

Kammabhuvam niggahi,

Panditam amittam paticchati,

Dvesam pasam na vaddhati.

Sattamam Pattanam:

Pancakkhandha papasayam bhavati.

Yehi samsarena viharanti,

Mano upekkham agantva,

Tiratana sadhara pramadi,

Sila patim pavesetu,

Kusala vihara pavesetu,

Sarva sattva anukampa karotu.

Athagam Pattanam:

Janma marana agni yatha bhavati,

Dukkham bhavasotam amitam.

Tasmim panditam,

Mahakarunacittam samutthapeti,

Sarva sattva pubbe paccheca ca udaya.

Ananta dukkham saha bhogetva,

Sabba sattva vimocanaya,

Santiya sukha datva.

Atha aya attham pattanam,

*Sambuddha saha Mahasangha,
Mahakarunacittam samutthapita.
Suddha cariyaya pannaya,
Dhamma marga anusaraya,
Nibbanantam gantum,
Janma marana samaye ca,
Sarva sattva paveti.
Ime attha pattane,
Maggam pavatteti,
Sarva sattva samutthapeti,
Janma marana dukkham atthi phassum,
Pancakkhandha atthi trinidham maggam anuyanta.
Bhagavato upasako,
Ime attha pattane,
Saddha samadhi vipassanam upekkha,
Ananta papam khattha,
Pannaya unnati anuyanta,
Nibbanassa antam,
Santiya sabbattha samadhi.*

KÊ ĐỘNG TÂM

1- Pháp nào có tên gọi là “Vô thường”, là Pháp có trạng thái thay đổi không thường, Pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xóm, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu. Pháp ấy để chung cho nhơn loại, súc sanh, luôn đến Chư Thiên, Ma Vương và Phạm Thiên cả thảy.

- 2- Pháp nào có tên gọi là “Khổ não”, là Pháp có trạng thái đau đớn buồn rầu, Pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xóm, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu. Pháp ấy để chung cho nhơn loại, súc sanh, luôn đến Chư Thiên, Ma Vương và Phạm Thiên cả thảy.**
- 3- Pháp nào có tên gọi là “vô ngã”, là Pháp có trạng thái “không phải là của ta”, Pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xóm, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu. Pháp ấy để chung cho nhơn loại, súc sanh, luôn đến Chư Thiên, Ma Vương và Phạm Thiên cả thảy.**
- 4- Tất cả chúng sanh không có thể đấu chiến với tử thần được, vì sự chiến đấu ấy chẳng phải là dùng sức của voi binh, chẳng phải là dùng sức của xa binh, chẳng phải là dùng sức của bộ binh, hoặc dùng bùa chú hay của cải để chiến đấu cũng chẳng hơn được.
Cho nên bậc Trí tuệ, khi thấy điều lợi ích của mình, hằng làm cho phát sanh tín ngưỡng kiên cố nơi Đức Phật, Đức Pháp và Đức Tăng, vì người làm cho thân khẩu và ý được trong sạch, người ấy trong thế gian này, hằng được**

bậc Trí tuệ ngợi khen, đến khi mạng chung, thường được an vui trong cõi Thiên đàng chẳng sai.

- 5- Tất cả chúng sanh chỉ sanh để chịu chết đều nhau cả, vì sanh mạng của tất cả chúng sanh, chỉ có sự chết là nơi cuối cùng. Tất cả chúng sanh đều phải chịu quả phước cùng quả tội, vừa theo nghiệp của mình đã tạo, rồi đi thọ sanh trong kiếp sau. Chúng sanh nào làm nghiệp dữ, phải chịu khổ trong cảnh địa ngục, chúng sanh nào làm việc lành, được thọ vui trong cõi Thiên đàng, cho nên người đời cần phải hồi hã làm việc phước đức, mà bậc Trí tuệ hằng thân thiết, cho đặng làm của để dành dính theo trong đời vị lai. Vì các việc phước đức là nơi nương nhờ của tất cả chúng sanh, trong ngày vị lai.**
- 6- Tuổi thọ của tất cả chúng sanh rất ít, sự già đẽng dắt dẫn tìm sự chết, chúng sanh đã bị sự già đẽng dắt dẫn đi tìm sự chết rồi, chẳng có chi là nơi nương nhờ đợc. Nếu người đời đã thấy điều lo sợ trong sự chết như thế, chỉ nên chuyên cần làm việc phước đức, nó sẽ đem sự an vui đến cho.**
- 7- Nồi đất mà thợ gốm đã làm bằng đất, dầu cũ hay mới, lớn hay nhỏ, đến khi cuối cùng, cũng đều phải bị lũng bể như nhau, chẳng**

còn dư sót thế nào; thì sanh mạng của tất cả chúng sanh, đến ngày cuối cùng, cũng đều phải bị tiêu diệt như thế ấy.

- 8- Tất cả núi bằng tảng đá liền lạc to lớn, cao thâu thình không, đến khi nứt bể rớt xuống, hằng đè ép tất cả chúng sanh và vật gần bên, đều đủ bốn phương chẳng còn dư sót thế nào; thì sự già và sự chết hằng đè ép tất cả chúng sanh, dầu là Vua chúa, Bà-La-Môn thương nhân, hoặc kẻ đói khó hèn hạ, cũng đều bị sự già và sự chết phá hoại, cũng như thế ấy.**
- 9- Chúng sanh nào dầu già hay trẻ, chúng sanh nào dầu ngu hay trí, là người giàu hoặc nghèo, chúng sanh ấy hằng có sự chết đón chờ phía trước cả thảy.**
- 10-Thì giờ thoáng qua, ngày và đêm khi qua khỏi, thời gian của các niên cấp chỉ hao mòn dần dần. Nếu người đời được xem thấy niên cấp trong sự chết như thế, chỉ nên cố gắng làm các việc phước đức, nó hằng đem sự an vui đến cho.**
- 11-Thân này chẳng tồn tại bao lâu đâu, khi tâm thức lìa bỏ rồi, thì nằm trên mặt đất như khúc gỗ, không còn lợi ích nào nữa.**
- 12-Tuổi thọ chất lửa, hoặc tâm thức khi lìa bỏ thân này trong giờ nào, thì thân này không**

nên quàn để trong nhà, người đời họ đem liệm bỏ nằm trên mặt đất trong giờ ấy, như khúc gỗ, không còn lợi ích nào nữa.

13-Chúng sanh không bền vững được bao lâu, già hẵng dẫn tìm bệnh, bệnh hẵng dẫn tìm chết. Chúng sanh không ai ngăn đón cản trở được. Chúng sanh hẵng thấy thiếu thốn, không biết no đủ, đều là nô lệ của lòng ham muốn.

14-Sự Tinh tấn là khí cụ để thiêu hủy phiền não, mà người phải hành cho xong trong ngày nay. Ai biết rằng: "Sự chết chắc sẽ đến trong ngày mai"; vì sự kỳ hẹn cho khỏi chết, không thể được, bởi sự chết có rất nhiều quân binh.

15-Tất cả chúng sanh mới chết hiện tại hoặc đã chết rồi, hoặc sẽ chết trong ngày vị lai (thế nào) thì ta đây chắc sẽ chết như thế ấy, không sai. Không có gì để ta nghi ngờ.

16-Sanh mạng của tất cả chúng sanh, trong thế gian này, tìm người tiên đoán cho biết rằng: Ta phải sống hết thời gian này, thời gian kia, chẳng được đâu, và sự sống ấy càng cực nhọc, càng ngăn ngại, càng có nhiều sự khổ não.

17-Tất cả chúng sanh đã sanh ra rồi, ngăn ngừa không cho chết do sự tinh tấn nào, sự tinh tấn ấy chẳng có đâu (đâu chúng sanh cầu

khẩn rằng: Đừng cho chết, hoặc chờ già sẽ chết cũng chẳng đặng đâu). Vì tất cả chúng sanh hằng chịu sự già và sự chết như thế là thường sự.

18-Các thứ đồ đựng mà thợ gốm đã làm rồi, đến lúc cuối cùng đều phải lủng bể, thế nào; Sự sống của tất cả chúng sanh, đều có sự chết đón chờ phía trước, cũng như thế ấy.

19-Tất cả chúng sanh dầu trẻ hay già, ngu hay trí, tất cả chúng sanh ấy đều mắc trong quyền lực của sự chết cả thảy.

20-Sanh mạng là sự sống của chúng sanh, bệnh hoạn là sự đau ốm của chúng sanh, thì giờ chết của chúng sanh, nơi mà chúng sanh phải chết, cõi mà chúng sanh phải đi đâu thai trong ngày vị lai, cả 5 điều ấy chẳng có một ai trong thế gian biết chắc được cả thảy.

21-Loài rắn hằng lột da cũ của nó, rồi bỏ đi thế nào, thì chúng sanh khi sự chết đến phải bỏ lại thân này đi thọ sanh kiếp khác, theo duyên nghiệp của mình, cũng như thế ấy; Tử thi còn lại thiêu cũng chẳng biết, không cần nói đến sự than khóc, rên la của tất cả thân nhân. Bởi cố ấy, ta chẳng nên thương tiếc thân hình này đâu.

22-Người bị sự chết đè nén rồi, con cái đến ngăn ngừa chẳng đặng, cha mẹ ngăn cấm

cũng chẳng đặng, sự ngăn ngừa của thân bằng quyến thuộc cũng chẳng được đâu, (Cho nên) người có Trí tuệ, khi biết được lợi ích của sự trì giới rồi, cần phải thu thúc thọ trì giới luật, cần phải trau dồi con đường đi đến Niết-bàn cho mau chóng, không nên trì hoãn nữa.

23-Khổ chẳng phát sanh do nguyên nhân nào khác, ngoài lòng ham muốn; Khổ ấy thật chỉ phát sanh do lòng ham muốn. Cho nên Đức Thế Tôn giảng rằng: “Lòng ham muốn thật là nguyên nhân sanh khổ”.

24-Các Pháp ngoài Niết-bàn chẳng phải là Pháp diệt khổ; chỉ có Niết-bàn là Pháp diệt khổ. Bởi cố ấy, Đức Thế Tôn dạy rằng: “Niết-bàn trạng thái diệt khổ”.

25-Ngoài đạo (Bát-Chánh) khác chẳng phải là phương tiện tiếp dẫn chúng sanh thoát ly thống khổ được. Chỉ có (Bát-Chánh-Đạo) là phương pháp đưa chúng sanh thoát khỏi sự khổ. Bởi cố ấy Đức Thế Tôn dạy rằng: “Đạo Bát Chánh” đích danh là một Chân-Đế, vì là pháp cứu khổ chúng sanh.

26-(Nếu người đời) được quán tưởng thấy rõ bằng Trí tuệ rằng: “Tất cả tập hợp là vật không thường”, như thế trong giờ nào, thì chắc sẽ chán nản, lánh khỏi khổ trong giờ ấy;

đó là con đường của sự trong sạch cao thượng.

27-(Nếu người đời) được quán tưởng thấy rõ bằng Trí tuệ rằng: “Tất cả tập hợp đều là khổ não”, như thế trong giờ nào, thì chắc sẽ chán nản, lánh khỏi khổ trong giờ ấy; đó là con đường của sự trong sạch cao thượng.

28-(Nếu người đời) được quán tưởng thấy rõ bằng Trí tuệ rằng: “Tất cả các Pháp chẳng phải là của ta”, như thế trong giờ nào, thì chắc sẽ chán nản, lánh khỏi khổ trong giờ ấy; đó là con đường của sự trong sạch cao thượng.

29-Các pháp Hữu vi thật không bền vững, nó có tánh Sanh Diệt là thường, vì nhân Sanh rồi Diệt, Diệt rồi Sanh, nên thường hay có sự khổ não. Chỉ có Niết-bàn là pháp Tịch diệt, dứt cả pháp Hữu vi ấy được, mới có sự an vui tuyệt đối.

1- Na gāmadhammo nigamassa dhammo,

Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo,

Sabbassa lokassa sadevakassa,

Eseva dhammo yadidaṃ aniccatā

2- Na gāmadhammo nigamassa dhammo,

Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo,

Sabbassa lokassa sadevakassa,

Eseva dhammo yadidaṃ ca dukkhatā.

3- Na gāmadhammo nigamassa dhammo,

*Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo,
Sabbassa lokassa sadevakassa,
Eseva dhammo yadidaṃ anattatā.*

*4- Na tattha hatthīnaṃ bhūmi, Na rathānaṃ na pattiyā,
Na cāpi mantayuddhena, Sakkā jetuṃ dhanena vā,
Tasmāhipaṇḍito poso, Sampassaṃ atthamattano,
Buddhe dhamme ca saṅghe ca, Dhīrosaddhaṃ nivesaye,
Yo dhammacārī kāyena, Vācāya udacetāsā,
Iddhe vanaṃ pasamsanti, Pecca sagge pamodati.*

*5- Sabbe sattā marisanti, Maraṇantaṃ hi jīvitam,
Yathākammaṃ gamissanti, Puñṇapāpabhalūpagā,
Nirayaṃ pāpakammantā, Puñṇakammā ca sugatiṃ,
Tasmā kareyya kalyāṇam, Nicayaṃ samparāyikaṃ,
Puñṇāni paralokasmim, Pattitṭhā honti pāṇiṇam.*

*6- Upanīyati jīvitamappamāyumaṃ, Jarūpanī tassa nasanti tāṇā,
Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno, Puñṇāni kayirātha
sukhāvahāni.*

*7- Mattikañca yathākataṃ, Kumbhakārena bhājanaṃ,
Pakkapakkaṃ mahañcañca, Khuddakañca nirāvasaṃ,
Sappaṃ bhedapariyantaṃ, Evaṃ maccāna jīvitam.*

*8- Yathāpi selā vipulā, Nabhaṃ āhacca pabbatā,
Samantā anupariyeyyumaṃ, Nippothentā catuddisā,
Khattiye brāhmaṇe vesse, Sudde caṇḍālapukkuse,
Na kiñci parivajjeti, Sabbamevābhimaddati.*

*9- Ye ca vuddhā ca daharā, Ye ca bālā ca paṇḍitā,
Aḍḍhā ceva daliddā ca, Sabbe maccū parāyanā.*

*10- Accentī kātā tarayanti rattiyo, Vayogunaṃ anupubbaṃ jahanti,
Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno, Puñṇāni kayirātha
sukhāvahāni.*

- 11- *Aciraṃ vatayaṃ kāyo, Paṭhaviṃ adhisessati,
Chuddho apetaviññāṇo, Niratthaṃva kaliṅgaram.*
- 12- *Āyu usmā ca viññāṇaṃ, Yadā kāyaṃ jahantimaṃ,
Apavittho tadā seti, Niratthaṃva kaliṅgaram.*
- 13- *Upanīyati loko adhuvo, Atāṇo loko anabhissaro,
Assako loko sabbam pahāya gamanīyaṃ, Ūno loko atitto
taṇhādāso.*
- 14- *Ajjeva kiccaṃ ātappaṃ, Kojaññā maraṇaṃ suve,
Na hi no saṅgarantena, Mahāsenena maccunā.*
- 15- *Sabbe sattā maranti ca, Mariṃsu ca marissare,
Tathevāhaṃ marissāmi, Natthi me ettha saṃsayo.*
- 16- *Animittamanaññātaṃ, Maccānaṃ idha jīvitam,
Kasirañca parittañca, Tañca dukkhena saṃyutaṃ.*
- 17- *Na hi so upakkamo atthi, Yena jātā na miyyare,
Jarampi patvā maraṇaṃ, Evaṃ dhammāhi pāṇino.*
- 18- *Yathāpi kumbhakārassa, Katā mattikabhājanā,
Sabbe bhedaparīyanti, Evaṃ maccāna jīvitam.*
- 19- *Daharā ca mahantā ca, Ye bālā ye ca paṇḍitā,
Sabbe maccuvasaṃ yanti, Sabbe maccuparāyanā.*
- 20- *Jīvitam byādhi kālo ca, Dehanikkhepanaṃ gati,
Pañcete jīvalokasmim, Animittā na nāyare.*
- 21- *Uragova ca taṃ jinṇaṃ, Hitvā gacchati santanaṃ, Evaṃ
sarīre nibbhoge,
Pete kalaṅkate sati, Ḍayhamāno na jānāti, Nātīnaṃ
paridevitaṃ,
Tasmā etaṃ na socāmi, Gato so tassa yā gati.*
- 22- *Na santi puttā tāṇāya, Na pitā napi bandhavā,
Antakenādhipannassa,*

*Natthi ñātīsu tāṇatā, Etamatthavasam ñatvā, Paṇḍito
sīlasaṃvuto,*

Nibbānagamaṇaṃ maggaṃ, Khippameva visodhaye.

23- *Taṃ vinā nāññāto dukkhaṃ, Na hoti na ca tantato,
Dukkahetuniyāmena, Iti saccaṃ visattikā.*

24- *Nāññā nibbānato santi, Santaṃ na ca na taṃ yato,
Santabhāvanīyāmena, Tato saccamidaṃ mataṃ.*

25- *Maggā aññaṃ na niyyānaṃ, Anīyyāno na cāpi so,
Tacchanīyyānabhāvattā, Iti so saccasammato.*

26- *Sabbe saṅkhārā aniccāti, Yadā paññāya passati,
Atha nibbindati dukkhe, Esa maggo visuddhiyā.*

27- *Sabbe saṅkhārā dukkhāti, Yadā paññāya passati,
Atha nibbindati dukkhe, Esa maggo visuddhiyā.*

28- *Sabbe dhammā anattāti, Yadā paññāya passati,
Atha nibbindati dukkhe, Esa maggo visuddhiyā.*

29- *Aniccā vata saṅkhārā, Uppādavayadhammino,
Uppajjitvā nirujjhanti, Tesam vūpasamo sukho.*

THẬP NGUYỆN

**Nguyện cầu Tam Bảo từ hằng độ,
Nguyện thoát ba tai nước, lửa, binh,
Nguyện thảy chúng sanh khỏi oan kết,
Nguyện cho nhân loại ráng tu hành
Nguyện gìn tam học Giới - Định - Tuệ
Nguyện đoạn Tham - Sân - Si độc sanh
Nguyện giải căn nhân Sanh Tử khổ
Nguyện diệt tâm tham háo lợi danh
Nguyện tu tinh tấn không giải đãi
Nguyện sao đạo quả sớm viên thành.**

KINH HỒI HƯỚNG (vấn tắt)

**Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch
làm đây, xin hồi hướng đến thân bằng quyến
thuộc đã quá vắng, cầu mong cho các vị ấy
hằng được yên vui.**

**Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch
làm đây, xin hồi hướng đến thân bằng quyến
thuộc còn hiện tại, cầu mong cho các vị ấy
hằng được sự yên vui.**

**Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch
làm đây, hãy là món duyên lành, để dứt khỏi
những điều ô nhiễm, ngủ ngâm nơi tâm trong
ngày vị lai. (Lạy)**

TỪ BI NGUYỆN

**Nguyện cầu tám hướng mười phương
Chúng sanh muôn loại hãy thường an vui
Dứt trừ oan trái nhiều đời
Bao nhiêu đau khổ đến hồi duyên tan
Hại nhau chỉ chuốc lầm than
Mê si điên đảo vô vàn lệ châu
Chúng sanh vô bệnh sống lâu
Nguyện cho thành tựu phước sâu đức dày
Nguyện cho an lạc từ nay
Dứt trừ thống khổ đắng cay oán hờn
Dứt trừ kinh sợ tai ương
Bao nhiêu phiền não đoạn trường vĩnh ly**

**Nguyện cầu Tam Bảo chứng tri
Sống đời thanh tịnh từ bi vẹn toàn (Lạy)**

KỆ TỈNH THỨC

**Lẽ tử sanh xưa nay thường sự
Khổ biệt ly muôn thuở đương nhiên
Khách hồng trần trăm nổi đảo điên
Bậc thiện trí vượt ngoài hệ lụy
Cuộc trầm luân khởi từ vô thủy
Nước mắt nhiều hơn bốn đại dương
Đã bao đời dâu bể tang thương
Xương trắng trái phủ đầy đại địa
Dù một kiếp trọn vui không dễ
Những phù du hưng phế đổi thay
Tuổi thanh xuân gấm có bao ngày
Già đau chết hỏi ai tránh khỏi
Kìa bao cuộc thăng trầm danh lợi
Những nhục vinh kết nối liền nhau
Khi qua rồi còn lại niềm đau
Gió đời thổi phàm tâm xao động
Kìa yêu thương buồn vui huyễn mộng
Tình thân nhân bằng hữu phu thê
Thương phải xa ghét phải gần kề
Ai trọn kiếp không điều ngang trái
Kìa sự nghiệp bạc vàng của cải
Đổ mồ hôi nước mắt dựng xây
Vật ở đời tay lại qua tay**

**Buông tất cả khi tàn hơi thở
Kìa kiến chấp hữu vô ngã sở
Bao tị hiềm cùng chuyện can qua
Lắm đổi dời trong mỗi sát na
Hạnh phúc đó nào phiền cũng đó
Người trí hiểu căn nguyên thống khổ
Tìm hướng đi thoát ngõ quẩn quanh
Ngược dòng mê chánh đạo thực hành
Chứng thánh quả đoạn mầm sanh tử
Nương Phật Đà chí tôn chí thánh
Nương Pháp mầu đại hạnh đại duyên
Nương Tăng Già vô thượng phước điền
Nguyện uy đức cao đầy tiếp độ**

**Nam mô Phật Pháp Tăng Tam Bảo
Nam mô Phật Pháp Tăng Tam Bảo
Nam mô Phật Pháp Tăng Tam Bảo (Lạy)**

DASAPĀRAMĪ - KINH ĐÁO BỈ NGẠN

**1- Đường tu bổ thí đứng đầu, Vị tha là tánh vô
câu là tâm. Không vì thương ghét sơ thân, Bàn
tay ban bố nào phân biệt gì. Hy sinh ngoại vật
tứ chi, Hoặc luôn mạng sống sá gì huyển thân
Phật xưa pháp độ vẹn toàn, Chúng con
nguyện bước theo chân Đại Từ.**

2- Thiện nhân giới hạnh nghiêm trì, Nói làm suy nghĩ luôn khi giữ gìn. Nuôi ý lực dưỡng tâm lành, Cắt dây kiết phược phá thành mê si Hy sinh ngoại vật tứ chi, Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân

Phật xưa pháp độ vẹn toàn, Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

3- Xuất gia vốn hạnh ly trần, Quyết ra nhà lửa bỏ thân luân hồi. Lợi danh quyền thuộc xa rời, Độc cư thanh tịnh sống đời xả ly. Hy sinh ngoại vật tứ chi, Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân

Phật xưa pháp độ vẹn toàn, Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

4- Đền tâm trí tuệ sáng ngời, Bời vô lượng kiếp vun bồi huệ căn. Phân minh thiện ác giả chân, Điều hay chuộng học bạn lành tương tri. Hy sinh ngoại vật tứ chi, Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân

Phật xưa pháp độ vẹn toàn, Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

5- Chính do nghị lực tinh cần, Vượt qua bể ái chướng thân đại hùng Kiên trì giữa cuộc lao lung, Càng nhiều chướng nghịch thêm công tu trì. Hy sinh ngoại vật, tứ chi, Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân. Phật xưa pháp độ vẹn

toàn, Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

6- Đức tu nhẫn nại vạn năng Nuốt điều cay đắng nuôi phần tinh anh Chông gai khéo tạo tâm thành, Xưa nay nguyện lớn hành trình gian nguy. Hy sinh ngoại vật tứ chi, Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân. Phật xưa pháp độ vẹn toàn, Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

7- Thiện hiền chân thật không ngoa, Quý gìn lẽ thật như là bảo châu Chân tâm ấy đạo nhiệm màu, Nói làm nhất quán cho dù hiểm nguy. Hy sinh ngoại vật tứ chi, Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân. Phật xưa pháp độ vẹn toàn, Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

8- Bởi do chí nguyện dẫn đường, Biết nơi cứu cánh mà nương lối về. Bờ kia là đạo bồ đề, Tự lòng đã quyết bến mê phải lìa. Hy sinh ngoại vật tứ chi, Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân. Phật xưa pháp độ vẹn toàn, Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

9- Hạnh lành từ ái bao la, Chúng sanh bốn loại chan hoà tình thương. Lòng như cam lộ suối nguồn, Rải ban phúc lạc lệ tuôn quản gì. Hy sinh ngoại vật tứ chi, Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân. Phật xưa pháp độ vẹn toàn, Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

**10-An nhiên hành xả giữa đời, Khen chê đặng
thất khổ vui thường tình Điều tâm giữ ý quân
bình, Trong cơn bão loạn biết gìn chánh tri. Hy
sinh ngoại vật tứ chi, Hoặc luôn mạng sống sá
gì huyễn thân Phật xưa pháp độ vẹn toàn,
Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.**

**11-Từ trong bể khổ cuộc đời, Đại hùng lập
nguyện cứu người cứu thân Ba la mật hạnh
 vẹn toàn, Dám quên mạng sống quyết tâm
thực hành Nhờ ân Thiện Thệ Cha Lành, Muôn
loài vượt thoát tử sanh luân hồi**

1- Itipi so bhagavā dānaparāmī sampanno

Itipi so bhagavā dānaupapāramī sampanno

Itipi so bhagavā dānaparamatthapāramī sampanno

2- Itipi so bhagavā sīlapāramī sampanno

Itipi so bhagavā sīlaupapāramī sampanno

Itipi so bhagavā sīlaparamatthapāramī sampanno

3- Itipi so bhagavā nekkhammapāramī sampanno

Itipi so bhagavā nekkhammaupapāramī sampanno

Itipi so bhagavā nekkhammaparamatthapāramī sampanno

4- Itipi so bhagavā paññāpāramī sampanno

Itipi so bhagavā paññāupapāramī sampanno

Itipi so bhagavā paññāparamatthapāramī sampanno

5- Itipi so bhagavā viriyapāramī sampanno

Itipi so bhagavā viriyaupapāramī sampanno

Itipi so bhagavā viriyaparamatthapāramī sampanno

- 6- *Itipi so bhagavā khantīpāramī sampanno*
Itipi so bhagavā khantūpapāramī sampanno
Itipi so bhagavā khantīparamatthapāramī sampanno
- 7- *Itipi so bhagavā saccapāramī sampanno.*
Itipi so bhagavā saccaupapāramī sampanno
Itipi so bhagavā saccaparamatthapāramī sampanno
- 8- *Itipi so bhagavā adhiṭṭhānapāramī sampanno*
Itipi so bhagavā adhiṭṭhānaupapāramī sampanno
Itipi so bhagavā adhiṭṭhānaparamatthapāramī sampanno.
- 9- *Itipi so bhagavā mettāpāramī sampanno*
Itipi so bhagavā mettāupapāramī sampanno
Itipi so bhagavā mettāparamatthapāramī sampanno
- 10- *Itipi so bhagavā upekkhāpāramī sampanno*
Itipi so bhagavā upekkhāupapāramī sampanno
Itipi so bhagavā upekkhāparamatthapāramī sampanno
- 11- *Itipi so bhagavā dasapāramī sampanno*
Itipi so bhagavā dasaupapāramī sampanno
Itipi so bhagavā dasaparamatthapāramī sampanno

CHÚC PHÚC

Tất cả hạnh phúc hăng có đến người. Cầu xin Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của Chư Phật. Các sự thịnh lợi thường thường đến người.

Các sự hạnh phúc hăng có đến người. Cầu xin Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của các Pháp. Các sự thịnh lợi thường thường đến người.

Các sự hạnh phúc hằng có đến người. Cầu xin Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của Chư Tăng. Các sự thịnh lợi thường thường đến người.

Bằng những oai lực của Phật, Pháp, Tăng

- **Xin cho cả thầy mọi sự bình an, tu tập tinh tấn đến với mọi người**
- **Xin cho mọi người mở được tuệ nhãn. Thấy được các pháp vô thường trong thế gian, Xả bỏ mọi sự chấp thủ. Người quá vãng được sanh về cảnh lành Người còn sống được an lạc thân tâm**
- **Lành thay, lành thay, lành thay!**

Bhavatu sabba maṅgalaṃ. Rakkhantu sabba devatā. Sabba buddhānu bhāvena. Sadā sotthī bhavantu te.

Bhavatu sabba maṅgalaṃ. Rakkhantu sabba devatā. Sabba dhammānu bhāvena. Sadā sotthī bhavantu te.

Bhavatu sabba maṅgalaṃ. Rakkhantu sabba devatā. Sabba saṅghānu bhāvena. Sadā sotthī bhavantu te.

Sadhu, sadhu, sadhu !

KỆ CỦA ĐẠI ĐỨC SARIPUTTA

Đây là bài kệ của Đại Đức Sariputta (Xá-Lợi-Phất) đọc lên cổ xúy chúng ta, bất cứ lúc nào, hoặc trong hoàn cảnh nào, cũng nên đặt trọn vẹn niềm tin tưởng nơi Tam Bảo.

"Hãy trương cao ngọn cờ Chân Lý!

**Hãy hoằng dương Chánh Pháp cao minh
Những lúc bàn tay kinh khủng Lạnh lùng siết
chặt tim ta,**

**Đừng tưởng nhớ đến Chư Thiên, Thần thánh,
Vì như ta, họ cũng run sợ hãi hùng.**

**"Giữa rừng già hiu quạnh, trong bóng tối trập
trùng,**

Khi ngọn đèn hy vọng lao chao muốn tắt;

**Đừng tưởng nhớ đến Chư Thiên, Thần thánh;
Vì như ta, ánh sáng họ cũng tàn.**

"Trong giờ phút lâm ly hấp hối,

Lời nghẹn giữa đôi môi, lệ trào như suối.

**Đừng tưởng đến Chư Thiên, Thần thánh,
Vì như ta, họ cũng nhỏ lệ biệt ly.**

"Hãy ngược mắt lên: Nhìn ngọn cờ Tam Bảo!

**Tưởng nhớ đến Đức Thế Tôn, bậc chiến thắng
oai hùng,**

**Đến Chánh Pháp, ánh sáng huy hoàng vĩnh cửu,
Đến Tăng Già, tập đoàn giới tịnh đức cao.**

Hỡi đạo hữu!

Là chiến sĩ giữa quân thù "phiền não",

Mắt đừng lìa ngọn Tam Bảo uy kỳ,

Tâm đừng xa ân đức Phật - Pháp - Tăng,

Hãy dũng tiến trên con đường "Giải Thoát"!

LỜI NGUYỆN CẦU

Bằng những công hạnh do con tu tập chánh pháp,

Xin chia đều đến mọi chúng sanh trong các cảnh giới

Đều được an vui và hạnh phúc.

Xin cho người mù được thấy chánh pháp.

Xin cho người điếc được nghe chánh pháp.

Xin cho người trần truồng có được áo quần che thân.

Xin cho người đói được có bữa ăn.

Xin cho người khát được có nước uống.

Xin cho người không nhà có được mái nhà che mưa nắng.

Xin cho những người đang đau đớn và thương tật

Được mau lành khỏi đau đớn.

Xin cho thế giới được tránh khỏi các bệnh tật .

Xin cho bệnh hoạn vì bất cứ nguyên do gì đừng tái lập lại.

Xin cho mọi người yêu thương nhau và chia sẻ cho nhau.

Xin cho mọi người đều phát triển lòng từ.

Cho đến khi vũ trụ này và sinh linh còn tồn tại,

Con xin nguyện tu tập để giải trừ các khổ đau của cảnh giới này.

Nam Mô Phật. Nam Mô Pháp. Nam Mô Tăng.

**NĂM PHÁP QUÁN – PAÑCA
ABHIÑHAPACCAVEKKHAṆA**

**Phật xưa rằng kiếp nhân sinh. Lắm điều khổ lụy
chẳng dành riêng ai Xuân xanh rồi cũng tàn
phai. Thời hoa mộng tựa sương mai đầu cành
Tấm thân tứ đại hiệp thành. Ốm đau tật bệnh
thường tình xưa nay Dù cho thọ mạng ngắn dài.
Cổ kim nào kẻ thoát tay tử thần Người thân ly
biệt người thân. Trăm năm bao lượt khó ngăn lệ
nhoà Mỗi người riêng nghiệp thiếu đa. Rừng mê
bể khổ phải qua một mình Tử sinh nối tiếp tử
sinh. Trăm luân khởi tự vô minh cội nguồn Trí
nhân hiểu lẽ vô thường. Tinh cần tu tập thẳng
đường vô sanh.**

*Jarādhammomhi jaraṃ anatīto. Byādhidhammomhi byāधिṃ
anatīto*

Maraṇadhammomhi maraṇaṃ anatīto.

Sabbehi me piyehi manāpehi nānābhavo vinābhāvo

Kammasakomhi kammadāyādo kammayoni

Kammabandhu kammaṭṭisaraṇo

Yaṃ kammaṃ karissāmi kaḷyāṇaṃ vā

Pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmi.

**NĂM ĐIỀU QUÁN TƯỞNG -
ABHIÑHAPACCAVEKKHAPĀTHO**

Thế Tôn lời dạy tỏ tưởng

Năm điều quán tưởng phải thường xét ra
*Buddhavacanaṃ pāsādikaṃ. Pañca anussatiyo sammā
manasikaritabbā.*

Ta đây phải có sự già
Thế nào tránh thoát lúc qua canh tàn.
*Jarādhammomhi, na me etaṃ atītikaṃ kathaṃ nu jīramāno
mucceyyāmi*

Ta đây bệnh tật phải mang
Thế nào tránh thoát đặng an mạnh lành
*Vyādhidhammomhi, na me etaṃ atītikaṃ kathaṃ nu arogo
bhavissāmi*

Ta đây sự chết sẵn dành
Thế nào tránh thoát tử sanh đến kỳ.
*Maraṇadhammomhi, na me etaṃ atītikaṃ kathaṃ nu marañā
paññāyeyya.*

Ta đây phải chịu phân ly
Nhân vật quý mến ta đi biệt mà
Piyehi vippayogo, na me etaṃ atītikaṃ.

Ta đi với nghiệp của ta
Dầu cho tốt xấu tạo ra tự mình.
Kammasakomhi, kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā sayamaṃ katvā.

Theo ta như bóng theo hình
Ta thọ quả báo phân minh kết thành.
*Mama anurūpā caṅkamati, kammavipākā paṭicchannā
bhavanti.*

KINH QUÁN NIỆM

Tự tánh vô thường. Sanh diệt biến đổi. Phổ cập pháp giới. Không phân xóm làng. Gia tộc quốc độ. Ba cõi nhân thiên

Tự tánh khổ não. Sâu hận ưu bi. Phổ cập pháp giới. Không phân xóm làng. Gia tộc quốc độ. Ba cõi nhân thiên

Tự tánh vô ngã. Vô chủ vô quyền. Phổ cập pháp giới. Không phân xóm làng. Gia tộc quốc độ. Ba cõi nhân thiên

Tất cả chúng hữu tình. Phải vĩnh biệt cõi đời. Vì mạng sống vạn loại. Chung cuộc là sự chết. Ra đi với nghiệp quả. Làm thiện sanh cõi vui. Làm ác sanh khổ cảnh. Người trí năng làm thiện. Vì phúc đức tùy thân. Chính là nơi nương nhờ. Đời này và đời sau

Sự sống thật ngắn ngủi. Đưa dân đến tử vong. Không ai làm khác được. Người lãnh hội điều này. Năng làm các việc thiện. Vì công đức đã tạo. Là cội nguồn hạnh phúc

Pháp hành vốn vô thường. Sanh diệt là tự tánh. Có sanh hẳn phải diệt. Tịch tịnh là an lạc

Các hành đều vô thường. Quán chiếu bằng trí tuệ. Nhờ vậy yếm ly khổ. Ấy là đường thanh tịnh. Các hành đều khổ não. Quán chiếu bằng trí tuệ. Nhờ vậy yếm ly khổ. Ấy là đường thanh tịnh.

**Các pháp đều vô ngã. Quán chiếu bằng trí tuệ.
Nhờ vậy yếm ly khổ. Ấy là đường thanh tịnh.**

*Nagāmadhammo nigamassa dhammo na cāpiyaṃ ekakulassa
dhammo sabbassa lokassa sadevakassa eseva dhammo yadidaṃ
aniccatā*

*Nagāmadhammo nigamassa dhammo na cāpiyaṃ ekakulassa
dhammo sabbassa lokassa sadevakassa eseva dhammo
yadidañca dukkhatā*

*Nagāmadhammo nigamassa dhammo na cāpiyaṃ ekakulassa
dhammo sabbassa lokassa sadevakassa eseva dhammo yadidaṃ
anattatā*

*Sabbe sattā marissantī maraṇantaṃ hi jīvitaṃ yathākammaṃ
gamissantī puññapāpaphalūpagā nirayaṃ pāpakammantā
puññakammā ca sugatiṃ tasmā kareyya kalyānaṃ nicayaṃ
samparāyikaṃ puññāni paralokasmim patitṭhā honti pāṇinaṃ
Upanīyati jīvitamappamāyumaṃ. Jarūpanītassa na santi tāṇā
Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno. Puññāni kariyātha
sukhāvahāni*

*Aniccā vata saṅkhārā uppādavayadhammino uppajjitvā
nirujjhanti tesaṃ vūpasamo sukho*

*Sabbe saṅkhārā aniccāti yadā paññāya passati atha nibbindati
dukkhe esa maggo visuddhiyā*

*Sabbe saṅkhārā dukkhāti yadā paññāya passati atha nibbindati
dukkhe esa maggo visuddhiyā*

*Sabbe dhammā anattāti yadā paññāya passati atha nibbindati
dukkhe esa maggo visuddhiyā*

KINH HỒI HƯỚNG CHƯ THIÊN

Chư Thiên ngự trên hư không,
Địa cầu thượng ngự rõ thông mọi điều.
Long Vương thần lực có nhiều,
Đồng xin hoan hỷ phước đều chúng tôi.
Hộ trì Phật giáo tăng bồi,
Các bậc Thầy tổ an vui lâu dài.
Quyển thuộc tránh khỏi nạn tai,
Chúng sanh được hưởng phước dài bền lâu.
Chúng con vui thú đạo mầu,
Tu hành tin tấn ngõ hầu siêu sanh. (Lạy)

*Ākāsa-tṭhā ca bhumma-tṭhā, Devā Nāgā mah'iddhikā
Puññaṃ no anumodantu, Ciraṃ rakkhantu sāsanam.
Ākāsa-tṭhā ca bhumma-tṭhā, Devā Nāgā mah'iddhikā
Puññaṃ no anumodantu, Ciraṃ rakkhantu no garū.
Ākāsa-tṭhā ca bhumma-tṭhā, Devā Nāgā mah'iddhikā
Puññaṃ no anumodantu, Ciraṃ rakkhantu ñatayo.
Ākāsa-tṭhā ca bhumma-tṭhā, Devā Nāgā mah'iddhikā
Puññaṃ no anumodantu, Ciraṃ rakkhantu pānino.
Ākāsa-tṭhā ca bhumma-tṭhā, Devā Nāgā mah'iddhikā
Puññaṃ no anumodantu, Ciraṃ rakkhantu no sadā.*

KINH VÔ ÚY

Nguyện cầu uy đức Phật Bảo

Nguyện cầu uy đức Pháp Bảo

Nguyện cầu uy đức Tăng Bảo

Xin Tam Bảo gia hộ

Ngăn ngừa mọi tai ương. Những hiện tượng

bất tường. Những mộng mị xấu xa. Những

ngịch duyên trở ngại. Thảy đều mau tan biến

Nguyện muôn loài chúng sanh. Người khổ xin

hết khổ. Người sợ hết sợ hãi. Người sâu hết

sâu bi. Biết cho với niềm tin. Biết hộ trì giới

hạnh. Biết lạc trú trong thiên

Chư Thiên đã vân tập. Xin tùy hỷ phước lành.

Được cát tường như ý. Rồi phản hồi thiên xứ

Chư Toàn Giác đại lực. Chư Độc Giác đại lực.

Thinh Văn Giác đại lực. Nguyện tổng trì uy đức.

Câu phúc lành phát sanh (Lạy)

Abhayaparittagāthā

*Yandunnimittam avamaṅgalañca yo cāmanāpo sakuṇassa
saddo pāpaggaho dussupinaṃ akantaṃ buddhānubhāvena
vināsamentu*

*Yandunnimittam avamaṅgalañca yo cāmanāpo sakuṇassa
saddo pāpaggaho dussupinaṃ akantaṃ dhammānubhāvena
vināsamentu*

*Yandunnimittam avamaṅgalañca yo cāmanāpo sakuṇassa
saddo pāpaggaho dussupinaṃ akantaṃ saṅghānubhāvena
vināsamentu*

*Dukkhappattā ca niddukkhā bhayappattā ca nibbhayā
sokappattā ca nissokā hontu sabbepi pāṇino ettāvatā ca amhehi
sambhataṃ puññasampadaṃ sabbe devānumodantu
sabbasampattisiddhiyā dānaṃ dadantu saddhāya sīlaṃ
rakkhantu sabbadā bhāvanābhiratā hontu gacchantu
devatāgatā
Sabbe buddhā balappattā paccekānañca yaṃ balaṃ
arahantānañca tejena rakkhaṃ bandhāmi sabbaso*

SACCAPÀNAVIDHYÀNURÙPAGÀTHÀ - KỆ TỤNG VỪA THEO LỄ PHẢI

Lời nói ngay thật là lời nói không chết. Pháp ấy là Pháp của bậc tiên hiền. Các bậc Hiền triết là người chú trọng lời nói ngay thật, lời ngay thật cũng là lời giải, cũng là Pháp vậy. Đức tin là gia tài cao quý hơn hết, trong thế gian của bậc Hiền triết. Pháp ấy mà người hành chơn chánh thì nó đem đến sự an vui. Lời ngay thật này đây là hương vị ngon ngọt hơn các hương vị. Các bậc Trí tuệ đã nói về sanh mạng những người sống vì Trí tuệ, là sống cao thượng hơn cả.

Khi người tin phước báo (để dùng làm lộ phí) sẽ đạt đến Niết-bàn, ấy là Pháp của các bậc A-La-Hán. Sự nghe phải lễ hăng được phát sanh Trí tuệ.

Người mà không dễ duôi, không bòn xén. Thường hay làm những việc nên làm.

Là người năng gắng sức hằng được của cải. Là người hằng được danh vọng vì lòng ngay thật. Người bố thí hằng được duy trì tình bằng hữu. Cả 4 Pháp này, mà có đến người nào là người Thiện tín tại gia. Người ngay thật tu thân hết lòng bố thí, nhẫn nhục, khi lìa cõi này, thường không mền tiếc.

Nếu trong thế gian này có Pháp cao thâm hơn: Ngay thật, tu thân, bố thí, nhẫn nhịn, thì cầu người hỏi thêm các thầy Sa-Môn cùng Bà-La-Môn khác cho nhiều người xem thử.

Saccaṃ ve amatā vācā. Esa dhammo sanantano. Sacce atthe ca dhamme ca, Āhu santo paṭiṭṭhitā. Saddhidha vittaṃ purisassa seṭṭhaṃ. Dhammo suciṇṇo sukhamā vahāti.

Saccaṃ have sādhutaraṃ rasānaṃ.

Paññājivijīvitamāhu seṭṭhaṃ. Saddahāno arahataṃ, Dhammaṃ nibbānapattiyā.

Sussūsaṃ labhate paññaṃ. Appamatto vicakkhaṇo.

Paṭirūpakārī dhuravā. Uṭṭhātā vindate dhanam. Saccena kittiṃ pappoti. Dadaṃ mittāni ganthati.

Yassete caturo dhammā, Saddhassa gharamesino. Saccaṃ dhammo dhiti cāgo, Save pecca na socati.

Ingā aññe pi pucchassu,, Puthū samaṇabrāhmaṇe,

Yadi saccā damā cāgā, Khantiyā bhiyyodha vijjatīti.

DEVATODDISSADAKKHIṆĀNUMODANAGĀTHĀ - KỆ TỤNG ĐỂ HỒI HƯƠNG QUẢ BỒ THÍ ĐẾN CHƯ THIÊN

**Những bậc Trí tuệ được ở trong nước nào.
Thường thỉnh các bậc trì giới cao thượng là bậc
thu thúc, đến thọ thực trong nước.**

**Chư Thiên đã hội tại chỗ cúng dường, thì bậc Trí
tuệ nên hồi hương quả Dakkhiṇādāna đến Chư
Thiên ấy.**

**Chư Thiên mà bậc Trí tuệ đã cúng dường, đã tiếp
rước do quả (Dakkhiṇādāna) hằng cúng dường,
hằng tiếp rước bậc Trí tuệ.**

**Bởi bậc Trí tuệ hồi hương quả Dakkhiṇādāna đến
Chư Thiên, thì Chư Thiên hộ trì lại bậc Trí tuệ,
cũng như cha mẹ tiếp dẫn con đẻ vậy.**

**Thiện tín được Chư Thiên hộ trì rồi, thì hằng
thấy rõ các nghiệp lành.**

Yasmim padese kappeti, Vāsaṃ paṇḍitajātiyo.

Sīlavantettha bhojetvā, Saññate brahmacārino.

Yā tattha devatā āsuṃ, Tāsaṃ dakkhiṇamādise.

Tā pūjitā pūjayanti, Mānitā mānayanti naṃ.

Tato naṃ anukampanti, Mātā puttava orasaṃ.

Devānukampito poso, Sadā bhadraṇi passati.

KINH CHÚC NGUYỆN

Nguyện phước lành sung mãn, Hồi hướng chư
hương linh Như muôn sông ra biển,
Xin tất cả nguyện lành, Được kịp thời viên đắc,
Xin ý thiện tâm thành
Thường trong sáng chiếu diệu. Như trăng tỏ
ngày rằm. Như ma ni ngọc báu
Cầu uy đức Phật Bảo
Cầu uy đức Pháp Bảo
Cầu uy đức Tăng Bảo
Cầu Chư Thiên gia hộ
Tất cả điều phúc lành.
Luôn tợ thành như nguyện (Lạy)

*Yathā vārivahā pūrā, Paripūrenti sāgaram. Evameva ito
dinnam, Petānam upakappati
Icchitam patthitam tumham, Khippameva samijjhatu. Sabbe
pūrentu saṅkappā, Cando paṇṇaraso yathā. Maṇi jotiraso
yathā,
Bhavatu sabbamaṅgalam, Rakkhantu sabbadevatā,
Sabbabuddhānubhāvena, Sadā sotthī bhavantu te
Bhavatu sabbamaṅgalam, Rakkhantu sabbadevatā
Sabbadhammānubhāvena, Sadā sotthī bhavantu te
Bhavatu sabbamaṅgalam, Rakkhantu sabbadevatā
Sabbasanghānubhāvena, Sadā sotthī bhavantu te*

PHẦN 2: NHỮNG BÀI KINH THƯỜNG TỤNG KINH HUÂN TẬP CÔNG ĐỨC

Người chôn giấu tài sản. Nơi hang sâu mực nước. Dụng tâm lúc hữu sự. Bị phép nước luật vua. Hay gặp phải cường hào. Đem chuộc thân giữ mạng. Hoặc trang trải nợ nần. Hoặc phòng cơn đói kém. Sự cất giấu như vậy. Là thường tình thế gian. Vị tất đã an toàn.

Dù chôn sâu giấu kín. Có khi bị thất thoát. Vì tài chủ lãng quên. Hay long chủng dời đổi. Dạ xoa đoạt mang đi. Hay bị kẻ thừa tự. Sanh lòng tham đánh cắp. Hoặc hết phước làm chủ. Tài sản tự biến mất

Ai bố thí trì giới. Phòng hộ và tự chế. Gọt cất giữ tài sản. Bảo đảm và an toàn. Ai cúng dường đền tháp. Nặng phụng dưỡng mẹ cha. Hậu đãi bậc huynh trưởng. Hay khách khứa láng giềng. Khéo cất giữ như vậy. Không ai chiếm đoạt được.

Khi mạng sống chấm dứt. Bao của tiền bỏ lại. Chỉ mang theo phước đức. Phước là tài sản thật. Không thể bị chiếm đoạt. Bậc trí tạo phúc nghiệp. Thứ tài sản đáng quý. Khiến trời người các cõi. Được mãn nguyện hài lòng.

Người màu da tươi sáng. Giọng nói đẹp lòng người. Dung mạo nhìn dễ mến. Có phong cách

**đoan trang. Người quyền quý cao sang. Bậc
vương triều tôn chủ. Bậc chuyển luân thánh
chúa. Bậc thiên vương cõi trời. Tất cả quả lành
này. Do công đức đã tạo**

**Những hạnh phúc trần gian. Cùng thiên lạc cõi
trời. Quả Niết Bàn vô thượng. Tất cả quả lành
này. Do công đức đã tạo**

**Người có được bạn lành. Đây đủ chánh tư niệm.
Đạt chánh trí giải thoát. Tất cả quả lành này. Do
công đức đã tạo**

**Bốn tuệ giác phân tích. Của thánh đệ tử Phật.
Hay độc giác toàn giác. Tất cả quả lành này. Do
công đức đã tạo**

**Bởi lợi lạc to lớn. Của phước hạnh đã làm. Nên
thiện nhân hiền trí. Tán thán và khuyến khích.
Sự cất giấu tài sản. Bằng tích lũy phước lành**

*Nidhikaṇḍasuttaṃ Nidhiṃ nidheti puriso Gambhīre udakantike
Atthe kicce samuppanne Atthāya me bhavissati. Rājato vā
duruttassa Corato pīlitassa vā Inassa vā pamokkhāya
Dubbhikkhe āpadāsu vā Etadatthāya lokasmim Nidhi nāma
nidhīyati. Tāvassunihito santo Gambhīre udakantike Na sabbo
sabbadā yeva Tassa taṃ upakappati.*

*Nidhi vā thānā cavati Saññā vāssa vimuyhati Nāgā vā
apanāmenti Yakkhā vāpi haranti naṃ Appiyā vāpi dāyādā
Uddharanti apassato Yadā puññakkhayo hoti Sabbametaṃ
vinassati*

*Yassa dānena sīlena Saññamena damena ca Nidhī sunihito hoti
Itthiyā purisassa vā Cetiyamhi ca saṅghe vā puggale atithīsu vā
Mātari pitari vāpi Atho jeṭṭhamhi bhātari Eso nidhi sunihito
Ajeyyo anugāmiko Pahāya gamanīyesu Etaṃ ādāya gacchati
Esa devamanussānaṃ Sabbakāmadado nidhi Yaṃ yaṃ
devābhipatthenti Sabbametena labbhati.*

*Suvaṇṇatā susaratā Susaṅghānaṃ surūpatā Ādhipaccaṃ
parivāro sabbametena labbhati*

*Padesarajjaṃ issariyaṃ cakkavattisukhaṃ piyaṃ Devarajjampi
dibbesu Sabbametena labbhati.*

*Mānusikā ca sampatti Devaloke ca yā rati Yā ca
nibbāṇasampatti Sabbametena labbhati*

Mittasampadamāgamma Yoniso ce payuñjato

Vijjāvimuttivasībhāvo Sabbametena labbhati

*Paṭisambhidā vimokkhā ca. Yā ca sāvakaṃpāramī. Paccekabodhi
buddhabhūmi. Sabbametana labbhati Evaṃ mahatthikā esā.*

*Yadidaṃ puññasampadā. Tasmā dhīrā pasamsanti. Paṇḍitā
katapuññātaṃ*

QUÁN TƯỜNG TỨ VẬT DỤNG

QUÁN TƯỜNG YẾU TỔ CỦA TỨ VẬT DỤNG

Y phục này dùng làm phương tiện. Đó chỉ là tứ đại sở sanh. Người dùng y cũng là duyên đại. Phi chúng sanh, thọ giả, tánh không.

Vật thực này dùng làm phương tiện. Đó chỉ là tứ đại sở sanh. Người thọ thực cũng là duyên đại. Phi chúng sanh, thọ giả, tánh không.

Chỗ ở này dùng làm phương tiện. Đó chỉ là tứ đại sở sanh. Người trú ngụ cũng là duyên đại. Phi chúng sanh, thọ giả, tánh không.

Dược phẩm này dùng làm phương tiện. Đó chỉ là tứ đại sở sanh. Người trú ngụ cũng là duyên đại. Phi chúng sanh, thọ giả, tánh không.

*Yathā paccayaṃ pavattamaṇaṃ dhātu-mattam’ evetaṃ
yad’idaṃ cīvaraṃ tad’upabhuñjako ca puggalo dhātu-mattako
nissatto nijjīvo suñño.*

*Yathā paccayaṃ pavattamaṇaṃ dhātu-mattam’ evetaṃ
yad’idaṃ piṇḍapāto tad’upabhuñjako ca puggalo dhātu-
mattako nissatto nijjīvo suñño.*

*Yathā paccayaṃ pavattamaṇaṃ dhātu-mattam’ evetaṃ
yad’idaṃ senāsanam tad’upabhuñjako ca puggalo dhātu-
mattako nissatto nijjīvo suñño.*

*Yathā paccayaṃ pavattamaṇaṃ dhātu-mattam’ evetaṃ
yad’idaṃ gilāna-ppaccaya-bhesajja-parikkāro tad’upabhuñjako
ca puggalo dhātu-mattako nissatto nijjīvo suñño.*

QUÁN TƯỜNG SỰ ĐÁNG GỚM CỦA TỨ VẬT DUNG

Người dùng y phải thường quán tưởng. Y phục này vốn chẳng gồm đâu. Khi xúc chạm vào thân uế trước. Liên trở nên đáng gớm biết bao.

Người thọ thực phải thường quán tưởng. Vật thực này vốn chẳng gồm đâu. Khi xúc chạm vào thân uế trước. Liên trở nên đáng gớm biết bao.

Người trú ngụ phải thường quán tưởng. Liều cốc này vốn chẳng gồm đâu. Khi xúc chạm vào thân uế trước. Liên trở nên đáng gớm biết bao.

Người dùng thuốc phải thường quán tưởng. Dược phẩm này vốn chẳng gồm đâu. Khi xúc chạm vào thân uế trước. Liên trở nên đáng gớm biết bao.

Sabbāni pan'imāni cīvarāni ajigucchanīyāni. Imaṃ pūti-kāyaṃ patvā ativiyā jigucchanīyāni jāyanti.

Sabbo pan'āyaṃ piṇḍapāto ajigucchanīyo. Imaṃ pūti-kāyaṃ patvā ativiyā jigucchanīyo jāyanti.

Sabbāni pan'imāni senāsanāni ajigacchanīyāni. Imaṃ pūti-kāyaṃ patvā ativiyā jigucchanīyāni jāyanti.

Sabbo pan'āyaṃ gilāna-ppaccaya-bhesajja-parikkāto ajigucchanīyo. Imaṃ pūti-kāyaṃ patvā ativiyā jigucchanīyo jāyati.

QUÁN TƯỚNG KHI ĐANG THỌ DỤNG TỨ SỰ

Chơn chánh quán tưởng rằng:

Ta thọ dụng y phục. Để ngăn ngừa nóng lạnh. Hoặc xúc chạm muỗi mòng. Gió sương và mưa nắng. Cùng rắn rít côn trùng. Và chỉ để che thân. Tránh những điều hổ thẹn.

Chơn chánh quán tưởng rằng:

Ta thọ dụng vật thực. Không phải để vui đùa. Không ham mê vô độ. Không phải để trang sức. Không tự làm đẹp mình. Mà chỉ để thân này. Được bảo trì mạnh khoẻ

Để tránh sự tổn thương. Để trợ duyên phạm hạnh. Cảm thọ cũ được trừ. Thọ mới không sinh khởi. Và sẽ không lâm lỗi. Ta sống được an lành.

Chơn chánh quán tưởng rằng:

Ta thọ dụng liêu thất. Để ngăn ngừa nóng lạnh. Hoặc xúc chạm muỗi mòng. Gió sương và mưa nắng. Cùng rắn rít côn trùng. Để giải trừ nguy hiểm. Do phong thổ tứ thời. Và chỉ với mục đích. Sống độc cư an tịnh

Chơn chánh quán tưởng rằng:

Ta thọ dụng y dược. Dành cho người bệnh dùng. Để ngăn ngừa cảm thọ. Tàn hại đã phát sanh. Được hoàn toàn bình phục.

*Paṭisaṅkhā yoniso cīvaram paṭisevāmi yāv'adeva sītassa
paṭighātāya uṇhassa paṭighātāya daṃsa-makasa-vātā-tapa-*

*siriṃsapa- samphassānaṃ paṭighātāya yāv’adeva hiri-kopinap-
paṭicchādan’atthaṃ.*

*Paṭisaṅkhā yoniso piṇḍapātaṃ paṭisevāmi n’eva davāya na
madāya na maṇḍanāya na vibhūsanāya yāv’adeva imassa
kāyassa ṭhitiyā yāpanāya vihims’ūparatiyā brahma-
cariy’ānuggahāya. Iti purāṇaṅca vedanaṃ paṭihaṅkhāmi
navaṅca vedanaṃ na uppādessāmi yātrā ca me bhavissati an-
avajjatā ca phāsu-vihāro cā’ti.*

*Paṭisaṅkhā yoniso senāsanam paṭisevāmi yāv’adeva sītassa
paṭighātāya uṇhassa paṭighātāya daṃsa-makasa-vātā-tapa-
siriṃsapa- samphassānaṃ paṭighātāya yāv’adeva utu-
parissaya-vinodanaṃ paṭisallān’ārām’atthaṃ.*

*Paṭisaṅkhā yoniso gilāna-ppaccaya-bhesajja-parikkāram
paṭisevāmi yāv’adeva uppanānam veyyābādhikānam
vedanānam paṭighātāya abyābajjha-paramatāyā’ti.*

QUÁN TƯỞNG LAI TỬ SỰ (ĐÃ DÙNG TRONG NGÀY)

**Y phục dùng trong ngày. Mà ta chưa quán
tưởng. Y phục ấy được dùng. Để ngăn ngừa
nóng lạnh. Hoặc xúc chạm muỗi mòng. Gió
sương và mưa nắng. Cùng rắn rít côn trùng. Và
chỉ để che thân. Tránh những điều hổ thẹn.**

**Vật thực dùng trong ngày. Mà ta chưa quán
tưởng. Vật thực ấy được dùng. Không phải
để vui đùa. Không ham mê vô độ. Không phải
để trang sức. Không tự làm đẹp mình. Mà chỉ
để thân này. Được bảo trì mạnh khoẻ. Để tránh
sự tổn thương. Để trợ duyên phạm hạnh. Cảm**

thọ cũ được trừ. Thọ mới không sanh khởi. Và sẽ không lâm lỗi. Ta sống được an lành.

Chỗ ở dùng trong ngày. Mà ta chưa quán tưởng. Chỗ ở ấy được dùng. Để ngăn ngừa nóng lạnh. Hoặc xúc chạm muỗi mòng. Gió sương và mưa nắng. Cùng rắn rít côn trùng. Để giải trừ nguy hiểm. Do phong thổ tứ thời. Và chỉ với mục đích. Sống độc cư an tịnh.

Dược phẩm dùng trong ngày. Mà ta chưa quán tưởng. Dược phẩm ấy được dùng. Để ngăn ngừa cảm thọ. Tàn hại đã phát sanh. Được hoàn toàn bình phục.

Ajja mayā appaccavekkhitvā yaṃ cīvaraṃ paribhuttaṃ taṃ yāv’adeva sītassa paṭighātāya uñhassa paṭighātāya daṃsa-makasa-vātā-tapa-siriṃsapa-samphassānaṃ paṭighātāya yāv’adeva hiri-kopina-ppaṭicchādan’attham.

Ajja mayā appaccavekkhitvā yo piṇḍaPāto paribhutto so n’eva davāya na madāya na maṇḍanāya na vibhūsanāya yāv’adeva imassa kāyassa ṭhitīyā yāpanāya vihims’ūparatīyā brahmacariy’ānuggahāya. Iti purāṇaṅca vedanaṃ paṭihaṅkhāminavaṅca vedanaṃ na upPādessāmi yātrā ca me bhavissati an-avajjatā ca phāsu-vihāro cā’ti.

Ajja mayā appaccavekkhitvā yaṃ senāsanamaṃ paribhuttaṃ taṃ yāv’adeva sītassa paṭighātāya uñhassa paṭighātāya daṃsa-makasa-vātā-tapa-siriṃsapa-samphassānaṃ paṭighātāya yāv’adeva utu-parissaya-vinodanaṃ paṭisallān’ārām’attham.

Ajja mayā appaccavekkhitvā yo gilāna-ppaccaya-bhesajja-parikkāro paribhutto so yāv’adeva uppannānaṃ

*veyyābādhikānaṃ vedanānaṃ paṭighātāya abyābajjha-
paramatāyā'ti.*

RATANASUTTA - KINH CHÂU BÁU

Dẫn nhập

**Tôn Giả A Nan Đa. Với từ tâm vô lượng. Trì tụng
Kinh Châu Báu. Suốt trọn cả đêm dài
Ba vòng thành Vô Sa Li. Niệm tất cả ân đức. Của
Như Lai đại lực. Là mười ba la mật
Mười thượng ba la mật. Mười thắng ba la mật.
Năm pháp đại thí xả. Ba hạnh nguyện độ sanh.
Trong kiếp chót giáng trần. Xuất gia tâm giải
thoát. Khổ hạnh nghiệm đạo mầu. Chiến thắng
đại ma quân. Đạt nhất thiết chủng trí. Chứng
chín pháp siêu phàm. Chư Thiên khắp các cõi.
Mười muôn triệu thế giới. Đều vui mừng lãnh
hội.**

**Kinh Châu Báu uy lực. Tiêu trừ mọi tai ương. Đói
khát và bệnh tật. Cùng phi như quấy nhiễu.
Trong thành Vô Sa Li. Thầy đều được tan biến.
Chúng đệ tử nhất tâm. Trì tụng kinh Châu Báu**

*Paṇidhānato paṭṭhāya tathāgatassa dasa. Pāramiyo dasa
upapāramiyo dasa*

*Paramatthapāramiyo pañca mahāpariccāge. Tisso cariyā
pacchimabbhave gabbhā*

*Vakkantiṃ jātiṃ abhinikkhamanaṃ. Padhānacariyaṃ
bodhipallaṅke māravija-*

*Yaṃ sabbaññutaññāṇappaṭivedhaṃ nava. Lokuttaradhammeti
sabbe pime buddhagaṇe āvajjitvā vesāliyā tīsu pākārantaresu.
Tiyāmarattiṃ parittaṃ karonto āyasmā ānandatthero viya
kāruññacittaṃ. Upatṭhapetvā koṭisatasahassesu cakkavāḷesu
devatā yassānampatiggaṇhanti yañca Vesāliyaṃpure rogā
manussadubbhikkha sambhūtantividhaṃ bhayaṃ
khippamantaradhāpesi parittantaṃ bhaṇāma he. Yānīdha
bhūtāni samāgatāni. Bhum māni vā yāniva antalikkhe. Sabbe va
bhūtā sumanā bhavantu. Athopi sakkacca suṇantu bhāsitaṃ.
Tasmā hi bhūtāni sāmetha sabbe
Mettaṃ karotha mānusiya pajāya. Divā ca ratto ca haranti ye
baliṃ. Tasmā hi ne rakkhatha appamattā.*

Chánh kinh:

**Chúng thiên nhân các cõi. Dù thiên tiên địa tiên.
Đã vâng tập nơi đây. Mong khởi lòng hoan hỷ.
Thành kính nghe lời này. Rồi với tâm bi mẫn.
Nặng hộ trì nhưn loại. Vốn đêm ngày hồi hướng.
Phước lành đến Chư Thiên.**

**Những vật quý trong đời. Chỗ này hay nơi khác.
Cả châu báu cõi trời. Không gì sánh bằng được.
Vớ Như Lai Thiện Thệ. Do vậy chính đức Phật.
Là châu báu thù diệu. Mong với chân ngôn này.
Tự thành muôn hạnh phúc.**

**Pháp bất tử tối thượng. Ly dục diệt phiền não.
Phật Thích Ca Mâu Ni. Chứng pháp ấy trong
thiên. Không gì sánh bằng được. Pháp thiên vi
diệu ấy. Do vậy chính Chánh Pháp. Là châu báu**

**thù diệu. Mong với chân ngôn này. TỰ thành
muôn hạnh phúc**

**Con đường thanh lọc tâm. Là tu tập thiền định.
Chứng hiện tại lạc trú. Đức Phật hằng ngợi
khen. Không gì so sánh được. Do vậy chính
Chánh Pháp. Là châu báu thù diệu. Mong với
chân ngôn này. TỰ thành muôn hạnh phúc.**

**Thánh tám vị bốn đôi. Là những bậc ứng cúng.
Đệ tử đấng Thiện Thệ. Được trí giả tán thán.
Cúng dường đến các ngài. Hưởng vô lượng công
đức. Do vậy chính Tăng Chúng. Là châu báu thù
diệu. Mong với chân ngôn này. TỰ thành muôn
hạnh phúc.**

**Bậc tu hành thiếu dục. Với ý chí kiên trì. Khéo
chơn chánh phụng hành. Lời dạy đức Điều Ngự.
Chứng đạt quả giải thoát. Thể nhập đạo bất tử.
Lạc trú quả tịch tịnh. Do vậy chính Tăng Chúng.
Là châu báu thù diệu. Mong với chân ngôn này.
TỰ thành muôn hạnh phúc.**

**Ví như cột trụ đá. Khéo chôn chặt xuống đất.
Dầu bốn hướng cuồng phong. Cũng không thể
lay động. Ta nói bậc chân nhân. Liễu ngộ tứ
thánh đế. Cũng tự tại bất động. Trước tám pháp
thế gian. Do vậy chính Tăng Chúng. Là châu báu
thù diệu. Mong với chân ngôn này. TỰ thành
muôn hạnh phúc.**

**Bậc thánh tu đà huờn. Chứng tri lý thánh đẽ.
Được đức Gô Ta Ma. Khéo thuyết giảng tường
tận. Các ngài dù phóng dật. Thì cũng không bao
giờ. Tái sanh kiếp thứ tám. Do vậy chính Tăng
Chúng. Là châu báu thù diệu. Mong với chân
ngôn này. TỰ thành muôn hạnh phúc.**

**Nhờ chúng đạt chánh trí. Đoạn trừ ba kiết sử.
Thân kiến và hoại nghi. Luôn cả giới cấm thủ.
Thoát khỏi bốn đọa xứ. Bậc nhập lưu không tạo.
Sáu bất thiện trọng nghiệp. Do vậy chính Tăng
Chúng. Là châu báu thù diệu. Mong với chân
ngôn này. TỰ thành muôn hạnh phúc.**

**Bậc thánh Tu Đà Huờn. Dù vô tâm phạm lỗi.
Bằng thân lời hay ý. Cũng không hề che dấu.
Được xứng danh hiền thánh. Do vậy chính Tăng
Chúng. Là châu báu thù diệu. Mong với chân
ngôn này. TỰ thành muôn hạnh phúc**

**Đức Thế Tôn thuyết giảng. Pháp đưa đến Niết
Bàn. Tịnh lạc và thù thắng. Lợi ích chúng hữu
tình. Ví như mưa đầu hạ. Khiến ngàn cây đâm
chồi. Do vậy chính đức Phật. Là châu báu thù
diệu. Mong với chân ngôn này. TỰ thành muôn
hạnh phúc**

**Đức Phật bậc vô thượng. Liễu thông pháp vô
thượng. Ban bố pháp vô thượng. Chuyển đạt
pháp vô thượng. Tuyên thuyết pháp vô thượng.
Do vậy chính đức Phật. Là châu báu thù diệu.**

Mong với chân ngôn này. Tự thành muôn hạnh phúc

Nhân quá khứ đã đoạn. Mầm tương lai không gieo. Với tâm không ái chấp. Trong sanh hữu đời sau. Bởi tham muốn đã đoạn. Các chủng tử không còn. Ví như ngọn đèn tắt. Bạc trí chứng Niết Bàn. Do vậy chính Tăng Chúng. Là châu báu thù diệu. Mong với chân ngôn này. Tự thành muôn hạnh phúc

Chúng thiên nhân các cõi. Dù thiên tiên địa tiên. Đã vân tập nơi đây. Hãy chí thành đánh lễ. Đức Phật bậc Như Lai. Được Chư Thiên nhân loại. Đánh lễ và cúng dường. Mong với chân ngôn này. Tự thành muôn hạnh phúc.

Chúng thiên nhân các cõi. Dù thiên tiên địa tiên. Đã vân tập nơi đây. Hãy chí thành đánh lễ. Chánh Pháp đạo như chân. Được Chư Thiên nhân loại. Đánh lễ và cúng dường. Mong với chân ngôn này. Tự thành muôn hạnh phúc

Chúng thiên nhân các cõi. Dù thiên tiên địa tiên. Đã vân tập nơi đây. Hãy chí thành đánh lễ. Tăng Chúng bậc như đức. Được Chư Thiên nhân loại. Đánh lễ và cúng dường. Mong với chân ngôn này. Tự thành muôn hạnh phúc

Yānīdha bhūtāni samāgatāni. Bhum māni vā yāniva antalikkhe. Sabbe va bhūtā sumanā bhavantu.

Athopi sakkacca suṇantu bhāsitaṃ. Tasmā hi bhūtāni sāmetha sabbe. Mettaṃ karotha mānusiyaṃ pajāya. Divā ca ratto ca haranti ye baliṃ. Tasmā hi ne rakkhatha appamattā

Yaṅkiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā. Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ. Na no samaṃ atthi tathāgatena. Idampi buddhe ratanaṃ paṇītaṃ. Etena saccena suvatthi hotu.

Khayaṃ virāgaṃ amataṃ paṇītaṃ yadajjhagā sakyamunī samāhito. Na tena dhammena samatthi kiñci idaṃ pi dhamme ratanaṃ paṇītaṃ etena saccena suvatthi hotu

Yaṃ buddhaseṭṭho parivaṇṇayī suciṃ samādhimānantarikaññamāhu samādhinā tena samo na vijjati idaṃ pi dhamme ratanaṃ paṇītaṃ etena saccena suvatthi hotu.

Ye puggalā aṭṭhasataṃ pasatṭhā cattāri etāni yugāni honti te dakkhiṇeyyā sugatassa sāvakā etesu dinnāni mahapphalāni idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ etena saccena suvatthi hotu

Ye suppayuttā manasā dalhena nikkāmino gotamasāsanamhi te pattipattā amataṃ vigayha laddhā mudhā nibbutiṃ bhuñjamānā idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ etena saccena suvatthi hotu

Yathindakhīlo paṭhaviṃ sito siyā catubbhi vātebhi asampakampiyo tathūpamaṃ suppurisaṃ vadāmi yo ariyasaccāni aveccapassati idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ etena saccena suvatthi hotu

Ye ariyasaccāni vibhāvayanti gambhīrapaññena sudesitāni kiñcāpi te honti bhusappamattā na te bhavaṃ aṭṭhamamādiyanti idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ etena saccena suvatthi hotu

Sahāvassa dassanasampadāyatayassu dhammā jahitā bhavanti sakkāyadiṭṭhi vicikicchitañca sīlabbatam vāpi yadatthi kiñci catūhapāyehi ca vipparamutto cha cābhiṭṭhānāni abhabbo kātuṃ idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ etena saccena suvatthi hotu

Kiñcāpi so kammaṃ karoti pāpakaṃ kāyena vācāyuda cetasā vā abhabbo so tassa paṭicchadāya abhabbatā diṭṭhapadassa vuttā idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ etena saccena suvatthi hotu Vanappagumbe yathā phussitagge gimhānamāse paṭhamasmiṃ gimhe tathūpamaṃ dhammavaraṃ adesayi nibbānagāmiṃ paramaṃ hitāya idaṃ pi buddhe ratanaṃ paṇītaṃ etena saccena suvatthi hotu

Varo varaññū varado varāharo anuttaro dhammavaraṃ adesayi. Idaṃ pi buddhe ratanaṃ paṇītaṃ etena saccena suvatthi hotu Khīṇaṃ purāṇaṃ navaṃ natthisambhavaṃ virattacittāyatike bhavasmiṃ te khīṇabījā avirulhichandā nibbanti dhīrā yathāyampadīpo idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ etena saccena suvatthi hotu

Yānīdha bhūtāni samāgatāni bhummāni vā yāniva antalikkhe tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ buddhaṃ namassāma suvatthi hotu

Yānīdha bhūtāni samāgatāni bhummāni vā yāniva antalikkhe tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ dhammaṃ namassāma suvatthi hotu

Yanītha bhūtāni samāgatāni bhummāni vā yāniva antalikkhe tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ saṅghaṃ namassāma suvatthi hotu

SATIPAṬṬHĀNASUTTA - KINH TỨ NIỆM XỨ

Như vậy tôi nghe, Một thời Đức Thế Tôn ngự giữa dân chúng xứ Ku Ru tại đô thị Kam Ma Sa Đam Ma. Tại đây đức Phật dạy các Tỳ kheo: Này các Tỳ kheo, đây là con đường độc nhất dẫn đến thanh tịnh, vượt khỏi sầu não, đoạn tận khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là bốn niệm xứ.

BỐN NIỆM XỨ ẤY LÀ GÌ?

Này các Tỳ kheo,

- Người tu tập lấy thân quán thân với tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm khắc phục ham muốn âu lo.**
- Người tu tập lấy thọ quán thọ với tinh tấn, tỉnh giác; chánh niệm khắc phục ham muốn âu lo.**
- Người tu tập lấy tâm quán tâm với tinh tấn, tỉnh giác; chánh niệm khắc phục ham muốn âu lo.**

Người tu tập lấy pháp quán pháp với tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm khắc phục ham muốn âu lo.

[QUÁN THÂN- NIỆM HƠI THỞ]

NÀY CÁC TỶ KHEO, THẾ NÀO LÀ QUÁN THÂN TRÊN THÂN?

Người tu tập đi vào rừng vắng, hay dưới cội cây hoặc nơi nhà trống, ngồi kiết già với lưng thẳng hướng sự chú ý ngay trước mặt.

- **Vị ấy thở ra, thở vào với sự tỉnh thức.**
- **Khi thở vô dài vị ấy sáng suốt nhận biết: đang thở vô dài;**
- **Khi thở ra dài vị ấy sáng suốt nhận biết: đang thở ra dài.**
- **Khi thở vô ngắn vị ấy sáng suốt nhận biết: đang thở vô ngắn;**
- **khi thở ra ngắn vị ấy sáng suốt nhận biết: đang thở ra ngắn.**
- **Vị ấy thực tập: cảm giác toàn thân tôi sẽ thở vô;**
- **Vị ấy thực tập: cảm giác toàn thân tôi sẽ thở ra;**
- **Vị ấy thực tập: an tịnh toàn thân tôi sẽ thở ra;**
- **Vị ấy thực tập: an tịnh toàn thân tôi sẽ thở vô;**
- **Vị ấy thực tập: an tịnh toàn thân tôi sẽ thở ra;**
- **Vị ấy thực tập: an tịnh toàn thân tôi sẽ thở vô.**

Cũng như người thợ tiện thành thạo khi quay dài hay ngắn đều biết rõ, người tu tập cũng vậy.

[QUÁN THÂN- ĐẠI OAI NGHI]

Lại nữa, này các Tỳ kheo, người tu tập

- Khi đi, sáng suốt ghi nhận: đang đi;
- Khi đứng, sáng suốt ghi nhận: đang đứng;
- Khi ngồi, sáng suốt ghi nhận: đang ngồi;
- Khi nằm, sáng suốt ghi nhận: đang nằm.

Thân thể trong tư thế ra sao biết rõ như thế.

[QUÁN THÂN- TIỂU OAI NGHI]

Lại nữa, này các Tỳ kheo, người tu tập

- Khi bước tới bước lui, biết rõ việc mình đang làm;
- Khi ngó tới ngó lui, biết rõ việc mình đang làm;
- Khi co tay duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm;
- Khi mặc y kép hay thượng y hoặc khi mang bát, biết rõ việc mình đang làm;
- Khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm;
- Khi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm;

Khi đi, đứng, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm.

[QUÁN THÂN - QUÁN THỂ TRƯỚC]

Lại nữa, này các Tỳ kheo, người tu tập quán sát

- Thân này từ bàn chân đến ngọn tóc.
- Toàn thân bao bọc bởi da, chứa đầy những vật bất tịnh khác nhau.
- Trong thân này gồm: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nhớt, nước tiểu.
- Này các Tỳ kheo ví như một người có mắt mở ra bao đựng các thứ hạt có thể phân biệt rõ: đây là gạo, đây là lúa, đây là đậu, đây là mè".

Tương tự như vậy, người tu tập quán sát thân này chứa đựng những thứ bất tịnh khác nhau.

[QUÁN THÂN - QUÁN TỨ ĐẠI]

Lại nữa, này các Tỳ kheo, người tu tập

- Quán sát về vị trí và sự sắp đặt của tứ đại.
- Vị ấy chánh niệm: trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại.

Như một người đồ tể rành nghề có thể phân một con bò thành từng phần riêng biệt, người tu tập có thể nhận rõ vị trí của tứ đại trong thân này.

[QUÁN THÂN - QUÁN TỬ THI]

Lại nữa, này các Tỳ kheo, người tu tập nhìn thấy một tử thi quăng bỏ trong bãi tha ma một ngày, hai ngày, ba ngày trong trạng thái căng phồng, biến thành màu xanh đen, nát thối. Vị ấy quán: thân này tự tánh là vậy, bản chất là vậy, không thể vượt ngoài tánh chất ấy.

[QUÁN THÂN - QUÁN TỬ THI BỊ HỦY THỂ]

Lại nữa, này các Tỳ kheo, người tu tập nhìn thấy một tử thi quăng bỏ trong bãi tha ma bị các loài cầm thú quạ, diều hâu, kên kên, chó, giả can hay côn trùng đục khoét để ăn.

- Vị ấy quán: thân này tự tánh là vậy, bản chất là vậy, không thể vượt ngoài tánh chất ấy.

Như vậy vị ấy quán thân bằng nội thân hay ngoại thân hoặc cả hai.

- Vị ấy quán tánh sanh khởi trên thân, quán tánh hoại diệt trên thân hoặc cả hai tánh sanh diệt trên thân.
- Vị ấy quán niệm sự hiện hữu của thân với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm.
- Vị ấy không ỷ lại, chấp trước bất cứ vật gì ở đời.

Này các Tỳ kheo, như vậy là người tu tập lấy thân quán thân.

[QUÁN THÂN - QUÁN HÀI CỐT]

Lại nữa, này các Tỳ kheo, người tu tập nhìn thấy một tử thi quăng bỏ trong bãi tha ma chỉ còn là một bộ xương với chút ít máu thịt còn sót lại với các sợi gân còn kết nối.

- Hoặc một bộ xương không còn thịt còn chút máu được các sợi gân kết nối.**
- Hoặc một bộ xương không còn máu thịt, không còn các sợi gân kết nối.**
- Hoặc rải rác từng phần xương tay, xương chân, xương ống, xương đùi, xương hông, xương sống, sọ đầu.**

Vị ấy quán: thân này tự tánh là vậy, bản chất là vậy, không thể vượt ngoài tánh chất ấy.

[QUÁN THÂN - QUÁN HÀI CỐT MỤC RÃ]

Lại nữa, này các Tỳ kheo, người tu tập nhìn thấy một tử thi quăng bỏ trong bãi tha ma chỉ toàn xương trắng màu vỏ ốc...

- Hoặc đã biến dạng theo thời gian vài ba năm ...**
- Hoặc mục nát thành bột ...**
- Vị ấy quán: thân này tự tánh là vậy, bản chất là vậy, không thể vượt ngoài tánh chất ấy.**

Như vậy vị ấy quán thân bằng nội thân hay ngoại thân hoặc cả hai.

- **Vị ấy quán tánh sanh khởi trên thân, quán tánh hoại diệt trên thân hoặc cả hai tánh sanh diệt trên thân.**
- **Vị ấy quán niệm sự hiện hữu của thân với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm.**
- **Vị ấy không ỷ lại, chấp trước bất cứ vật gì ở đời.**

Nầy các Tỳ kheo, như vậy là người tu tập lấy thân quán thân.

[QUÁN THỌ]

Nầy các Tỳ kheo, thế nào là quán thọ trên thọ?

- **Nầy các Tỳ kheo, người tu tập khi cảm thọ lạc, sáng suốt biết rõ: cảm thọ lạc;**
- **Khi cảm thọ khổ, sáng suốt biết rõ: cảm thọ khổ;**
Khi cảm thọ không lạc không khổ, sáng suốt biết rõ: cảm thọ không lạc không khổ.
- **Khi cảm thọ lạc thuộc vật chất, sáng suốt biết rõ: cảm thọ lạc thuộc vật chất;**
Khi cảm thọ lạc không thuộc vật chất, sáng suốt biết rõ: cảm thọ lạc không thuộc vật chất.
- **Khi cảm thọ khổ thuộc vật chất, sáng suốt biết rõ: cảm thọ khổ thuộc vật chất;**

Khi cảm thọ khổ không thuộc vật chất, sáng suốt biết rõ: cảm thọ khổ không thuộc vật chất.

- **Khi cảm thọ không lạc không khổ không thuộc vật chất, sáng suốt biết rõ: cảm thọ không lạc không khổ không thuộc vật chất;**

khi cảm thọ không lạc không khổ không thuộc vật chất, sáng suốt biết rõ: cảm thọ không lạc không khổ không thuộc vật chất.

Như vậy vị ấy quán thọ bằng nội thọ hay ngoại thọ hoặc cả hai.

- **Vị ấy quán tánh sanh khởi trên thọ, quán tánh hoại diệt trên thọ hoặc cả hai tánh sanh diệt trên thọ.**
- **Vị ấy quán niệm sự hiện hữu của thọ với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm.**
- **Vị ấy không ỷ lại, chấp trước bất cứ vật gì ở đời.**

Nầy các Tỳ kheo, như vậy là người tu tập lấy thọ quán thọ.

[QUÁN TÂM]

**Nầy các Tỳ kheo, thế nào là quán tâm trên tâm?
Nầy các Tỳ kheo, người tu tập khi ham muốn, biết rõ: tâm ham muốn.**

- **Khi sân hận, biết rõ: tâm sân hận.**
- **Khi si mê, biết rõ: tâm si mê.**

- Khi tâm thâu nhiếp, biết rõ: tâm thâu nhiếp.
- Khi tâm tán loạn, biết rõ: tâm tán loạn.
- Khi tâm quảng đại, biết rõ: tâm quảng đại.
- Khi tâm hạn hẹp, biết rõ: tâm hạn hẹp.
- Khi tâm cao thượng, biết rõ: tâm cao thượng.
- Khi tâm tập chú, biết rõ: tâm tập chú.
- Khi tâm không định, biết rõ: tâm không định.
- Khi tâm giải thoát, biết rõ: tâm giải thoát.
- Khi tâm ràng buộc, biết rõ: tâm ràng buộc.

Như vậy vị ấy quán tâm bằng nội tâm hay ngoại tâm hoặc cả hai.

- Vị ấy quán tánh sanh khởi trên tâm, quán tánh hoại diệt trên tâm hoặc cả hai tánh sanh diệt trên tâm.
- Vị ấy quán niệm sự hiện hữu của tâm với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm.
- Vị ấy không ỷ lại, chấp trước bất cứ vật gì ở đời.

Nầy các Tỳ kheo, như vậy là người tu tập lấy tâm quán tâm.

[QUÁN PHÁP - QUÁN NĂM PHÁP NGĂN NGẠI]

Nầy các Tỳ kheo, thế nào là quán pháp trên pháp?

Nầy các Tỳ kheo, người tu tập quán pháp qua năm ngăn ngại.

Nầy các Tỳ kheo, khi người tu tập

1-Tâm có ham muốn, vị ấy sáng suốt biết rõ:

nội tâm có ham muốn;

tâm không có ham muốn, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm không có ham muốn.

- Với sự ham muốn vốn không có nay sanh khởi, vị ấy biết rõ.**
- Với sự ham muốn đã sanh khởi nay đoạn diệt, vị ấy biết rõ.**
- Với sự ham muốn đã đoạn diệt tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy biết rõ.**

2-Khi tâm có sân hận, vị ấy sáng suốt biết rõ:

nội tâm có sân hận;

tâm không có sân hận, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm không có sân hận.

- Với sự sân hận vốn không có nay sanh khởi, vị ấy biết rõ.**
- Với sự sân hận đã sanh khởi nay đoạn diệt, vị ấy biết rõ.**
- Với sự sân hận đã đoạn diệt tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy biết rõ.**

3-Khi tâm có hôn trầm thụy miên, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm có hôn trầm thụy miên; tâm không có hôn trầm thụy miên, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm không có hôn trầm thụy miên.

- **Với sự hôn trầm thụy miên vốn không có nay sanh khởi, vị ấy biết rõ.**
- **Với sự hôn trầm thụy miên đã sanh khởi nay đoạn diệt, vị ấy biết rõ.**
- **Với sự hôn trầm thụy miên đã đoạn diệt tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy biết rõ.**

4-Khi tâm có loạn động, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm có loạn động; tâm không có loạn động, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm không có loạn động.

- **Với sự loạn động vốn không có nay sanh khởi, vị ấy biết rõ.**
- **Với sự loạn động đã sanh khởi nay đoạn diệt, vị ấy biết rõ.**
- **Với sự loạn động đã đoạn diệt tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy biết rõ.**

5-Khi tâm có nghi hoặc, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm có nghi hoặc; tâm không có nghi hoặc, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm không có nghi hoặc.

- Với sự nghi hoặc vốn không có nay sanh khởi, vị ấy biết rõ.
- Với sự nghi hoặc đã sanh khởi nay đoạn diệt, vị ấy biết rõ.
- Với sự nghi hoặc đã đoạn diệt tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy biết rõ.

Như vậy vị ấy tu tập quán pháp qua năm triền cái.

[QUÁN PHÁP - QUÁN NĂM THỦ UẨN]

Lại nữa, này các Tỳ kheo, người tu tập quán pháp qua năm thủ uẩn. Vị ấy quán sát:

- Đây là sắc, đây là tập khởi của sắc, đây là sự đoạn diệt của sắc;
- Đây là thọ, đây là tập khởi của thọ, đây là sự đoạn diệt của thọ;
- Đây là tưởng, đây là tập khởi của tưởng, đây là sự đoạn diệt của tưởng;
- Đây là hành, đây là tập khởi của hành, đây là sự đoạn diệt của hành;
- Đây là thức, đây là tập khởi của thức, đây là sự đoạn diệt của thức.

Như vậy vị ấy tu tập quán pháp qua năm thủ uẩn.

[QUÁN PHÁP - QUÁN SÁU XỨ]

Lại nữa, này các Tỳ kheo, người tu tập quán pháp qua sáu nội và ngoại xứ.

Vị ấy sáng suốt biết rõ: do duyên hai thành tố mắt và cảnh sắc, kiết sử sanh khởi.

- Do duyên hai thành tố tai và âm thanh, kiết sử sanh khởi.
- Do duyên hai thành tố mũi và mùi hương, kiết sử sanh khởi.
- Do duyên hai thành tố lưỡi và các vị, kiết sử sanh khởi.
- Do duyên hai thành tố thân và cảnh xúc, kiết sử sanh khởi.
- Do duyên hai thành tố ý và cảnh pháp, kiết sử sanh khởi.
- Với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy sáng suốt biết rõ.
- Với kiết sử đã sanh nay đoạn diệt, vị ấy sáng suốt biết rõ.
- Với kiết sử đã đoạn diệt tương lai không sanh khởi, vị ấy sáng suốt biết rõ.

Như vậy là người tu tập quán pháp qua sáu nội và ngoại xứ.

[QUÁN PHÁP - QUÁN BẢY GIÁC CHI]

Lại nữa, này các Tỳ kheo, người tu tập quán pháp qua bảy giác chi.

Này các Tỳ kheo,

- 1. Khi tâm có niệm giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có niệm giác chi;**
- 2. Khi tâm có trạch pháp giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có trạch pháp giác chi;**
- 3. Khi tâm có tinh tấn giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có tinh tấn giác chi;**
- 4. Khi tâm có hỷ giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có hỷ giác chi;**
- 5. Khi tâm có tịnh giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có tịnh giác chi;**
- 6. Khi tâm có định giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có định giác chi;**
- 7. Khi tâm có xả giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có xả giác chi.**

Với các giác chi vốn không có nay sanh khởi, vị ấy sáng suốt biết rõ.

Với các giác chi đã sanh nay được viên thành, vị ấy sáng suốt biết rõ.

Như vậy là người tu tập quán pháp qua bảy giác chi.

[QUÁN PHÁP - QUÁN BỐN THÁNH ĐẾ]

Lại nữa, này các Tỳ kheo, người tu tập quán pháp qua bốn thánh đế.

Này các Tỳ kheo,

- Người tu tập sáng suốt biết rõ đây là khổ;
- Sáng suốt biết rõ đây là nhân sanh khổ;
- Sáng suốt biết rõ đây là sự chấm dứt khổ;
- Sáng suốt biết rõ đây là con đường dẫn đến diệt khổ.

Như vậy vị ấy quán pháp bằng pháp.

Vị ấy quán tánh sanh khởi trên pháp, quán tánh hoại diệt trên pháp hoặc cả hai tánh sanh diệt trên pháp.

Vị ấy quán niệm sự hiện hữu của pháp với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Vị ấy không ỷ lại, chấp trước bất cứ vật gì ở đời.

Này các Tỳ kheo, như vậy là người tu tập lấy pháp quán pháp.

[QUẢ CHỨNG]

Này các Tỳ kheo, người nào tu tập bốn niệm xứ trong bảy năm như vậy có thể chứng một trong hai quả ngay trong đời hiện tại: một là vô lậu chánh trí nếu không thì quả bất hoàn.

Này các Tỳ kheo, không nhất thiết phải tu tập đến bảy năm, một người có thể chứng quả trong thời gian tu tập bốn niệm xứ trong sáu năm,

năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm, một năm hoặc bảy tháng, sáu tháng, năm tháng, bốn tháng, ba tháng, hai tháng, một tháng, nửa tháng thậm chí bảy ngày có thể chứng đắc một trong hai quả vô lậu chánh trí hoặc quả bất hoàn.

Nầy các Tỳ kheo, đây là con đường độc nhất dẫn đến thanh tịnh, vượt khỏi sầu não, đoạn tận khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là quán niệm bốn lãnh vực. Đức Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỳ kheo hoan hỷ tín thọ lời Ngài.

SATIPATṬHĀNASUTTA - KINH TỨ NIỆM XỨ

Evam me sutam: ekaṃ samayaṃ bhagavā kurūsu viharati kammāsadhammaṃ nāma kurūnaṃ nigamo. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi: bhikkhavoti. Bhadanteti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca:

Ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo sattānaṃ visuddhiyā sokaparidevānaṃ samatikkamāya dukkhadomanassānaṃ atthaṅgamāya ñāyassa adhigamāya nibbānassa sacchikiriyāya yadidaṃ cattāro satipaṭṭhānā

BỐN NIỆM XỨ ẤY LÀ GÌ?

Idha bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādo manassaṃ. Vedanāsu vedanānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassaṃ. Cितte cittānupassī viharati ātāpī

*sampajānosatimā vineyya loke abhijjhādomanassaṃ.
Dhammesu dhammānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā
vineyya lokeabhijjhādomanassaṃ.*

[QUÁN THÂN- NIỆM HỒI THỎ]

**KATHAÑCA BHIKKHAVE BHIKKHU KĀYE
KĀYĀNUPASSĪ VIHARATI?**

*Idha bhikkhave bhikkhu araññagato vā rukkhamūlagato vā
suññāgāragato vā nisīdati pallaṅkaṃ ābhujitvā ujum kāyaṃ
pañidhāya parimukhaṃ satim upatthapetvā. So sato vā assasati
sato passasati. Dīghaṃ vā assasanto dīghaṃ assasāmīti pajānāti.
Dīghaṃ vā passasanto dīghaṃ passasāmīti pajānāti. Rassaṃ vā
assasanto rassaṃ assasāmīti pajānāti. Rassaṃ vā passasanto
rassaṃ passasāmīti pajānāti. Sabbakāyapaṭisaṃvedī
assasissāmīti sikkhati. Sabbakāyapaṭisaṃvedī passasissāmīti
sikkhati. Passambhayaṃ kāyasaṅkhāraṃ assasissāmīti sikkhati.
Passambhayaṃ kāyasaṅkhāraṃ passasissāmīti
sikkhati.*

*Seyyathāpi bhikkhave dakkho bhamakāro vā bhamakārantevāsī
vā dīghaṃ vā añchanto dīghaṃ añchāmīti pajānāti, rassaṃ vā
añchanto rassaṃ añchāmīti pajānāti, evameva kho bhikkhave
bhikkhu dīghaṃ vā assasanto dīghaṃ assasāmīti pajānāti.
Dīghaṃ vā passasanto dīghaṃ passasāmīti pajānāti. Rassaṃ vā
assasanto rassaṃ assasāmīti pajānāti. Rassaṃ vā passasanto
rassaṃ passasāmīti pajānāti. Sabbakāyapaṭisaṃvedī
assasissāmīti sikkhati. Sabbakāyapaṭisaṃvedī passasissāmīti
sikkhati. Passambhayaṃ kāyasaṅkhāraṃ assasissāmīti sikkhati.
Passambhayaṃ kāyasaṅkhāraṃ passasissāmīti sikkhati. Iti*

*ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati. Bahiddhā vā kāye
kāyānupassī viharati.. Ajjhatabahiddhā vā kāye kāyānupassī
viharati. Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati.
Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati.
Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Atthi
kāyoti vā panassasati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya
patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati.
Evampi bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.*

[QUÁN THÂN- ĐẠI OAI NGHI]

*Puna ca paraṃ bhikkhave bhikkhu gacchanto vā gacchāmīti
pajānāti. ṭhito vā ṭhitomhīti pajānāti Nisinno vā nisinnomhīti
pajānāti. Sayāno vā sayānomhīti pajānāti Yathā yathā vā panassa
kāyo pañihito hoti tathā tathā naṃ pajānāti. Iti ajjhattaṃ vā kāye
kāyānupassī viharati. Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati
Ajjhatabahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati
Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati
Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati.
Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Atthi
kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya
patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati.
Evampibhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati*

[QUÁN THÂN- TIÊU OAI NGHI]

*Puna ca paraṃ bhikkhave bhikkhu abhikkante paṭikkante
sampajānakārī hoti. Àlokite vilokite sampajānakārī hoti
Sammiñjite pasārite sampajānakārī hoti.
Saṅghāṭipattacīvaradhāraṇe sampajānakārī hoti Asite pīte
khāyite sāyite sampajānakārī hoti Uccārapassāvakamme*

sampajānakārī hoti. Gate ṭhite nisinne sutte jāgarite bhāsīte tuṅhībhāve sampajānakārī hoti. Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Ajjhattabahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Atthi kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.

[QUÁN THÂN - QUÁN THỂ TRƯỚC]

Puna ca paraṃ bhikkhave bhikkhu imameva kāyaṃ uddhaṃ pādatalā adho kesamatthakā tacapariyantam pūram nānappakārassa asucino paccavekkhati: Atthi imasmim kāye kesā lomā nakhā dantā taco maṃsam nahārū aṭṭhī aṭṭhimiñjam vakkam hadayaṃ yakanam kilomakam pihakam papphāsam antam antaguṇam udariyam karīsam pittam semham pubbo lohitaṃ sedo medo assu vasā kheḷo siṅghāṇikā lasikā muttanti. Seyyathāpi bhikkhave ubhatomukhā mūtoḷī pūrā nānāvihitassa dhaññassa seyyathīdam: sālīnam vīhīnam muggānam māsānam tilānam taṇḍulānam, tamenam cakkhumā puriso muñcivā paccavekkheyya: ime sālī ime vīhī ime muggā ime māsā ime tilā ime taṇḍulāti evameva kho bhikkhave bhikkhu imameva kāyaṃ uddhaṃ pādatalā adho kesamatthakā tacapariyantam pūram nānappakārassa asucino paccavekkhati: Atthi imasmim kāye kesā lomā nakhā dantā taco maṃsam nahārū aṭṭhī aṭṭhimiñjam vakkam hadayaṃ yakanam pīhakam papphāsam antam antaguṇam udariyam karīsam pittam semham pubbo

*lohitam sedo medo assu vasā kheḷo siᅅghāᅇikā lasikā muttanti iti
ajjhattaᅇ vā kāye kāyānupassī viharati. Bahiddhā vā kāye
kāyānupassī viharati. Ajjhatabahiddhā vā kāye kāyānupassī
viharati Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati.
Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati.
Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Atthi
kāyoti vā panassa sati paccupaᅇᅇhitā hoti yāvadeva ñāᅇamattāya
patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiᅇci loke upādiyati.
Evampibhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.*

[QUÁN THÂN - QUÁN TÚ ĐẠI]

*Puna ca param bhikkhave bhikkhu imameva kāyaᅇ yathāᅇhitam
yathāpaᅇihi taᅇ dhātuso paccavekkhati: Atthi imasmim kāye
paᅇhavīdhātu āpodhātu tejodhātu vāyodhātūti seyyathāpi
bhikkhave dakkho goghātako vā goghātakantevāsī vā gāvim
vadhivā cātummahāpathe bilaso paᅇvibhajitvā nisinno assa
evameva kho bhikkhave bhikkhu imameva kāyaᅇ yathāᅇhitam
yathāpaᅇihitam dhātuso paccavekkhati atthi imasmim kāye
paᅇhavīdhātu āpodhātu tejodhātu vāyodhātūti. Iti ajjhattaᅇ vā
kāye kāyānupassī viharat. Bahiddhā vā kāye kāyānupassī
viharati. Ajjhatabahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati.
Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati
Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati.
Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Atthi
kāyoti vā panassa sati paccupaᅇᅇhitā hoti yāvadeva ñāᅇamattāya
patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiᅇci loke upādiyati.
Evampi bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.*

[QUÁN THÂN - QUÁN TỬ THI]

Puna ca param bhikkhave bhikkhu seyyathāpi passeyya sarīram sīvathikāya chaḍḍitaṃ ekāhamataṃ vā dvīhamataṃ vā tīhamataṃ vā uddhumātakaṃ vinīlakaṃ vipubbakajātaṃ, so imameva kāyaṃ upasaṃharati: ayampi kho kāyo evaṃ dhammo evaṃ bhāvī evaṃ anatītoti. Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Ajjhatabhiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Samudayavayadham mānupassī vā kāyasmim viharati Atthi kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.

[QUÁN THÂN - QUÁN TỬ THI BỊ HỦY THÊ]

Puna ca param bhikkhave bhikkhu seyyathāpi passeyya sarīram sīvathikāya chaḍḍitaṃ kākehi vā khajjamānaṃ kulalehi vā khajjamānaṃ gijjhehi vā khajjamānaṃ supāṇehi vā khajjamānaṃ sigālehi vā khajjamānaṃ vividhehi vā pāṇakajātehi khajjamānaṃ, so imameva kāyaṃ upasaṃharati: ayampi kho kāyo evaṃ dhammo evaṃ bhāvī evaṃ anatītoti. Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Ajjhatabhiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Atthi kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya

patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.

[QUÁN THÂN - QUÁN HÀI CỐT]

Puna ca param bhikkhave bhikkhu seyyathāpi passeyya sarīraṃ sīvathikāya chaḍḍitaṃ aṭṭhikasañkhalikaṃ samaṃsalohitaṃ nahārusambandhaṃ, so imameva kāyaṃ upasaṃharati: ayampi kho kāyo evaṃ dhammo evambhāvī etaṃ anatītoti. Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati. Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Ajjhatabahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Atthi kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.

[QUÁN THÂN - QUÁN HÀI CỐT MỤC RÃ]

Puna ca param bhikkhave bhikkhu seyyathāpi passeyya sarīraṃ sīvathikāya chaḍḍitaṃ aṭṭhikāni setāni sañkhavaṇṇupanibhāni, so imameva kāyaṃ upasaṃharati ayampi kho kāyo evaṃ dhammo evaṃ bhāvī evaṃ anatītoti. Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati. Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Ajjhatabahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Atthi kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya

patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.

[QUÁN THỌ]

Kathañca bhikkhave bhikkhu vedanāsu vedanānupassī viharati? Idha bhikkhave bhikkhu sukhaṃ vedanaṃ vediyamānosukhaṃ vedanaṃ vediyāmīti pajānāti. Dukkhaṃ vedanaṃ vediyamāno dukkhaṃ vedanaṃ vediyāmīti pajānāti. Adukkhamasukhaṃ vedanaṃ vediyamāno adukkhamasukhaṃ vedanaṃ vediyāmīti pajānāti. Sāmisam vā sukhaṃ vedanaṃ vediyamāno sāmisam sukhaṃ vedanaṃ vediyāmīti pajānāti. Nirāmisam vā sukhaṃ vedanaṃ vediyamāno nirāmisam sukhaṃ vedanaṃ vediyāmīti pajānāti. Sāmisam vā dukkhaṃ vedanaṃ vediyamāno sāmisam dukkhaṃ vedanaṃ vediyāmīti pajānāti. Nirāmisam vā dukkhaṃ vedanaṃ vediyamāno nirāmisam dukkhaṃ vedanaṃ vediyāmīti pajānāti. Sāmisam vā adukkhamasukhaṃ vedanaṃ vediyamāno sāmisam adukkhamasukhaṃ vedanaṃ vediyāmīti pajānāti. Nirāmisam vā adukkhamasukhaṃ vedanaṃ vediyamāno nirāmisam adukkhamasukhaṃ vedanaṃ vediyāmīti pajānāti. Iti ajjhataṃ vā vedanāsu vedanānupassī viharati. Bahiddhā vā vedanāsu vedanānupassī viharati. Ajjhatabahiddhā vā vedanāsu vedanānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā vedanāsu viharati. Vayadhammānupassī vā vedanāsu viharati. Samudayavayadhammānupassī vā vedanāsu viharati Atthi vedanāti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evaṃ kho bhikkhave bhikkhu vedanāsu vedanānupassī viharati.

[QUÁN TÂM]

Kathañca bhikkhave bhikkhu citte cittānupassī viharati?

Idha bhikkhave bhikkhu sarāgaṃ vā cittaṃ sarāgaṃ cittanti pajānāti.

- *Vītarāgaṃ vā cittaṃ vītarāgaṃ cittanti pajānāti. Sadosaṃ vā cittaṃ sadosaṃ cittanti pajānāti.*
- *Vītadosaṃ vā cittaṃ vītadosaṃ cittanti pajānāti samohaṃ vā cittaṃ samohaṃ cittanti pajānāti.*
- *Vītamohaṃ vā cittaṃ vītamohaṃ cittanti pajānāti. Sañkhittaṃ vā cittaṃ sañkhittaṃ cittanti pajānāti.*
- *Vikkhittaṃ vā cittaṃ vikkhittaṃ cittanti pajānāti. Mahaggataṃ vā cittaṃ mahaggataṃ cittanti pajānāti.*
- *Amahaggataṃ vā cittaṃ amahaggataṃ cittanti pajānāti. Sauttaraṃ vā cittaṃ sauttaraṃ cittanti pajānāti.*
- *Anuttaraṃ vā cittaṃ anuttaraṃ cittanti pajānāti. Samāhitaṃ vā cittaṃ samāhitaṃ cittanti pajānāti.*
- *Asamāhitaṃ vā cittaṃ asamāhitaṃ cittanti pajānāti. Vimuttaṃ vā cittaṃ vimuttaṃ cittanti pajānāti.*
- *Avimuttaṃ vā cittaṃ avimuttaṃ cittanti pajānāti.*

Iti ajjhattaṃ vā citte cittānupassī viharati. Bahiddhā vā citte cittānupassī viharati.

Ajjhattabahiddhā vā citte cittānupassī viharati.

Samudayadhammānupassī vā cittaṃ viharati.

Vayadhammānupassī vā cittaṃ viharati.

samudayavayadhammānupassī vā cittaṃ viharati. Atthi

cittanti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva

ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca

kiñci loke upādiyati. Evaṃ kho bhikkhave bhikkhu citte cittānupassī viharati.

[QUÁN PHÁP - QUÁN NĂM PHÁP NGĂN NGẠI]

Kathañca bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati?

Idha bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati pañcasu nīvaraṇesu. Kathañca bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati pañcasu nīvaraṇesu?

1- *Idha bhikkhave bhikkhu santam vā ajjhattam kāmaccandaṃ atthi me ajjhattam kāmaccandoti pajānāti. Asantam vā ajjhattam kāmaccandaṃ natthi me ajjhattam kāmaccandoti pajānāti. Yathā ca anuppannassa kāmaccandassa uppādo hoti, tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa kāmaccandassa pahānaṃ hoti, tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa kāmaccandassa āyatim anuppādo hoti, tañca pajānāti.*

2- *Santam vā ajjhattam byāpādaṃ atthi me ajjhattam byāpādoti pajānāti. Asantam vā ajjhattam byāpādaṃ natthi me ajjhattam byāpādoti pajānāti. Yathā ca anuppannassa byāpādassa uppādo hoti, tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa byāpādassa pahānaṃ hoti, tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa byāpādassa āyatim anuppādo hoti, tañca pajānāti. Santam vā ajjhattam thīnamiddham atthi me ajjhattam thīnamiddhanti pajānāti. Asantam vā ajjhattam thīnamiddham natthi me ajjhattam thīnamiddhanti, pajānāti. Yathā cānuppannassa thīnamiddhassa uppādo hoti, tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa thīnamiddhassa*

pahānaṃ hoti, tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa thīnamiddhassa āyatim anuppādo hoti, tañca pajānāti.

3- *Santaṃ vā ajjhataṃ uddhaccakukkuccaṃ atthi me ajjhataṃ uddhaccakukkuccanti pajānāti. Asantaṃ vā ajjhataṃ uddhaccakukkuccaṃ natthi me ajjhataṃ uddhaccakukkuccanti pajānāti. Yathā ca anuppannassa uddhaccakukkuccassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa uddhaccakukkuccassa pahānaṃ hoti tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa uddhaccakukkuccassa āyatim anuppādo hoti, tañca pajānāti.*

4- *Santaṃ vā ajjhataṃ vicikicchaṃ atthi me ajjhataṃ vicikicchāti pajānāti. Asantaṃ vā ajjhataṃ vicikicchaṃ natthi me ajjhataṃ vicikicchāti pajānāti. Yathā ca anuppannāya vicikicchāya uppādo hoti, tañca pajānāti. Yathā ca uppannāya vicikicchāya pahānaṃ hoti, tañca pajānāti. Yathā ca pahīnāya vicikicchāya āyatim anuppādo hoti, tañca pajānāti.*

5- *Iti ajjhataṃ vā dhammesu dhammānupassī viharati. Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Ajjhatabahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Vayadhammānupassī vādhammesu viharati. Samudayavayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Atthi dhammāti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evaṃ kho bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati pañcasu nīvaraṇesu.*

[QUÁN PHÁP - QUÁN NĂM THỦ UÂN]

Puna ca param bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati pañcasu upādānakkhandhesu. Kathañca bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati pañcasu upādānakkhandhesu?

Idha bhikkhave bhikkhu " iti rūpaṃ, iti rūpassa samudayo, iti rūpassa atthaṅgamo. Iti vedanā, iti vedanāya samudayo, iti vedanāya atthaṅgamo. Iti saññā, iti saññāya samudayo, iti saññāya atthaṅgamo. Iti saṅkhārā, iti saṅkhārānaṃ samudayo, iti saṅkhārānaṃ atthaṅgamo. Iti viññāṇaṃ iti viññāṇassa samudayo, iti viññāṇassa atthaṅgamoti.

Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammānu passī viharati. Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati.

Ajjhattabahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Samudayadhammānu passī vā dhammesu viharati. Vayadhammānupassī vā dhammesu viharati.

Samudayavayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Atthi dhammāti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati na ca kiñci loke upādiyati. Evaṃ kho bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati pañcasu upādānakkhandhesu.

[QUÁN PHÁP - QUÁN SÁU XÚ]

Puna ca param bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati chasu ajjhattikabāhiresu āyatanesu. Kathañca bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati chasu ajjhattikabāhiresu āyatanesu?

Idha bhikkhave bhikkhu cakkhuñca pajānāti. Rūpe ca pajānāti. Yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ tañca

pajānāti. Yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti tañca pajānāti. Sotañca pajānāti. Sadde ca pajānāti yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ tañca pajānāti. Yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti tañca pajānāti. Ghāṇañca pajānāti. Gandhe ca pajānāti yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ tañca pajānāti. Yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti tañca pajānāti. Jivhañca pajānāti. Rase ca pajānāti yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ tañca pajānāti. Yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti tañca pajānāti. Kāyañca pajānāti. Phoṭṭhabbeca pajānāti yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ tañca pajānāti Yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti, tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti tañca pajānāti. Manañca pajānāti. Dhamme ca pajānāti yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ tañca pajānāti. Yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti tañca pajānāti Yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti tañca pajānāti.

Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammānupassī viharati. Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Ajjhattabahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Vayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Samudayavayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Atthi dhammāti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evaṃ kho bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati chasu ajjhattikabāhiresu āyatanesu.

[QUÁN PHÁP - QUÁN BẢY GIÁC CHI]

Katamo ca, bhikkhave, pariyāyo, yaṃ pariyāyaṃ āgamma satta bojjhaṅgā catuddasa honti? Yadapi, bhikkhave, ajjhattaṃ dhammesu sati tadapi satisambojjhaṅgo, yadapi bahiddhā dhammesu sati tadapi satisambojjhaṅgo. ‘Satisambojjhaṅgo’ti iti hidam uddesaṃ gacchati. Tadamināpetam pariyāyena dvayaṃ hoti.

1- Yadapi, bhikkhave, ajjhattaṃ dhammesu paññāya pavicinati pavicarati parivīmaṃsamāpajjati tadapi dhammavicayasambojjhaṅgo, yadapi bahiddhā dhammesu paññāya pavicinati pavicarati parivīmaṃsamāpajjati tadapi dhammavicayasambojjhaṅgo. Variant: pavicinati → pavicināti (mr) ‘Dhammavicayasambojjhaṅgo’ti iti hidam uddesaṃ gacchati. Tadamināpetam pariyāyena dvayaṃ hoti.

2- Yadapi, bhikkhave, kāyikaṃ vīriyaṃ tadapi vīriyasambojjhaṅgo, yadapi cetasikaṃ vīriyaṃ tadapi vīriyasambojjhaṅgo. ‘Vīriyasambojjhaṅgo’ti iti hidam uddesaṃ gacchati. Tadamināpetam pariyāyena dvayaṃ hoti.

- 3- *Yadapi, bhikkhave, savitakkasavicārā pīti tadapi pītisambojjhaṅgo, yadapi avitakkaavicārā pīti tadapi pītisambojjhaṅgo. ‘Pītisambojjhaṅgo’ti iti hidam uddesaṃ gacchati. Tadamināpetam pariyāyena dvayaṃ hoti.*
- 4- *Yadapi, bhikkhave, kāyappassaddhi tadapi passaddhisambojjhaṅgo, yadapi cittappassaddhi tadapi passaddhisambojjhaṅgo. ‘Passaddhisambojjhaṅgo’ti iti hidam uddesaṃ gacchati. Tadamināpetam pariyāyena dvayaṃ hoti.*
- 5- *Yadapi, bhikkhave, savitakko savicāro samādhi tadapi samādhisambojjhaṅgo, yadapi avitakkaavicāro samādhi tadapi samādhisambojjhaṅgo. ‘Samādhisambojjhaṅgo’ti iti hidam uddesaṃ gacchati. Tadamināpetam pariyāyena dvayaṃ hoti.*
- 6- *Yadapi, bhikkhave, ajjhataṃ dhammesu upekkhā tadapi upekkhāsambojjhaṅgo, yadapi bahiddhā dhammesu upekkhā tadapi upekkhāsambojjhaṅgo. ‘Upekkhāsambojjhaṅgo’ti iti hidam uddesaṃ gacchati. Tadamināpetam pariyāyena dvayaṃ hoti. Ayaṃ kho, bhikkhave, pariyāyo, yaṃ pariyāyaṃ āgamma satta bojjhaṅgā catuddasā”ti.*
- 7- *Yadapi, bhikkhave, ajjhataṃ dhammesu upekkhā tadapi upekkhāsambojjhaṅgo, yadapi bahiddhā dhammesu upekkhā tadapi upekkhāsambojjhaṅgo. ‘Upekkhāsambojjhaṅgo’ti iti hidam uddesaṃ gacchati. Tadamināpetam pariyāyena dvayaṃ hoti. Ayaṃ kho, bhikkhave, pariyāyo, yaṃ pariyāyaṃ āgamma satta bojjhaṅgā catuddasā”ti.*

[QUÁN PHÁP - QUÁN BỐN THÁNH ĐẾ]

Puna ca param bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati catūsu ariyasaccesu. Kathañca bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati catūsu ariyasaccesu?

Idha bhikkhave bhikkhu idaṃ dukkhanti yathābhūtaṃ pajānāti. Ayaṃ dukkhasamudayoti yathābhūtaṃ pajānāti. Ayaṃ dukkhanirodhoti yathābhūtaṃ pajānāti. Ayaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ti yathābhūtaṃ pajānāti.

Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammānupassī viharati. Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Ajjhatabahiddhāvā dhammesu dhammānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā dhammesu viharati vayadhammānupassī vādhammesu viharati. Samudayavaya dhammānupassī vā dhammesu viharati Atthi dhammāti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi kho bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati catūsu ariyasaccesu.

[QUẢ CHÚNG]

Yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya satta vassāni, tassa dvinnaṃ phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave satta vassāni, yo hi koci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya chabbassāni tassadvinnaṃ phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave chabbassāni, yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya pañcavassāni tassa dvinnaṃ

phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave pañcavassāni, yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya cattāri vassāni tassa dvinnaṃ phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave cattāri vassāni, yo hi koci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya tīṇi vassānitassa dvinnaṃ phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave tīṇi vassāni yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya dve vassāni tassa dvinnaṃ phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave dve vassāni yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya ekaṃ vassaṃ tassa dvinnaṃ phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhatu bhikkhave ekaṃ vassaṃ, yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya satta māsāni, tassa dvinnaṃ phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave satta māsāni, yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya cha māsāni tassa dvinnaṃ phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ: diṭṭheva dhamme aññā sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave cha māsāni, yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya pañca māsāni tassa

dvinnam phalanam aññataram phalam pāṭikaṅkham: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave pañca māsāni, yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya cattāri māsāni tassa dvinnam phalanam aññataram phalam pāṭikaṅkham: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave cattāri māsāni, yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya tīni māsāni tassa dvinnam phalanam aññataram phalam pāṭikaṅkham: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave tīni māsāni, yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya dve māsāni tassa dvinnam phalanam aññataram phalam pāṭikaṅkham: diṭṭheva dhamme aññā sati vā upādisese anāgāmitā

Tiṭṭhantu bhikkhave dve māsāni, yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya māsaṃ tassa dvinnam phalanam aññataram phalam pāṭikaṅkham diṭṭheva dhamme aññā sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhatu bhikkhave māsaṃ , yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyyāa addhamāsaṃ tassa dvinnam phalanam aññataram phalam pāṭikaṅkham diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā tiṭṭhatu bhikkhave addhamāso, yo hi ko ci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya sattāhaṃ tassa dvinnam phalanam aññataram phalam pāṭikaṅkham: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo sattānaṃ visuddhiyā sokaparidevānaṃ samatikkamāya dukkhadomanassānaṃ atthaṅgamāya ñāyassa adhigamāya nibbānassa sacchikiriyāya

yadidaṃ cattāro satipaṭṭhānāti, iti yantaṃ vuttaṃ idametamaṃ paṭicca vuttanti. Idamavoca bhagavā. Attamaṇā te bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī.

NIỆM CHẾT - Trích lục kinh điển

Bhikkhu Thanissaro (1999), Mindfulness of Death

§01. Có năm sự kiện này cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi người tại gia hay xuất gia. Thế nào là năm?

- (1) Ta sẽ già, không thoát khỏi già;**
- (2) Ta sẽ bệnh, không thoát khỏi bệnh;**
- (3) Ta sẽ chết, không thoát khỏi chết;**
- (4) Tất cả pháp khả ái, khả ý đối với ta sẽ chuyển đổi khác đi, sẽ biến diệt;**
- (5) Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điểm tựa; phạm nghiệp nào ta làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy.**

Do vị ấy thường xuyên quán sát năm sự kiện này, con đường được sinh khởi. Vị ấy sử dụng con đường đó, tu tập, làm cho sung mãn. Từ đó, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được tiêu trừ. – AN 5.57

Một thời, Thế Tôn trú ở Nāḍika, tại giảng đường bằng gạch. Tại đây, Thế Tôn bảo các Tỳ-khưu: “Này các Tỳ-khưu!”

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn." Các Tỳ-khưu ấy vâng đáp. Thế Tôn nói như sau:

"Niệm chết, này các Tỳ-khưu, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử. Này các Tỳ-khưu, các thầy có tu tập niệm chết không?"

(1) Được hỏi vậy, một Tỳ-khưu bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, con có tu tập niệm chết."

"Này Tỳ-khưu, thầy tu tập niệm chết như thế nào?"

"Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: 'Mong rằng ta sống trọn một ngày và một đêm tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã thực hành trọn vẹn như vậy!' Bạch Thế Tôn, đó là cách con tu tập niệm chết."

(2) Một Tỳ-khưu khác bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết."

"Này Tỳ-khưu, thầy tu tập niệm chết như thế nào?"

"Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: 'Mong rằng ta sống trọn một ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã thực hành trọn vẹn như vậy!' Bạch Thế Tôn, đó là cách con tu tập niệm chết."

(3) Một Tỳ-khưu khác bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết."

"Này Tỳ-khưu, thầy tu tập niệm chết như thế nào?"

"Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: 'Mong rằng ta sống bằng thời gian ăn thức ăn khất thực, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã thực hành trọn vẹn như vậy!' Bạch Thế Tôn, đó là cách con tu tập niệm chết."

(4) Một Tỳ-khưu khác bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết."

"Này Tỳ-khưu, thầy tu tập niệm chết như thế nào?"

"Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: 'Mong rằng ta sống bằng thời gian ăn và nuốt bốn hoặc năm miếng đồ ăn, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã thực hành trọn vẹn như vậy!' Bạch Thế Tôn, đó là cách con tu tập niệm chết."

(5) Một Tỳ-khưu khác bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết."

"Này Tỳ-khưu, thầy tu tập niệm chết như thế nào?"

"Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: 'Mong rằng ta sống bằng thời gian ăn và nuốt một miếng đồ ăn, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã thực hành trọn vẹn như vậy!' Bạch Thế Tôn, đó là cách con tu tập niệm chết."

(6) Một Tỳ-khưu khác bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết."

"Này Tỳ-khưu, thầy tu tập niệm chết như thế nào?"

"Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: 'Mong rằng ta sống bằng thời gian thở ra sau

khí thở vào, hay thở vào sau khi thở ra, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã thực hành trọn vẹn như vậy!’ Bạch Thế Tôn, đó là cách con tu tập niệm chết.”

Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với các vị Tỳ-khưu ấy:

“Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu nào tu tập niệm chết như sau:

(1) ‘Mong rằng ta sống trọn một ngày và một đêm tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã thực hành trọn vẹn như vậy!’;

(2) Tỳ-khưu nào tu tập niệm chết như sau: ‘Mong rằng ta sống trọn một ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã thực hành trọn vẹn như vậy!’;

(3) Tỳ-khưu nào tu tập niệm chết như sau: ‘Mong rằng ta sống bằng thời gian ăn thức ăn khát thực, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã thực hành trọn vẹn như vậy!’;

(4) Tỳ-khưu nào tu tập niệm chết như sau: ‘Mong rằng ta sống bằng thời gian ăn và nuốt bốn hoặc năm miếng đồ ăn, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã thực hành trọn vẹn như vậy!’:

Những Tỳ-khưu ấy được gọi là những vị sống phóng dật. Những vị ấy tu tập niệm chết một cách uể oải để đoạn diệt các lậu hoặc.

"Nhưng (5) Tỳ-khưu nào tu tập niệm chết như sau: 'Mong rằng ta sống bằng thời gian ăn và nuốt một miếng đồ ăn, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã thực hành trọn vẹn như vậy!';

(6) Tỳ-khưu nào tu tập niệm chết như sau: 'Mong rằng ta sống bằng thời gian thở ra sau khi thở vào, hay thở vào sau khi thở ra, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã thực hành trọn vẹn như vậy!':

Những Tỳ-khưu ấy được gọi là những vị sống không phóng dật. Những vị ấy tu tập niệm chết một cách sắc sảo để đoạn diệt các lậu hoặc.

"Do vậy, này các Tỳ-khưu, các thầy cần phải tu tập như sau: 'Ta sẽ sống không phóng dật. Ta sẽ tu tập niệm chết một cách sắc sảo để đoạn diệt các lậu hoặc.' Các thầy cần phải tu tập như thế." – AN 6:19

Một thời, Thế Tôn trú ở Nāḍika, tại giảng đường bằng gạch. Tại đây, Thế Tôn bảo các Tỳ-khưu:

"Này các Tỳ-khưu, niệm chết nếu được tu tập, được làm cho sung mãn thì sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử. Tu tập niệm chết như thế nào?

"Ở đây, này các Tỳ-khưu, khi ngày vừa tàn và đêm vừa an trú, vị Tỳ-khưu suy tư như sau:

'Có nhiều nguyên nhân làm cho ta chết:

(1) Con rắn có thể cắn ta, con bò cạp hay con rít có thể cắn ta, và ta có thể chết. Như vậy sẽ là một chứng ngại cho ta.

(2) Ta có thể vấp ngã và té xuống;

hay (3) cơm ta ăn có thể không tiêu hóa;

hay (4) mật có thể khuấy động ta;

hay (5) đờm có thể khuấy động ta;

hay (6) các loại gió trong thân sắc như kiếm có thể khuấy động ta, và ta có thể chết. Như vậy sẽ là chứng ngại cho ta.'

“Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy cần phải suy xét như sau:

'Ta có những pháp ác bất thiện nào chưa được đoạn tận không? Nếu ta lỡ chết đêm nay, chúng có thể là chứng ngại cho ta.' Trong khi suy xét như vậy, nếu biết được vẫn còn các pháp ác bất thiện, vị ấy phải đoạn tận các pháp đó.

Ví như áo bị cháy hay đầu bị cháy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, hăng hái, nỗ lực, không có thối chuyển, niệm và tỉnh giác để dập tắt lửa. Cũng vậy, vị Tỳ-khưu ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, hăng hái, nỗ lực, không có thối chuyển, niệm và tỉnh giác để đoạn tận các pháp ác bất thiện đó.

“Nhưng nếu Tỳ-khưu ấy, trong khi suy xét, biết được như sau:

'Ta không có những pháp ác bất thiện chưa được đoạn tận mà nếu ta lỡ mệnh chung đêm

nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta' thì vị ấy nên sống hoan hỷ, an vui, ngày đêm tu tập trong các thiện pháp.

"Này các Tỳ-khưu, niệm chết nếu được tu tập như thế, được làm cho sung mãn như thế thì sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử." – AN 6.20

Nhân duyên ở Sāvatti. Thế Tôn nói với vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:
"Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu lại?"

"Bạch Thế Tôn, con rất là bận rộn với những công việc hoàng gia của các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, say đắm kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng dục lạc, cai trị an toàn cả quốc độ, và chinh phục vùng lãnh thổ rộng lớn."

"Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào?"

Ở đây, nếu có người đến gặp Đại vương từ phương Đông, thân tín, đáng tin cậy. Người ấy đến gặp và thưa:

'Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con đến từ phương Đông và thấy tại đây một ngọn núi cao tận trời mây, đang di chuyển đến đây và chà đạp, đè bẹp tất cả loài hữu tình. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy làm những gì cần phải làm.'

Rồi một người khác đến từ phương Tây... Rồi một người thứ ba đến từ phương Bắc... Rồi một

người thứ tư đến từ phương Nam, thân tín, đáng tin cậy. Người ấy đến gặp và thưa:

‘Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con đến từ phương Nam và thấy tại đây một ngọn núi cao tận trời mây, đang di chuyển đến đây và chà đạp, đè bẹp tất cả loài hữu tình. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy làm những gì cần phải làm.’

Như vậy, thưa Đại vương, nếu sự kiện nguy hiểm to lớn như thế xảy ra, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sinh làm người quả thật khó khăn, thì Đại vương có thể làm được những gì?”

“Như vậy, bạch Thế Tôn, nếu sự kiện nguy hiểm to lớn như thế xảy ra, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sinh làm người quả thật khó khăn, thì con không thể làm được những gì cả, ngoại trừ sống đúng Pháp, sống chân chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức.”

“Thưa Đại vương, Ta nói cho Đại vương biết, Ta báo cho Đại vương hay: *Già và chết đang tiến đến chinh phục Đại vương. Khi Đại vương bị già và chết đến chinh phục, Đại vương có thể làm được gì?”*

“Bạch Thế Tôn, khi con bị già và chết đến chinh phục, thì con không thể làm được gì cả, ngoại trừ sống đúng Pháp, sống chân chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức.

“Bạch Thế Tôn, có những trận chiến với tượng binh của các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, say đắm kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng dục lạc, cai trị an toàn cả quốc độ, và chinh phục vùng lãnh thổ rộng lớn. Nhưng các trận chiến ấy không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già và chết đến chinh phục.

Bạch Thế Tôn, có những trận chiến với mã binh... với xa binh... với bộ binh... Nhưng các trận chiến ấy không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già và chết đến chinh phục.

“Bạch Thế Tôn, trong vương cung này có những đại thần tinh luyện về thần chú. Các vị này có thể với thần chú, phá tan quân địch tới tận công. Nhưng các trận chiến chú thuật ấy không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già và chết đến chinh phục.

“Bạch Thế Tôn, trong vương cung này có nhiều số lượng vàng được chứa cất trong những nhà hầm hay những lâu thượng, và với tài sản ấy chúng con có thể làm suy yếu quân địch khi chúng tấn công. Nhưng các trận chiến tài sản ấy không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già và chết đến chinh phục.

“Bạch Thế Tôn, khi con bị già và chết đến chinh phục, thì con không thể làm được gì cả, ngoại trừ sống đúng Pháp, sống chân chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức.”

“Đúng thế, thưa Đại vương! Đúng thế, thưa Đại vương! Khi Đại vương bị già và chết đến chinh phục, thì Đại vương không thể làm được gì cả, ngoại trừ sống đúng Pháp, sống chân chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức.”

Thế Tôn nói như vậy. Rồi bậc Đạo Sư nói thêm:

***Như núi đá rộng lớn,
Dựng đứng lên hư không,
Tiến tới tràn xung quanh,
Áp đè cả bốn phía.
Cũng vậy, già và chết***

***Di chuyển đến hữu tình.
Giai cấp Sát-đế-ly,
Bà-la-môn, Phệ-xá,
Thủ-đà, Chiên-đà-la
Kẻ đồ rác, đồ phân,
Không một ai thoát khỏi,
Tất cả bị chinh phục.***

***Ở đây không tượng binh,
Không xa binh, bộ binh,
Không trận chiến chú thuật,
Không trận chiến tài sản
Có thể giúp chiến thắng,
Chống với già, với chết.***

**Do vậy người hiền trí,
Thấy rõ phần tự lợi,
Người trí đặt tin tưởng,
Vào Phật, Pháp và Tăng.**

**Ai với thân, khẩu, ý,
Hành trì đúng Chánh pháp,
Đời này được tán thán,
Đời sau, hưởng phước trời. – SN 3.25**

**Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng.
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến,
Chỉ có pháp hiện tại
Tuệ quán chính ở đây.
Không động, không rung chuyển
Biết vậy, nên tu tập,
Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được,
Với đại quân thần chết,
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi nhất dạ hiền,
Bạc an tịnh, trầm lặng. – MN 131**

**"Này bà-la-môn Jānussoṇī, những người nào
biết mình sẽ chết nhưng không run sợ, không
hoảng loạn trước cái chết?"**

**"Ở đây, có hạng người đã ly tham đối với các
khoái cảm dục lạc, ly ham muốn, ly luyến ái. Rồi**

một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy không kêu than: 'Các khoái cảm dục lạc này sẽ bỏ ta, ta sẽ phải từ bỏ các khoái cảm dục lạc này!' Người ấy không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào mê sảng. Đây là người biết mình sẽ chết nhưng không run sợ, không hoảng loạn trước cái chết.

"Lại nữa, có người ly tham đối với thân, ly ham muốn, ly luyến ái. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy không kêu than: 'Thân khả ái này sẽ bỏ ta, ta sẽ phải từ bỏ thân khả ái này!' Người ấy không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào mê sảng. Đây là người biết mình sẽ chết nhưng không run sợ, không hoảng loạn trước cái chết.

"Lại nữa, có người không làm ác, không làm điều hung bạo, không làm điều phạm pháp, và làm điều lành, làm điều thiện, luôn che chở kẻ sợ hãi. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy suy nghĩ như sau: 'Ta không làm ác, không làm điều hung bạo, không làm điều phạm pháp, làm điều lành, làm điều thiện, luôn che chở kẻ sợ hãi. Khi chết đi, ta sẽ tái sinh vào các cõi giới tốt lành.' Người ấy không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào mê sảng.

Đây là người biết mình sẽ chết nhưng không run sợ, không hoảng loạn trước cái chết.

“Lại nữa, có người không nghi ngờ, không do dự, có tâm tín thành với diệu pháp. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy suy nghĩ như sau: ‘Thật sự ta không nghi ngờ, không do dự, có tâm tín thành với diệu pháp.’ Người ấy không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào mê sảng. Đây là người biết mình sẽ chết nhưng không run sợ, không hoảng loạn trước cái chết.

“Này bà-la-môn, đó là bốn hạng người biết mình sẽ chết nhưng không run sợ, không hoảng loạn trước cái chết.” – AN 4.184

“Ví như, này Vaccha, một ngọn lửa chỉ cháy đờ khi nào có nhiên liệu, không thể cháy nếu không có nhiên liệu. Cũng vậy, này Vaccha, Ta tuyên bố về tái sinh của một người có nhiên liệu, không phải của người không có nhiên liệu.”

“Thưa Tôn giả Gotama, trong khi có gió thổi ngọn lửa đi thật xa, Tôn giả Gotama tuyên bố cái gì làm nhiên liệu cho ngọn lửa này?”

“Này Vaccha, trong khi có gió thổi ngọn lửa đi thật xa, Ta nói chính gió là nhiên liệu. Khi ấy, này Vaccha, gió là nhiên liệu.”

“Thưa Tôn giả Gotama, trong khi một loài hữu tình quăng bỏ thân này nhưng chưa sinh vào

một thân khác, thời Tôn giả Gotama tuyên bố cái gì làm nhiên liệu cho thân này?"

"Này Vaccha, trong khi một loài hữu tình quăng bỏ thân này và chưa sinh vào một thân khác, Ta tuyên bố rằng trong khi ấy chính ái là nhiên liệu. Khi ấy, này Vaccha, ái là nhiên liệu." – SN 44.9 Mogharaja hỏi:

Bạch Ngài Gô-ta-ma, Con có một câu hỏi: "Cần nhìn đời thế nào Để thân chết không thấy?"

Đức Phật trả lời:

"Này Mô-gha-ra-ja, Hãy nhìn đời trống không. Luôn luôn giữ chánh niệm, Nhổ bỏ các ngã kiến. Như vậy vượt tử vong. Hãy nhìn đời như thế, Thân chết không thấy được. – SN 5.15

KỆ TỤNG BA PHÁP ẨN

**Biển trần khổ sóng bông lai láng
Kiếp phù sanh gấm ngán biết bao
Tử sanh chìm đắm ba đào
Mật mờ chưa biết đời nào thoát ly
Cõi giả tạm ích gì sự thế
Uống tâm tư tìm kế miên trường
Trần hoàn vạn vật vô thường
Khổ sâu vô định muôn đường chông gai
Do nghiệp báo lưu lai từ trước
Thân tâm này có được do duyên
Sát na kế tục nhau liền**

**Diệt sanh sanh diệt triền miên không ngừng
Người hay thú đồng chung số phận
Hễ có thân ngũ uẩn không bền
Chịu điều biến đổi đảo điên
Sanh già đau chết có yên lúc nào
Thế vật chất không sao giữ nổi
Sức vô thường phá mỗi sát na
Chủ quyền nào phải của ta
Ôm đau khó tránh tuổi già khó ngăn
Dây ái dục trói trăn từ phút
Vấy ưu phiền chẳng chút nào nguôi
Ở đời ai mãi an vui
Suy mòn vì nhuốm nặng mùi trần ai
Chừng thân chết toả hơi hôi hám
Người chung quanh chẳng dám lại gần
Cho dù những kẻ chí thân
Cũng nhờm xác chết ngại ngần tránh xa
Chọn một chốn rừng già thanh vắng
Đem thân thi an táng cho xong
Địa táng hỏa táng chẳng đồng
Tùy duyên tùy tục vẫn không khác gì
Đưa xác chết người đi thương tiếc
Kẻ thân nhân ly biệt khóc than
Hình hài mấy khúc rã tan
Cửa nhà bỏ lại họ hàng cách xa
Khổ tử biệt thiết tha nung nấu
Lìa lợi danh của báu tình yêu**

Kiếp người khi đã hoại tiêu
Còn gì đáng kể ít nhiều ngoại thân
Cuộc trăm năm xoay vần ngày tháng
Buổi chia lìa ngao ngán bi thương
Chúng sanh trong cõi vô thường
Nên vun cội phước tìm đường vô sanh
Bỏ việc ác nhân lành gieo giống
Kết quả vui kiếp sống về sau
Mở lòng xả kỷ thanh cao
Giới tu thiên tập khá mau thực hành
Kẻ vụng tu điều linh thói đọa
Tự sa vào ác đạo trầm mê
Trăm ngàn kiếp sống nảo nề
Khổ theo sau khổ quả về với nhân
Tu dưỡng ý khẩu thân trong sạch
Thẳng trên đường thanh bạch mà đi
Dầu cho sanh tử đến kỳ
Phút giây liễu ngộ thoát ly khổ sầu
Lẽ chân thật phải cầu liễu đạt
Khổ cõi đời số cát sông Hằng
Tám điều khổ nảo chi bằng
Đây lần lượt giải ngọn ngành như sau
Ôi khổ lụy sanh vào cõi thế
Luật tuần hoàn nào kể chi ai
Thân ta bất luận gái trai
Cũng đều mắc phải đọa đày khổ sanh
Khi nghiệp đến pháp hành cầu tạo

**Thác sanh vào lòng mẹ thành phôi
Nguyên tố vi tế ban đầu
Vốn là chất lỏng như dầu màu trong
Giọt dầu vấy chót lông con thú
Ta cầm lên rảy đủ bảy lần
Chỉ còn chút ít dư phần
Ấy như nguyên chất khởi thân con người
Bảy ngày đầu còn tươi trong vắt
Rồi lần lần biến sắc đổi màu
Đến tuần thứ bảy về sau
Biến thành một chất trông vào đáng ghê
Sắc đỏ dợt mỡ pha lẫn máu
Bởi pháp hành cứ tạo thêm ra
Đúng vào tuần lễ thứ ba
Hóa thành chất đặc như là thịt dư
Trong bụng mẹ an cư một chỗ
Miếng thịt thừa tội khổ xiết chi
Tuy hình hài kết thể ni
Nhưng còn mềm mại như chì nấu tan
Tưởng tượng đến trăm ngàn ghê sợ
Phôi thai giờ tương tợ trứng gà
Nhưng còn non yếu chưa già
Tuần tự thay đổi bảy ngày thứ tư
Bảy ngày nữa từ từ biến hóa
Bắt đầu chia tất cả năm nhánh
Toàn thân chưa hẳn hình thành
Nhưng trông có dạng đầu mình chân tay**

**Bào thai phát triển hoài không dứt
Tuần thứ năm thất nhứt vừa qua
Nhỏ to hình dáng dần dà
Băm lăm ngày đủ đã ra hình hài
Ngoài ba tháng thành thai cứng cáp
Thai loài người nào khác thú đâu
Cũng đều khổ não âu sầu
Ở trong bụng mẹ co đầu rút chân
Đủ mười tháng vẹn toàn thân thể
Gần kỳ sanh lòng mẹ chẳng vui
Lo âu dạ luống bùi ngùi
Sợ bao bất trắc trong hồi khai hoa
Mãn toan tính dẫn đo cân nhắc
Biển mệnh mông chưa chắc được qua
Quẩn quanh công chuyện trong nhà
Để duôi cũng chẳng đi xa bấy giờ
Kịp đến lúc ngời chờ hoa nở
Quyến thuộc vầy kẻ đỡ người nâng
Chịu điều đau khổ từng cơn
Dầu kiên gan mấy cũng sờn nổi đau
Phận làm mẹ khỏi sao tránh thoát
Nổi đờn đau bão tạt vào thai
Khai hoa khi đã đến ngày
Theo đường kinh huyết ra ngoài sản môn
May được lúc lâm bồn yên ổn
Cả mẹ con khoẻ mạnh vuông tròn
Ấy nhờ hồng phúc nhà còn**

**Từ bao kiếp trước gieo trồng thiện căn
Nếu phước báu không hơn nghiệp ác
Khi sanh ra chịu các khó khăn
Dẫu còn sống sót nữa chẳng
Dật dờ đường phải đôi lần dứt hơi
Ví nhân ác đến hồi trả quả
Chúng sanh này thảm họa chết non
Chết ngộp hoặc chết mỗi mòn
Chết ngoài bụng mẹ hoặc còn trong thai
Ngán ngẫm kiếp sanh lai tất tưởi
Từ thác sanh đến buổi lọt lòng
Mạng căn kương thời hoặc không
Nhưng đều phải chịu trong vòng trần lao
Quán khổ sanh xông xáo tắc dạ
Xét kiếp người buồn bã u sầu
Thế nhưng hết khổ đặng đâu
Có thân còn phải lo âu khổ già
Sự khổ già thân ta phải chịu
Dầu gái trai tiêu tụy như nhau
Đổi thay chẳng trước thì sau
Suy mòn từ lúc tổn hao từ giờ
Buổi niên thiếu ngây thơ đầy đặn
Sắc xinh tươi đủ vẹn mười phân
Dung nghi đẹp dễ tốt lành
Dương dương đặc ý tuổi xanh thường tình
Độ trẻ trung vóc mình tráng kiện
Hằng phô bày thể diện đáng yêu**

**Thế gian ai cũng ưa chiều
Gái trai đều có tự kiêu thuở này
Mê muội tưởng đẹp hoài không giảm
Quá lạc lăm quý mến thân ta
Sắm đồ trang sức xa hoa
Điểm tô cho đặng đẹp ra tuyệt trần
Dùng kính lược dự phần chải gỡ
Giồi phấn son rạng rỡ thêm duyên
Chẳng vừa sở tạo tự nhiên
Thật ra cùng tánh khác hình mà thôi
Thân bất tịnh mọi người chẳng khác
Túi đựng đầy những vật nhớp nhơ
Lại còn biến đổi dường mơ
Chậm mau rồi cũng có giờ tiêu tan
Hữu tình đến vội vàng tuổi hạc
Mái tóc xanh trắng bạc như bông
Dầu cho cạn trí hết lòng
Cản ngăn tận sức vẫn không được nào
Tay chân thảy mòn hao gầy yếu
Dần dần còn xương chịu lấy da
Ôi thời tráng kiện đã qua
Xuân xanh nhường chỗ tuổi già đến thay
Mắt sáng tỏ những ngày rục rở
Thời lão niên đã trở nên lờ
Trông xa các vật tờ mờ
Nhãn quan suy kém có chờ cho đâu
Đồng thời phát khổ sâu tai điếc**

**Lắng tai nghe chẳng thiệt tiếng tăm
Nghe lắm ắt nói lại lắm
Nhĩ quan đã hẳn âm thầm hoại tiêu
Cuộc biến đổi rất nhiều cơ sở
Đây trưng ra mấy có thật gần
Như rằng phải rụng lần lần
Đó là triệu chứng tâm thân đã già
Tham luyện sống cũng là phải chết
Thân hữu tình chưa hết bao lâu
Thế nên sanh tử ải đâu
Trí nhân lấy đó làm câu răn mình
Cũng có kẻ quá tin sức khỏe
Tâm trẻ con thân thể đã già
Có ai kêu thử ông bà
Dầu không oán giận cũng là không vui
Nghe tiếng gọi ngậm ngùi không dĩ
Trái lại kêu bằng chị hay anh
Ngỡ mình còn độ xuân xanh
Đẹp lòng toại ý thân tình kết giao
Đã có thân tránh sao tiêu hoại
Vốn nhớt nhờn mà lại không bền
Khổ già đeo đuổi một bên
Khổ đau liên tiếp cho thêm nã nê
Ôi thảm nã nê nhắc về bệnh khổ
Khi cơn đau phát lộ đến ta
Do nhiều bệnh chứng hà sa
Toàn thân rũ rột rên la từng hồi**

**Bao tật bệnh kể thôi không xiết
Bệnh ho lao bệnh kiết ung thư
Có thân thì phải hoại hư
Sang hèn ngu trí cũng như trẻ già
Bệnh cùi hủi thúì tha nhầy nhụa
Bệnh ngoài da ăn túa châu thân
Nhức đầu sổ mũi rút gân
Phù thũng sưng khắp tay chân mặt mày
Khi thấp khớp thiên thời gió rét
Lúc đau răng mũi nghẹt trái ban
Yếu tim sưng phổi đau gan
Những bệnh hư thiệt nhiệt hàn cũng lo
Vài đơn cử nghiệm cho ra lẽ
Dầu bệnh cơ nặng nhẹ khác nhau
Nhưng khi đã phải vướng đau
Khổ thân chẳng biết tả sao cho cùng
Thấy bệnh hoạn cảm thương thân thể
Cũng toan lo tìm kế giải sầu
Khổ đau càng thấm càng lâu
Rồi đến khổ chết bắt đầu nối theo
Khi khổ chết đã gieo mầm dữ
Thân chúng sanh mất sự thẳng bằng
Trẻ già đều phải hãi hùng
Phút giây mệnh hệ thì lòng hay quên
Cơ hấp hối run lên không dứt
Khắp thân mình thệt giạt gân thun
Có khi chuyển động vẩy vùng**

**Ruột gan dao cắt vô cùng đớn đau
Ngày tận số lâu mau phải tới
Khi thức thân lìa khỏi xác thân
Của trần trả lại cõi trần
Thi hài mục rã ai cần nữa đâu
Quyến thuộc dầu khổ sâu than tiếc
Người chết rồi còn biết là chi
Thân kia đã gọi thầy thi
Ôi thời oanh liệt đã đi qua rồi
Khi đã chết không nhờ của cải
Cùng vợ chồng con cái mẹ cha
Anh em quyến thuộc gần xa
Khó trông nương tựa cõi ma một mình
Thậm chí đến đồng trinh các bậc
Để trong môi người thác theo lê
Cũng không đem được dựa kê
Của trần bỏ lại ra về tay không
Quý vô thường vô song quyền thế
Giết chúng sanh bất kể gái trai
Giết người chẳng sót một ai
Dầu Chư Thiên cũng bị tay vày vò
Đang vui sống làm cho tiêu diệt
Sát sanh linh chẳng biết xót than
Chỉ trừ cảnh giới Niết Bàn
Vô thường chẳng dám tìm đàng đến đây
Bởi chường ở cảnh này tịch tịnh
Đây yên vui chẳng dính bụi trần**

**Phước báu to lớn vô ngần
Chẳng hư chẳng hoại pháp thân diệu thường
Niệm tưởng chết sanh lòng áo não
Muốn khỏi thì ráng tạo phước duyên
Cố công trì giới tham thiền
Nhân sanh quả phúc về miền an vui
Chớ hờ hững để người sự ác
Đừng để cho lâm lạc càng tăng
Bền lòng vun tưới thiện căn
Nghiệp theo chẳng kịp khi thặng Niết Bàn
Nếu do dự muộn màng sanh hại
Cũng đừng nên ỷ lại vào ai
Buddho một tiếng chỉ bày
Định tâm tinh trí khỏi sai lạc đường
Ta nên nhớ vô thường khổ não
Đừng đợi cho nghiệp báo đến nơi
Đọa đày vừa lúc tắt hơi
Bốn đường ác đạo lâu đời khó ra
Sự khổ chết nguyên là nghiệp dữ
Luật luân hồi tử tử sanh sanh
Nhiều đời quả báo sẵn dành
Chính ta tạo tác đã thành từ lâu
Vô minh đã gieo sâu nhân ác
Nhân đến hồi kết các quả sâu
Do câu thiện ác đáo đầu
Mình làm mình chịu ai cầu được ai
Vì lâm lạc giữ hoài tâm ác**

**Biết bao lần giết thác sanh linh
Nhẫn tâm không chút niệm tình
Tu nhân tích đức phần mình không lo
Vật có chủ không cho cũng cắp
Vợ con người mê hoặc tà dâm
Tính toan mưu kế âm thầm
Chẳng kiêng luật pháp tối tăm làm liều
Nói dối cũng một điều ác dữ
Lòng dối gian miệng cứ nói bừa
Có người uống rượu say sưa
Dầu ai khuyên nhắc không chừa thói quen
Cõi hiện tại nhúm nhen ngũ nghiệp
Tánh xấu xa chẳng kịp đổi thay
Chết rồi phải bị đọa đày
Sa vào địa ngục khổ hoài chẳng ngưng
Các tội ác theo từng mỗi bước
Bóng với hình cái trước cái sau
Nhân nào quả nấy liền nhau
Mình gây mình chịu ai nào giúp ta
Bị quỷ sứ hành hà đánh đập
Kéo lôi bừa bẫm dập chằng thương
Lửa hừng thiêu đốt thịt xương
Sống đi chết lại luôn luôn không ngưng
Sự thống khổ bởi chưng ác báo
Bất kỳ ai đã tạo phải mang
Cảnh này ác quả đã tan
Sanh làm nạn quỷ đôi phần nhẹ hơn**

**Giống ngựa quỉ toàn thân ghê tởm
Đói khát luôn hôm sớm quần quanh
Ăn ròn mủ máu hôi tanh
Hết kiếp ngựa quỉ tái sinh lên đời
Loài thú vật trên bờ dưới nước
Lớn nhỏ vì từ trước đến đuôi
Đành cam số phận hẩm hiu
Lắm khi bị giết để nuôi mạng người
Bắt giết hại thẳng tay chẳng tiếc
Thảm sát do trả nghiệp kiếp xưa
Khổ hành tởm mấy cho vừa
Đã là quả báo có chừa chi ai
Cũng có kẻ đâu thai thần quỉ
A tu la ngựa quỉ khác chi
Cũng đều đói khát thường khi
Chịu không biết mấy tầng kỳ kiếp lâu
Kiếp quá khứ gây bao tội khổ
Nghiệp quả này chẳng bỏ sót ai
Chúng sanh khắp hết bốn loài
Thấp hóa không hạn noãn thai chẳng trừ
Nhân ác đã gieo từ vô thì
Quả xấu kia trực chỉ theo mình
Làm cho tất cả chúng sanh
Mỗi đời phải chịu khổ hình như trên
Cõi giả tạm đừng tên thắm thoát
Kiếp này qua kiếp khác đến thay
Rồi trong những kiếp vị lai**

**Cũng là hệ lụy nạn tai dấy đây
Sự khổ não bao vây liên sát
Khiến chúng sanh lâm lạc thêm hoài
Vì chưa thoát khỏi trần ai
Trùng trùng khổ ải biết ngày nào ra
Giờ ta hãy xét qua hiện tại
Chẳng khổ nào sánh lại khổ ăn
Vì chưng đói khát khó khăn
Muốn cho no đủ nên hằng phải lo
Nghèo sạch đất giàu to cũng thế
Nhọc ưu tư bất kể ngày đêm
Có rồi lại muốn có thêm
Bằng người chưa có cũng tìm cho ra
Nếu biếng nhác ở nhà thông thả
Ăn không lo lở cả núi sông
Mỗi ăn nặng gánh bên lòng
Mãi nuôi mạng sống dày công liệu lường
Già chí trẻ vẫn thường lam lụng
Việc sinh nhai phải dụng tâm thân
Lao lung thể xác tinh thần
Khó khăn cũng chịu nhọc nhằn cũng cam
Bệnh đói khát hằng làm vất vả
Thuốc dầu hay chẳng đả tạt này
Nếu không ăn uống ốm gầy
Càng lâu ắt phải bỏ thân cõi trần
Ăn hay gấp mấy lần diệu dược
Có ăn rồi bệnh được giảm thuyên**

**Chúng sanh dù biếng cũng siêng
Không sao tránh khỏi phải quyền sanh nhai
Có kẻ rón cây cày đào cuốc
Luống chuyên cần rầy bái ruộng nương
Kẻ thì làm mướn bán buôn
Biết bao khổ cực luôn luôn một đời
Người giàu có thành thơ đôi chút
Bởi từ xưa quả phúc vun trồng
Cối trần hái trái ngọt ngon
Khỏe thân nhưng vẫn phải còn khổ tâm
Những khổ não đã lần lượt giải
Vấn tắt đây đại khái tám điều
Chúng ta lấy đó gương nêu
Trẻ già cũng phải chịu điều khổ lao
Thấu lẽ khổ ta mau thức tỉnh
Ráng nghiêm trì giới định tu thân
Độ mình cùng độ tha nhân
Vô minh đoạn tận Niết Bàn chứng tri**

MORA SUTTA - KINH KHÔNG TƯỚC (BẢO HỘ)

**Mặt trời ánh sáng như vàng,
Chiếu trong thế giới khắp tràn bốn châu.
Tự do soi cả đâu đâu,
Là tròng con mắt hoàn cầu sanh linh.
Cho nên con mới nghiêng mình,
Cúi đầu cung kính tỏ trình ân cao.
Các ngài luân chuyển cùng nhau,**

**Thay phiên trị nhật vị nào ngày (đêm) nay.
Chúng con ở dưới quyền này,
Xin nhờ ủng hộ đêm ngày an vui.
Dù cho ác độc phai phui,
Mặc dù oan trái mưu thù cũng hư.
Thiên Tăng đạo sĩ các sư,
Tu hành đặc pháp hoặc cư xa gần.
Từ bi soi đến kẻ cần,
Biết nay tôi kính tự thân yêu cầu.
Xin nhờ quyền lực pháp mầu,
Ngăn ngừa những các nạn sâu ngày nay.
Phạm thiên tiên chúng các Ngài,
Thọ tôi kính lạy hiện nay xin tường.
Bảo tồn khỏi sự bất lương,
Trợn ngày cho đặng tránh đường họa tai.
Cúi đầu lạy cả Như Lai,
Các hàng Bồ Tát Chư Ngài Thánh Tăng.
Với cùng Pháp bảo siêu thắng,
Nay con tụng đọc để ngăn các điều.**

KHANDHA SUTTA - KINH NGŨ UẨN

**Hỡi này chư hiền giả,
Cùng tụng đọc kinh này,
Như thần chú linh dược,
Giúp tiêu trừ nọc độc
Của các loài có nọc,
Cùng hiểm nguy dư sót**

**Cho tất cả chúng sanh
Ở mỗi nơi, mỗi lúc,
Nhờ uy lực Kinh này.**

**Ta khởi lên từ tâm
Với Virūpakkha,
Ta khởi lên từ tâm
Với Erāpatha,
Ta khởi lên từ tâm
Với Chabyāputta,
Ta khởi lên từ tâm
Kaṇhāgotama.**

**Ta khởi lên từ tâm
với các loài không chân,
Ta khởi lên từ tâm
Với các loài hai chân,
Ta khởi lên từ tâm,
Với các loài bốn chân,
Ta khởi lên từ tâm
với các loài nhiều chân.**

**Hỡi các loài không chân
Chớ có làm hại Ta,
Hỡi các loài hai chân
Chớ có làm hại Ta,
Hỡi các loài bốn chân
Chớ có làm hại Ta,
Hỡi các loài nhiều chân**

Chớ có làm hại Ta.

**Tất cả loài chúng sanh,
Tất cả loài hữu tình,
Phàm tất cả sanh loại
Có mặt ở trên đời,
Mong được thấy tốt lành,
Chớ có làm điều ác.**

**Vô lượng là Đức Phật
Vô lượng là đức Pháp
Vô lượng là đức Tăng**

**Còn các loài bò sát:
Rắn, bò cạp, rết, nhện,
Tắc kè, chuột hạn lượng.
Nay ta được bảo vệ,
Nay ta được che chở,
Hỡi các loài sanh vật,
Hãy đi xa, tránh xa!
Con đánh lễ Thế Tôn,
Và bầy đức Phật-đà,
Chư Phật đã tịch diệt.**

BODHIPAKKHIYADHAMMA SUTTA - KINH BỒ ĐỀ PHẦN

**1- Tứ niệm xứ tức bốn pháp quán niệm đã được
đăng Thập Lực khéo tu tập, khéo chứng đắc,
khéo tuyên thuyết. Bốn pháp niệm gồm có:**

- **Niệm thân tức minh sát về thân**
- **Niệm thọ tức minh sát cảm thọ**
- **Niệm tâm tức minh sát trạng thái nội tâm**
- **Niệm pháp tức minh sát sự tương quan các pháp.**

**Mong với chân ngôn này. Tựu thành muôn hạnh
phúc.**

**2- Tứ chánh cần tức bốn nỗ lực quan yếu đã
được đăng Thập Lực khéo tu tập, khéo chứng
đắc, khéo tuyên thuyết. Bốn pháp ấy gồm có:**

- **Thận chánh cần tức sự cố gắng ngăn ngừa
ác pháp không cho sanh khởi .**
- **Trừ chánh cần tức sự cố gắng đoạn trừ ác
pháp đã sanh khởi.**
- **Tu chánh cần tức sự cố gắng làm sanh khởi
thiện pháp chưa có.**
- **Bảo chánh cần tức sự cố gắng nuôi dưỡng
thiện pháp đã có.**

**Mong với chân ngôn này. Tựu thành muôn hạnh
phúc.**

3- Tứ thần túc tức bốn pháp có hiệu năng thành tựu thiên định và chánh trí đã được đấng Thập Lực khéo tu tập, khéo chứng đắc, khéo tuyên thuyết. Bốn pháp có hiệu năng gồm có:

- **Dục thần túc tức hiệu năng của ý muốn**
- **Cần thần túc tức hiệu năng của nỗ lực**
- **Tâm thần túc tức hiệu năng của tâm thuần hoá**
- **Thẩm thần túc tức hiệu năng của trí phân biệt.**

Mong với chân ngôn này. Tựu thành muôn hạnh phúc.

4- Ngũ căn tức năm nền tảng của sự tu chứng đã được đấng Thập Lực khéo tu tập, khéo chứng đắc, khéo tuyên thuyết. Năm nền tảng gồm có:

- **Tín căn tức căn bản đức tin**
- **Tấn căn tức căn bản tinh cần**
- **Niệm căn tức căn bản tỉnh thức**
- **Định căn tức căn bản chuyên nhất**
- **Huệ căn tức căn bản trí tuệ**

Mong với chân ngôn này. Tựu thành muôn hạnh phúc.

5- Ngũ lực tức năm sức mạnh của sự tu chứng đã được đấng Thập Lực khéo tu tập, khéo chứng đắc, khéo tuyên thuyết. Năm sức mạnh gồm có:

- **Tín lực tức sức mạnh của đức tin**

- Tấn lực tức sức mạnh của sự tinh cần
- Niệm lực tức sức mạnh của sự tỉnh thức
- Định lực tức sức mạnh của sự chuyên nhất
- Huệ lực tức sức mạnh của trí tuệ

Mong với chân ngôn này. Tựu thành muôn hạnh phúc.

6- Thất giác chi tức bảy yếu tố dẫn đến giác ngộ đã được đăng Thập Lực khéo tu tập, khéo chứng đắc, khéo tuyên thuyết. Bảy yếu tố gồm có:

- Niệm giác chi tức yếu tố minh sát
- Trạch pháp giác chi tức yếu tố phân biệt
- Cần giác chi tức yếu tố tinh tấn
- Hỷ giác chi tức yếu tố an lạc
- Tịch giác chi tức yếu tố lắng đọng
- Định giác chi tức yếu tố chuyên nhất
- Xả giác chi tức yếu tố quân bình.

Mong với chân ngôn này. Tựu thành muôn hạnh phúc.

7- Bát chánh đạo tức con đường chánh tám chi phần đã được đăng Thập Lực khéo tu tập, khéo chứng đắc, khéo tuyên thuyết. Tám chi phần gồm có:

- Chánh kiến tức sự thấy biết xác thực
- Chánh tư duy tức suy nghĩ chân chánh
- Chánh ngữ tức lời nói hiền thiện
- Chánh nghiệp tức hành vi vô tội

- Chánh mạng tức sự nuôi mạng hợp đạo
- Chánh tinh tấn tức sự nỗ lực chánh đáng
- Chánh niệm tức sự quán sát tinh thức
- Chánh định tức sự định tâm đúng phương pháp.

Mong với chân ngôn này. Tựu thành muôn hạnh phúc.

BODHIPAKKHIYADHAMMA

1- Cattāro satipaṭṭhānā

kāyānupassanāsatipaṭṭhānaṃ

vedanānupassanāsatipaṭṭhānaṃ

cittānupassanāsatipaṭṭhānaṃ

dhammānupassanāsatipaṭṭhānaṃ muninā sammadakkhātā

bhāvitā bahulīkatā saṃvattanti abhiññāya nibbānāya ca

bodhiyā

Etena saccavajjena sotthi te hotu sabbadā

2- Cattāro sammappadhānā

uppannānaṃ pāpakānaṃ

dhammānaṃ pahānāya vāyāmo

anuppannānaṃ pāpakānaṃ

dhammānaṃ anuppādāya vāyāmo

anuppannānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ

uppādāya vāyāmo uppannānaṃ kusalānaṃ

dhammānaṃ bhīyobhāvāya vāyāmo muninā sammadakkhātā

bhāvitā bahulīkatā saṃvattanti abhiññāya nibbānāya ca

bodhiyā

Etena saccavajjena sotthi te hotu sabbadā

3- Cattāro iddhipādā

chandiddhipādo cittiddhipādo

viriyiddhipādo vīmaṅsiddhipādo muninā sammadakkhātā

bhāvitā bahulīkatā saṃvattanti abhiññāya nibbānāya ca

bodhiyā

Etena saccavajjena sotthi te hotu sabbadā

4- Pañcindriyāni saddhindriyaṃ

viriyindriyaṃ satindriyaṃ

samādhindriyaṃ paññindriyaṃ

muninā sammadakkhātā

bhāvitā bahulīkatā saṃvattanti abhiññāya nibbānāya ca

bodhiyā

Etena saccavajjena sotthi te hotu sabbadā

5- Pañca balāni saddhābalaṃ viriyabalaṃ

satibalaṃ samādhibalaṃ paññābalaṃ

muninā sammadakkhātā

bhāvitā bahulīkatā saṃvattanti abhiññāya nibbānāya ca

bodhiyā

Etena saccavajjena sotthi te hotu sabbadā

6- Satta bojjhaṅgā satisambojjhaṅgo dhamma-

vicayasambojjhaṅgo viriyasambojjhaṅgo

pītisambojjhaṅgo passadhisambojjhaṅgo

samādhisambojjhaṅgo upekkhāsambojjhaṅgo

muninā sammadakkhātā

bhāvitā bahulīkatā saṃvattanti abhiññāya nibbānāya ca

bodhiyā

Etena saccavajjena sotthi te hotu sabbadā

8- *Aṭṭha maggaṅgāni sammādiṭṭhi sammāsaṅkappo
sammāvācā
sammākammanto sammāājīvo
sammāvāyāmo sammāsati sammāsamādhi
muninā sammadakkhātā
bhāvitā bahulīkatā saṃvattanti abhiññāya nibbānāya ca
bodhiyā
Etena saccavajjena sotthi te hotu sabbadā*

JAYAPARITTA - KINH THĂNG HẠNH

Đấng Đại Bi cứu khổ. Vì lợi ích chúng sanh. Huân tu ba la mật. Chúng vô thượng chánh giác. Mong với chân ngôn này. Tựu thành muôn hạnh phúc Nhờ chiến thắng Ma Vương. Trên bồ đoàn bất bại. Địa cầu liên hoa đỉnh. Khiến dòng họ Thích Ca. Tăng trưởng niềm hoan hỷ. Nguyên chiến thắng vẻ vang. Nguyên khái hoàn như vậy Khi nghiệp thân, khẩu, ý. Hiền thiện và thanh tịnh. Chính là ngày cát tường. Là giờ phút hanh thông. Là thời khắc hưng vượng. Cúng dường bậc phạm hạnh. Là tế tự nhiệm mầu. Khi nghiệp thân, khẩu, ý. Chân chánh và sung mãn. Thì bốn nguyện tịnh đạt. Ai ba nghiệp thanh tịnh. Được vô lượng an lạc Nguyên đàn na tín thí. Gia đình cùng quyến thuộc. Được thiếu bệnh ít khổ. Thường hạnh phúc an vui. Tinh tiến tu Phật đạo. Sở nguyện được viên thành

*Mahākāruniko nātho hitāya sabbapāṇinaṃ pūretvā pāramī
sabbā patto sambodhimuttamaṃ etena saccavajjena hotu me
jayamaṅgalaṃ*

*Jayanto bodhiyā mūle sakyānaṃ nandivaḍḍhano evaṃ tvaṃ
vijayo hohi jayassu jayamaṅgale*

*Aparājitapallaṅke sīse paṭhavipokkhare abhiseke
sabbabuddhānaṃ aggappatto pamodati.*

*Sunakkhattaṃ sumaṅgalaṃ supabhātaṃ suhutthitaṃ sukhaṇo
sumuhutto ca suyitthaṃ brahmacārīsu.*

*Padakkhiṇaṃ kāyakammaṃ vācākammaṃ padakkhiṇaṃ
padakkhiṇaṃ manokammaṃ paṇidhī te padakkhiṇā
padakkhiṇāni katvāṇa labhantatthe padakkhiṇe.*

*Te atthaladdhā sukhitā viruḷhā buddhasāsane arogā sukhitā
hotha saha sabbehi ñātibhi*

DHAMMACAKKAPPAVATTANA SUTTA – KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN

Như vậy tôi nghe

Một thời Thế Tôn ngự tại Lộc Uyển, ở I Si Pa Ta Na gần Ba Ra Na Si. Đức Phật giảng cho năm thầy Tỳ kheo nghe như vậy:

Nầy các Tỳ kheo, có hai cực đoan mà bậc xuất gia phải tránh: một là lợi dưỡng vốn hạ liệt, tục lụy, phàm phu, không thánh thiện, không lợi lạc; hai là khổ hạnh cũng không thánh thiện, không lợi lạc lại khổ đau.

Từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thực hành Trung Đạo chứng đạt pháp nhãn, tuệ giác, tịnh trí, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn.

Nầy các Tỳ kheo, Trung Đạo đó là gì?

Chính là thánh đạo tám chi phần: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là thánh đạo được Như Lai liễu ngộ với pháp nhãn, tuệ giác, tịnh trí, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn.

Nầy các Tỳ kheo, đây là diệu đế về sự khổ: Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi khổ ưu não là khổ, ghét phải gần là khổ, thương phải xa là khổ, muốn không được là khổ. Tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

Nầy các Tỳ kheo, đây là diệu đế về nhân sanh khổ: Khát ái dẫn đến tái sanh, cùng với hỷ và tham, tâm cầu dục lạc đó đây. Chính là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

Nầy các Tỳ kheo, đây là diệu đế về diệt khổ: yếm ly đoạn diệt các dục, chấm dứt hệ lụy, không còn dư y, hoàn toàn giải thoát mọi thăng thục.

Nầy các Tỳ kheo, đây là diệu đế về con đường dẫn đến diệt khổ: Chính là thánh đạo tám chi phần tức chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

"Đây là sự thật về khổ" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Khổ để cần được lãnh hội" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Khổ để đã được lãnh hội" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Đây là sự thật về nhân sanh khổ" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Tập để cần được đoạn diệt" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Tập để đã được đoạn diệt" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Đây là sự thật về diệt khổ" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Diệt để cần được chứng ngộ" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Diệt để đã được chứng ngộ" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Đây là sự thật về con đường diệt khổ" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Đạo đế cần được tu tập" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Đạo đế đã được tu tập" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

Nầy các Tỳ kheo, cho đến khi nào bốn diệu đế này chưa được Như Lai hoàn toàn giác ngộ với ba luân, mười hai chuyển thì Như Lai không tự nhận cùng thiên giới, ma vương giới, phạm thiên giới, hội chúng sa môn, bà la môn, Chư Thiên và nhân loại rằng ta đã chứng quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nầy các Tỳ kheo, chính khi bốn diệu đế này được Như Lai hoàn toàn giác ngộ với ba luân, mười hai chuyển nên Như Lai tự nhận cùng thiên giới, ma vương giới, phạm thiên giới, hội chúng sa môn, bà la môn, Chư Thiên và nhân loại rằng ta đã chứng quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Và nhận thức này khởi lên trong Như Lai: sự giải thoát của ta không lay chuyển. Đây là kiếp chót, không còn luân hồi nữa.

Đức Thế Tôn thuyết giảng như vậy, năm thầy Tỳ kheo hoan hỷ tín thọ. Khi pháp thoại này được tuyên thuyết, Tôn giả Kon Đan Nha khởi sanh pháp nhãn thanh tịnh vô cầu hiểu rằng: Phạm

vật gì do nhân tập khởi tất cả pháp ấy đều bị hoại diệt.

Khi đức Phật chuyển Pháp luân này thì Chư Thiên trên địa cầu reo mừng: Pháp luân vi diệu! Những điều này chưa bao giờ được giảng dạy bởi bất cứ ai dù là sa môn, bà la môn, Chư Thiên, ma vương, phạm thiên nay được Thế Tôn tuyên thuyết tại Lộc Uyển, ở I Si Pa Ta Na gần Ba Ra Na Si. Được nghe vậy Chư Thiên cõi tứ thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đầu suất, hoá lạc, tha hoá tự tại cùng các cõi phạm thiên đồng thanh vui mừng.

Trong phút chốc cả mười ngàn thế giới chấn động. Một hào quang vô lượng vượt xa hào quang của Chư Thiên chiếu diệu cùng khắp thế giới. Ngay khi ấy đức Phật lên tiếng: Kon Đan Nha đã liễu ngộ, Kon Đan Nha đã liễu ngộ. Từ ấy Tôn giả Kon Đan Nha được gọi là An Nha Kon Đan Nha.

DHAMMACAKKAPPAVATTANASUTTA

Evam me sutam

Ekam samayam bhagavaṃ bārāṇasiyam viharati isipatane migadāye. Tatra kho bhagavaṃ pañcavaggiye bhikkhū āmantesi Dveme bhikkhave antā pabbajitena na sevitabbā. Yo cāyam kāmesu kāmasukhalli kānuyogo hīno gammo poṭhujjaniko anariyo anattasañhito. Yo cāyam attakilamathānu yogo dukkho anariyo anattasañhito. Ete te bhikkhave ubho ante anupagamma majjhimāpaṭipadā tathāgatena abhisambuddhā

cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

Katamā ca sā bhikkhave majjhimā paṭipadā tathāgatena abhisambuddhā, cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati?

Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo. Seyyathīdaṃ: sammādiṭṭhi sammāsaṅkappo sammāvācā sammākammanto sammāājīvo sammāvāyāmo sammāsati sammāsamādhi ayaṃ kho sā bhikkhave majjhimā paṭipadā tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati

Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhaṃ ariyasaccaṃ: jātipi dukkhā jarāpi dukkhā maraṇampi dukkhaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsāpi dukkhā appiyehi sampayogo dukkho piyehi vippayogo dukkho yampicchaṃ na labhati tampi dukkhaṃ saṅkhittena pañcupādānakkhandhā dukkhā. Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhasamudayo ariyasaccaṃ yāyaṃ taṇhāponobbhavikā nandirāgasahagatā tatrataṭṭhābhinandinī.

Seyyathīdaṃ: kāmataṇhā bhavataṇhā vibhavataṇhā.

Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhanirodho ariyasaccaṃ yo tassāyeva taṇhāya asesavirāganirodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo. Idaṃ kho panabhikkhave dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo seyyathīdaṃ: sammādiṭṭhi sammāsaṅkappo sammāvācā sammākammanto sammāājīvo sammāvāyāmo sammāsati sammāsamādhi.

Idaṃ dukkhaṃ ariyasaccanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññeyyanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññātanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Idaṃ dukkhasamudayo ariyasaccanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhasamudayo ariyasaccaṃ pahātabbanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhasamudayo ariyasaccaṃ pahīnanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi

Idaṃ dukkhanirodho ariyasaccanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesucakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodho ariyasaccaṃ sacchikātabbanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodho ariyasaccaṃ sacchikatanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvetabbanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu

cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvitanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Yāvakīvañca me bhikkhave imesu catūsu ariyasaccesu evanti parivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ na suvisuddhaṃ ahosi, neva tāvāhaṃ bhikkhave sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho paccāññāsim yato ca kho me bhikkhave imesu catūsu ariyasaccesu evanti parivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ suvisuddhaṃ ahosi athāhaṃ bhikkhave sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho paccāññāsim ñāṇaṃ pana me dassanaṃ udapādi akuppā me vimutti ayamantimā jāti natthidāni punabbhavoti

Idamavoca bhagavā attamaṇā pañcavaggiyā bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinandaṃ imasmiñca pana veyyākaraṇasmiṃ bhañña-māne āyasmato koṇḍaññaassa virajaṃ vītamaṃ dhammacakkhuṃ udapādi yaṅkiñci samudayadhammaṃ sabbantaṃ nirodhadhammanti.

Pavattite ca bhagavatā dhammacakke bhumā devā saddamanussāvesuṃ etambhagavatā bārāṇasiyaṃ isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇena vā brāhmaṇena vā devena vā mārena vā brāhmaṇā vā kenaci vā lokasminti bhumānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā cātummahārājikā devā saddamanussāvesuṃ

*cātummahārājikānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā tāvatimsā devā
saddamanussāvesuṃ tāvatimsānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā
yāmā devā saddamanussāvesuṃ yāmānaṃ devānaṃ saddaṃ
suttvā tusitā devā saddamanussāvesuṃ tusitānaṃ devānaṃ
saddaṃ sutvā nimmānaratī devā saddamanussāvesuṃ
nimmānaratīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā paranimmitavasavattī
devā saddamanussāvesuṃ paranimmitavasavattīnaṃ devānaṃ
saddaṃ sutvā brahmakāyikā devā saddamanussāvesuṃ
etambhagavatā bārāṇasiyaṃ isipatane migadāye anuttaraṃ
dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇena vā
brāhmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā
lokasminti.*

*Itiha tena khaṇena tena muhuttena yāva brahmalokā saddo
abhuggachi. Ayaṅca dasasahassī lokadhātu saṅkampi
sampakampi sampavedhi. Appamāṇo ca olāro obhāso loke
pāturahosi atikkammeva devānaṃ devānubhāvaṃ. Atha kho
bhagavā udānaṃ udānesi Aññāsi vata bho koṇḍañño Aññāsi
vata bho koṇḍaññotiItihidaṃ āyasmato koṇḍaññassa
aññākoṇḍañño tveva nāmaṃ ahosīti.*

ANATTALAKKHAṆASUTTA - KINH TỤNG VỀ TƯỚNG VÔ-NGÃ

Kinh này (gọi là Vô Ngã Tướng Kinh).

Tôi là A-NAN-ĐA có nghe như vậy:

**Một thuở nọ, Đức Phật ngụ trong rừng Hưu, gần
thành Bārāṇasī.**

**Đức Phật gọi năm thầy Tỳ khưu trong nơi ấy mà
giảng rằng:**

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Sắc thân là vô ngã, chẳng phải là của ta.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Nếu sắc thân này thiệt là của ta, thì nó không phải chịu sự đau ốm.

Lại nữa, người đời có thể nói: Xin cho sắc thân của ta như thế này, xin đừng cho sắc thân của ta như thế kia.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Sắc thân thiệt là vô ngã, nên nó hằng chịu sự đau ốm.

Lại nữa, người đời không có thể nói: Xin cho sắc thân của ta như thế này, xin đừng cho sắc thân của ta như thế kia.

Thọ chẳng phải là của ta.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Nếu Thọ thiệt là của ta, Thọ ấy cũng không phải chịu sự đau khổ.

Lại nữa, người có thể nói: Xin cho Thọ của ta như thế này, xin đừng cho thọ của ta như thế kia.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Thọ thiệt là vô ngã, nên nó hằng chịu sự đau khổ.

Lại nữa, người đời không có thể nói: Xin cho thọ của ta như thế này, xin đừng cho thọ của ta như thế kia.

Tướng chẳng phải là của ta.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Nếu Tướng thiệt là của ta, Tướng ấy cũng không phải chịu sự đau khổ.

Lại nữa, người đời có thể nói: Xin cho Tướng của ta như thế này, xin đừng cho tướng của ta như thế kia.

Này các Thầy Tỳ khưu! Tướng thiệt chẳng phải là của ta, nên nó hằng phải chịu sự đau khổ.

Lại nữa, người đời không có thể nói: Xin cho tướng của ta như thế này, xin đừng cho tướng của ta như thế kia.

Hành chẳng phải là của ta: Này các Thầy Tỳ khưu! Nếu Hành thiệt là của ta, hành ấy cũng chẳng phải chịu sự đau khổ.

Lại nữa, người đời có thể nói: Xin cho Hành của ta như thế này, xin đừng cho hành của ta như thế kia.

Này các thầy Tỳ khưu! Hành thiệt chẳng phải là của ta, nên nó hằng phải chịu sự đau khổ.

Lại nữa, người đời không có thể nói: Xin cho Hành của ta như thế này, xin đừng cho hành của ta như thế kia.

Thức chẳng phải là của ta.

Này các Thầy Tỳ khưu! Nếu thức thiệt là của ta. Thức ấy cũng chẳng phải chịu sự đau khổ.

Lại nữa, người đời có thể nói: Xin cho Thức của ta như thế này, xin đừng cho thức của ta như thế kia.

Này các Thầy Tỳ khưu! Thức thiệt chẳng phải là của ta, nên nó hằng chịu sự đau khổ.

Lại nữa, người đời không có thể nói: Xin cho thức của ta như thế này, xin đừng cho thức của ta như thế kia.

Này các Thầy Tỳ khưu! Các người cho Sắc thân là thường hay vô thường?

Bạch Đức Thế Tôn, sắc thân là vô thường.

Vật chi là vô thường, vật ấy khổ hay vui?

Bạch Đức Thế Tôn, vật ấy là khổ.

Vật chi vô thường là khổ, có sự biến đổi theo lẽ thường thì nên cho vật đó là của ta, đó là ta, đó là thân ta chăng?

Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên.

Này các Thầy Tỳ khưu! Các người cho Thọ là thường hay vô thường?

Bạch Đức Thế Tôn, thọ là vô thường.

Vật chi vô thường, vật ấy khổ hay vui?

Bạch Đức Thế Tôn, vật ấy là khổ.

Vật chi vô thường là khổ, có sự biến đổi theo lẽ thường, thì nên cho vật đó là của ta, đó là ta, đó là thân ta chăng?

Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên.

Này các Thầy Tỳ khưu! Các người cho Tưởng là thường hay vô thường?

Bạch Đức Thế Tôn, tưởng là vô thường.

Vật chi vô thường, vật ấy khổ hay vui?

Bạch Đức Thế Tôn, vật ấy là khổ.

Vật chi vô thường là khổ, có sự biến đổi theo lẽ thường, thì nên cho vật đó là của ta, đó là ta, đó là thân ta chăng?

Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Các người cho Hành là thường hay vô thường?

Bạch Đức Thế Tôn, hành là vô thường.

Vật chi vô thường, vật ấy khổ hay vui?

Bạch Đức Thế Tôn, vật ấy là khổ.

Vật chi vô thường là khổ, có sự biến đổi theo lẽ thường, thì nên cho vật đó là của ta, đó là ta, đó là thân ta chăng?

Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Các người cho Thức là thường hay vô thường?

Bạch Đức Thế Tôn, thức là vô thường.

Vật chi vô thường, vật ấy khổ hay vui?

Bạch Đức Thế Tôn, vật ấy là khổ.

Vật chi vô thường là khổ, có sự biến đổi theo lẽ thường, thì nên cho vật đó là của ta, đó là ta, đó là thân ta chăng?

Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Cho nên sắc nào đầu trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại, bên trong, bên ngoài, thô thiển, vi tế, hèn hạ hoặc quý cao. Sắc nào xa hoặc gần, các sắc ấy đều chỉ là sắc thô. Các người nên xem sắc ấy bằng Trí tuệ trong sạch theo chơn lý như vậy: Đó chẳng phải là của

ta, đó chẳng phải là ta, đó chẳng phải là thân ta.

Thọ nào trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại, bên trong, bên ngoài, thô thiển, vi tế, hèn hạ hoặc quý cao. Thọ nào xa hoặc gần, các thọ ấy đều chỉ là thọ thôi.

Các người nên xem thọ ấy bằng Trí tuệ trong sạch theo chơn lý như vậy: Đó chẳng phải là của ta, đó chẳng phải là ta, đó chẳng phải là thân ta.

Tướng nào trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại, bên trong, bên ngoài, thô thiển, vi tế, hèn hạ hoặc quý cao. Tướng nào xa hoặc gần, các tướng ấy đều chỉ là tướng thôi.

Các người nên xem tướng ấy bằng Trí tuệ trong sạch theo chơn lý như vậy: Đó chẳng phải là của ta, đó chẳng phải là ta, đó chẳng phải là thân ta.

Hành nào trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại, bên trong, bên ngoài, thô thiển, vi tế, hèn hạ hoặc quý cao. Hành nào xa hoặc gần, các hành ấy đều chỉ là hành thôi.

Các người nên xem hành ấy bằng Trí tuệ trong sạch theo chơn lý như vậy: Đó chẳng phải là của ta, đó chẳng phải là ta, đó chẳng phải là thân ta.

Thức nào trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại, bên trong, bên ngoài, thô thiển, vi tế, hèn hạ hoặc

quá cao. Thức nào xa hoặc gần, các thức ấy đều chỉ là thức thô.

Các người nên xem thức ấy bằng Trí tuệ trong sạch, theo chơn lý, như vậy: Đó chẳng phải là của ta, đó chẳng phải là ta, đó chẳng phải là thân ta.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Các bậc Thinh Văn được nghe và thấy như thế rồi, các Ngài chán nản trong sắc, chán nản trong thọ, chán nản trong tưởng, chán nản trong hành và chán nản trong thức.

Khi tâm được giải thoát, Trí tuệ (của bậc Thinh Văn) phát sanh rõ rệt, mà biết rằng tâm của ta đã giải thoát rồi.

Các bậc Thinh-Văn cũng biết rõ rằng: Sự sanh (của ta) đã dứt, đạo của Pháp cao thượng ta đã đắc rồi, phận sự nên hành, ta cũng đã hành rồi. Đức Phật đã giảng giải dứt kinh này.

Nhóm 5 Thầy Tỳ khưu nghe được khẩu truyền của Đức Thế Tôn, lấy làm hoan hỷ.

Khi Đức Phật đang giảng kinh này, thì tâm của 5 thầy Tỳ khưu được giải thoát các vi tế phiền não, vì chẳng còn nê chấp (rằng ta, rằng chúng ta nữa).

Evamme sutam.

Ekam samayam Bhagavā Bārāṇasiyam viharati Isipatane migadāye.

Tatra kho Bhagavā pañcavaggiye bhikkhū āmantesi.

Rūpaṃ bhikkhave anattā.

*Rūpañca hidaṃ bhikkhave attā abhavissa nayidaṃ rūpaṃ
ābādhāya saṃvatteyya.*

*Labhetha ca rūpe evaṃ me rūpaṃ hotu evaṃ me rūpaṃ mā
ahosīti.*

*Yasmā ca kho bhikkhave rūpaṃ anattā tasmā rūpaṃ ābādhāya
saṃvattati.*

*Na ca labhati rūpe evaṃ me rūpaṃ hotu evaṃ me rūpaṃ mā
ahosīti.*

Vedanā anattā;

Vedanā ca hidaṃ bhikkhave attā abhavissa nayidaṃ.

Vedanā abādhāya saṃvatteyya.

*Labhetha ca vedanāya evaṃ me vedanā hotu evaṃ me vedanā
mā ahosīti*

*Yasmā ca kho bhikkhave vedanā anattā tasmā vedanā ābādhāya
saṃvattati.*

*Na ca labhati vedanāya evaṃ me vedanā hotu evaṃ me vedanā
mā ahosīti.*

Saññā anattā.

*Saññā ca hidaṃ bhikkhave attā abhavissa nayidaṃ saññā
ābādhāya saṃvatteyya.*

*Labhetha ca saññāya evaṃ me saññā hotu evaṃ me saññā mā
ahosīti.*

*Yasmā ca kho bhikkhave saññā anattā tasmā saññā ābādhāya
saṃvattati.*

*Na ca labhati saññāya evaṃ me saññā hotu evaṃ me saññā mā
ahosīti.*

*Saṅkhārā anattā saṅkhārā ca hidaṃ bhikkhave attā
abhavissamsu nayidaṃ saṅkhārā ābādhāya saṃvatteyyuṃ.*

Labhetha ca saṅkhāresu evaṃ me saṅkhārā hontu evaṃ me saṅkhārā mā ahosunti.

Yasmā ca kho bhikkhave saṅkhārā anattā tasmā saṅkhārā abādhāya saṃvattanti.

Na ca labhati saṅkhāresu evaṃ me saṅkhārā hontu evaṃ me saṅkhārā mā ahosunti.

Viññāṇaṃ anattā

Viññāṇaṅca hidamaṃ bhikkhave attā abhavissa.

Nayidamaṃ viññāṇaṃ ābādhāya saṃvatteyya.

Labhetha ca viññāṇe evaṃ me viññāṇaṃ hotu evaṃ me viññāṇaṃ mā ahoṣīti.

Yasmā ca kho bhikkhave viññāṇaṃ anattā tasmā viññāṇaṃ ābādhāya saṃvattati.

Na ca labhati viññāṇe evaṃ me viññāṇaṃ hotu evaṃ me viññāṇaṃ mā ahoṣīti.

Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave rūpaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vāti?

Aniccaṃ bhante!

Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vāti?

Dukkhaṃ bhante!

Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ etaṃ mama eso hamasmi eso me attāti.

No hetamaṃ bhante!

Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave vedanā niccā vā aniccā vāti. ?

Aniccā bhante!

Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vāti?

Dukkhaṃ bhante!

Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ etaṃ mama eso hamasmi eso me attāti?

No hetamaṃ bhante!

*Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave saññā niccā vā aniccā vāti?
Aniccā bhante!*

*Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vāti?
Dukkhaṃ bhante!*

*Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ kallaṃ nu taṃ
samanupassituṃ etaṃ mama eso hamasmi eso me attāti?
No hetāṃ bhante!*

*Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave saṅkhārā
niccā vā aniccā vāti?
Aniccā bhante!*

*Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vāti?
Dukkhaṃ bhante!*

*Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ kallaṃ nu taṃ
samanupassituṃ etaṃ mama eso hamasmi eso me attāti?
No hetāṃ bhante!*

*Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave viññāṇaṃ niccaṃ vā aniccā vāti?
Aniccaṃ bhante!*

*Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vāti?
Dukkhaṃ bhante!*

*Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ kallaṃ nu taṃ
samanupassituṃ etaṃ mama eso hamasmi eso me attāti?
No hetāṃ bhante!*

*Tasmātiha bhikkhave yaṃkiñci rūpaṃ
atītānāgatapaccuppannaṃ ajjhattaṃ vā bahiddhā vā oḷārikaṃ
vā sukhumāṃ vā hīnaṃ vā paṇītaṃ vā yandūre santike vā
sabbaṃ rūpaṃ.*

*Netāṃ mamo neso hamasmi na meso attāti evametāṃ
yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ.*

Yākāci vedanā atītānāgatapaccuppannā ajjhattā vā bahiddhā vā oḷārikā vā sukhumā vā hīnā vā paṇītā yā dūre santike vā sabbā vedanā.

Netam mama neso hamasmi na meso attāti evametam yathābhūtam sammappaññāya datṭhabbam.

Yākāci saññā atītānāgatapaccuppannā ajjhattā vā bahiddhā vā oḷārikā vā sukhumā vā hīnā vā paṇītā yā dūre santike vā sabbā saññā.

Netam mama neso hamasmi na meso attāti evametam yathābhūtam sammappaññāya datṭhabbam.

Yekeci saṅkhārā atītānāgatapaccuppannā ajjhattā vā bahiddhā vā oḷārikā vā sukhumā vā hīnā vā paṇītā ye dūre santike vā sabbe saṅkhārā.

Netam mama neso hamasmi na meso attāti evametam yathābhūtam sammappaññāya datṭhabbam.

Yaṃkiñci viññāṇam atītānāgatapaccuppannam ajjhattam vā bahiddhā vā oḷārikam vā sukhumam vā hīnam vā paṇītam vā yandūre santike vā sabbam viññāṇam.

Netam mama neso hamasmi na meso attāti evametam yathābhūtam sammappaññāya datṭhabbam.

Evaṃ passam bhikkhave sutavā ariyasāvako rūpasmiṃpi nibbindati vedanāyapi nibbindati saññāyapi nibbindati saṅkhāresupi nibbindati viññāṇasmimpi nibbindati.

Nibbindam virajjati virāgā vimuccati.

Vimuttasmim vimuttamiti ñāṇam hoti.

Khīnā jāti suvitam brahmacariyam kataṃ karaṇīyam nāparam itthattāyāti pajānātīti.

Idamavoca Bhagavā.

Attamanā pañcavaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinandum.

*Imasmiñca pana veyyākaṇasmim bhaññamāne
pañcavaggiyānaṃ bhikkhūnaṃ anupādāya āsavehi cittāni
vimuccimṣūti.*

PAṬICCASAMUPPĀDA - KINH DUYÊN SINH

**Bởi không tường diệu đế. Hữu tình tạo nghiệp
duyên. Chính vô minh nguồn cội. Là nhân tạo
nên hành**

**Từ hành vi thiện ác. Gieo chủng thức tái sanh.
Như vậy chính do hành. Kiết sanh thức tập khởi
Thức chủng tử đầu đời. Tạo hiện hữu thân tâm.
Bởi do ý nghĩa này. Gọi thức duyên danh sắc
Vật chất và tâm thức. Biến hiện sáu giác quan.
Như vậy do danh sắc. Lục nhập được hiện thành
Sáu giác quan năng động. Tiếp xúc sáu cảnh
trần. Như vậy do lục nhập. Hiện tượng xúc khởi
sanh**

**Sáu căn gặp sáu cảnh. Khổ lạc xả phát sanh.
Như vậy do duyên xúc. Cảm thọ được tạo thành
Khổ lạc ưu hỷ xả. Nhân sanh mọi chấp trước.
Phật dạy chính cảm thọ. Duyên tạo nên ái dục
Tham muốn nên dính mắc. Dục lạc cột mê tâm.
Nên gọi nhân ái dục. Là duyên sanh chấp thủ
Khi tâm trần hệ lụy. Biến hiện muôn sở hành.
Như vậy do duyên thủ. Tác động hữu khởi sanh
Có tạo tác có quả. Có chủng tử luân hồi. Như vậy
do duyên hữu. Sanh quả được hiện thành**

Có thân hẳn phải già. Có sanh ắt có diệt. Chính do ý nghĩa này. Gọi sanh duyên lão tử Cũng chính do duyên sanh. Sâu bi khổ ưu não. Toàn bộ khổ uẩn này. Được hiện thành tập khởi

- **Không vô minh không hành**
- **Không hành thời không thức**
- **Không thức không danh sắc**
- **Không danh sắc không lục nhập**
- **Không lục nhập không xúc**
- **Không xúc không cảm thọ**
- **Không cảm thọ không ái**
- **Không ái dục không thủ**
- **Không chấp thủ không hữu**
- **Không hữu thời không sanh**
- **Không sanh không lão tử**
- **Sâu bi khổ ưu não**
- **Toàn bộ khổ uẩn này**
- **Không hình thành tập khởi**

Avijjāpaccayā saṅkhārā

Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ

Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ

Nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ

Saḷāyatanaṃ paccayā phasso

Phassapaccayā vedanā

vedanāpaccayā taṇhā

Taṇhāpaccayā upādānaṃ

Upādānapaccayā bhavo

*Bhavapaccayā jāti
Jātipaccayā jarāmarañam
Sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti
Evame tassa kavalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti
Avijjāya tveva asesā virāganirodhā sankhāranirodho
sañkhāranirodhā viññāṇanirodho viññāṇanirodhā
nāmarūpanirodho nāmarūpanirodhā
saḷāyatānanirodho saḷāyatānanirodhā
phassanirodho phassanirodhā
vedanānirodho vedanānirodhā
taṇhānirodho taṇhānirodhā
upādānanirodho upādānanirodhā
bhavanirodho bhavanirodhā
jātinirodho jātinirodhā jarāmarañam
sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā nirujjhanti
evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti.*

KINH SUY NIỆM VỀ NGHIỆP

- 1- Tất cả chúng sanh là chủ nhân của nghiệp cũng là kẻ thừa tự nghiệp. Nghiệp là thai tạng, là quyến thuộc, là điểm tựa cho vạn loài. Chính nghiệp phân chia sự dị biệt cao thấp trong đời.**
- 2- Chính mình làm việc ác nên khiến mình uế trước. Chính mình làm việc lành nên khiến mình thanh tịnh. Thanh tịnh hay uế trước đều do mình, không ai có thể khiến người khác tịnh thanh hay uế trước.**

3- Tâm dẫn đầu các pháp. Chính tâm chủ trì tạo tác các nghiệp. Nếu người nói năng hay hành động với tâm bất thiện thì đau khổ sẽ theo mình như bánh xe theo chân con vật kéo.

4- Tâm dẫn đầu các pháp. Chính tâm chủ trì tạo tác các nghiệp. Nếu người nói năng hay hành động với tâm hiền thiện thì hạnh phúc sẽ theo mình như bóng không rời hình.

5- Khi ác nghiệp chưa trở quả thì người ác chưa thấy là ác. Đến khi quả nghiệp kết thành bấy giờ người ác mới thấy là ác. Khi thiện nghiệp chưa trở quả thì người thiện chưa thấy là thiện. Đến khi quả nghiệp kết thành bấy giờ người thiện mới thấy là thiện.

6- Không phải do dòng dõi thọ sanh mà một người cao quý hay thấp hèn. Chính hành vi tạo tác khiến người thấp hèn hay cao quý. Mỗi chúng sanh là kết tinh của những gì đã tạo và sẽ là kết quả những gì đang tạo. Quá khứ, hiện tại, tương lai kết nối bằng những tác ý thiện hay bất thiện.

7- Đời này đau khổ, đời sau cũng đau khổ. Người tạo nghiệp bất thiện đau khổ cả hai đời. Xét ác nghiệp đã làm khiến lòng sầu khổ, sanh vào khổ cảnh nổi khổ nhiều hơn. Kiếp này an lạc, kiếp sau cũng an lạc. Người tạo nghiệp lành hai đời

an lạc. Xét việc thiện đã làm tự tâm hoan hỷ, sanh vào lạc cảnh hạnh phúc nhiều hơn.

KINH SUY NIỆM VỀ NGHIỆP

1- Kammassakā sattā kammadāyādā kammayonī kammabandhū kammapaṭisaraṇā kammaṃ satte vibhajati yadidaṃ hīnappaṇītatāyāti.

2- Attanā va kataṃ pāpaṃ Attanā saṅkilissati attanā akataṃ pāpaṃ attanā va visujjhati suddhi asuddhi paccattaṃ nāñño aññaṃ visodhaye

3- Manopubbaṅgamā dhammā Manoseṭṭhā manomayā Manasā ce paduṭṭhena Bhāsati vā karoti vā Tato naṃ dukkhamanveti Cakkaṃ va vahato padaṃ

4- Manopubbaṅgamā dhammā Manoseṭṭhā manomayā Manasā ce pasannena Bhāsati vā karoti vā Tato naṃ sukhamanveti Chāyā va anupāyinī

5- Pāpo pi passati bhadrāṃ yāva pāpaṃ na paccati yadā ca paccatī pāpaṃ atho pāpo pāpāni passati bhadro pi passati pāpaṃ yāva bhadrāṃ na paccati yadā ca paccatī bhadrāṃ atho bhadro bhadraṇi passati

6- Na jaccā vasalo hoti Na jaccā hoti brāhmano Kammunā vasalo hoti Kammunā hoti brāhmano

7- Idha socati pecca socati Pāpakārī ubhayattha socati So socati so vihaññati Disvā kammakiliṭṭhamattano Idha modati pecca modati Katapuñño ubhayattha modati So modati so pamodati Disvā kammavisuddhimattano

DHAMMASAṄGINĪ - KINH VẠN PHÁP TỔNG TRÌ

Dẫn nhập

Xưa Phật dạy Thắng Pháp. Về bản thể chân đế. Nhờ nghe Vi Diệu Tạng. Phật Mẫu chứng thánh quả. Nay đệ tử chúng con. Trì tụng Ma Ti Ka. Nguyện uy đức vô cùng. Độ chúng sanh thoát khổ

Chánh kinh

Bản thể pháp gồm bốn. Tâm, tánh, sắc, Niết Bàn. Phân biệt theo chức năng. Đồng dị tùy thể loại

Có thiện, có bất thiện. Có không thiện không ác Người trí thông lẽ đạo. Không rơi vào biên kiến Có pháp tương ưng khổ. Có pháp tương ưng lạc. Có phi khổ phi lạc. Ở đời có cả ba

Có pháp vốn là nhân. Có pháp vốn là quả. Có pháp không nhân quả. Vượt quan kiến thường tình

Do chấp thủ mà sanh. Lại sanh ra chấp thủ. Không thủ sanh sanh thủ. Không thủ không sanh thủ

Có pháp là phiền não. Lại sanh ra não phiền. Phi phiền sanh phiền não. Có tâm cảnh vô phiền Pháp có tâm có tứ. Pháp có tứ không tâm. Có pháp không tâm tứ. Cùng hiện hữu ở đời

**Pháp đi chung với hỷ. Pháp đi chung với lạc.
Pháp đi chung với xả. Hành giả cần quán sát
Pháp nhờ thấy mà diệt. Pháp nhờ tu mà diệt. Có
pháp ngoài cả hai. Bậc chân nhân biết rõ
Có gốc rễ kiết sử. Đoạn diệt bởi sơ đạo. Hay bởi
ba đạo cao. Không kiết sử không đoạn
Có pháp nhân sanh tử. Có pháp nhân giải thoát.
Có pháp không luân hồi. Cũng không hưởng Niết
Bàn
Có pháp thuộc hữu học. Có pháp thuộc vô học.
Có pháp phi hữu học. Cũng không thuộc vô học
Có pháp vốn cục bộ. Có pháp thuộc đáo đại. Có
pháp không hạn cuộc. Do giới vực mà phân
Pháp biết cảnh tâm thường. Pháp biết cảnh
rộng lớn. Pháp biết cảnh vô lượng. Tâm cảnh
vốn tương ứng
Có pháp vốn hạ liệt. Có pháp thuộc trung bình.
Có pháp tánh thù thắng. Chức năng có sai biệt
Pháp cố định thuộc tà. Pháp cố định thuộc
chánh. Cũng có pháp bất định. Được trí giả nói
đến
Pháp lấy đạo làm cảnh. Pháp lấy đạo làm nhân.
Pháp lấy đạo làm trưởng. Ba phạm trừ đối tác
Có pháp vốn đã sanh. Có pháp chưa sanh khởi.
Có pháp sắp sanh khởi. Tác động hẳn không
đồng**

**Có pháp thuộc quá khứ. Có pháp thuộc vị lai. Có pháp thuộc hiện tại. Tam thể đồng thể tánh
Có pháp biết quá khứ. Có pháp biết vị lai. Có pháp biết hiện tại. Cả ba được ghi nhận
Có pháp thuộc nội giới. Có pháp thuộc ngoại giới. Có pháp gồm cả hai. Chủ thể lẫn khách thể
Có pháp biết nội giới. Có pháp biết ngoại giới. Có pháp biết cả hai. Bên trong lẫn bên ngoài
Pháp thấy và tiếp xúc. Pháp tiếp xúc không thấy. Pháp không thấy không xúc. Cùng là cảnh nhưng khác**

Do thể tài mà nói. Do chức năng mà phân. Do góc cạnh mà nhìn. Nên sanh ra đồng dị

- Trợ bằng cách làm gốc. Nên gọi là nhân duyên.**
- Làm đối tượng tác động. Nên gọi là cảnh duyên.**
- Trợ bằng thể chủ lực. Do vậy gọi trưởng duyên.**
- Giúp bằng cách liên tục. Ấy là vô gián duyên.**
- Cùng hiện hữu xúc tác. Được gọi đồng sanh duyên.**
- Vì liên đới mà giúp. Chính là hỗ tương duyên.**
- Chỗ nương cho pháp khác. Nên gọi y chỉ duyên.**

- Thường gần nên ảnh hưởng. Gọi thường thân y duyên.
- Trợ bằng cách sanh trước. Chính là tiền sanh duyên.
- Sanh sau lại chi phối. Ấy là hậu sanh duyên.
- Trợ bằng cách thuần thực. Gọi là tập hành duyên
- Do chủ tâm tạo tác. Đó chính là nghiệp duyên.
- Trợ bằng cách thành tựu. Đó gọi là quả duyên.
- Trợ bằng cách bồi dưỡng. Đó gọi là thực duyên
- Trợ bằng cách chủ trì. Đó gọi là quyền duyên.
- Trợ bằng cách nung nấu. Được gọi là thiên duyên
- Trợ bằng thể dẫn nhập. Nên gọi là đạo duyên.
- Trợ bằng cách thuận hợp. Nên gọi tương ứng duyên.
- Trợ bằng cách bất đồng. Là bất tương ứng duyên
- Trợ bằng cách có mặt. Gọi là hiện hữu duyên

- Trợ bằng cách vắng mặt. Chính là vô hữu duyên
- Trợ bằng cách tách biệt. Được gọi là ly duyên.
- Trợ bằng cách không rời. Được gọi bất ly duyên

Ai thấy được vạn pháp. Vốn có riêng tự tánh. Không biên kiến chấp thủ. Thắng trí vượt luân hồi

Nguyện chánh pháp thâm sâu. Được quảng diễn tinh tường. Nguyện muôn loài lợi lạc. Thoát trầm luân khổ hải

KINH VẠN PHÁP TỔNG TRÌ - DHAMMASAṄGINĪ

Kusalā dhammā akusalā dhammā abyākatā dhammā

Sukhāya vedanāya sampayuttā dhammā

Dukkhāya vedanāya sampayuttā dhammā

Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā dhammā

Vipākā dhammā vipākadhammadhammā

nevavipākanavipākadhammadhammā

Upādinnupādāniyā dhammā anupādinnupādāniyā dhammā

anupādinnānupādāniyā dhammā

Saṅkiliṭṭhasaṅkilesikā dhammā asaṅkiliṭṭhasaṅkilesikā

dhammā asaṅkiliṭṭhāsaṅkilesikā dhammā

Savitakkasavicārā dhammā avitakkavicāramattā dhammā

avitakkāvicārā dhammā

Pītisahagatā dhammā sukhasahagatā dhammā

upekkhāsahagatā dhammā

*Dassanena pahātabbā dhammā bhāvanāya pahātabbā dhammā
nevadassanena na bhāvanāya pahātabbā dhammā
Dassanena pahātabbahetukā dhammā bhāvanāya
pahātabbahetukā dhammā nevadassanena na bhāvanāya
pahātabbahetukā dhammā
Ācayagāmino dhammā apacayagāmino dhammā
nevācayagāmino nāppacayagāmino dhammā
Sekkhā dhammā asekkhā dhammā nevasekkhānāsekkhā
dhammā
Parittā dhammā mahaggatā dhammā appamāṇā dhammā
Parittārammaṇā dhammā mahaggatārammaṇādhammā
appamāṇārammaṇā dhammā
Hīnā dhammā majjhimā dhammā paṇītā dhammā
Micchattaniyatā dhammā sammattaniyatā dhammā aniyatā
dhammā
Maggārammaṇā dhammā maggahetukā dhammā
maggādhipatino dhammā
Uppannā dhammā anuppannā dhammā uppādino dhammā
Atītā dhammā anāgatā dhammā paccuppannā dhammā
Atītārammaṇā dhammā anāgatārammaṇā dhammā
paccuppannārammaṇā dhammā
Ajjhattā dhammā bahiddhā dhammā ajjhatabhiddhā dhammā
Ajjhattārammaṇā dhammā bahiddhārammaṇā dhammā
ajjhatabhiddhārammaṇā dhammā
Sanidassanasappaṭighā dhammā anidassanasappaṭighā
dhammā anidassanāppaṭighā dhammā
Bāvīsattīkamātikā dhammasaṅgaṇīpakaraṇaṃ nāma samattaṃ
Hetupaccayo ārammaṇapaccayo adhipatipaccayo
anantarapaccayo samantarapaccayo sahaṅgāpaccayo
aññamaññapaccayo nissayapaccayo upanissayapaccayo*

*purejātapaccayo pacchājātapaccayo āsevanapaccayo
kammappaccayo vipākapaccayo āhārapaccayo indriyapaccayo
jhānapaccayo maggapaccayo sampayuttapaccayo
vippayuttapaccayo atthipaccayo natthipaccayo vigatapaccayo
avigatapaccayo*

KINH “GÍ-RÍ-MA-NAN-ĐÁ” TỤNG CHO BỆNH NHÂN

**Tôi (tên là A-NAN-ĐA) được nghe lại như vậy:
Một thuở nọ Đức Thế Tôn ngự tại Kỳ-Viên Tịnh
Xá của trưởng giả Cấp-Cô-Độc, gần thành Xá-Vệ
(Xa-quát-thí) (Sāvatthi).**

**Thuở ấy có thầy Tỳ khưu Girimānanda mang
bệnh, chịu nhiều sự đau đớn nặng nề.**

**Ānanda, vào nơi Phật ngự, đánh lễ Đức Thế Tôn,
rồi ngồi chỗ nên ngồi.**

**Khi Ānanda an vị bên bạch với Đức Thế Tôn
bằng lời kệ này:**

**Bạch Đức Thế Tôn, thầy Girimānanda, mang
bệnh chịu nhiều sự đau đớn nặng nề.**

**Bạch Đức Thế Tôn, cầu xin Đức Thế Tôn mở lòng
Bác ái cứu giúp thầy Girimānanda, cầu xin Đức
Thế Tôn ngự vào chỗ ngự của thầy Girimānanda.**

**Đức Thế Tôn liền đáp: Ānanda này! Người nên
vào chỗ của Tỳ khưu Girimānanda đặng giảng
giải cả 10 phép tưởng.**

Phép ấy là nguyên nhân diệt bệnh, nếu thầy Tỳ khưu Girimānanda được nghe thì bệnh sẽ thuyên giảm ngay lập tức.

10 Phép tưởng ấy thế nào?

10 phép tưởng ấy là: Tưởng vô thường, tưởng vô ngã, tưởng bất tịnh, tưởng sự khổ, tưởng sự dứt bỏ, tưởng dứt tình dục, tưởng tịch tịnh, tưởng sự không tham luyến thế giới, tưởng các Pháp hành là vô thường, tưởng hơi thở.

Này Ānanda, tưởng vô thường thế nào?

Này Ānanda, Thầy Tỳ khưu trong Phật Pháp, hoặc ở trong rừng, hoặc ở gần cội cây, hoặc ở trong nhà thanh vắng, suy tưởng thấy như vậy:

Sắc không thường.

Thọ không thường.

Tưởng không thường.

Hành không thường

Thức không thường.

Thầy Tỳ khưu hằng suy tưởng, thấy 5 Uẩn này đều là vô thường như vậy. Ānanda, Pháp ấy Như Lai gọi là “Tưởng vô thường” vậy.

Này Ānanda! Tưởng vô ngã thế nào?

Này Ānanda, Thầy Tỳ khưu trong Phật Pháp, hoặc ở trong rừng, hoặc ở gần cội cây, hoặc ở trong nhà thanh vắng, suy tưởng hằng thấy như vậy:

Mắt chẳng phải là của ta.

**Các sắc chẳng phải là của ta.
Tai chẳng phải là của ta.
Các tiếng chẳng phải là của ta.
Mũi chẳng phải là của ta.
Các mùi chẳng phải là của ta.
Lưỡi chẳng phải là của ta
Các vị chẳng phải là của ta.
Thân chẳng phải là của ta.
Các sự đụng cộ chẳng phải là của ta.
Tâm chẳng phải là của ta.
Các Pháp chẳng phải là của ta.
Thầy Tỳ khưu hằng suy tưởng thấy Lục Căn và
Lục Trần đều chẳng phải là của ta.
Này Ānanda! Phép ấy Như Lai gọi là tướng vô
ngã vậy.
Này Ānanda! Tướng bất tịnh thế nào?
Này Ānanda! Thầy Tỳ khưu suy tưởng thấy
trong thân thể, từ bàn chơn trở lên, từ ngọn tóc
trở xuống, có da bao bọc chung quanh, chứa
những vật không sạch, có nhiều hình dáng khác
nhau, những là: Tóc, Lông, Móng, Răng, Da,
Thịt, Gân, Xương, Tủy, Thận, Tim, Gan, Da non,
Lá lách, Phổi, Ruột già, Ruột non, Vật thực chưa
tiêu hóa, Phấn, Mật, Đàm, Mủ, Máu, Mồ hôi, Mỡ,
Nước mắt, Dầu trong da, Nước miếng, Nước
mũi, Nhớt, Nước tiểu.**

Thầy Tỳ khưu hằng suy tưởng thấy những vật không sạch trong thân thể như vậy.

Nầy Ānanda! Phép ấy Như Lai gọi là tướng vật bất tịnh vậy.

Nầy Ānanda! Tưởng sự khổ thế nào?

Nầy Ānanda, Thầy Tỳ khưu trong Phật Pháp, hoặc ở trong rừng, hoặc ở gần cội cây, hoặc ở trong nhà thanh vắng, suy tưởng thấy như vậy: Thân thể thật có nhiều sự khổ não, nhiều sự tội lỗi.

Các bệnh hoạn đau nhức hằng phát sanh trong thân thể này:

Bệnh hoạn ấy là thế nào ?

Bệnh trong con mắt

Bệnh trong lỗ tai.

Bệnh trong lỗ mũi

Bệnh trong lưỡi.

Bệnh trong thân hình.

Bệnh trong đầu.

Bệnh ngoài lỗ tai

Bệnh trong miệng.

Bệnh chơn răng.

Bệnh ho, bệnh suyễn.

Bệnh ngoài lỗ mũi.

Bệnh nóng, bệnh gầy mòn.

Bệnh trong bụng.

Bệnh trúng gió, chóng mặt.

Bệnh thổ huyết.

Bệnh đau bụng, bệnh tả.

Bệnh cùi, bệnh bấu.

Bệnh lác, bệnh ho lao.

Bệnh kinh phong, bệnh mụn (mụn).

Bệnh sảy (mụn sảy), bệnh phong lở.

Bệnh ban, trái, bệnh ghẻ phỏng.

Bệnh đau máu, bệnh đau mật.

Bệnh bạch đái, bệnh trĩ ngoại.

Bệnh đình sang (mụn có mũ).

Bệnh âm sang (trĩ lậu) nội.

Bệnh đau mắt.

Bệnh bởi đàm sanh.

Bệnh cảm gió.

Bệnh phong đàm.

Bệnh thời khí.

Bệnh tổn.

Bệnh do bị đánh đập.

Bệnh do nghiệp báo.

Bệnh do sự lạnh, bệnh do sự nóng.

Bệnh do sự đói, Bệnh do sự khát.

Bệnh bón, bệnh lậu.

Thầy Tỳ khưu hằng suy tưởng thấy tội khổ trong thân thể như vậy.

Nầy Ānanda! Phép ấy Như Lai gọi là tưởng tội khổ vậy.

Nầy Ānanda! Tưởng sự dứt bỏ thể nào?

Nầy Ānanda! Thầy Tỳ khưu trong Phật Pháp, không đem lòng thọ lãnh nghĩa là dứt bỏ, làm cho tiêu tán, làm cho không còn phát sanh dục tư duy, (Kāmaavitakka) là thứ lòng suy nghĩ về tình dục.

Không đem lòng thọ lãnh, là dứt bỏ, làm cho tiêu tán, làm cho không còn phát sanh hận tư duy, (Byāpādavitakka) là thứ lòng hay suy nghĩ về sự hiềm thù, là sự suy nghĩ cách làm hại chúng sanh.

Không lòng thọ lãnh, là dứt bỏ, làm cho tiêu tán, làm cho chẳng còn phát sanh khố tư duy, (Vihimsavitakka) là thứ lòng suy nghĩ làm khó chúng sanh.

Không lòng thọ lãnh, là dứt bỏ, làm cho tiêu tán, làm cho không còn phát sanh nghiệp dữ, nghiệp dữ đã có không cho tăng tiến thêm nữa

Nầy Ānanda! Phép ấy Như Lai gọi là tướng sự dứt bỏ vậy.

Nầy Ānanda! Tướng dứt tình dục, thế nào?

Nầy Ānanda, Thầy Tỳ khưu trong Phật Pháp, hoặc ở trong rừng, hoặc ở gần cội cây, hoặc ở trong nhà thanh vắng, quán tưởng thấy như vậy:

Pháp dứt tình dục là Niết-bàn, diệt trừ các sở hành, dứt bỏ cả phiền não, đoạn tuyệt cả ái dục rồi, pháp dứt tình dục là Niết-bàn ấy, là đức

tịnh; Pháp dứt tình dục là Niết-bàn ấy, là đức cao thượng.

Nầy Ānanda! Phép ấy Như Lai gọi là tướng dứt tình dục vậy.

Nầy Ānanda! Tướng tịch tịnh, thế nào?

Nầy Ānanda, Thầy Tỳ khưu trong Phật Pháp, hoặc ở trong rừng hoặc ở gần cội cây, hoặc ở trong nhà thanh vắng, quán tưởng thấy như vậy:

Pháp tịch tịnh là Niết-bàn diệt trừ các sở hành, dứt bỏ cả phiền não, đoạn tuyệt cả ái dục rồi; Pháp tịch tịnh là Niết-bàn ấy, là đức tịnh; Pháp tịch tịnh là Niết-bàn ấy, là đức cao thượng.

Nầy Ānanda! Phép ấy Như Lai gọi là tướng tịch tịnh vậy.

Nầy Ānanda! Tướng sự không tham luyện thế giới là thế nào?

Nầy Ānanda! Cái tâm nào đã nương theo ái dục, hoặc cố chấp sự thường kiến cùng đoạn kiến và những vi tế phiền não trong thế giới, là tâm ác, thầy Tỳ khưu trong Phật Pháp này, khi dứt bỏ hẳn cả các pháp ấy, không lòng cố chấp nữa, thì được tránh cả ác pháp ấy.

Nầy Ānanda! Phép ấy Như Lai gọi là tướng sự không tham luyện thế giới vậy.

Nầy Ānanda! Tướng tất cả sở hành đều vô thường là thế nào?

Nầy Ānanda, Thầy Tỳ khưu trong Phật Pháp, chán nản gồm ghê các sở hành.

Nầy Ānanda! Phép ấy Như Lai gọi là tướng tất cả sở hành đều là vô thường vậy.

Nầy Ānanda! Niệm hơi thở thế nào?

Nầy Ānanda, Thầy Tỳ khưu trong Phật Pháp, ở trong rừng hoặc ở gần cội cây, hoặc ở trong nhà thanh vắng, ngồi nhắm mắt thân hình ngay thẳng, ý tưởng chơn chánh, để tìm phép Thiên định:

Thầy Tỳ khưu ấy chăm chỉ nhớ biết rõ rệt đến hơi thở ra.

Chăm chỉ nhớ biết rõ rệt đến hơi thở vô.

Khi hơi thở ra dài, biết rõ: Ta thở ra dài.

Khi hơi thở vô dài, biết rõ: Ta thở vô dài.

Khi hơi thở ra ngắn, biết rõ: Ta thở ra ngắn.

Khi hơi thở vô ngắn, biết rõ: Ta thở vô ngắn.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta là người biết thật rõ hơi thở ra mới thở ra.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta là người biết thật rõ hơi thở vô mới thở vô.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta là người diệt hơi thở ra, mới thở ra.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta là người diệt hơi thở vô, mới thở vô.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta là người biết thật rõ sự vui mừng, mới thở ra.

Thầy Tỳ khư tinh cần như vậy: Ta là người biết thật rõ sự vui mừng, mới thở vô.

Thầy Tỳ khư tinh cần như vậy: Ta là người biết thật rõ sự yên vui, mới thở ra.

Thầy Tỳ khư tinh cần như vậy: Ta là người biết thật rõ sự yên vui, mới thở vô.

Thầy Tỳ khư tinh cần như vậy: Ta là người biết thật rõ tâm hành, mới thở ra.

Thầy Tỳ khư tinh cần như vậy: Ta là người biết thật rõ tâm hành, mới thở vô.

Thầy Tỳ khư tinh cần như vậy: Ta là người diệt tâm hành, mới thở ra.

Thầy Tỳ khư tinh cần như vậy: Ta là người diệt tâm hành, mới thở vô.

Thầy Tỳ khư tinh cần như vậy: Ta là người biết thật rõ tâm, mới thở ra.

Thầy Tỳ khư tinh cần như vậy: Ta là người biết thật rõ tâm, mới thở vô.

Thầy Tỳ khư tinh cần như vậy: Ta làm cho tâm thơ thối, mới thở ra.

Thầy Tỳ khư tinh cần như vậy: Ta làm cho tâm thơ thối, mới thở vô.

Thầy Tỳ khư tinh cần như vậy: Ta giữ tâm cho bình đẳng trong cảnh giới, mới thở ra.

Thầy Tỳ khư tinh cần như vậy: Ta giữ tâm cho bình đẳng trong cảnh giới, mới thở vô.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta diệt tâm cho khỏi, nhứt là 5 Pháp cái, mới thở ra.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta diệt tâm cho khỏi, nhứt là 5 Pháp cái, mới thở vô.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta là người hằng thấy ngũ uẩn là vô thường, mới thở ra.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta là người hằng thấy ngũ uẩn là vô thường, mới thở vô.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta là người hằng thấy Pháp dứt trừ tình dục, mới thở ra.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta là người hằng thấy Pháp dứt trừ tình dục, mới thở vô.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta là người hằng thấy Pháp tịch tịnh, khỏi sự thống khổ, mới thở ra.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta là người hằng thấy Pháp tịch tịnh, khỏi sự thống khổ, mới thở vô.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta là người hằng thấy Pháp dứt bỏ phiền não, mới thở ra.

Thầy Tỳ khưu tinh cần như vậy: Ta là người hằng thấy Pháp dứt bỏ phiền não, mới thở vô.

Nầy Ānanda! Những điều ấy, Như Lai gọi là niệm hơi thở vậy.

Nầy Ānanda! Nếu người vào đến chỗ ngụ của thầy Tỳ khưu Girimānanda rồi, nên giảng giải 10 Phép tưởng như vậy, đó là nguyên nhân làm

**cho bệnh của thầy Tỳ khưu Girimānanda được
thuyên giảm trong giây phút.**

**Liên đó đức Ānanda học cả 10 phép tướng ấy
của Đức Thế Tôn, rồi đem giảng giải lại cho thầy
Tỳ khưu Girimānanda.**

**Nhờ nghe được 10 phép tướng, mà thầy
Girimānanda được khỏi bệnh lập tức.**

**Thầy Girimānanda hẳn được dứt khỏi bệnh ấy.
Căn bệnh của thầy Girimānanda được dứt khỏi
do thầy Girimānanda nghe được cả 10 phép
tướng, mà đức Ānanda giảng giải lại như vậy.**

ANUMODANĀRAMBHAGĀTHĀ - KỆ BỐ CÁO (CHO THÍ CHỦ) HOAN HỖ

**Các con đường nước đầy đủ, nhưt là sông và
rạch làm cho biển được đầy đủ, cũng như sự bố
thí mà thí chủ đã làm trong lúc hiện tại đây,
Cầu xin cho đặng kết quả đến những người đã
quá vãng.**

**Cầu xin các quả lành mà người đã mong mỏi,
cho được mau thành tựu kịp thời đến người.**

**Cầu xin những sự suy xét chơn chánh cho được
tròn đủ đến người.**

Như trăng trong ngày Rằm.

**(Bằng chẳng vậy) cũng như ngọc Ma-ni chiếu
sáng rõ ràng là ngọc quý báu, có thể làm cho tất
cả sự ước ao của người đều được như nguyện.**

*Yathā vārivahā pūrā, Paripūrenti sāgaram.
Evameva ito dinnam, Petānam upakappati.
Icchitam paṭṭhitam tumham, Khippameva samijjhatu.
Sabbe pūrentu saṅkappā.
Cando paṇṇaraso yathā.
Maṇijotiraso yathā.*

SĀMAÑÑĀNUMODANAGĀTHĀ - KỆ HOAN HỖ TƯƠNG HỢP

“Các sư, thầy khác tụng tiếp theo”

**Câu xin cho tất cả sự rủi ro của người đều được
xa lánh.**

**Câu xin cho tất cả tật bệnh của người đều được
dứt khỏi.**

Sự tai hại cũng chẳng có đến cho người.

Câu xin cho người được sự an vui trường thọ.

**Câu xin cho tất cả sự rủi ro của người đều được
xa lánh.**

**Câu xin cho tất cả tật bệnh của người đều được
dứt khỏi.**

Sự tai hại cũng chẳng có đến cho người.

Câu xin cho người được sự an vui trường thọ.

**Cả 4 Pháp chúc mừng là: Sống lâu, Sắc đẹp, An
vui, Sức mạnh, hằng thêm đến người, là người
năng nghiên mình lễ bái, cúng dường đến
Tam-Bảo và có lòng tôn kính các bậc tu hành
tinh tấn nhất là bậc trì Giới, và bậc Trưởng lão.**

**Xin cho những điều tốt đẹp đến với người cúng
dường này. Thoát khỏi mọi bệnh tật. Không còn
khổ não. Luôn được an vui và hạnh phúc**

Sabbītiyo vivajjantu.

Sabbarogo vinassatu.

Mā te bhavatvantarāyo.

Sukhī dīghāyuko bhava.

Sabbītiyo vivajjantu.

Sabbarogo vinassatu.

Mā te bhavatvantarāyo.

Sukhī dīghāyuko bhava.

Abhivādanasīlissa,

Niccaṃ vuddhāpacāyino,

Cattāro dhammā vaḍḍhanti,

Āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ.

Sabba-roga-vinimutto

Sabba-santaapa-vajjito

Sabba-veram-atikkanto

Nibbuto ca tuva''m bhava

BHOJANADĀNĀNUMODANAGĀTHĀ - KỆ HOAN HỖ VỀ SỰ THÍ THỰC

**Người có trí là người hay thí thọ, thí lực, thí sắc
đẹp, thí Trí tuệ.**

**Người có trí là người hay thí sự an vui, thì hằng
được sự an vui.**

**“Người” tinh tấn thí thọ, thí lực, thí sắc đẹp, thí
sự an vui, gọi là thí Trí tuệ.**

“Người ấy” khi tái sinh trong cõi nào, đều được trường thọ và sang cả.

Āyudo balado dhīro, Vaṇṇado paṭibhāṇado.

Sukhassa dātā medhāvī, Sukhaṃ so adhigacchati.

Āyumuṃ datvā balaṃ vaṇṇaṃ, Sukhañca paṭibhāṇado.

Dīghāyu yasavā hoti, Yattha yatthūpapajjati.

**JĪVABHATTĀNUMODANĀGĀTHĀ - KỆ HOAN HỖ THÍ
THỰC HỘ MẠNG**

Thân người hiện tại đây, ví như lá cây chín có màu vàng.

Tay sai của Diêm chúa, là sự chết đã đến tìm người.

Người là nguồn cội của sự vô ngã.

Lộ phí là việc lành của người cũng chẳng có.

Người chỉ có nương nhờ nơi mình.

Người mau cố gắng cho ra bậc thông minh “chẳng nên chịu tối mê nữa”.

“Khi đã làm như thế” thì được dứt khỏi trần lao “nhứt là tình dục” chẳng còn phiền não, và đến Thánh-vực, là nơi có Pháp huyền diệu.

Paṇḍupalāsova dānisi.

Yamapurisāpi ca te upaṭṭhitā.

Uyyogamukhe paṭiṭṭhasi.

Pātheyyampi ca te na vijjati.

So karohi dīpamattano.

Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava.

Niddhantamalo anaṅgaṇo, Dibbaṃ ariyabhūmimehisi.

**PUBBAPETABALIDĀNĀNUMODANAGĀTHĀ - KỆ
HOAN HỖ THÍ THỰC HỒI HƯỚNG CHO BẠC TIỀN
NHÂN**

Những người đã làm được việc lành trong hoàn cảnh nào, trước hết phải tưởng đến cha mẹ đã quá vãng. Phải tưởng đến Chư Thiên ngự trong các nơi, nhất là ngự trong nhà, mà chẳng nên bòn xén, nên làm việc phước thí. Lại phải tưởng đến Tứ Đại Thiên-Vương hộ-trì 4 châu thiên hạ:

Một là đức Vua KUVĒRA

Hai là đức Vua DHĀTARĀṬṬHA

Ba là đức Vua VIRŪPAKKHA

Bốn là đức Vua VIRŪḤHAKA

Là chúa cả Chư Thiên, có đủ sự sang cả. Chúa Chư Thiên ấy, nếu được người cúng dường (do phép hồi hướng), người làm đạng phước lành đã hồi hướng ấy, chẳng phải không hiệu quả, mà chắc thật được sự quả báo.

Còn như các sự than khóc, uất ức, hoặc thương tiếc, thảy đều vô ích. Nhất là sự than khóc chẳng ích chi cho người quá vãng. Khi người khóc lóc, thương tiếc, uất ức, ăn năn, sau này đều là sự vô ích không không. Vì người quá vãng chẳng được nghe và biết những điều ấy.

Nếu Dakkhiṇādana mà người đã cúng dường rồi, là phước thí đến Chư Tăng.

Dakkhiṇādāna ấy, mới được kết quả lợi ích lâu dài, đến những quyền thuộc đã quá vãng do nhờ hiệp theo duyên cố .

Yaṃkiñcārammaṇaṃ katvā, Dajjā dānamamaccharī.

Pubbapete ca ārabha, Athavā vatthudevatā ?

Cattāro va mahārāje, Lokapāle yasassino, Kuverañca

Dhataratṭhaṃ, Virūpakkhaṃ Virūlhakaṃ.

Te ceva pūjitā honti, Dāyakā ca anipphalā.

Nahi ruṇṇaṃ vā soko vā, Yāvaññā paridevanā.

Na taṃ petānamatthāya, Evaṃ tiṭṭhanti ñātayo.

Ayañca kho dakkhiṇā dinnā, Saṅghamhi supatiṭṭhitā.

Dīgharattaṃ hitāyassa, Thānaso upakappati.

DEVATĀBHSAMMANTANAGĀTHĀ - KỆ CẦU THỈNH CHƯ THIÊN ĐẾN HỘ TRÌ THÍ CHỦ

Các hạng chúng sanh là Chư Thiên ngự trên địa cầu, hoặc các hạng chúng sanh là Chư Thiên ngự trên hư không, đã đến hội họp nơi đây.

Cầu xin các hạng chúng sanh ấy, phát lòng hoan hỷ.

Và thành kính mà nghe Bhāsita.

Chúng tôi tụng chút ít Bhāsita, để các Ngài nghe.

Chẳng phải là lời dữ mà lời để thức tỉnh sự chú ý trong các việc lành.

Là duyên cố để tiếp dẫn đạo tâm, của những người tu hành.

**Bởi cố ấy tất cả hạng chúng sanh nên nghe.
Tất cả chúng sanh nên rải lòng Bác ái đến hạng
chúng sanh, thuộc về nhơn loại.
Là người đã có lòng nhiệt thành thương yêu che
chở, đến các hạng chúng sanh.
Những người hằng dắt dẫn làm Balikamma, là
làm thêm việc lành trong ban ngày hoặc trong
ban đêm.
Khi mong mọi ân cần trong sự đền ơn.
Những kẻ ấy đều là người cô thế.
Hạng chúng sanh thuộc về Chư Thiên, là người
có nhiều huyền diệu khác nhau.
Là những hạng chúng sanh có thân hình khó
thấy được (nhưng) con người biết rõ (rằng có).
Bởi cố ấy, xin các Ngài chớ nên lãnh đạm, cầu
xin hộ trì nhơn loại.**

Yānīdha bhūtāni samāgatāni Bhummāni vā yāniva antalikkhe.

Sabbeva bhūtā sumanā bhavantu.

Athopi sakkacca suṇantu bhāsitaṃ.

Subhāsitaṃ kiñcipi vo bhaṇemu.

Puññe satuppādakaraṃ apāpaṃ.

Dhammūpadesaṃ anukāraṇaṃ.

Tasmā hi bhūtāni samentu sabbe.

Mettaṃ karotha mānussiyā pajāya.

Bhūtesu bālhaṃ katabhattikāya.

Divā ca ratto ca haranti ye baliṃ

Paccopākāraṃ abhikaṅkhamānā.

Te kho manussā tanukānubhāvā.

Bhūtā viśesena mahiddhikā ca.

Adissamānā manujehi ñātā.

Tasmā hi ne rakkhatha appamattā.

**TIROKUḌḌAKAṄḌAGĀTHĀ - KỆ HỒI HƯƠNG QUẢ BÁO
ĐẾN NGẠ QUI, NHỨT LÀ NGẠ QUI NGỰ NGOÀI VÁCH
NHÀ**

**Các hàng Ngạ qui đã đến nhà quyền thuộc rồi,
bèn suy tưởng là nhà của mình.**

**Thường đứng gần ngoài vách, nơi ngã tư hoặc
ngã ba đường, gần các cửa thành, cùng các cửa
nhà.**

**Khi cơm nước cùng các món ngon ngọt vừa đủ,
đã dành sẵn mà quyền thuộc không nhớ đến các
Ngạ qui ấy, bởi tại nghiệp duyên trước.**

**Những quyền thuộc nào đã tế độ Ngạ qui hằng
hồi hương, bổ thí vật thực ngọt ngon đến hàng
quyền thuộc đã quá vắng bằng cách này:**

**Sự bổ thí này hãy thấu đến các quyền thuộc, cầu
xin quyền thuộc ấy được sự an vui.**

**Ngạ qui ấy là quyền thuộc, đã tự hội đến chỗ
bổ thí, do lòng mong mọi việc lành.**

**Khi được thọ lãnh vật thực vừa đủ rồi, nên hoan
hỷ cầu xin theo lời kệ này:**

**Chúng tôi được của này nhờ nơi quyền thuộc.
Câu xin các quyền thuộc của chúng tôi được
trường thọ.**

**Sự cúng dường mà các quyền thuộc đã làm cho
chúng tôi.**

**Các thí chủ chẳng phải không được thiện quả.
Việc cày ruộng lập vườn, chẳng có trong chốn
Ngạ quỷ.**

Việc nuôi bò chẳng có trong chốn Ngạ quỷ.

**Việc buôn bán là nguyên nhân phát sanh của
cái, cũng chẳng có.**

Chẳng có việc bán buôn đổi chác bạc tiền.

**Những người đã thác đọa làm Ngạ quỷ hằng
được nuôi sống, do nhờ quả bố thí của các
quyền thuộc trong thế gian.**

**Nước trên gò nổi hằng chảy xuống thấp, cũng
như sự bố thí mà người đã làm trong đời này,
hằng được kết quả đến Ngạ quỷ.**

**Các con đường nước nhứt là sông và rạch, hằng
làm cho biển được đầy đủ, cũng như sự bố thí
mà người đã làm trong lúc hiện tại đây, hằng
được kết quả đến Ngạ quỷ.**

**Khi người ta tưởng thấy ơn nghĩa mà ân nhân
đã làm.**

**Dành để cho người trong lúc trước, người này có
bố thí vật này đến ta**

Các người ấy đều là quyến thuộc của ta, nên cho Dakkhiṇādāna, đến các Ngạ qui ấy.

Sự uất ức thương tiếc trong sự sanh tử biệt ly, đều chẳng có lợi ích chi.

Làm như thế chẳng có sự lợi ích đến các Ngạ qui.

Các Ngạ qui chẳng được biết, chẳng được nghe. Nếu Dakkhiṇādāna, mà người đã được làm rồi.

Là được bố thí theo lẽ chánh đến Chư Tăng.

(Dakkhiṇādāna ấy) mới được kết quả do theo duyên cố, tức là được sự lợi ích lâu dài đến các Ngạ qui.

Quyến thuộc ấy là người đã hành đúng theo Pháp rồi.

Sự cúng dường trọng thể và hồi hướng đến các Ngạ qui, người cũng đã làm rồi.

Sức lực các Thầy Tỳ khưu, người cũng đã bố thí rồi.

Hạnh phúc mà người đã sẵn dành như thế chẳng phải là ít.

Tirokuḍḍesu tiṭṭhanti, Sandhisinṅghātakesu ca, Dvārabāhāsu tiṭṭhanti, Āgantvāna sakaṃ gharaṃ.

Pahūte annapānamhi, Khajjabhoje upatṭhite, Na tesam koci sarati, Sattānaṃ kammaṃ paccayā.

Evam dadanti ñātīnaṃ, Ye honti anukampakā, Sucim paṇītaṃ kālena, Kappiyaṃ pānabhojanaṃ.

Idaṃ vo ñātīnaṃ hotu, Sukhitā hontu ñātayo.

*Te ca tattha samāgantvā, Ñātipetā samāgatā.
Pahūte annapānamhi, Sakkaccaṃ anumodare.
Ciraṃ jīvantu no ñātī, Yesaṃ hetu labhāmase.
Amhākañca katā pūjā.
Dāyakā ca anipphalā.
Na hi tattha kasī atthi.
Gorakkhettha na vijjati.
Vaṇijjā tādisī natthi.
Hiraññaena kayākayaṃ.
Ito dinnena yāpenti, Petā kālakatā tahiṃ.
Uṇṇate udakaṃ vuṭṭhaṃ, Yathā ninnaṃ pavattati, Evameva ito
dinnaṃ, Petānaṃ upakappati.
Yathā vārivahā pūrā, Paripūrenti sāgaram, Evameva ito
dinnaṃ, Petānaṃ upakappati.
Adāsi me akāsi me, Ñātimittā sakhā ca me.
Petānaṃ dakkhiṇaṃ dajjā.
Pubbe katamanussaraṃ.
Na hi ruṇṇaṃ vā soko vā, Yāvañña paridevanā.
Na taṃ petānamatthāya.
Evaṃ tiṭṭhanti ñātayo.
Ayañca kho dakkhiṇā dinnā.
Saṅghamhi supatiṭṭhitā.
Dīgharattaṃ hitāyassa, Thānaso upakappati.
So ñātidhammo ca ayaṃ nidassito.
Petāna pūjā ca katā ulārā.
Balañca bhikkhūnamanuppaddinnaṃ.
Tumhehi puññaṃ pasutaṃ anappakanti.*

YĀNADĀNĀNUMODANAGĀTHĀ - KỆ TỤNG VỀ SỰ HOAN HỖ THEO VẬT THÍ

Cả 10 vật thí này là:

1) Cơm; 2) Nước; 3) Y phục; 4) Xe, Thuyền; 5) Tràng bông; 6) Vật thơm; 7) Vật thoa; 8) Thất; 9) Chỗ ngụ; 10) Đèn đuốc.

- **Người thí vật thực gọi là cho sức lực.**
- **Người thí y phục gọi là cho sắc đẹp.**
- **Người thí xe thuyền gọi là cho sự an vui.**
- **Người thí đèn đuốc gọi là cho mắt sáng.**
- **Người thí vật vừa lòng hằng được vật vừa lòng.**
- **Người thí vật quý trọng hằng được vật quý trọng.**
- **Người thí vật đẹp hằng được vật đẹp.**
- **Người thí chỗ quý trọng hằng đi đến nơi quý trọng.**
- **Những người nam nữ thí vật quý, thí vật đẹp và chỗ quý trọng.**
- **Những người nam nữ ấy, thọ sanh đến cõi nào, hằng được trường thọ, được cao sang trong cõi ấy.**

Do lời thành thật này. Cầu xin sự thanh lợi, sự an vui, do không tật bệnh và tránh khỏi sự đau đớn, dễ dàng hằng phát sanh đến người.

*Annāṃ pānaṃ vatthaṃ yānaṃ, Mālā gandhaṃ vilepanaṃ,
Seyyāvasathaṃ padīpeyyaṃ, Dānavatthū ime dasa.*

- *Annado balado hoti.*
- *Vatthado hoti vaṇṇado.*
- *Yānado sukhado hoti.*
- *Dīpado hoti cakkhudo.*
- *Manāpadayī labhate manāpaṃ.*
- *Aggassa dātā labhate punaggaṃ.*
- *Varassa dātā varalābhī ca hoti.*
- *Seṭṭhandado seṭṭhamupeti thānaṃ.*
- *Aggadāyī varadāyī, Seṭṭhadāyī ca yo naro.*
- *Dighāyu yasavā hoti, Yattha yatthūpapajjati.*

Etena saccavajjena, Suvatthi hotu sabbadā, Arogyasukhañceva, Kusalañca anāmayāṃ.

KĀLADĀNAPPAKĀSANAGĀTHĀ- KỆ BỐ CÁO THỜI BỐ THÍ

Chúng ta nên tụng các bài kệ để giải về Kāladāna.

Các thí chủ nam nữ, là người mong mọi hạnh phúc, nên hết lòng thành kính nghe lời kệ này: Những người có trí tuệ là người biết quý trọng lời nói của bậc đã dứt lòng bỏn xén và hằng tùy theo thời bố thí.

Sự bố thí mà người đã làm đến các bậc Thánh như, là bậc có thân tâm chơn chánh, không xao động vì 8 pháp thế gian.

Dakkhiṇādāna (Của những bậc ấy) là sự bố thí được kết quả quý trọng do nhờ đức tin.

Những kẻ chỉ hoan hỷ theo, hoặc chỉ giúp sức người trong việc bố thí.

Chẳng phải Dakkhiṇādāna (Của các kẻ ấy) là bố thí hèn hạ, vì chỉ có hoan hỷ, hoặc chỉ giúp người thí chủ.

Những kẻ chỉ hoan hỷ, hoặc chỉ giúp giùm trong việc bố thí, cũng được hạnh phúc chắc thật.

Cho nên, sự bố thí mà người đã làm rồi, là sự bố thí rất có hiệu quả. Những người không lòng giải đãi, nên bố thí đến những kẻ ấy.

Bởi các điều hạnh phúc là nơi nương nhờ của tất cả chúng sanh trong ngày vị lai.

Bhaṇissāma mayaṃ gāthā, Kāladānappadīpikā.

Etā suṇantu sakkaccaṃ, Dāyakā puññakāmino.

(Kāladānasuttagāthā)

Kālena dadanti sappaññā, Vadaññū vītamaccharā.

Kālena dinnaṃ ariyesu, Ujubhūtesu tādisu.

Vippassannamanā tassa, Vipulā hoti dakkhiṇā.

Ye tattha anumodanti, Veyyāvaccam karonti vā.

Na tena dakkhiṇā ūnā.

Tepi puññassa bhāgino.

Tasmā dade appaṭivānacitto, Yattha dinnaṃ mahapphalaṃ.

Puññāni paralokasmiṃ, Patitṭhā honti pāṇinaṃ.

VIHĀRADĀNASUTTAGĀTHĀ - KỆ TỤNG VỀ SỰ THÍ TỊNH XÁ

“Thất của Chư Tăng” công dụng để ngăn ngừa lạnh ướt, nóng nực, thú dữ, rắn nhỏ, rắn lớn, các côn trùng, các thứ muỗi và mưa.

Gió và nắng quá gắt đã phát rồi hằng dội lại, bởi nhờ nơi thất.

“Cách thí thất” mà người đã dâng cúng đến Chư Tăng, cho các Ngài nương-náu, an tâm, cho đặng thiêu hủy điều ác, và tu Pháp Minh-sát mà Chư Phật là các đấng Giáo chủ, đã có lời ngợi khen, là việc bố thí cao thượng.

Cớ ấy, chư Thiện tín là người trí thức, khi được thấy rõ sự lợi ích cho mình.

Cần lập chùa, cất thất là nơi tiêu dao an-lạc, rồi nên thỉnh các bậc Trí tuệ đến ngụ nơi ấy.

Nên tín ngưỡng các bậc đã có thân tâm chơn chánh, và dâng cúng thêm vật thực, nước, y phục và thất cho các Ngài.

Người tín thí khi đã thấy và thông rõ Phật giáo, sẽ được dứt khỏi lậu phiền não và đến Niết-bàn.

Sītaṃ uṇhaṃ paṭihanti, Tato vāḷamigāni ca, Sirīṃsape ca makase, Sisire cāpi vuṭṭhiyo.

Tato vātātapo ghorō, Sañjāto paṭihaññati.

Leṇatthañca sukhatthañca, Jhāyituṃ ca vipassituṃ,

Vihāradānaṃ sanghassa, Aggaṃ buddhehi vaṇṇitaṃ.

Tasmā hi paṇḍito poso, Sampassaṃ atthamattano.

Vihāra kāraye ramme, Vāsayettha bahussute.

*Tesaṃ annañca pānañca, Vatthasenāsanāni ca, Dadeyya
ujubhūtesu, Vipasannena cetasā.*

*Te tassa dhammaṃ desenti, Sabbadukkhāpanudanaṃ, Yaṃ so
dhammamidhaññāya,
Parinibbātyanāsavo.*

SAṄGAHAVATTHUGĀTHĀ - KỆ TỤNG VỀ PHÁP TẾ ĐỘ

- **Một là việc phân phát của cải.**
- **Hai là nói những lời làm cho người kính mến.**
- **Ba là phải làm việc lợi ích.**
- **Bốn là phẩm cách làm người bình đẳng (là chẳng nên tặng mình, tự cao tự đại; phải tôn kính bậc trưởng thượng).**

Trong 4 Pháp ấy con người phải tùy thời hành theo.

Các Pháp tế độ ấy mà có trong thế gian (thì chúng sanh mới có thể tấn hóa được, cũng như xe nhờ có ví mới chạy được.)

Nếu các Pháp tế độ ấy chẳng có thì cha mẹ cũng chẳng được con cháu tôn kính hoặc cúng dường. Nhân cơ bậc Trí tuệ đã xem thấy các Pháp tế độ này rồi.

Nên các Ngài mới đạt đến phẩm-hạnh cao thượng hơn hết và đáng cho người tôn kính.

- *Dānañca peyyavajjañca,*
- *Atthacariyā ca yā idha,*
- *Samānattatā ca dhammesu.*
- *Tattha tattha yathārahaṃ.*

Ete kho saṅghā loke, Rathassāṇīva yāyato.

Ete ca saṅghā nāssu, Na mātā puttakāraṇā, Labhetha mānaṃ pūjaṃ, Vā pitā vā puttakāraṇā.

Yasmā ca saṅghā ete, Sammavekkhanti paṇḍitā.

Tasmā mahattaṃ papponti, Pasamsā ca bhavanti te.

KINH TỤNG TRONG ĐÁM CÚNG VONG NHÂN

Các pháp lành,

Các pháp dữ,

Các pháp không xác định.

Các pháp liên quan đến cảm giác vui,

Các pháp liên quan đến cảm giác khổ,

Các pháp liên quan đến cảm giác không khổ không vui.

Các pháp quả,

Các pháp là quả của pháp,

Các pháp không phải là quả và không phải là pháp quả.

Các pháp có thể tiếp nhận,

Các pháp không thể tiếp nhận,

Các pháp không có thể tiếp nhận và không thể tiếp nhận.

Các pháp nhiễm bẩn,

**Các pháp không nhiếp bản,
Các pháp không nhiếp và không bản.
Các pháp có suy nghĩ và cân nhắc,
Các pháp chỉ có cân nhắc,
Các pháp không suy nghĩ không cân nhắc.
Các pháp đi kèm niềm vui,
Các pháp đi kèm hạnh phúc,
Các pháp đi kèm sự thăng bằng.
Các pháp phải bỏ bằng cách nhìn thấy,
Các pháp phải bỏ bằng cách tu tập,
Các pháp không thể bỏ bằng cách nhìn thấy
hoặc tu tập.
Các pháp có nguyên nhân phải bỏ bằng cách
nhìn thấy,
Các pháp có nguyên nhân phải bỏ bằng cách tu
tập,
Các pháp không có nguyên nhân phải bỏ bằng
cách nhìn thấy hoặc tu tập.
Các pháp tiến triển,
Các pháp lùi bước,
Các pháp không tiến và không lùi.
Các pháp của người đang học,
Các pháp của người đã học xong,
Các pháp không phải của người đang học và
không phải của người đã học.
Các pháp hạn chế,
Các pháp vĩ đại,**

**Các pháp không giới hạn,
Các pháp có đối tượng hạn chế,
Các pháp có đối tượng vĩ đại,
Các pháp có đối tượng không giới hạn.
Các pháp thấp,
Các pháp trung bình,
Các pháp cao cấp,
Các pháp có sự lựa chọn sai,
Các pháp có sự lựa chọn đúng,
Các pháp không xác định,
Các pháp là đối tượng của con đường,
Các pháp là nguyên nhân của con đường,
Các pháp là chủ của con đường.
Các pháp đã phát sinh,
Các pháp chưa phát sinh,
Các pháp phát sinh.
Các pháp của quá khứ,
Các pháp của tương lai,
Các pháp của hiện tại,
Các pháp có đối tượng quá khứ,
Các pháp có đối tượng tương lai,
Các pháp có đối tượng hiện tại.
Các pháp nội tại,
Các pháp bên ngoài,
Các pháp nội tại và bên ngoài,
Các pháp có đối tượng nội tại,
Các pháp có đối tượng bên ngoài,**

**Các pháp có đối tượng nội và ngoại.
Các pháp có hình thức và xung khắc,
Các pháp không có hình thức và xung khắc,
Các pháp không hình thức và không xung
khắc.**

**Danh mục gồm hai mươi tám phần này được gọi
là Saṅgaṇīpakaraṇaṃ, đã hoàn thành**

- **Cuối cùng thì sư đàn chủ phải hỏi. Là hương
hồn vong nhân có vướng mắc vào những thứ
này hay không?**
- **Nếu có thì hãy mau mau xả bỏ tất cả. Để đi
sang vào cảnh an lành**

Kusalā dhammā,

Akusalā dhammā,

Abyākatā dhammā.

Sukhāya vedanāya sampayuttā dhammā,

Dukkhāya vedanāya sampayuttā dhammā,

Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā dhammā.

Vipākā dhammā,

Vipākadhammadhammā,

Nevavipāka navipākadhamma dhammā.

Upādiṇṇupādāniyā dhammā,

Anupādiṇṇupādāniyā dhammā,

Anupādiṇṇānupādāniyā dhammā.

Saṅkiliṭṭhasaṅkilesikā dhammā,

Asaṅkiliṭṭhasaṅkilesikādhammā,

Asaṅkiliṭṭhāsaṅkilesikā dhammā,

Savitakkasavicārā dhammā,

*Avitakkavicāramattā dhammā,
Avitakkā vicārā dhammā.
Pītisahagatā dhammā,
Sukhasahagatā dhammā,
Upekkhāsahagatā dhammā.
Dassanena pahātabbā dhammā,
Bhāvanāya pahātabbā dhammā,
Neva dassanena nabhāvanāya pahātabbā dhammā.
Dassanena pahātabbahetukā dhammā,
Bhāvanāya pahātabbahetukā dhammā,
Nevadassanena nabhāvanāya pahātabbahetukā dhammā.
Ācayagāmino dhammā,
Apacayagāmino dhammā,
Nevācayagāmino nāpacayagāmino dhammā.
Sekkhā dhammā,
Asekkhā dhammā,
Neva sekkhā nāsekkhā dhammā.
Parittā dhammā,
Mahaggatā dhammā,
Appamāṇā dhammā,
Parittārammaṇā dhammā,
Mahaggatārammaṇā dhammā,
Appamāṇārammaṇā dhammā.
Hīnā dhammā,
Majjhimā dhammā,
Paṇītā dhammā,
Micchattaniyatā dhammā,
Sammattaniyatā dhammā,
Aniyatā dhammā,
Maggārammaṇā dhammā,*

*Maggahetukā dhammā,
Maggādhīpatino dhammā.
Uppannā dhammā,
Anuppannā dhammā,
Uppādino dhammā.
Atītā dhammā,
Anāgatā dhammā,
Paccuppanā dhammā,
Atītārammaṇā dhammā,
Anāgatārammaṇā dhammā
Paccuppanārammaṇā dhammā.
Ajjhattā dhammā,
Bahiddhā dhammā,
Ajjhattabahiddhā dhammā,
Ajjattārammaṇā dhammā,
Bahiddhārammaṇā dhammā,
Ajjhattabahiddhārammaṇā dhammā.
Sanidassanasappaṭighā dhammā,
Anidassanasappaṭighā dhammā,
Anidassanappaṭighā dhammā.
Bāvīsattitīkamātikā dhammā
Saṅgaṇīpakaraṇaṃ nāma samattaṃ.*

**PAKIṆṆAKAPARITTA - (Kinh tụng Sau Cùng Các
Kinh Cầu An) - ABHAYAPARITTAGĀTHĀ**

**Nhờ Uy linh của Đức Phật, xin cho những triệu
bất hảo, điều bất lợi, tiếng điều thú không vừa
lòng, nghịch cảnh và mộng mị bất mãn thảy đều
tiêu tan.**

**Nhờ Uy linh của Đức Pháp, xin cho những triệu
bất hảo, điều bất lợi, tiếng điều thú không vừa
lòng, nghịch cảnh và mộng mị bất mãn thảy đều
tiêu tan.**

**Nhờ Uy linh của Đức Tăng, xin cho những triệu
bất hảo, điều bất lợi, tiếng điều thú không vừa
lòng, nghịch cảnh và mộng mị bất mãn thảy đều
tiêu tan.**

**Tất cả chúng sanh đến khổ rồi, xin cho dứt khổ,
đến điều lo sợ rồi, xin cho dứt lo sợ, đến cơn
phiền muộn rồi, xin cho dứt phiền muộn.**

**Mong cho Chư Thiên hoan hỷ quả phước của
chúng tôi đã tạo, cho được thành tựu những
hạnh phúc.**

**Chúng nhân hãy bố thí, hãy trì giới hãy là người
vui thích Tham Thiên (Niệm Phật) thường
thường, Chư Thiên đã đến rồi, xin thỉnh các Ngài
hồi quy.**

**Tất cả đức Chánh-Biến-Tri đều duy trì quyền
lực, Chư Độc Giác cũng có quyền lực, các bậc A**

LA HÁN cũng có quyền lực; Tôi xin kết hợp sự duy trì bằng cách phát quang hoàn toàn (của các quyền lực ấy).

Ngày đó gọi là có nghiệp thân phát đạt, nghiệp khẩu phát đạt, nghiệp ý phát đạt. Sự nguyện vọng của những người đó, cũng gọi là nguyện vọng phát đạt. Người tạo nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý phát đạt như thế, rồi sẽ được những lợi ích phát đạt.

Yandunnimittam avamaṅgalañca, Yo cāmanāpo sakuṇassa saddo, Pāpaggaho dussupinaṃ akantaṃ, Buddhānubhāvena vināsamentu.

Yandunnimittam avamaṅgalañca, Yo cāmanāpo sakuṇassa saddo, Pāpaggaho dussupinaṃ akantaṃ, Dhammānubhāvena vināsamentu.

Yan dunnimittam avamaṅgalañca, Yo cāmanāpo sakunassa saddo, Pāpaggaho dussupinaṃ akantaṃ, Saṅghānubhāvena vināsamentu.

Dukkappattā ca niddukkhā, Bhayappattā ca nibbhayā, Sokappattā ca nissokā, Hontu sabbepi pāṇino.

Ettāvatā ca amhehi, Sambhataṃ puññasampadaṃ, Sabbe devānumodantu, Sabbasampattisiddhiyā.

Dānaṃ dadantu saddhāya, Sīlaṃ rakkhantu sabbadā, Bhāvanābhīratā hontu, Gacchantu devatāgatā.

Sabbe buddhā balappattā, Paccekānañca yambalaṃ, Arahantānañca tejena, Rakkhaṃ bandhāmi sabbaso.

*Padakkhiṇaṃ kāyakammaṃ, Vācākammaṃ padakkhiṇaṃ,
Padakkhiṇaṃ manokammaṃ, Paṇidhī te padakkhiṇā,
Padakkhiṇāni katvāna, Labhantatthe padakkhiṇe.*

BHĀSITOVĀDASAṆKHEPA- LỜI CHỈ GIÁO TÓM TẮT

Tôi xin tôn kính.

Người nào tu hành hằng ở theo lẽ chánh, hằng hành theo điều chánh, người ấy gọi là người hết lòng thành kính, sùng bái đức Như Lai, bằng cách cao thượng, vì đã được hành theo Chánh pháp.

- **Tư cách chẳng làm tất cả điều dữ.**
- **Tư cách làm những việc lành.**
- **Tư cách làm cho tâm mình trong sạch.**

Những tư cách ấy là Giáo-Pháp của Chư Phật.

Sự nhịn nhục là Pháp thiêu hủy cao thượng, Chư Phật đã giải rằng: Niết-bàn là đức cao thượng, bậc xuất gia mà làm khó chúng sanh, thì chẳng phải bậc xuất gia, chẳng phải bậc Sa-Môn.

- **Tư cách không phi báng (kẻ khác).**
- **Tư cách không làm khổ (kẻ khác).**
- **Tư cách thu thúc trong Giới Bồn.**

Sự biết tiết độ trong thực phẩm.

Tư cách nằm ngời trong nơi thanh vắng, tư cách cố gắng trong sự tu tâm. Những điều ấy là Giáo Pháp của Chư Phật.

Tất cả các Pháp lành ấy, hằng được tăng tiến, do nhờ sự nhịn nhục; Sự nhịn nhục là nguyên nhân phát sanh Giới và Định.

Sự nhịn nhục dứt trừ được nguồn cội tất cả tội lỗi, người nhịn nhục gọi là người đã trừ tuyệt gốc rễ tội lỗi, nhứt là tội phỉ báng, mắng nhiếc, cãi lẫy.

- **Sự nhịn nhục là khí cụ của bậc Trí tuệ.**
- **Sự nhịn nhục là pháp thiêu hủy của người có pháp thiêu hủy.**
- **Sự nhịn nhục là khí lực của người hành giả.**
- **Sự nhịn nhục là đức đem đến điều lợi ích cùng sự an vui.**

Người nhịn nhục hằng có bằng hữu, có tài lợi, có sự an vui. Người nhịn nhục là nơi yêu mến vừa lòng của Chư Thiên và tất cả nhân loại.

Người nhịn nhục làm được nhiều điều lợi ích cho mình và cho kẻ khác. Người nhịn nhục là người đi trên đường về cõi Trời và Niết-bàn.

Người nhịn nhục là người thật hành theo Giáo Pháp của Phật, người nhịn nhục là người sùng bái Đức Phật bằng cách cao thượng.

Phẩm cách sanh ra làm người, chúng sanh khó mà sanh ra được. Phẩm cách chúng quả Phật, chúng sanh khó mà chúng được.

Phẩm cách gặp thời kỳ, là sanh ra gặp Đức Phật, hoặc Phật Pháp, chúng sanh khó mà gặp được.

Pháp của bậc Thiện Trí Thức, chúng sanh rất khó mà học được.

Phẩm cách được chứng quả của Chư Phật, đem đến sự an vui, cách giảng giải về Pháp của bậc Thiện Trí Thức, đem đến sự an vui.

Sự hòa hợp của Chư Tăng, hoặc của phe đảng, đem đến sự an vui, sự cố gắng của những người hòa hợp, đem đến sự an vui.

Sự yên tĩnh của người vui trong chỗ thanh vắng, là người đã được nghe Pháp, đã suy tưởng thấy Pháp, đem đến sự an vui.

Cách không làm khó, cách thu thúc đối với chúng sanh, đem đến sự an vui.

Phẩm hạnh tránh xa tình dục, là cách thoát khỏi tình dục, đem đến sự an vui tuyệt đối.

Cách làm cho tiêu tan ngã mạn, đem đến sự an vui.

Cách luân hồi lại làm người là việc khó.

Sự nuôi mạng sống của tất cả chúng sanh là việc khó, sự được nghe Phật Pháp, là việc khó.

Cách được chứng quả của Chư Phật là việc khó.

Người đã nghe Phật Pháp mà được hành theo giáo lý của Chư Phật, thì chẳng bị đọa vào ác đạo, trọn 10 ngàn kiếp.

Đức Phật lớn hơn tất cả các bậc Trí tuệ, Ngài làm trọn cả 5 phận sự:

1. Trong buổi mai, Ngài ngự đi trì bình khất thực.

2. Trong buổi chiều, Ngài thuyết pháp độ sanh.

3. Trong lúc hoàng hôn, Ngài giáo hóa các hàng Tỳ khưu.

4. Trong canh khuya, Ngài đáp lời vấn của Chư Thiên.

5. Trong canh năm, Ngài xem xét đến chúng sanh, coi hạng nào nên giác ngộ, cùng không nên giác ngộ.

Đức Bồ-Tát giáng sanh vào lòng Phật mẫu trong năm Dậu, Ngài sanh ra trong năm Tuất, Ngài lên ngôi Vua trong năm Sửu, Ngài xuất gia trong năm Mão.

Ngài chứng quả Phật trong năm Dậu, Ngài chuyển "Pháp-Luân" trong năm ấy, Ngài nhập Niết-bàn trong năm Tỵ. Phật Pháp đủ chẵn 5 ngàn năm trong năm Tỵ.

Ngài giáng sanh vào lòng Phật mẫu trong ngày thứ năm, sanh ra trong ngày thứ sáu, được chứng quả Phật trong ngày thứ tư, nhập Niết-bàn trong ngày thứ ba.

Ngài giáng sanh vào lòng Phật mẫu trong ngày Rằm tháng Sáu, đản sanh trong ngày Rằm tháng Tư, được chứng quả Chánh-Biến-Tri trong ngày Rằm tháng Tư, Ngài nhập Niết-bàn trong ngày Rằm tháng Tư.

Khi Đức Chánh-Biến-Tri là bậc cao thượng, là nơi xu hướng của tất cả chúng sanh đã nhập Niết-bàn, Ngài để lại trong thế gian, những Kim thân, Bảo tháp, cây Bồ-Đề, Xá-Lợi tháp và 8 muôn 4 ngàn Pháp môn, đặng chúng sanh ước niệm và hành theo cho đặng hạnh phúc cao thượng.

Người nên hết lòng ghi nhớ, những lời giáo huấn của đức Chánh-Biến-Tri, nên xu hướng theo, nên hành theo những điều mà đức Chánh-Biến-Tri đã chỉ dẫn, hành theo cho được kết quả hữu lậu, cùng quả vô lậu, tôi xin hết lòng hoan hỷ ghi nhớ những điều như thế.

Tôi xin tôn kính.

Đức Sakyamuni Chánh-Biến-Tri, là đấng Giáo chủ, Ngài đã nhập Vô dư Niết-bàn, vừa lúc rạng đông, tại khoảng trống giữa hai cây Song Long Thọ, gần thành Kusiṇārā, trong ngày thứ tư, trong mùa hạn năm Ty.

Ukāsa.

*Yo pana dhammānudhammapaṭipanno viharati
sāmīcipaṭipanno anudhammacārī so Tathāgataṃ sakkaroti
garukaroti māneti pūjeti paramāya pūjāya paṭipattipūjāya.
Sabbapāpassa akaraṇaṃ.*

- *Kusalassāpasampadā.*
- *Sacittapariyodapanam.*
- *Etam Buddhānasāsanam.*

*Khantī paramaṃ tapo titikkhā, Nibbānaṃ paramaṃ vadanti
buddhā, Na hi pabbajito parūpaghātī, Samaṇo hoti paraṃ
vihethayanto.*

- *Anūpavādo anūpaghāto.*
- *Paṭimokkhe ca saṃvaro.*
- *Mattaññutā ca bhattasmiṃ.*

*Pantañca sayanāsaṇaṃ, Adhicitte ca āyogo, Etaṃ
Buddhānasāsaṇaṃ.*

*Sīlasamādhiguṇānaṃ, Khantī padhānakāraṇaṃ, Sabbepi
kusaladhammā, Khantiyāyeva vaddhanti te.*

*Kevalānaṃpi pāpānaṃ, Khanti mūlaṃ nikantati,
Garahakalahādīnaṃ, Mūlaṃ khaṇati khantiko.*

- *Khantī dhīrassalaṅkāro.*
- *Khantī tapo tapassino.*
- *Khantī balaṃ va yatīnaṃ.*
- *Khantī hitasukhāvahā.*

*Khantiko mettavā lābhī, Yasassī sukhasīlavā, Piyo
devamanussānaṃ, Manāpo hoti khantiko.*

Attanopi paresaṇca, Atthāvahova khantiko,

Saggamokkhagamaṃ maggaṃ Āruḷho hoti khantiko.

*Satthuno vacanovādaṃ, Karotiyeva khantiko, Paramāya ca
pūjāya, Jinaṃ pūjeti khantiko.*

Dullabhañca manussattaṃ, Buddhuppādo ca dullabho,

Dullabhā khaṇasampatti, Saddhammo paramadullabho.

*Sukho buddhānamuppādo, Sukhā saddhammadesanā, Sukhā
saṅghassa sāmaggī, Samaggānaṃ tapo sukho.*

Sukho viveko tuṭṭhassa, Sutadhammassa passato.

Abyāpajjhaṃ sukhaṃ loke Pāṇabhūtesu saññaṃ.

*Sukhā virāgatā loke, Kāmānaṃ samatikkamo, Asmimānassa
vinayo, Etaṃ ve paramaṃ sukhaṃ.*

Kiccho manussapaṭilābho.

Kicchaṃ maccāna jīvitaṃ. Kicchaṃ saddhammassavanaṃ.

Kiccho buddhānamuppādo.

*Satthuno saddhammaṃ sutvā, Sabbasmiṃ jinasāsane, Kappāni
satasahassāni, Duggatiṃ so na gacchati.*

- *Pubbaṇhe piṇḍapātañca,*
- *Sāyaṇhe dhammadesanaṃ,*
- *Padose bhikkhu ovādaṃ,*
- *Aḍḍharatte devapañhanaṃ,*
- *Paccūseva gate kāle,*
- *Bhabbābhabbe vilokanaṃ,*
- *Ete pañcavidhe kicce,*
- *Visodheti munipuṅkavoti.*

*Kukkūṭe gabbhavāso ca, Soṇe cudaranikkhami, Usabhe
rājasampatti, Sase pabbajito jino.*

*Kukkūṭe sabbaññū buddho, Tattha cakkamaṃ pavattayi,
Nibbānagamaṃ sappe, Sahassaṃ pañca mūsike.*

*Okkanto ca guruvārasmiṃ, Sukkavāre ca nikkhami,
Sambuddho buddhavārasmiṃ, Aṅgāre parinibbuto.*

Āsaḷhapuṇṇamokkanto, Visākhe yeva nikkhami,

Visākhapuṇṇamī sambuddho, Visākhe parinibbuto.

*Nibbute Iokanāthamhi, Sambuddhe aggapuggale, Paṭimā
bodhirukkhā ca, Thūpā ca jinadhātuyo, Caturāsītisahassa,*

*Dhammakkhandhā sudesitā, Aggappavattanaṭṭhāne, Ṭhapitā
honti pāṇiṇaṃ.*

*Iti sammāsambuddhena desitaṃ ovādaṃ citte ṭhapetvā
sammāsambuddhena vuttappakārena paṭipattipūjāya pūjaṃ
karontena lokiyalokuttara sampattisiddhaṃ kātabbaṃ. Ukāsa
ārādhaṇaṃ karomi.*

Ukāsa

*Sirīsakyamunisabbaññūbuddhassa balavapaccūsasamaye
kusiṇārāya yamakasālānamantare amumhi sappasaṃvacchare
gimha utumhi visākhamāse sukkapakkhe paṇṇarasiyā tithiyaṃ
bhummaṃvāre bhummayāme anurādhanakkhattadivase
parinibbānaṃ ahosi anupādisesāya nibbānadhātuyā.*

KINH TỤNG RẢI TÂM BÁC ÁI ĐẾN TẤT CẢ CÁC HƯỚNG

**Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng
đông, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được
sự yên vui.**

**Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng
đông nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho
được sự yên vui.**

**Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng
nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được
sự yên vui.**

**Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng tây
nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được
sự yên vui.**

**Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng tây,
đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên
vui.**

Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng tây bắc, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng bắc, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng đông bắc, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng trên, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng dưới, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sanh đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui, đừng có khổ, đừng làm lại lẫn nhau, đừng hẹp lượng, hãy cho được sống lâu, đừng có bệnh hoạn, hãy cho được thành tựu đầy đủ, hãy giữ mình cho được sự yên vui. Tất cả chúng sanh đến khổ rồi, xin đừng cho có khổ, đến sự kinh sợ rồi, xin đừng cho có kinh sợ, đến sự thương tiếc rồi xin đừng cho thương tiếc.

**ĀDITTAPARIYĀYASUTTA - KINH GIẢI VỀ LỬA
(PHIÊN NÃO)**

**Tôi (tên là A-NAN-ĐA) được nghe lại như vậy:
Một thửa nợ Đức Thế Tôn là đấng Giáo chủ,
ngự trong nước Gá-da-si-sá (Gayāsisa) gần
sông Gá-da (Gayā) cùng một ngàn thầy Tỳ
khưu.**

**Đức Thế Tôn dạy các thầy Tỳ khưu trong nước
Gá-da-si-sá (Gayāsisa) ấy phải chăm chỉ nghe
lời này:**

**Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tất cả vật đều là nóng.
Nầy các Thầy Tỳ khưu! Tất cả vật đều là nóng,
ấy là cái chi?**

Nầy các thầy Tỳ khưu! Mắt là vật nóng.

Các sắc là vật nóng.

Thức nương theo mắt là vật nóng.

Sự tiếp xúc của mắt là vật nóng.

**Sự biết rõ cảnh giới là thọ lãnh điều vui, điều
khổ, hoặc không khổ, không vui, phát sanh do
sự tiếp xúc của mắt.**

Sự biết rõ cảnh giới ấy, cũng là vật nóng.

Nóng do lẽ chi?

**Như Lai gọi nóng do lửa Tình, do lửa Sân, do lửa
Si, nóng do sự sanh, sự già yếu và sự chết; Nóng
do sự trái ý, do sự uất ức, do sự khổ trong thân,
do sự khổ trong tâm, do các sự khó chịu trong
tâm.**

Tai là vật nóng.

Các tiếng là vật nóng.

Thức nường theo tai là vật nóng.

Sự tiếp xúc của tai là vật nóng.

Sự biết rõ cảnh giới là thọ lãnh điều vui điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của tai.

Sự biết rõ cảnh giới ấy cũng là vật nóng.

Nóng do lẽ chi?

Như Lai gọi nóng do lửa Tình, do lửa Sân, do lửa Si, nóng do sự sanh, do sự già yếu và sự chết; Nóng do sự trái ý, do sự uất ức, do sự khổ trong thân, do sự khổ trong tâm, do các sự khó chịu trong tâm.

Mũi là vật nóng.

Các mùi là vật nóng.

Thức nường theo mũi là vật nóng.

Sự tiếp xúc của mũi là vật nóng.

Sự biết rõ cảnh giới là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ, không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của mũi.

Sự biết rõ cảnh giới ấy cũng là vật nóng.

Nóng do lẽ chi?

Như Lai gọi nóng do lửa Tình, do lửa Sân, do lửa Si, nóng do sự sanh, sự già yếu và sự chết; Nóng do sự trái ý, do sự uất ức, do sự khổ trong thân,

do sự khổ trong tâm, do các sự khó chịu trong tâm.

Lưỡi là vật nóng.

Các vị là vật nóng.

Thức nường theo lưỡi là vật nóng.

Sự tiếp xúc của lưỡi là vật nóng.

Sự biết rõ cảnh giới là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của lưỡi.

Sự biết rõ cảnh giới ấy cũng là vật nóng.

Nóng do lẽ chi?

Như Lai gọi nóng do lửa Tình, do lửa Sân, do lửa Si, nóng do sự sanh, sự già yếu và sự chết; Nóng do sự trái ý, do sự uất ức, do sự khổ trong thân, do sự khổ trong tâm, do các sự khó chịu trong tâm.

Thân là vật nóng.

Sự đụng chạm do thân thể là vật nóng.

Thức nường theo thân thể là vật nóng.

Sự tiếp xúc của thân là vật nóng.

Sự biết rõ cảnh giới là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của thân.

Sự biết rõ cảnh giới ấy cũng là vật nóng.

Nóng do lẽ chi?

Như Lai gọi nóng do lửa Tình, do lửa Sân, do lửa Si, nóng do sự sanh, sự già yếu và sự chết; Nóng

do sự trái ý, do sự uất ức, do sự khổ trong thân, do sự khổ trong tâm, do các sự khó chịu trong tâm.

Ý là vật nóng.

Các Pháp là cảnh giới phát sanh trong tâm là vật nóng.

Thức nương theo ý là vật nóng.

Sự tiếp xúc của ý là vật nóng.

Sự biết rõ cảnh giới là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của ý.

Sự biết rõ cảnh giới ấy cũng là vật nóng.

Nóng do lẽ chi?

Như Lai gọi nóng do lửa Tình, do lửa Sân, do lửa Si, nóng do sự sanh, sự già yếu và sự chết; Nóng do sự trái ý, do sự uất ức, do sự khổ trong thân, do sự khổ trong tâm, do các sự khó chịu trong tâm.

Nầy các Thầy Tỳ khưu! Các bậc Thinh-Văn cao thượng, khi đã nghe thấy như thế ắt sanh lòng chán nản trong mắt, chán nản các sắc, chán nản trong thức nương theo mắt, chán nản sự tiếp xúc của mắt.

- 1- Chán nản sự biết rõ cảnh giới, là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của mắt.**

- 2- Chán nản trong tai, chán nản các giọng nói (hoặc âm thanh), chán nản trong thức nương theo tai, chán nản sự tiếp xúc của tai.
- 3- Chán nản đến sự biết rõ cảnh giới, là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của tai.
- 4- Chán nản trong mũi, chán nản các mùi, chán nản trong thức nương theo mũi, chán nản sự tiếp xúc của mũi.
- 5- Chán nản đến sự biết rõ cảnh giới, là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của mũi.
- 6- Chán nản trong lưỡi, chán nản trong các vị, chán nản trong thức nương theo lưỡi, chán nản trong sự tiếp xúc của lưỡi.
- 7- Chán nản đến sự biết rõ cảnh giới, là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của lưỡi.
- 8- Chán nản trong thân thể, chán nản các sự đụng chạm, chán nản trong thức nương theo thân thể, chán nản sự tiếp xúc của thân thể.
- 9- Chán nản đến sự biết rõ cảnh giới, là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của thân thể.

10- Chán nản trong ý, chán nản các pháp, chán nản trong thức nương theo ý, chán nản sự tiếp xúc của ý.

11- Chán nản đến sự biết rõ cảnh giới, là điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của ý.

Khi đã chán nản (như vậy rồi) thì dứt khỏi tình dục, Tâm cũng giải thoát (khỏi trầm luân) nhờ dứt khỏi tình dục.

Khi Tâm giải thoát (khỏi trầm luân) thì Tuệ (của bậc Thinh-Văn) cao thượng ấy cũng phát sanh phân minh và biết rằng tâm của ta đã giải thoát khỏi trầm luân rồi.

Các (bậc Thinh-Văn cao thượng) cũng rõ như vậy: Sự sanh (của ta) đã dứt, Pháp cao thượng ta đã đắc, phận sự nên làm ta cũng đã làm, ngoài ra ta chẳng còn phận sự gì khác nữa.

Đức Thế Tôn là đấng Giáo-Chủ, diễn giải kinh này rồi.

Các thầy Tỳ khưu ấy đều phát sanh lòng hoan hỷ.

Khi Đức Thế Tôn giảng giải về Pháp có mọo mục này, Tâm 1000 thầy Tỳ khưu đều được giải thoát các nghiệp hoặc, nhờ dứt khỏi lòng ngã chấp.

ĀDITTAPARIYĀYASUTTA - KINH GIẢI VÊ LỬA (PHIÊN NÃO)

Evamme sutam.

Ekam samayaṃ Bhagavā Gayāyaṃ viharati Gayāsīse saddhiṃ bhikkhusahassena.

Tatra kho Bhagavā bhikkhu āmantesi.

Sabbaṃ bhikkhave ādittam.

Kiñca bhikkhave sabbaṃ ādittam.

Cakkhum bhikkhave ādittam.

Rūpā ādittā.

Cakkhuvīññāṇam ādittam.

Cakkhusamphasso āditto.

Yampidaṃ cakkhusamphassapaccayā upajjati vedayitam sukham vā dukkham vā adukkhamasukham vā.

Tampi ādittam.

Kena ādittam?

Ādittam rāgagginā dosagginā mohagginā ādittam jātiyā jarāmarañena sokehi paridevehi dukkhehi domanassehi upāyāsehi ādittanti vadāmi.

Sotam ādittam.

Saddā ādittā.

Sotaviññāṇam ādittam.

Sotasamphasso āditto.

Yampidaṃ sotasamphassapaccayā upajjati vedayitam sukham vā dukkham vā adukkhamasukham vā.

Tampi ādittam.

Kena ādittam?

*Ādittam rāgagginā dosagginā mohagginā ādittam jātiyā
jarāmarañena sokehi paridevehi dukkhehi domanassehi
upāyāsehi ādittanti vadāmi.*

Ghānam ādittam.

Gandhā ādittā.

Ghānaviññāṇam ādittam

Ghānasamphasso āditto.

*Yampidaṃ ghānasamphassapaccayā upajjati vedayitaṃ
sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā.*

Tampi ādittam.

Kena ādittam?

*Ādittam rāgagginā dosagginā mohagginā ādittam jātiyā
jarāmarañena sokehi paridevehi dukkhehi domanassehi
upāyāsehi ādittanti vadāmi.*

Jivhā ādittā.

Rasā ādittā.

Jivhāviññāṇam ādittam.

Jivhāsamphasso āditto.

*Yampidaṃ jivhāsamphassapaccayā upajjati vedayitaṃ sukhaṃ
vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā.*

Tampi ādittam.

Kena ādittam?

*Ādittam rāgagginā dosagginā mohagginā ādittam jātiyā
jarāmarañena sokehi paridevehi dukkhehi domanassehi
upāyāsehi ādittanti vadāmi.*

Kāyo āditto.

Phoṭṭhabbā ādittā.

Kāyaviññāṇam ādittam.

Kāyasamphasso āditto.

*Yampidaṃ kāyasamphassapaccayā upajjati vedayitaṃ sukhaṃ
vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā.*

Tampi ādittaṃ.

Kena ādittaṃ?

*Ādittaṃ rāgagginā dosagginā mohagginā ādittaṃ jātiyā
jarāmarañena sokehi paridevehi dukkhehi domanassehi
upāyāsehi ādittanti vadāmi.*

Mano āditto.

Dhammā ādittā.

Manoviññāṇam āditto.

Manosamphasso āditto.

*Yampidaṃ manosamphassapaccayā upajjati vedayittaṃ
sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā.*

Tampi ādittaṃ?

Kena ādittaṃ?

*Ādittaṃ rāgagginā dosagginā mohagginā ādittaṃ jātiyā
jarāmarañena sokehi paridevehi dukkhehi domanassehi
upāyāsehi ādittanti vadāmi.*

*Evaṃ passaṃ bhikkhave sutavā ariyasāvako cakkhusmiṃpi
nibbindati rūpesupi nibbindati cakkhuviññāṇepi nibbindati
cakkhusamphassepi nibbindati.*

*1- Yampidaṃ cakkhusamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ
sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā tasmimpi
nibbindati.*

*2- Sotasmimpi nibbindati saddesupi nibbindati sotaviññāṇepi
nibbindati sotasamphassepi nibbindati.*

*3- Yampidaṃ sotasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ
sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā tasmimpi
nibbindati.*

- 4- *Ghānasmim̐pi nibbindati gandhesupi nibbindati
ghānaviññāṇepi nibbindati ghānasamphassepi nibbindati.*
- 5- *Yampidaṃ ghānasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ
sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā tasmim̐pi
nibbindati.*
- 6- *Jivhāyapi nibbindati rasesupi nibbindati jivhāviññāṇepi
nibbindati jivhāsamphassepi nibbindati.*
- 7- *Yampidaṃ jivhāsamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ
sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā tasmim̐pi
nibbindati.*
- 8- *Kāyasmim̐pi nibbindati phoṭṭhabbesupi nibbindati
kāyaviññāṇepi nibbindati kāyasamphassepi nibbindati.*
- 9- *Yampidaṃ kāyasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ
sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā tasmim̐pi
nibbindati.*
- 10- *Manasmim̐pi nibbindati dhammesupi nibbinpati
manoviññāṇepi nibbindati manosamphassepi nibbindati.*
- 11- *Yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ
sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā tasmim̐pi
nibbindati .*

Nibbindaṃ virajjati virāgā vimuccati.

Vimuttasmiṃ vimuttamiti ñāṇaṃ hoti.

*Khīṇā jāti vusitaṃ brahmacariyaṃ kataṃ karaṇīyaṃ nāparaṃ
itthattāyāti pajānātīti.*

Idamavoca Bhagavā

Attamanā te bhikkhu Bhagavato bhāsitaṃ abhinandaṃ.

*Imasmiñca pana veyyākaraṇasmiṃ bhaññamāne tassa
bhikkhusahassassa anupādāya āsavehi cittāni vimuccim̐sūti.*

PAṬICCASAMUPPĀDA - THẬP NHỊ DUYÊN KHỞI

Các Pháp hành phát khởi vì duyên vô minh.

Thức phát khởi vì duyên hành.

Danh sắc phát khởi vì duyên thức.

Lục nhập phát khởi vì duyên danh sắc.

Tiếp xúc phát khởi vì duyên lục nhập.

Thọ phát khởi vì duyên tiếp xúc.

Ái phát khởi vì duyên thọ.

Thủ phát khởi vì duyên ái.

Hữu phát khởi vì duyên thủ.

Sanh phát khởi vì duyên hữu.

Lão tử phát khởi vì duyên sanh.

Sự uất ức, sanh tử biệt ly khổ, trái ý, bực bội, hăng phát khởi (cũng vì duyên sanh).

Tánh cách phát khởi những thống khổ ấy, lý do như thế.

Tánh cách diệt hành hẳn thật vì diệt tận vô minh do theo Thánh đạo.

Tánh cách diệt thức vì diệt hành.

Tánh cách diệt danh sắc vì diệt thức.

Tánh cách diệt lục nhập vì diệt danh sắc.

Tánh cách diệt tiếp xúc vì diệt lục nhập.

Tánh cách diệt thọ vì diệt tiếp xúc.

Tánh cách diệt ái vì diệt thọ.

Tánh cách diệt thủ vì diệt ái.

Tánh cách diệt hữu vì diệt thủ.

Tánh cách diệt sanh vì diệt hữu.

Lão tử diệt vì tánh cách diệt sanh.

**Sự uất ức, sanh tử biệt ly khổ, sự trái ý và bức
bộ trong Tâm cũng đều diệt, vì tánh cách diệt
sự sanh.**

**Tánh cách diệt những thống khổ ấy, lý do như
thế.**

PAṬICCASAMUPPĀDA - THẬP NHỊ DUYÊN KHỞI

Avijjāpaccayā saṅkhārā.

Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ.

Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ

Nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ.

Saḷāyatanaṃpaccayā phasso.

Phassapaccayā vedana.

Vedanāpaccayā taṇhā.

Taṇhāpaccayā upādānaṃ.

Upādānapaccayā bhavo.

Bhavapaccayā jāti.

Jātipaccayā jarāmaṇaṃ.

Sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti.

Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.

Avijjāya tveva asesavirāganirodhā saṅkhāra nirodho.

Saṅkhāranirodhā viññāṇanirodho.

Viññāṇanirodhā nāmarūpanirodho

Nāmarūpanirodhā saḷāyatananirodho.

Saḷāyatananirodhā phassanirodho.

Phassanirodhā vedanānirodho

*Vedanānirodhā taṇhānirodho.
Taṇhānirodhā upādānanirodho.
Upādānanirodhā bhavanirodho.
Bhavanirodhā jātinirodho
Jātinirodhā jarāmaṇaṃ.
Sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā nirujjhanti.
Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti.*

KINH HỒI HƯƠNG VONG LINH

**Duyên khởi
Vua Pa Sê Na Đi
Nằm mộng thấy thân nhân
Bị khổ quả đói lạnh
Đến bạch hỏi Thế Tôn
Đức Điều Ngự bi mẫn
Chỉ dạy cách tạo phước
Hồi hương các vong linh
Thoát ly mọi khổ ách**

**Chánh kinh
Các hương linh quá vãng
Thường đến nhà thân nhân
Đứng ngoài vách tựa cửa
Ngã đường hay cổng thành
Trông chờ hưởng phước thí
Nhưng vì kém phước duyên
Hương linh bị quên lãng
Thân nhân tạo phước lành
Do công đức bố thí**

**Nên phát nguyện bằng lời:
Idaṃ vo ñātinaṃ hotu
Sukhitā hontu ñātayo
Nguyện thân nhân quá vãng
Thượng hưởng công đức này
Được thọ sanh lạc cảnh
Những thân nhân quá vãng
Vân tập các đạo tràng
Nhận được phước hồi hướng
Thường thốt lời cảm kích
Mong ân nhân của mình
Được trường thọ phúc lạc
Người đã tạo công đức
Chắc chắn được quả lành
Trong cõi khổ nọ quý
Không có các sinh kế
Trồng trọt hoặc chăn nuôi
Bán buôn hay trao đổi
Chúng sanh cảnh giới này
Hằng mong đợi phước báu
Do thân nhân hồi hướng
Như nước trên gò cao
Chảy xuống vùng đất thấp
Phước lành đã hồi hướng
Có diệu năng cứu khổ
Như trăm sông tuôn chảy
Cùng hưởng về đại dương**

**Nguyện công đức đã tạo
Thấu đến chư hương linh
Khi người nhớ ân trước
Do tình nghĩa thân bằng
Do tương duyên quyến thuộc
Hãy cúng dường trai Tăng
Hồi hướng phước đã tạo
Sự khổ sâu thương cảm
Trước tử biệt sanh ly
Không có lợi ích gì
Cho thân nhân quá vãng
Cách trai Tăng hợp đạo
Gọi Đắc khí na đa ná (Dakkhinādāna)
Cúng dường vô phân biệt
Đến đại chúng Tăng Già
Bậc phạm hạnh giới đức
Bậc vô thượng phước điền
Được vô lượng công đức
Là thắng duyên tế độ
Hương linh trong cảnh khổ
Do thiện sự đã làm
Do hồi hướng đã nguyện
Do Tăng lực đã cầu
Xin tự thành phúc quả (Lạy)**

CÁCH BÁO HIẾU PHỤ MẪU CỦA BẬC THÁNH TỐI THƯỢNG THANH VĂN - NGÀI SĀRIPUTTA (XÁ LỢI PHẬT)

Đức Phật dạy rằng: “Này các thầy Tỳ khưu! Có hai người mà các thầy không thể nào đền ơn cho hết được, đó là Cha và Mẹ. Nếu có kẻ vai trái cõng cha, vai phải cõng mẹ, đi xa ngàn dặm, cung phụng đủ mọi thức ăn, đồ mặc, chăn nệm và thuốc thang, thậm chí cha mẹ có tiểu tiện, đại tiện trên vai đi nữa, cũng chưa trả được ân sâu cha mẹ. Các thầy phải biết, ân cha mẹ nặng lắm, bông bẽ nuôi nấng, dưỡng dục đúng lúc, làm cho ta trưởng thành. Vì thế, mà biết ân đó khó trả. Do vậy, người con hiếu thảo muốn báo đáp công ơn cha mẹ đúng chánh pháp cần phải thực hành những việc sau đây:

- Nếu cha mẹ chưa có niềm tin, phải khuyến khích cha mẹ phát tâm tin tưởng và kính ngưỡng Tam Bảo.**
- Nếu cha mẹ xan tham, phải khuyến khích cha mẹ phát tâm bố thí.**
- Nếu cha mẹ theo điều ác, phải khuyến khích cha mẹ hướng về đường thiện.**
- Nếu cha mẹ theo tà kiến, phải khuyến khích cha mẹ trở về với chánh kiến.**

Làm được như vậy là trả ơn cha mẹ đúng với chánh pháp, khiến cha mẹ không những được

an vui trong hiện tại, mà còn gieo phước lành trong tương lai”.

CÂU CHUYỆN NGÀI SĀRIPUTTA BÁO HIỂU THÂN MẪU MÌNH:

Một ngày nọ, Ngài Sāriputta quán xét rằng: Chư Phật với bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn, vị nào sẽ tịch diệt Niết Bàn trước? Ngài biết rõ rằng: Bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn tịch diệt Niết Bàn trước Đức Phật. Ngài quán xét về tuổi thọ của Ngài, biết rõ tuổi thọ của Ngài chỉ còn 7 ngày nữa.

Đại đức Sāriputta liền đến để đánh lễ Đức Thế Tôn lần cuối cùng, xin phép tịch diệt Niết Bàn. Đức Phật bèn hỏi Đại đức Sāriputta rằng:

– Này Sāriputta, con sẽ tịch diệt Niết Bàn tại nơi nào?

Ngài Đại đức Sāriputta bạch với Đức Thế Tôn:

– *Kính bạch Đức Thế Tôn, con sẽ tịch diệt Niết Bàn tại ngôi làng Nālākagāma xứ Magadha nơi con đã sinh trưởng, đồng thời để tế độ cho thân mẫu của con. Tuy bà có bảy người con thành bậc Thánh Arahán, song bà vẫn chưa có đức tin nơi Tam Bảo.*

Ngài Đại đức Sāriputta cùng 500 đệ tử đánh lễ Đức Thế Tôn, xin phép từ giã Đức Phật. Ngài trở về lại ngôi nhà, ở tại căn phòng xưa của mình.

Trong đêm cuối cùng của cuộc đời, Ngài phát bệnh kiết lỵ đi ngoài, phân lẫn nhiều máu, bệnh tình rất trầm trọng.

Khi ấy, bà thân mẫu của Ngài đứng nhìn qua cửa phòng của Ngài, thấy lần lượt các vị Tứ Đại Thiên Vương có hào quang sáng ngời đến chiêm bái đánh lễ Ngài lần cuối cùng, rồi lui ra.

Tiếp đến, Đức vua trời Sakka từ cõi Tam Thập Tam Thiên đến chiêm bái đánh lễ Ngài, rồi lui ra. Tuần tự các Đức vua ở cõi Dạ Ma Thiên, Đức vua cõi Đâu Suất Đà Thiên, Đức vua cõi Hóa Lạc Thiên, Đức vua cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên trong các cõi trời dục giới và tiếp đến chư Đại Phạm Thiên cõi trời sắc giới cũng đều đến chiêm bái đánh lễ Ngài lần cuối cùng.

Bà thân mẫu của Ngài nhìn thấy Chư Thiên, Đại Phạm Thiên có hào quang sáng ngời, vị sau hơn vị trước, bà muốn biết những vị Chư Thiên ấy là vị nào, mà có lòng tôn kính con của bà đến như thế! Nên bà đến phòng của Ngài, hỏi Đại Đức Cunda (con trai của bà) rằng:

– Này Cunda, các vị Chư Thiên nào mà có lòng tôn kính đến chiêm bái đánh lễ sư huynh của con như vậy?

Đại đức Cunda thưa rằng:

– Thưa thân mẫu, bốn vị chiêm bái, đánh lễ đầu tiên đó là Tứ Đại Thiên Vương.

Bà nghĩ thầm: "Tứ Đại Thiên Vương có lòng tôn kính chiêm bái, đánh lễ con ta; con ta cao thượng như vậy sao! Nếu vậy, thì Đức Phật là Bậc Thầy của con ta chắc hẳn Ngài còn cao thượng hơn nhiều". Và bà hỏi tiếp:

– Này Cunda, còn các vị Chư Thiên khác là vị nào vậy?

Đại đức Cunda thưa tiếp:

Thưa thân mẫu, kể đến là Đức vua trời Sakka từ cõi trời Tam Thập Tam Thiên, Đức vua trời Sujāma cõi trời Dạ Ma Thiên, Đức vua trời Santussita cõi trời Đâu Suất Đà Thiên, Đức vua trời Sunimmita cõi trời Hóa Lạc Thiên, Đức vua trời Paranimmita từ cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên, và tiếp đến Chư Đại Phạm Thiên từ các tầng trời sắc giới...

Nghe vậy bà thầm nghĩ rằng:

"Đại Phạm Thiên mà ta tôn kính, chư Đại Phạm Thiên ấy lại có lòng tôn kính, chiêm bái đánh lễ con của ta, con ta cao thượng đến như vậy sao! Nếu vậy, Đức Phật là Bậc Thầy của con ta, chắc hẳn Ngài còn cao thượng biết dường nào!"

Nghĩ vậy, bà phát sinh tâm hỷ lạc chưa từng có, bà ân cần thăm hỏi bệnh tình của Ngài Sāriputta và bày tỏ ý nghĩ của mình. Ngài Đại đức Sāriputta biết đúng lúc hợp thời, nên Ngài thuyết giảng về Ân Đức Phật để tế độ thân mẫu

của Ngài. Sau khi lắng nghe pháp xong, bà liền chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo – Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu có đức tin trong sạch vững chắc nơi Tam Bảo.

“Đây là cách Ngài Đại đức Sāriputta đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của thân mẫu”.

KỆ NHIỀU PHẬT ĐẠI LỄ TẶNG Y

**Tặng y truyền thống ngàn xưa
Ca sa biểu tượng ngọn cờ thánh nhân
Sắc màu của bậc lý trần
Phước điền y bát hàm ân muôn loài
Tâm thành nhiều Phật hôm nay
Giói nghi hợp đạo đúng thời tròn duyên
Ba đời chư Phật giáo truyền
Tặng Già nhiều ích như thiên phúc lành
Quả sanh trường thọ đẹp xinh
Kiện khang mãi tiếp tinh thần thánh thơi
Mai sau Thiện Thệ ra đời
Thiện lai tặng tướng một lời Phật ban
Chúng con nay đủ duyên phần
Ca sa lễ phẩm cúng dâng chí thành
Ba thời tác ý tịnh thanh
Tặng Già cụ túc viên thành thẳng duyên
Phước lành hồi hướng Chư Thiên
Cầu xin hoan hỉ khắp miền gần xa**

**Hộ trì mưa thuận gió hòa
Thịnh hưng giáo pháp âu ca cõi đời
Nguyện nhờ Tăng đức cao vời
Mẹ cha trường thọ sáu thời bình yên
Phú cường quốc độ mọi miền
Âm siêu dương thối thiện duyên vun bồi
Nguyện trong những kiếp luân hồi
Biết phân thiện ác dưỡng nuôi căn lành
Lìa tử sanh chứng vô sanh
Giác tha tự giác hồng ân báo đền
Ba la mật hạnh vẹn toàn
Dám quên mạng sống quyết tâm thực hành
Nhờ ân Thiện Thệ Cha Lành
Muôn loài vượt thoát tử sanh luân hồi (Lạy)**

KỆ THỈNH PHÁP SƯ (1)

**Kính lạy Pháp sư từ bi,
Chúng con quy ngưỡng, lòng thành thiết tha.
Xin Ngài giảng dạy Phật Pháp,
Đưa chúng con qua bến bờ an vui.
Sinh tử luân hồi khổ đau,
Nhọc nhằn trần thế, lạc lối mịt mờ.
Nhờ ánh sáng Pháp rọi soi,
Giúp con tỉnh thức, tìm đường thoát ly.
Pháp sư từ bi quảng đại,
Giảng giải diệu pháp, truyền trao yêu thương.**

**Chúng con nguyện lòng ghi nhớ,
Tu hành tinh tấn, đoạn diệt khổ đau.
Xin Ngài rủ lòng chỉ bảo,
Chúng con đánh lễ, nguyện theo Pháp mầu.
Thoát khỏi luân hồi khổ ải,
Tìm về bến giác, an lạc vô biên.
Namo tassa bhagavato arahato
sammāsambuddhassa.**

*Karuṇāmaṇḍale bhikkhu,
Māyaṃ namassāma, saccena yācamā.
Bhavantu dhammadesanā,
Dukkhasantāpam atikkamaṃ nayantu.
Saṃsāradukkham anantaṃ,
Āyāsaṃ lokamhi, tamaṃ appaṇṇā.
Dhammālokena pāyehi,
Ñānadīpāya maggaṃ dassetuṃ.
Bhikkhu karuṇā pūrṇa,
Desetu dhammāmṛtaṃ, piyabhāsitaṃ.
Māyaṃ saraṇaṃ pavisāma,
Viriyena bhāvanāya, dukkhanirodhaṃ.
Anukampaṃ nikkhipitvā,
Māyaṃ vandāma, dhammena yācamā.
Vimuttiṃ saṃsārato,
Amatam upagantuṃ, sukkena nibbānaṃ.*

KỆ THỈNH PHÁP SƯ (2)

**Thầy, xin hãy giảng dạy Pháp,
Vì lợi ích của tất cả những người lắng nghe,
Loại bỏ lòng tham, sân hận và mê mờ,
Và làm cho mỗi ngày trở nên cao thượng hơn.**

*Bhante, dhammaṃ desetu,
Sabbe sotāro hitāya,
Rāga-dosa-moha pahāya,
Divasaṃ uttamo kurute.*

KỆ THỈNH PHÁP SƯ (3)

**Kính bạch Thầy, con lễ bái giáo pháp,
Theo dấu chân niềm tin đã dâng hiến,
Xin thuyết giảng về sự trụ hữu của pháp,
Để sự giáo thuyết được tỏa sáng.
Không làm mọi điều ác,
Phát huy việc lành,
Làm trong sạch tâm mình,
Đây là sự giáo thuyết của các Buddha.**

*Bhante vandāmi dhammassa,
Saddhā deyyaṃ anussaraṃ,
Dhammaṭṭhitim pabhāsehi,
Sāsanassa pabhāvatu.
Sabbapāpassa akaraṇaṃ,
Kusalassa upasampadā,
Sacitta-pariyodapanaṃ,
Etam buddhāna sāsanaṃ.*

KỆ THỈNH PHÁP SƯ (4)

**Kính thành dâng cúng hoa hương
Thỉnh Sư thuyết pháp noi đường từ bi.
Hàng thiện tín mê si trần cảnh
Nghệp bốn bề, nặng gánh lo toan
Ít khi tâm trí rảnh rang
Não phiền kết buộc, sân tham còn nhiều.
Ai thính Pháp, người nghèo được ngọc
Nghe Pháp nhiều, Chư Phật ngợi khen
Mẹ cha, quyến thuộc bình yên
Đường đi, lối lại nhân duyên rõ ràng.
Thỉnh Pháp Sư đăng đàn, thuyết giáo
Quỳ nơi đây, tâm đạo tín thành
Ngưỡng cầu duyên phúc trọn lành
Ngưỡng cầu gieo hạt Vô Sanh Bồ Đề.**

KỆ TRI ÂN PHÁP SƯ SAU KHI NGHE PHÁP (1)

**Kính lễ pháp sư từ bi,
Ân đức vô lượng, giảng pháp diệu kỳ.
Chúng con nguyện lòng tri ân,
Lời Phật chỉ dạy, mãi khắc ghi sâu.
Sinh tử khổ đau vô tận,
Nhờ Pháp Ngài rọi, trí tuệ bừng lên.
Chúng con nguyện sống chánh niệm,
Tu tập tinh tấn, giải thoát niết bàn.
Từ bi, trí tuệ rộng sâu,
Ngài là đuốc sáng, dẫn đường chúng con.**

**Nguyện noi theo bước chân Ngài,
Hành trì Phật Pháp, vượt qua khổ đau.
Chúng con dâng trọn niềm tin,
Quyết tâm hành đạo, lời Ngài chỉ trao.
Nguyện đời đời kiếp kiếp sau,
Được nghe chánh pháp, thoát ly luân hồi.**

*Karuṇābhāvena theram vandāma,
Anantaṃ puññaṃ, deseti dhammaṃ acchariyaṃ.
Mayam' sabbepi paṭipassambhāma,
Ovādassa tassa, niccaṃ sārenti.
Saṃsāraṃ dukkhaṃ anantaṃ,
Dhammassa tassā ābhāya, paññā udeti.
Mayam' sabbepi sativihārena jīvāma,
Viriyaṃ ussāhaṃ, vimokkhaṃ nibbānaṃ.
Karuṇāpaññā gambhīraṃ,
Thero paññādīpaṃ pāyati, maggadesako no.
Mayam' tassa pādaṃ anupāleti,
Dhammaṃ paṭipajjāma, dukkhaṃ atikkamaṃ.
Mayam' sabbepi saddhaṃ pūrema,
Adhimokkhaṃ pavatteti, buddhassa ovādā.
Mayam' bhavābhava sutvā dhammaṃ,
Sotiṃ pāpenti, saṃsāraṃ atikkamaṃ.*

KỆ TRI ÂN PHÁP SƯ SAU KHI NGHE PHÁP (2)

**Thầy đã khơi dậy niềm vui,
Giảm tham, sân và si,
Với tâm tĩnh lặng,
Tất cả sống trong yêu thương.
Sau khi nghe Pháp,
Bỏ bớt phiền não,
Mang lại kết quả bình đẳng,
Hãy là bạn bè của nhau.**

***Bhante bodheti pāmojjaṃ,
Lobha dosa moha hāyati,
Upasamena cittena,
Sabbe mettāya vāsenti.
Dhammaṃ sutvāna sabbe pi,
Pīḷanāya virāganti,
Sāmaññā phaladhāyakā,
Bhavantu sabbamittatā.***

***Master has awakened joy,
Eliminating greed, hatred, and delusion,
With a calm peaceful mind,
All live in universal love.
Having heard the Dharma, all
Let go of afflictions,
Bringing equal results,
May they be true friends with each other.***

KỆ TRI ÂN PHÁP SƯ SAU KHI NGHE PHÁP (3)

**Giải thoát pháp bảo nên hành,
Đặng mà dứt khổ truyền quanh đọa đày.
Cầu cho hưng thịnh lâu dài,
Pháp thiện trí thức các Ngài mở mang.
Bậc tu xin được bình an,
Cầu cho tăng chúng các hàng hòa nhau.
Lại thêm phẩm hạnh thanh cao,
Những quả lợi ích kết mau kịp thì.
Cầu xin Pháp bảo hộ trì,
Cho người tu đã qui y Phật rồi.
Xin cho cả thầy chúng con,
Tấn hóa trong Pháp Phật giới giáo truyền**



KỆ TỤNG TRƯỚC KHI ĂN (1)

Paṭisaṅkhā yoniso piṇḍapātaṃ paṭisevāmi n'eva davāya na madāya na maṇḍanāya na vibhūsanāya yāv'adeva imassa kāyassa tṭhitiyā yāpanāya vihims'ūparatiyā brahmacariy'ānuggahāya. Iti purāṇaṅca vedanaṃ paṭihaṅkhāmi navaṅca vedanaṃ na uppādessāmi yātrā ca me bhavissati anavajjatā ca phāsu-vihāro cā'ti.

Chơn chánh quán tưởng rằng. Ta thọ dụng vật thực. Không phải để vui đùa. Không ham mê vô độ. Không phải để trang sức. Không tự làm đẹp mình. Mà chỉ để thân này. Được bảo trì mạnh khoẻ. Để tránh sự tổn thương. Để trợ duyên phạm hạnh. Cảm thọ cũ được trừ. Thọ mới không sinh khởi. Và sẽ không lâm lỗi. Ta sống được an lành.

THỰC HÀNH NĂM QUÁN TRƯỚC KHI ĂN

Thứ nhất: Quán thức ăn này từ đâu đem đến, công của người nhiều hay ít.

Thứ hai: Quán công đức của mình đủ hay thiếu, mà nhận thức ăn này.

Thứ ba: Quán thức ăn này cốt để dẹp tham, sân, si.

Thứ tư: Quán thức ăn này như uống thuốc, trị bệnh ốm gầy.

**Thứ năm: Quán vì thành tựu đạo nghiệp, mới
thọ nhận thức ăn này.**

(Vị chủ xướng: Thịnh đại chúng thọ trai)

KỆ TỤNG TRƯỚC KHI ĂN (2)

**Trước bữa ăn, thiết lập chánh niệm,
Phát triển xấu hổ và sợ hãi về lỗi lầm,
Ăn để nuôi dưỡng thân xác,
Sống không đắm mê dục vọng.
Tôn trọng người đã cung cấp thực phẩm,
Và biết ơn những người đã dạy dỗ,
Làm việc thiện cho mọi người,
Và sống một cuộc đời cao thượng.**

Bhojanam pūrvam satisammosam,

Hirī ottappañca pūrenti,

Āhāram thālakassa hitāya,

Kāmesu anādānena jīvitam.

Annadātā ca pūjāya,

Sikkhādātā ca anumodanam,

Sabbānam hitasukham karonti,

Uttamam carima jīvitam.

***Before the meal, establish mindfulness,
Developing shame and fear of wrongdoing,
Eat to nourish the body,
Live without indulging in sensual desires.
Honor those who provided the food,***

***And appreciate those who have taught us,
Doing good for the benefit of all,
And living a life of high virtue.***

1. Chuẩn bị:

Chọn một không gian yên tĩnh, không bị phân tâm.

Chuẩn bị thức ăn đơn giản, thanh đạm.

Tắt chuông điện thoại và các thiết bị điện tử khác.

Rửa tay sạch sẽ trước khi ăn. (nhớ tụng bài kinh ngắn biết ơn trước khi ăn)

2. Bắt đầu:

Ngồi xuống với tư thế thoải mái, lưng thẳng.

Nhắm mắt lại và tập trung vào hơi thở.

Hít vào chậm rãi và sâu bằng bụng, cảm nhận sự phình lên của bụng.

Thở ra chậm rãi và nhẹ nhàng, cảm nhận sự xẹp xuống của bụng.

Tiếp tục tập trung vào hơi thở trong vài phút.

3. Quan sát thức ăn:

Mở mắt và nhìn vào thức ăn trước mặt.

Quan sát màu sắc, hình dạng và kết cấu của thức ăn.

Nhận biết hương vị của thức ăn.

Nhớ lại nguồn gốc của thức ăn, biết ơn những người đã góp phần tạo ra nó.

4. Cắn nhai và nuốt:

Cắn nhai thức ăn chậm rãi và kỹ lưỡng.

**Nhận biết sự thay đổi của thức ăn trong miệng.
từ cứng sang mềm.**

Nuốt thức ăn một cách nhẹ nhàng.

**Tập trung vào cảm giác của thức ăn khi đi xuống
cổ họng.**

5. Sau khi ăn:

Ngồi lại và tập trung vào hơi thở trong vài phút.

Nhận biết cảm giác của cơ thể sau khi ăn.

**Cảm ơn thức ăn đã nuôi dưỡng cơ thể. (nhớ tụng
bài kinh tri ân hồi hương)**

Lưu ý:

**Khi ăn, hãy tập trung hoàn toàn vào thức ăn và
trải nghiệm ăn uống.**

**Không để tâm trí lang thang đến những suy
nghĩ khác.**

**Nếu có suy nghĩ khác xuất hiện, hãy nhẹ nhàng
nhận biết và đưa tâm trí trở lại với thức ăn.**

Ăn chậm rãi và thưởng thức từng miếng ăn.

**Ăn cho đến khi cảm thấy no vừa đủ, không nên
ăn quá no.**

Lợi ích của thiền ăn trong chánh niệm:

**Giúp bạn ăn uống một cách tỉnh thức và nhận
biết các cảm xúc.**

**Giúp bạn kiểm soát lượng thức ăn nạp vào cơ
thể.**

Giúp bạn nhận biết hương vị thức ăn một cách trọn vẹn.

Giúp bạn cải thiện hệ tiêu hóa.

Giúp bạn giảm căng thẳng và lo âu.

Kết luận:

Thiền ăn trong chánh niệm là một cách đơn giản và hiệu quả để cải thiện sức khỏe và tinh thần. Hãy dành thời gian để thực hành thiền ăn trong chánh niệm mỗi ngày để cảm nhận những lợi ích tuyệt vời của nó.

Trước khi bắt đầu bữa ăn này (1), chúng ta hãy dành một khoảnh khắc để cùng nhau suy ngẫm và cầu nguyện.

Lạy Nguồn Cội của mọi sự sống, chúng con biết ơn vì những gì chúng con sắp nhận lãnh. Chúng con nhớ rằng, mỗi bữa ăn không chỉ là để thỏa mãn nhu cầu của thân xác, mà còn là để nuôi dưỡng tâm hồn chúng con trong sự khiêm nhường và biết ơn.

Chúng con ăn không phải để tham đắm vào cảm xúc mùi vị, mà để duy trì sự sống, để có sức mạnh phục vụ và yêu thương tha nhân. Trong khi thưởng thức từng miếng ăn, chúng con luôn nhớ về những người đang phải chịu đói, những người không có áo ấm, không có mái nhà, những người đang đau bệnh.

Chúng con nguyện chia sẻ mọi điều tốt lành chúng con có được với những người thiếu thốn, mang đến cho họ sự ấm áp, an ủi trong lúc khó khăn. Chúng con cầu nguyện để tình yêu thương lan tỏa, để không còn hận thù giữa con người với nhau, để mỗi trái tim đều được bình an và hạnh phúc.

Xin cho chúng con biết ơn vì mỗi hơi thở, mỗi bữa ăn, mỗi khoảnh khắc chúng con được sống. Xin hãy dùng chúng con làm công cụ của Pháp, để mang lại ánh sáng, yêu thương và bình an đến cho mọi người, mọi nơi, mọi lúc.

Nam mô Phật Pháp Tăng.

Trước khi thưởng thức bữa ăn này (2), chúng con hướng lòng thành kính và biết ơn đến muôn loài và vũ trụ bao la. Chúng con cầu nguyện cho mỗi bữa ăn không chỉ là nuôi dưỡng thể xác mà còn là bài học về tình thương và sự chia sẻ.

Xin cho mọi người trên thế giới này đều được no đủ, không ai phải chịu cảnh đói khát và thiếu thốn. Chúng con nguyện rằng tình yêu thương và sự chia sẻ sẽ được lan tỏa, từ những bữa ăn giản dị như thế này, để mọi người đều cảm nhận được sự ấm áp và quan tâm từ những người xung quanh.

Xin cho mọi sinh linh đều được bình an, hạnh phúc, và sống trong sự an lành. Mỗi bữa ăn chúng con thụ thực không chỉ là để no nê thể

xác mà còn để nhớ về lời dạy của Phật, rằng lòng biết ơn và sự chia sẻ là nguồn gốc của hạnh phúc thật sự.

Xin Phật hộ trì cho chúng con biết sống chan hòa, yêu thương lẫn nhau, và luôn nhớ về những bài học về lòng từ bi và sự chia sẻ. Xin cho mỗi bữa ăn trở thành dịp để chúng con thể hiện lòng biết ơn và mong muốn được chia sẻ với những ai còn đang khó khăn và cần được giúp đỡ.

Nam mô Phật! Nam mô Pháp! Nam mô Tăng!

(3) Chúng con cung kính dâng lên lời biết ơn sâu sắc này trước bữa ăn.

Chúng con biết ơn vô vàn cho mỗi hơi thở, mỗi bình minh mới, và cho cuộc sống quý giá này. Chúng con tri ân sự sống, mẹ Trái Đất, và tất cả những sinh linh đã cùng nhau tạo nên thế giới này.

Chúng con biết ơn những bàn tay đã làm việc, những trái tim đã yêu thương, và những tâm hồn đã cống hiến để chúng con có thức ăn trên bàn hôm nay. Mỗi bữa ăn là kết quả của sự lao động không mệt mỏi và tâm huyết của biết bao người.

Chúng con cũng hướng tâm trí và lòng biết ơn đến những nơi có cảnh đói khổ, nguyện cầu cho mọi chúng sinh đều được no đủ, hạnh phúc và an lành. Chúng con nguyện rằng sự biết ơn và

yêu thương này sẽ lan tỏa, góp phần vào việc giảm bớt khổ đau trên thế giới.

Xin cho chúng con tâm hồn thanh tịnh và bản lĩnh để đối mặt với mọi khó khăn, và sức mạnh để giúp đỡ những ai cần chúng con.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!



HỒI HƯƠNG SAU BỮA ĂN (1)

***Abhivadanasilissa
niccam vuddhapacayino
cattāro dhammā vaḍḍanti
āyu vaṇṇo sukham balam***

Cả 4 Pháp chúc mừng là: Sống lâu (Ayu), Sắc đẹp(sana), An vui (sukha), Sức mạnh (balam), hăng thêm đến người. Là (những) người năng nghiêng mình lễ bái, cúng dường đến Tam-Bảo và có lòng tôn kính các bậc tu hành tinh tấn, nhất là bậc trì Giới, và bậc Trưởng lão.

KỆ HỒI HƯỚNG SAU KHI ĂN

- . Cơm ngày đôi bữa, thường nhớ công khó nhọc của kẻ nông phu, người chế biến**
- . Thân mặc ba y, hằng xét nghĩ sự nhọc nhằn của người may dệt, người may.**
- . Thuốc thang giường chõng trú sứ này, do sự nhín ăn bột mặc của đàn na.**
- . Học đạo tiến tu bởi lòng từ dạy răn của Thầy Tổ.**
- . Nguyện cho thí chủ : Ruộng phước thêm nhiều, đạo tâm thêm lớn, cùng chúng sinh khắp trong pháp giới, kẻ mất người còn đồng thành Phật đạo.**

Nam-mô Phật bốn sư Thích Ca Mâu Ni.

**Tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ,
Tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn,
Tự tánh Pháp môn thệ nguyện học,
Tự tánh Phật đạo thệ nguyện thành.**

Lạy Vũ Trụ bao la, khi bữa ăn đã kết thúc, chúng con muốn dành một khoảnh khắc để bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc.

Chúng con tri ân mỗi món ăn chúng con vừa thụ hưởng, cho những bàn tay đã làm ra chúng, từ người nông dân cần mẫn trên cánh đồng đến người đầu bếp tài hoa trong bếp. Mỗi hạt gạo, mỗi lá rau, mỗi miếng bánh không chỉ là thức

ăn, mà còn là kết tinh của công sức, mồ hôi, yêu thương và tâm huyết.

Chúng con biết ơn vũ trụ đã ban cho chúng con cơ hội sống, hít thở, và thực hành chánh niệm qua mỗi bữa ăn. Những giây phút thực tập thiền ăn chánh niệm không chỉ giúp chúng con hiểu rõ giá trị của sự sống mà còn là cơ hội để kết nối sâu sắc với mọi người và mọi sự vật xung quanh.

Xin hồi hướng công đức và những giây phút chánh niệm này đến với cha mẹ, thầy tổ, bạn bè, và những ai đã có công lao trong việc tạo ra bữa ăn này. Mong cho họ, cũng như mọi người trên thế giới này, đều được bình an, hạnh phúc, và tràn đầy sức khỏe.

Chúng con cầu nguyện để lòng biết ơn và ý thức này lan tỏa, giúp chúng con trở nên tử tế và yêu thương nhau hơn mỗi ngày. Xin cho chúng con luôn nhớ về sự quý giá của mỗi bữa ăn, không chỉ nuôi dưỡng thể xác mà còn là dịp để chúng con nuôi dưỡng tâm hồn, hiểu biết và tình thân ái.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

PHẦN 3: NHỮNG BÀI KỆ XIN CÚNG DƯỜNG TRAI TẶNG, VẬT DỤNG

KỆ CÚNG DƯỜNG VẬT DỤNG

DÂNG CÚNG Y TẮM MƯA ĐẾN CHƯ TẶNG

Bạch Đại Đức Tăng, chúng tôi xin thành kính dâng các y tắm mưa này đến chư Tăng. Cầu xin Đại Đức Tăng nhận lãnh (các y tắm mưa này cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì ..., Lần thứ ba....

Mayaṃ bhante imāni (vassikasāṭikāyo) idhānetvā saṅghassa dema sādhu bhante saṅgho imā (vassikasāṭikāyo) paṭiggaṇhatu amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukkhāya. Dutiyampi... , Tatiyampi ...

DÂNG CÚNG THỰC PHẨM ĐẾN CHƯ TẶNG

Bạch Đại Đức Tăng chúng tôi xin thành kính dâng những thực phẩm này đến Chư Tăng, cầu xin Đại Đức Tăng, nhận lãnh cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì ..., Lần thứ ba...

Mayaṃ bhante imāni khādanīyabhojanīyādīni sajjetvā saṅghassa dema sādhu bhante saṅgho imāni khādanīyabhojanīyādīni paṭiggaṇhatu amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukkhāya.

Dutiyampi ..., Tatiyampi....

DÂNG CÚNG THỰC PHẨM, ĐẾN MỘT VỊ THẦY TỖ KHƯU

**Bạch Ngài chúng tôi xin thành kính dâng
những thực phẩm này đến Ngài là người có
giới hạnh trang nghiêm, xin Ngài thọ lãnh cho
chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự yên
vui lâu dài.**

Lần thứ nhì ..., Lần thứ ba....

*Mayaṃ bhante imāni khādanīyabhojanīyādīni sajjetvā sīlavato
dema sādhu bhante sīlavā imāni khādanīyabhojanīyādīni
paṭiggaṇhatu amhākaṃ dīgha-rattaṃ atthāya hitāya sukhāya.
Dutiyampi ..., Tatiyampi ...*

DÂNG CÚNG GẠO ĐẾN CHƯ TĂNG

**Bạch Đại Đức Tăng, chúng tôi đem gạo này, đến
đây, để dâng cúng đến Chư Tăng cầu xin Chư
Tăng nhận lãnh gạo này cho chúng tôi được sự
tấn hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài. Lần thứ
nhì ..., lần thứ ba...**

*Mayaṃ bhante imāni tandulāni idhānetvā saṅghassa dema
sādhu bhante saṅgho imāni taṇḍulāni paṭiggaṇhatu amhākaṃ
dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya
Dutiyampi ..., Tatiyampi ...*

CÁC THỨ TRÁI CÂY ĐẾN CHƯ TĂNG

Bạch Đại Đức, chúng tôi đem các thứ trái cây này đến đây, để dâng cúng đến Chư Tăng, cầu xin Chư Tăng nhận lãnh các thứ trái cây này, cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì ..., lần thứ ba...

Mayaṃ bhante imāni nānāphalāni idhānetvā saṅghassa dema sādhu bhante saṅgho imāni nānāphalāni paṭiggaṇhatu amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya Dutiyampi ..., Tatiyampi...

DÂNG CÚNG TỊNH XÁ (CHÙA)

Bạch Đại Đức Tăng, chúng tôi xin thành kính dâng Tịnh Xá này, đến Tỳ Khưu Tăng để hành đạo, nhứt là để làm lễ Phát lồ và phép Cấm phòng, cầu xin Đại Đức Tăng nhận lãnh Tịnh Xá này cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì ..., lần thứ ba...

Mayaṃ bhante imaṃ (uposathāgāraṃ) kāretvā uposathapavāraṃ ādisaṅghakammakaraṇetthāya cātuddisassa bhikkhu saṅghassa dema sādhu bhante bhikkhu saṅgho imaṃ (uposathāgāraṃ) paṭiggaṇhatu amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya.

Dutiyampi ..., Tatiyampi...

DÂNG CÚNG NHÀ MÁT, TRƯỜNG HỌC ĐẠO

Bạch Đại Đức Tăng, chúng tôi xin thành kính dâng Nhà Mát, Trường Học Đạo này, đến Tỳ Khưu Tăng để hành đạo, nhứt là để làm lễ Phát lồ và phép Cấm phòng, cầu xin Đại Đức Tăng nhận lãnh Nhà Mát, Trường Học Đạo này cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì ..., lần thứ ba...

"Imaṃ sālaṃ "

Mayaṃ bhante imaṃ sālaṃ idhānetvā bhikkhusaṅghassa dema sādhu bhante bhikkhusaṅgho imaṃ garubhaṇḍaṃ paṭiggaṇhatu amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya.

Dutiyampi ..., Tatiyampi...

DÂNG CÚNG "TÀI SẢN ĐẾN TĂNG"

Bạch Đại Đức Tăng, chúng tôi xin thành kính dâng "Tài sản này" đến Chư Tăng, cầu xin Chư Tăng nhận lãnh "Tài sản này" này, cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì ..., lần thứ ba...

Mayaṃ bhante imaṃ garubhaṇḍaṃ idhānetvā bhikkhusaṅghassa dema sādhu bhante bhikkhusaṅgho imaṃ garubhaṇḍaṃ paṭiggaṇhatu amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya.

Dutiyampi ..., Tatiyampi ...

DÂNG CÚNG MẬT ONG

Bạch Đại Đức Tăng, chúng tôi xin thành kính dâng mật ong này đến Chư Tăng. Cầu xin Chư Tăng nhận lãnh mật ong này cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì ..., lần thứ ba...

*Mayaṃ bhante imaṃ madhuṃ idhānetvā bhikkhusaṅghassa
dema sādhu bhante bhikkhusaṅgho imaṃ (madhuṃ)
paṭiggaṇhatu amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya.*

Dutiyampi ..., Tatiyampi...

DÂNG CÚNG DẦU

Bạch Đại Đức Tăng, chúng tôi xin thành kính dâng dầu này đến Chư Tăng. Cầu xin Chư Tăng nhận lãnh dầu này cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì ..., lần thứ ba...

*Mayaṃ bhante imaṃ telam idhānetvā bhikkhusaṅghassa
dema sādhu bhante bhikkhusaṅgho imaṃ (madhuṃ)
paṭiggaṇhatu amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya.*

Dutiyampi ..., Tatiyampi...

DÂNG CÚNG NƯỚC MÍA

Bạch Đại Đức Tăng, chúng tôi xin thành kính dâng nước mía này đến Chư Tăng. Cầu xin Chư Tăng nhận lãnh nước mía này cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì ..., lần thứ ba...

*Mayaṃ bhante imaṃ phāṇiṭaṃ idhānetvā bhikkhusaṅghassa
dema sādhu bhante bhikkhusaṅgho imaṃ (madhuṃ)
paṭigganhatu amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya*

Dutiyampi ..., Tatiyampi...

DÂNG CÚNG NƯỚC THỐT NỐT

Bạch Đại Đức Tăng, chúng tôi xin thành kính dâng thốt nốt này đến Chư Tăng. Cầu xin Chư Tăng nhận lãnh nước thốt nốt này cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì ..., lần thứ ba...

*Mayaṃ bhante imaṃ tālodakaṃ idhānetvā bhikkhusaṅghassa
dema sādhu bhante bhikkhusaṅgho imaṃ (madhuṃ)
paṭigganhatu amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya*

Dutiyampi ..., Tatiyampi...

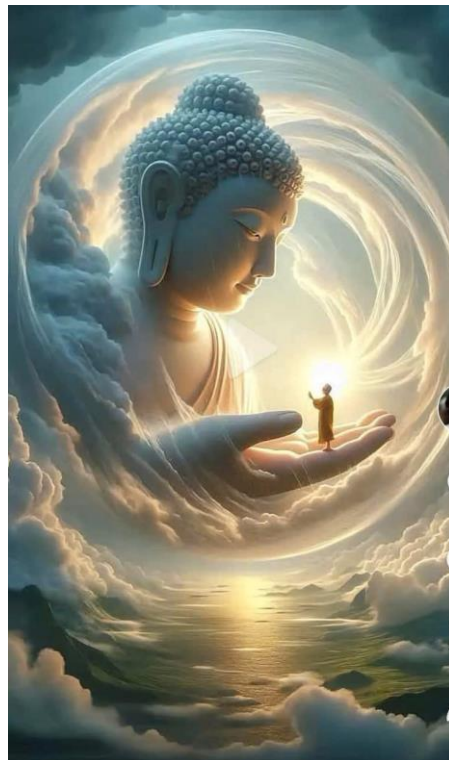
DÂNG CÚNG THUỐC CHỮA BỆNH

Bạch Đại Đức Tăng, chúng tôi xin thành kính dâng thuốc chữa bệnh này đến Chư Tăng. Cầu xin Chư Tăng nhận lãnh thuốc chữa bệnh này cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự yên vui lâu dài.

Lần thứ nhì ..., lần thứ ba...

Mayaṃ bhante imaṃ gilāna-bhesajjaṃ idhānetvā bhikkhusaṅghassa dema sādhu bhante bhikkhusaṅgho imaṃ (madhuṃ) paṭigganhatu amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya.

Dutiyampi ..., Tatiyampi..



PHẦN 4: PHÉP TRUYỀN GIỚI SA-DI PHÉP TRUYỀN GIỚI SA-DI

Giới tử mặc y phục trang, hai tay bưng y ca-sa “vàng” theo ông thầy vào đứng giữa Giáo-hội trước mặt Hòa-thượng, bái ngài rồi đọc:

Tôi xin thành kính làm lễ đại đức Bạch hoá đại đức, cầu xin đại đức tha các tội lỗi cho tôi. Những việc lành mà tôi đã làm, xin đại đức nhận lãnh, việc làm mà đại đức đã làm xin chia sót cho tôi và làm cho điều lợi ích được thành tựu tôi xin hoan hỉ thọ lãnh

Tôi xin thành kính, cầu đại đức từ bi thương xót đến tôi và phép xuất gia cho tôi.

Ngồi chồm hóm chắp tay để ngay tam tinh (giữa trán) mà đọc:

Bạch hóa đại đức xin đại đức làm phép xuất gia cho tôi

Bạch đại đức xin đại đức làm phép xuất gia cho tôi, lần thứ nhì

Bạch đại đức xin đại đức làm phép xuất gia cho tôi lần thứ ba

Rồi đọc bài sau này ba lần dâng y “Ca-sa” cho thầy:

Bạch hóa đại đức xin đại đức thân y cà sa vàng này và thương xót mà phép xuất gia cho tôi được dứt các sự thống khổ và đến Niết Bàn

Rồi đọc bài kệ sau này ba lần xin y ca-sa lại:

Bạch hoá đại đức xin đại đức cho xin y cà sa vàng ấy, và thương xót và làm phép xuất gia cho tôi được dứt các sự thống khổ và đến Niết Bàn

Khi giới tử đọc xong ba bận, rồi vị Hòa thượng đưa “ca-sa” cho giới tử và dạy phép tham thiền như sau này:

Tóc, lông, móng, răng, da

Da, răng, móng lông, tóc

Vị Hòa thượng phải giải sơ về cái thân trước cho giới tử nghe.

Xong rồi, giới tử lui ra, để mặc y ca-sa và trong khi ấy phải suy ngẫm rằng:

“Ta mặc y ca-sa đây, để ngừa sự nóng, lạnh, gió, nắng, muỗi, mòng, rắn, rít và tránh sự lỏa thể, chẳng mặc để se sua”.

Giới tử đọc:

Tôi xin thành kính làm lễ đại đức. Bạch hóa đại đức, cầu xin đại đức tha các tội lỗi cho tôi. Những việc lành mà tôi đã làm, xin đại đức nhận lãnh. Việc lành mà đại đức chia sớt cho tôi làm cho điều lợi ích được thành tựu, tôi xin hoan hỷ thọ lãnh.

Tôi xin thành kính cầu đại đức từ bi thương xót mà truyền tam qui và giới cho tôi.

Rồi ngồi chồm hổm chấp tay đọc:

Bạch đại đức, xin đại đức truyền Tam qui và giới cho tôi

Bạch đại đức, xin đại đức truyền Tam qui và giới cho tôi lần thứ nhì

Bạch đại đức, xin đại đức truyền Tam qui và giới cho tôi lần thứ ba

Hòa thượng đọc: Ta đọc lời nào, người đọc theo lời này

Giới tử đọc: Dạ (tôi xin đọc theo)

Rồi giới tử đọc theo Hòa thượng:

Tôi đem hết lòng thành kính làm lễ Đức Phá-Gá-Qua ấy. Ngài là bậc Á-Rá-Hăng cao thượng, được chứng quả Chánh biến tri, do ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy (đọc ba lần) [*]

**[*] Phá-gá-qua (Bhagava): Tàu dịch là Thế Tôn;
Á-rá-hăng (Arahant): Ứng cúng, A-la-hán**

**Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Phật.
Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Pháp.
Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Tăng.**

**Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Phật lần
thứ nhì.**

**Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Pháp, lần
thứ nhì.**

**Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Tăng, lần
thứ nhì.**

**Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Phật lần
thứ ba.**

**Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Pháp lần
thứ ba.**

**Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Tăng lần
thứ ba.**

**Hòa thượng đọc: Các thọ pháp Tam quy đều đủ
rồi**

Giới tử đọc: Dạ (và lạy)

Hòa thượng đọc rồi Giới tử đọc theo:

- 1. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự giết các loài sanh mạng.**
- 2. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự trộm cắp.**
- 3. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự thông dâm.**
- 4. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự nói dối.**
- 5. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự dễ dãi uống rượu.**
- 6. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự ăn sái giờ (từ đúng Ngọ cho đến mặt trời mọc chẳng được phép ăn vật chi cả).**
- 7. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự hát múa.**
- 8. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự trang điểm, đeo tràng bông, thoa vật thơm và dôi phấn.**
- 9. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa chỗ nằm và ngồi quá cao và xinh đẹp.**
- 10. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự thọ lãnh, cất giữ, hoặc bảo kẻ khác thọ lãnh, cất giữ vàng bạc châu báu, hoặc cảm xúc đến các vật ấy**

Ngài Hòa thượng đọc tiếp: Tôi xin thọ trì cả 10 điều học ấy

Sa-di đọc tiếp: *Tôi xin thành kính, cầu đại đức thương xót mà cho tôi nương dựa theo*

Xong rồi ngồi chồm hổm đọc:

Bạch đại đức, xin đại đức cho tôi nương dựa theo

Bạch đại đức, xin đại đức cho tôi nương dựa theo lần thứ nhì

Bạch đại đức, xin đại đức cho tôi nương dựa theo lần thứ ba (1 lạy).

Bạch ngài, ngài là thầy tế độ của tôi

Trong mấy tiếng sau này, Hòa thượng nói 1 tiếng nào cũng được (Giới tử khởi đọc theo):

Ngươi làm như thế này, là việc thành tựu điều lợi ích trong Phật pháp rồi.

Ngươi làm như thế là sự nhẹ nhàng, là việc vui sống dễ dàng trong Phật pháp rồi

Ngươi làm như thế, là đúng theo phương pháp đem mình ra khỏi luân hồi khổ não rồi

Ngươi xin đức Hòa thượng như thế, là vừa đến sự tôn kính theo pháp xưa rồi

Người hãy làm cho phép Tam học là: giới, định, tuệ, được thành tựu tốt đẹp vì đức tin đi

Xong rồi giới tử đọc:

Bạch đại đức, tôi xin thành kính hết lòng vâng chịu

Tôi xin hết lòng vâng chịu

Tôi xin hết lòng vâng chịu

Kể từ nay tôi phải gánh vác công việc của đại đức, là phải tôn kính làm các việc mà tôi phải làm, về phần đại đức, đại đức cũng hoan hỉ gánh vác, là nên nhắc nhở, và dạy bảo tôi luôn khi.

Dứt phép truyền Sa-di giới:

Sa-di phải mang bát đứng dậy đi vào, đến giữa Tăng, ngay trước mặt Hòa thượng

PHẦN 4: PHÉP TRUYỀN GIỚI SA-DI (PALI)

Giới tử mặc y phục trang, hai tay bưng y ca-sa “vàng” theo ông thầy vào đứng giữa Giáo-hội trước mặt Hòa-thượng, bái ngài rồi đọc:

*Ukàsa vandàmi bhante sabbam aparàdhan khamathame bhante
mayà katam punnam sàminà anumoditabbam sàminàkatam
punnam mayham dātābbam sādhu sādhu anumodāmi.*

Ukàsa karunnam katvā pabbajjam detha me bhante

Ngồi chồm hồm chấp tay để ngay tam tinh (giữa trán) mà đọc:

Aham bhante pabbajjam yàcāmi

Dutiyampi aham bhante pabbajjam yàcāmi.

Tatīyampi aham bhante pabbajjam yàcāmi

Rồi đọc bài sau này ba lần dâng y “Ca-sa” cho thầy:

*Sabbadukkha nissarananibbàna sacchikara natthàya, imam
kàsàvam gahetvā pabbàjethamam bhante anukampam upādàya*

Rồi đọc bài kệ sau này ba lần xin y ca-sa lại:

*Sabbadukkha nissarana nibbàna sacchikaranatathàya, etam
kàsàvam datvā pabbàjethamam bhante anukampam upādàya*

Khi giới tử đọc xong ba bận, rồi vị Hòa thượng đưa “ca-sa” cho giới tử và dạy phép tham thiên như sau này:

Kesà, lomà, nakhà, dantà, taco

Taco, danta, nakhà, lomà, kesà

Vị Hòa thượng phải giải sơ về cái thân trước cho giới tử nghe.

Xong rồi, giới tử lui ra, để mặc y ca-sa và trong khi ấy phải suy ngẫm rằng:

“Ta mặc y ca-sa đây, để ngừa sự nóng, lạnh, gió, nắng, muỗi, mòng, rắn, rít và tránh sự lỏa thể, chẳng mặc để se sua”.

Giới tử đọc:

Ukàsa vandàmi bhante sabbam aparàdham khamatha me bhante mayà kàtam punnam sàminà katam punnam mayham dàtabham sàdhu sàdhu anumodàmi.

Ukàsa kàrunnam katvà tisanena sahasilâni detha me bhante

Rồi ngồi chồm hổm chắp tay đọc:

Aham bhante saranasìlam yàcàmi

Dutiyampi Aham bhante saranasìlam yàcàmi

Tatiyampi Aham bhante saranasìlam yàcàmi

Hòa thượng đọc: Yamaham vadàmitam vadehi

Giới tử đọc: Àma bhante

Rồi giới tử đọc theo Hòa thượng:

Namo tassa bhagavato arahato sammàsambuddhassa

Buddham saranam gacchàmi

Dhammam saranam gacchàmi

Sangham saranam gacchàmi

Dutiyampi buddham saranam gacchàmi

Dutiyampi dhammam saranam gacchàmi

Dutiyampi sangham saranam gacchàmi

Tatīyampi buddham saranam gacchàmi

Tatīyampi dhammam saranam gacchàmi

Tatīyampi sangham saranam gacchàmi

Hòa thượng đọc: *Tisaranaggahanam paripunam*

Giới tử đọc: *Àma bhante*

Hòa thượng đọc rồi Giới tử đọc theo:

1. Pànàtipàtà veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi

2. Adinnàdânà vera manì sikkhàpadam samadiyàmi

3. Abrahma cariya ve ramaniyàmi

4. Musàvādà veramanì sikkhàpadam samà diyàmi

5. Surà meraya majjappamàdatthânà veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi

6. Vikàlabhojanà vermanì sikkhàpadam samàdiyàmi

7. Naccagīta vàditavisùkadassanà veramanì sikkhapadam sayà diyàmi

8. *Màlàngandha vilepanadhàrana mandana vibhùsanatthànà veramanì sikkhapadam sayà diyàmi*

9. *Uccàsayana mahàsayanà veramanì sikkhapadam sayà diyàmi*

10. *Jàtarù parajatapatiggahanà veramanì sikkhapadam sayà diyàmi*

Ngài Hòa thượng đọc tiếp: *Imàni dassa sikkhàpadàni samàdiyàmi*

Sa-di đọc theo ba bận, rồi lạy, xong đứng chắp tay đọc: *Vandàmi bhante ... (như trước).*

Xong rồi, Sa-di phải xin Nissaya, cầm nhang đèn dâng cho vị Hòa thượng, rồi đứng chắp tay đọc: *Vandàmi bhante ... (như trước).*

Sa-di đọc tiếp: *Ukàsa kàrunnam katvà nissayam dethame bhante*

Xong rồi ngồi chồm hổm đọc:

Aham bhante nissayam yàcàmi

Dutiyampi Aham bhante nissayam yàcàmi

Tatiyampi Aham bhante nissayam yàcàmi

Upajjàyo me bhante hohi

Trong mấy tiếng sau này, Hòa thượng nói 1 tiếng nào cũng được (Giới tử khởi đọc theo):

- *Sàdhu*
- *Làbu*
- *Pàtirùpam*
- *Opàyikam*
- *Pàsàdikena samàdehi*

Xong rồi giới tử đọc:

Uhàsa sampaticchàmi

Sampaticchàmi

Sampaticchàmi

Aj Jatagga dani therò mayham bhàro, ahampi therassa bhàro

Dứt phép truyền Sa-di giới:

Sa-di phải mang bát đứng dậy đi vào, đến giữa Tăng, ngay trước mặt Hòa thượng

**LỄ QUY Y TAM BẢO VÀ THỌ 5 GIỚI, 8 GIỚI,
9 GIỚI**

Kính bạch Đức Thế Tôn / Ngài / Các Ngài Đại Đức Tăng, vì tôi là người thiếu trí, lầm lạc và không minh mẫn, nên đã phạm các tội lỗi.

Kính bạch Đức Thế Tôn / Ngài / Các Ngài Đại Đức Tăng, sợ e tôi đã dễ dãi, không đem lòng thành kính, do thân khẩu, ý của tôi bất tịnh mà phạm đến Phật, Pháp, Tăng.

Kính bạch Đức Thế Tôn / Ngài / Các Ngài Đại Đức Tăng, cầu xin xá các tội lỗi ấy cho tôi, bởi các tội lỗi ấy là quấy thật, đặng cho tôi làm những việc lành từ nay về sau.

Tỳ Khưu: *Sadhu*

Phép Qui y trước mặt 1, 2, 3 thầy Tỳ Khưu, hoặc giữa Tăng chúng đều được cả.

*** Nếu chỉ có một người Nam hoặc một người Nữ làm phép qui y trước mặt thầy Tỳ Khưu hoặc giữa Tăng chúng thì phải đọc như vậy:**

Kính bạch Ngài (Các Ngài Đại Đức Tăng), tôi cầu xin thọ phép quy y Phật đã nhập Niết Bàn, cầu xin thọ phép qui y Pháp, cầu xin thọ phép qui y Tăng.

Xin Ngài (Các Ngài Đại Đức Tăng), nhận biết cho tôi là người cận sự Nam, (cận sự Nữ) đã qui y Tam Bảo kể từ ngày nay cho đến trọn đời.

Bạch Ngài Tôi (Chúng tôi) xin thọ trì Tam qui và ngũ giới nơi Tam Bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích.

Bạch Ngài Tôi (Chúng tôi) xin thọ trì Tam qui và ngũ giới nơi Tam Bảo, để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích, lân thứ nhì.

Bạch Ngài Tôi (chúng tôi) xin thọ trì Tam qui và ngũ giới nơi Tam Bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích lần thứ ba.

"Tôi xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhàgava đó. Ngài là bậc Araham cao thượng, được chứng quả chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy."

(Ông thầy đọc tiếp bài quy Tam bảo, người thọ giới cũng phải theo)

Tôi đem hết lòng thành kính xin qui y Phật.

Tôi đem hết lòng thành kính xin qui y Pháp.

Tôi đem hết lòng thành kính xin qui y Tăng.

Tôi đem hết lòng thành kính xin quy y Phật lần thứ nhì.

Tôi đem hết lòng thành kính xin qui y Pháp lần thứ nhì.

Tôi đem hết lòng thành kính xin qui y Tăng lần thứ nhì.

Tôi đem hết lòng thành kính xin quy y Phật lần thứ ba.

Tôi đem hết lòng thành kính xin qui y Pháp lần thứ ba.

Tôi đem hết lòng thành kính xin qui y Tăng lần thứ ba.

Ông thầy đọc: "Phép qui y Tam bảo tròn đủ chỉ có bấy nhiêu"

Người thọ Tam qui đọc lời sau này "Dạ, vâng "

LỄ QUY Y TAM BẢO VÀ THỌ 5 GIỚI, 8 GIỚI, 9 GIỚI

Phật tử: (1 người):

Accayo [1] maṃ bhante accagamā yathā bālaṃ yathā mū ḷhaṃ yathā akusalaṃ .

Yo' haṃ [2] Bhante kāyena vā vācāya vā manasā vā Bhagavato Buddhassa vā Dhammassa vā agāraṃ akāsiṃ tassa [3] me bhante Bhagavā, Ayyo [4] paṭiggaṇhātu [5] āyatim saṃ varāya.

[1] Nếu là người nữ thì đọc là "Accayā".

[2] Nếu là người nữ thì đọc là "Yā' haṃ ".

[3] Nếu là người nữ thì đọc là "tassā".

[4] Nếu trước một vị Tỳ kheo thì đọc: "ayyo".

Nếu trước hai hoặc ba vị Tỳ kheo thì đọc: "ayyā". Nếu trước bốn vị Tỳ kheo trở lên thì đọc: "Sangho".

[5] Nếu trước một vị Tỳ kheo thì đọc: "paṭiggaṇhātu". Nếu trước nhiều vị Tỳ kheo thì đọc: "paṭiggaṇhantu".

*******Người NAM đọc trước HAI HOẶC BA VỊ TỖ KHEO:**

Accayo [1] maṃ bhante accagamā yathā bālaṃ yathā mū lhaṃ yathā akusalaṃ .

Yo' haṃ [2] Bhante kāyena vā vācāya vā manasā vā Bhagavato Buddhassa vā Dhammassa vā agāraṃ akāsiṃ tassa [3] me bhante Bhagavā, ayyā [4] paṭiggaṇhantu [5] āyatim saṃ varāya.

*******Người NỮ đọc trước BỐN VỊ TỖ KHEO trở lên:**

Accayā [1] maṃ bhante accagamā yathā bālaṃ yathā mū lhaṃ yathā akusalaṃ .

Yā' haṃ [2] Bhante kāyena vā vācāya vā manasā vā Bhagavato Buddhassa vā Dhammassa vā agāraṃ akāsiṃ tassā [3] me bhante Bhagavā, Sangho [4] paṭiggaṇhantu [5] āyatim saṃ varāya.

Tỳ Khưu: Sadhu

Nếu có nhiều Thiện Tín, từ hai người trở lên, đồng xin sám hối một lượt thì đọc:

Accayo no bhante accagamā yathā bāle [bālā] yathā mū lha [mū lhā] yathā akusale [akusalā]

Ye [Yā] mayaṃ bhante kāyena vā vācāya vā manasā vā Bhagavato Buddhassa vā Dhammassa vā Sanghassa vā agāraṃ akasimhā tesaṃ [tāsam] no bhante Bhagavā, Ayyo

[Ayya, Saṅgho] accaya ṃ accayato patiggaṅhātu
[patiggaṅhantu] āyatim saṃvarāya

Phép Qui y trước mặt 1, 2, 3 thầy Tỳ Khưu, hoặc giữa Tăng chúng đều được cả.

*** Nếu chỉ có một người Nam hoặc một người Nữ làm phép qui y trước mặt thầy Tỳ Khưu hoặc giữa Tăng chúng thì phải đọc như vậy:**

Esāhaṃ bhante sucirapariniḥṣitaṃ taṃ bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi dhammaṅca bhikkhusaṅghaṅca.

Upāsakaṃ [Upāsikaṃ] maṃ, Ayyo [Ayyā, Saṅgho] dhāretu
[dhārentu], ajjatāgga pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ

*** Nếu có nhiều Thiện tín, từ hai người trở lên, đồng xin thọ phép qui y thì đọc:**

Ete [Etā] mayaṃ bhante sucirapariniḥṣitaṃ taṃ bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāma dhammaṅca bhikkhusaṅghaṅca.

Upāsake [Upāsikāyo] no, Ayyo [Ayyā, Saṅgho] dhāretu
[dhārentu], ajjatāgga pāṇupete saraṇaṃ gate.

Ukāsa Ahaṃ (Mayaṃ) bhante visuṃ visuṃ rakkaṇatthāya tisaraṇena saha pañca sīlāni yācāmi[ma]

Dutiyampi ahaṃ (Mayaṃ) bhante visuṃ visuṃ rakkaṇatthāya tisaraṇena saha pañca sīlāni yācāmi(ma)

*Tatiyampi ahaṃ (Mayaṃ) bhante visuṃ visuṃ rakkhanatthāya
tisaraṇena saha pañca sīlāni yācāni (ma)*

"Namo tassa bhagavato arahato sammā sambuddhassa"

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatiyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Ông thầy đọc: "Tisaraṇaggahaṇaṃ paripuṇṇaṃ"

Người thọ Tam qui đọc lời sau này: "Āma bhante"

THỌ 5 GIỚI

Ông thầy đọc: (Người thọ trì NGŨ GIỚI phải đọc theo).

- 1. Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh.**
- 2. Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.**
- 3. Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự tà dâm.**

4. Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nói dối.

5. Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự dễ duôi uống rượu và các chất say.

Ông thầy đọc: "Thiện tín (hoặc chư Thiện tín) nên thọ trì Ngũ Giới này cho được trong sạch, phải vâng giữ hành theo cho đến trọn đời, chẳng nên dễ duôi".

Người thọ giới đọc: "Dạ, Vâng"

Ông thầy giải về quả báo trong việc trì giới: "Các chúng sanh được sanh về cõi Trời cũng nhờ giữ giới, các chúng sanh được giàu sang cũng nhờ giữ giới, các chúng sanh giải thoát nhập Niết Bàn cũng nhờ giữ giới. Bởi các cố ấy, nên Thiện tín (hoặc chư Thiện tín phải ráng thọ trì giới luật cho được trong sạch, đừng có lấm nhơ."

Người thọ trả lời: "Phải rồi"

Ông thầy đọc: (Người thọ trì NGŨ GIỚI phải đọc theo).

- 1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 3. Kāmesumicchācārā veramaṇī sikkhā-padaṃ samādiyāmi.*
- 4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

5.Surāmerayamajjappamādatṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Ông thầy đọc: *"Imāni pañca sikkhā-padāni sādhukaṃ katvā appamādena niccakālaṃ sammārakkhitabbaṃ".*

Người thọ giới đọc: *"Āma bhante"*

Ông thầy giải về quả báo trong việc trì giới:
"Sīlena sugatiṃ yanti sīlena bhogasampadā sīlena nibbutiṃ yanti tasmā sīlaṃ visodhaye".

Người thọ trả lời: *"Sādhu"*

THỌ 8 GIỚI

Nay phải ngày thọ trì giới Bát Quan Trai, tôi là người thọ trì giới Bát Quan Trai, trọn ngày nay và đêm nay.

Bạch Ngài Tôi (Chúng tôi) xin thọ trì Tam qui và Bát Quan Trai giới để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích.

Bạch Ngài, Tôi (Chúng tôi) xin thọ trì Tam Qui và Bát Quan Trai giới để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích, lần thứ nhì.

Bạch Ngài Tôi (Chúng tôi) xin thọ trì Tam qui và Bát Quan Trai giới để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích lần thứ ba.

(Xong rồi ông thầy truyền giới đọc bài Namotassa... ba lần và Tam qui, mình phải đọc theo y như trong "phép thọ ngũ giới" đã có giải).

- 1. Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh.**
- 2. Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.**
- 3. Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự thông dâm.**
- 4. Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nói dối.**
- 5. Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự dễ dãi uống rượu và các chất say.**
- 6. Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự ăn sai giờ.**
- 7. Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự múa hát thổi kèn, đờn, xem múa hát, nghe đờn kèn và trang điểm thoa vật thơm, đội phấn, đeo tràng hoa.**
- 8. Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.**

THỌ 8 GIỚI

Ajja uposatho imañca rattim imañca divasaṃ uposathiko

(Nếu là người nữ thì đọc uposathikā): Ajja uposatho imañca rattim imañca divasaṃ uposathikā

Ukāsa Ahaṃ (Mayaṃ) Bhante viṣuṃ viṣuṃ rakkhanatthāya tisanena saha aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathaṃ yācāmi (ma).

Dutiyampi Ahaṃ (Mayaṃ) Bhante viṣuṃ viṣuṃ rakkhanatthāya tisanena saha aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathaṃ yācāmi (ma).

Tatīyampi Ahaṃ (Mayaṃ) Bhante viṣuṃ viṣuṃ rakkhanatthāya tisanena saha aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathaṃ yācāmi (ma).

- 1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 3. Abrahmacariyā veramaṇī sikkhā-padaṃ samādiyāmi.*
- 4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 5. Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 6. Vikālabhojanā veramaṇī sikkhā-padaṃ samādiyāmi.*
- 7. Nāccagīta_vāditavisūkadassanamālā
gandhavilepanadhāranamaṇḍaṇavibhū sa-naṭṭhānā
veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 8. Uccāsayanamahāsayanā veramaṇī sikkhāpadaṃ
samādiyāmi.*

(Xong rồi người xin thọ giới đọc):

Tôi xin thọ trì Bát Quan Trai giới trọn đủ tám điều của Đức Phật đã giáo truyền, hầu để vâng giữ hành theo cho được trong sạch trọn ngày

nay và đêm nay, mong cầu gieo được giống lành để thấy rõ Niết Bàn trong ngày vị lai.

(Xong rồi ông thầy truyền giới đọc bằng lời sau này để nhắc nhở cho mình ghi nhớ):

Thiện tín nên thọ trì Bát quan Trai giới cho trọn ngày nay và đêm nay không nên để duôi.

(Người thọ giới đọc): "Dạ, xin vâng".

Xong rồi ông thầy giải về quả báo trì giới: "Các chúng sanh được sanh về cõi Trời cũng nhờ giữ giới, các chúng sanh được giàu sang cũng nhờ giữ giới, các chúng sanh giải thoát nhập Niết Bàn cũng nhờ giữ giới. Bởi các cơ ấy, nên Thiện tín (hoặc chư Thiện tín phải ráng thọ trì giới luật cho được trong sạch, đừng có lấm nhơ."

Người thọ giới trả lời: "Phải rồi"

(Xong rồi người xin thọ giới đọc):

*Imaṃ atthaṅgasamannāgataṃ bud-dhappaññataṃ uposathaṃ
imañca rattiṃ imañca divasaṃ sammadeva abhirakkhituṃ
samādiyāmi.*

(Xong rồi ông thầy truyền giới đọc bằng lời sau này để nhắc nhở cho mình ghi nhớ):

*Imāni aṭṭha sikkhāpadāni uposatha-sīlavasena imañca rattim
imañca divasaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sammā
rakkhitabbaṃ.*

(Người thọ giới đọc): "Āma bhante"

Xong rồi ông thầy giải về quả báo trì giới:

*Sīlena sugatim yanti sīlena bhogasampadā sīlena nibbutim yanti
tasmā sīlaṃ visodhaye.*

Người thọ giới trả lời: "Sādhu"

THỌ 9 GIỚI - 9 PRECEPTS

- 1. Con nguyện trọn đời không sát sanh mà luôn bảo vệ mạng sống của các chúng sanh**
- 2. Con nguyện trọn đời không trộm cắp mà chia sẻ cho những người thiếu thốn kém may mắn**
- 3. Con nguyện trọn đời không hành dâm mà bảo vệ phạm hạnh của người khác**
- 4. Con nguyện trọn đời không nói sai sự thật mà chỉ nói lời chân thật từ ái**
- 5. Con nguyện trọn đời không dùng các chất say sưa mà chỉ dùng các chất lành mạnh**
- 6. Con nguyện trọn đời không tham đắm trong ăn uống mà luôn giữ chánh niệm khi thọ nhận vật thực, ít muốn, biết đủ**

7. Con nguyện trọn đời tránh xa nơi ca nhạc, vũ kịch, phim ảnh và các chất son phấn, hương liệu, tràng hoa mà chỉ sống chân thật, thu thúc 6 căn thân và tâm.

8. Con nguyện trọn đời không tham đắm nơi giường ghế cao sang mà chỉ nằm ngồi nơi chỗ đơn sơ thấp nhất

9. Con nguyện trọn đời sống không oán hận bất cứ chúng sanh nào mà chỉ sống hết lòng với từ ái yêu thương mọi chúng sanh

1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhā-padaṃ samādiyāmi.

2. Adinnādānā veramaṇī sikkhā-padaṃ samādiyāmi.

3. Abrahma-cariyā veramaṇī sikkhā-padaṃ samādiyāmi.

4. Musāvādā veramaṇī sikkhā-padaṃ samādiyāmi.

5. Surā-meraya – majja - pamādaṭṭhānā veramaṇī sikkhā-padaṃ samādiyāmi.

6. Vikāla-bhojanā veramaṇī sikkhā-padaṃ samādiyāmi.

7. Nacca-gīta - vādita – viṣūka - dassanā mālā-gandha-vilepana - dhāraṇa-maṇḍana - vibhūsanatṭhānā veramaṇī sikkhā-padaṃ samādiyāmi.

8. Uccāsayana - mahāsayanā veramaṇī sikkhā-padaṃ samādiyāmi.

9. Mettasahagatena cetasa sabbapannabhutesu phariva viharanam samadiyami.

Người thọ giới nguyện:

Imāni attha uposata sikkhā-padāni samādiyāmi.

Con xin thọ trì trọn đủ 9 điều của đức Phật đã giáo truyền, hầu để vâng giữ hành theo cho được trong sạch, mong cầu gieo được giống lành để thấy rõ Niết-bàn trong ngày vị lai.

Thầy truyền giới nhắc nhở:

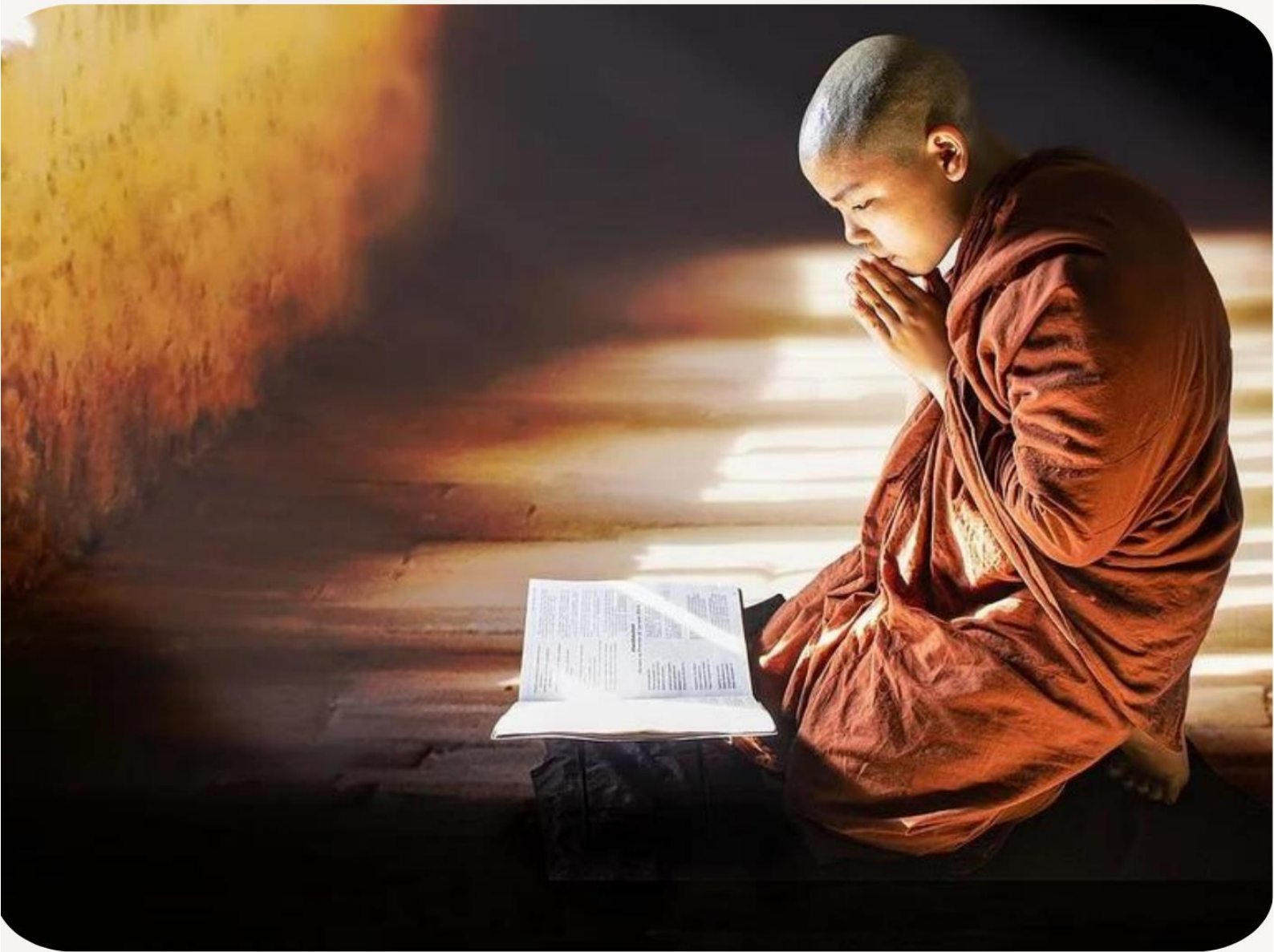
Sadhu sadhu sadhu tisaaranena saha navanga Uposata silam dhammam sadhukam surakkhitam katva appamadena sampadetha.

Chư hiền giả sau khi thọ trì Tam quy và 9 giới nơi Tam Bảo, xin hãy cố gắng vâng giữ hành theo cho được trong sạch, cho đến trọn đời, chẳng nên để xuôi.

Phật tử đọc:

Ama Bhante - Dạ, xin vâng!

KINH TỤNG HẰNG NGÀY



Facebook: Tuệ Tâm Thiền Thư Quán
Email: tuetamthienthuquan@yahoo.com